NĂM THỨ MƯỜI CHÍN • # 223 • NOVEMBER 2007

THẾ KỶ 21

14771 MORAN STREET WESTMINSTER CA 92683 - USA Đ.T. TRỊ SỰ: (714) 892-9414 EXT. 139
EMAIL: tapchitheky21@yahoo.com

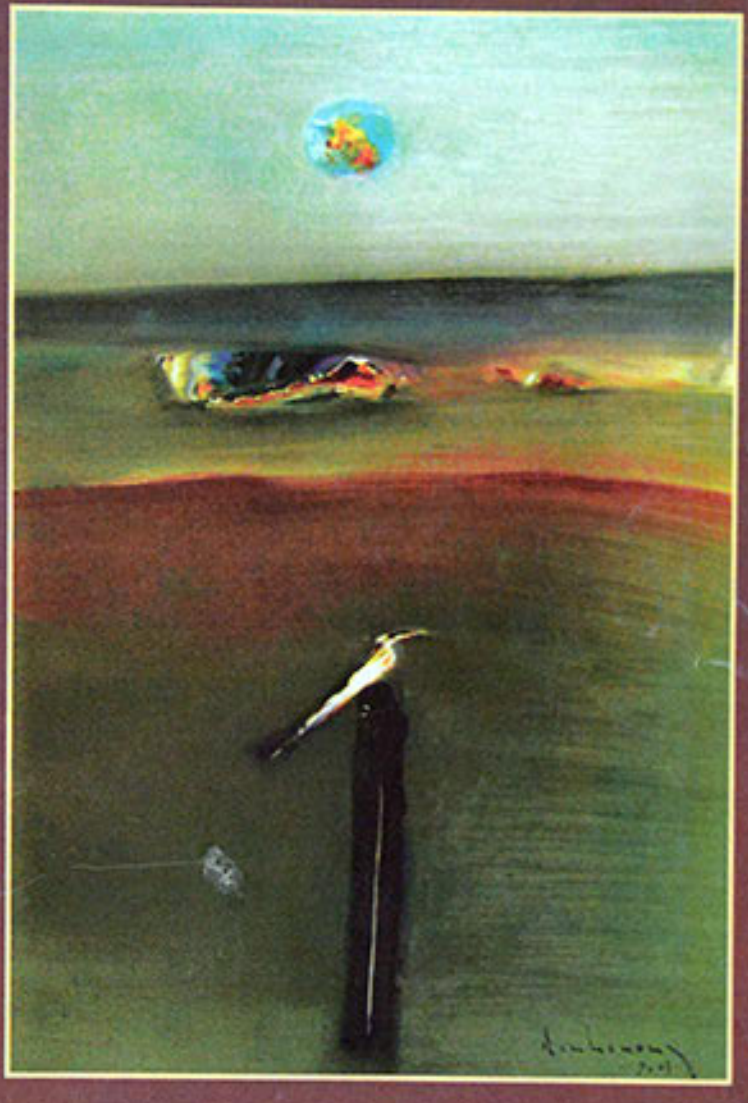

Hội Chứng
Trung Quốc
MAI THANH TRUYẾT

Tình Trạng
Ô Nhiễm Môi Trường Ở Trung Hoa
NGUYỄN QUANG MINH

Một Chút Việt Nam **TRẦN DOÃN NHO**

THẾ GIỚI TRONG TẦM TAY

RADIOVNCR.COM with VIDEO

Quảng cáo trên RADIOVNCR.COM sẽ đưa những dịch vụ và sản phẩm của quý vị đi khắp thế giới nhanh chóng và hữu hiệu.

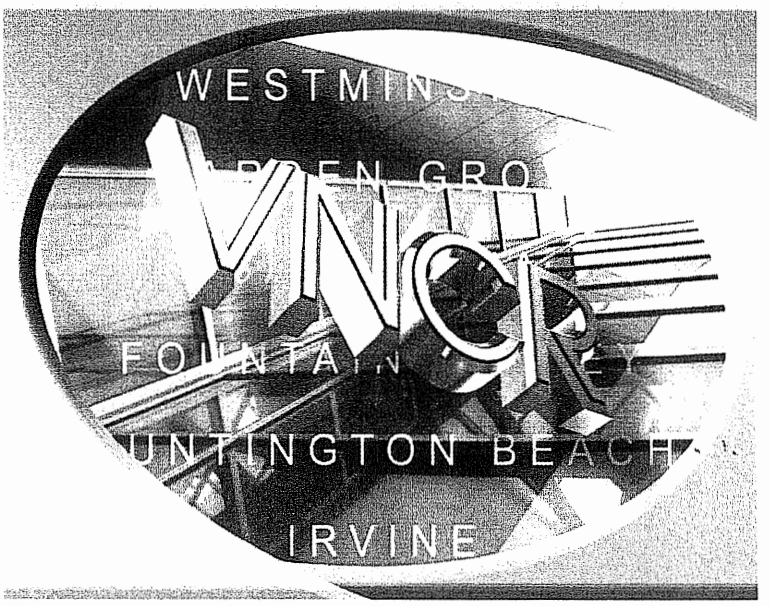

***RADIOVNCR.COM** đặc biệt thông tin qua VIDEO phóng sự và phỏng vấn hấp dẫn, linh động. Nội dung website phong phú, hình thức lôi cuốn, thu hút người xem trên khắp thế giới.*

ĐẸP MẮT! NHANH CHÓNG! HỮU HIỆU!

QUẢNG CÁO NGAY TRÊN

WWW.RADIOVNCR.COM

RADIOVNCR.COM chú trọng đến những dịch vụ về âm nhạc, giải trí, thương mại toàn cầu, thông báo cá nhân/gia đình liên quan đến quan, hôn, tang, tế.

Nhận làm và bảo trì websites cho các cơ sở thương mại.

Liên lạc VNCR (714) 891-8142 để biết thêm chi tiết.

Nhà sách TỰ LỰC hân hạnh giới thiệu:

ĐẤT NƯỚC VIỆT NAM QUA CÁC ĐỜI
ĐÀO DUY ANH
Sách nghiên cứu về địa lý học trong lịch sử Việt Nam. Đó là tìm hiểu về phương diện địa lý những sự kiện quan trọng của thông sử Việt Nam; nghiên cứu phần địa lý hành chính trải qua các đời; quá trình mở mang lãnh thổ; và cuối cùng nghiên cứu khía cạnh địa lý của những cuộc chiến tranh chống ngoại xâm quan trọng. Giá *14* Mỹ kim

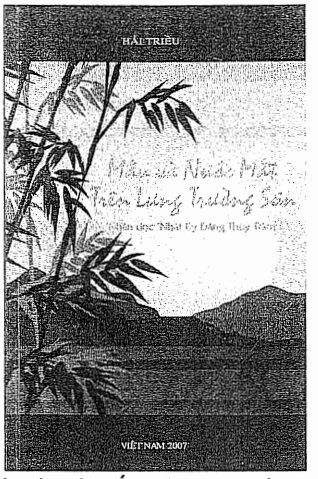

MÁU VÀ NƯỚC MẮT TRÊN LƯNG TRƯỜNG SƠN
HẢI TRIỀU
Nhân đọc cuốn Nhật Ký Đặng Thùy Trâm mà tác giả Hải Triều viết quyển sách này. "Đặng Thùy Trâm không là đối tượng 'tấn công' của chúng tôi (...) Chúng tôi trân trọng tình cảm, hoàn cảnh và lòng chân thật của Đặng Thùy Trâm. Chúng tôi chỉ muốn ngăn chặn động tác giả trá của Nhật Ký Đặng Thùy Trâm về mặt tuyên truyền..." Giá *12* Mỹ kim.

KIM VÂN KIỀU
Bản dịch tiếng Anh, ghi chú và diễn giải: **LÊ XUÂN THỦY**
Truyện Kiều của Nguyễn Du là một kiệt tác của văn chương Việt Nam. Nhiều người đã dịch Kiều sang ngoại ngữ, nhất là sang tiếng Pháp trong thời kỳ Pháp thuộc. Hạ bán thế kỷ *20*, một số bản dịch tiếng Anh xuất hiện. Trong bản này Lê Xuân Thủy dịch Kiều ra văn xuôi, nhưng là một loại văn xuôi đầy chất thơ. Giá *19* Mỹ kim.

THƠ DU TỬ LÊ
Toàn tập/ tập 2 1975 – *1993*
Du Tử Lê là một tài năng lớn của thi ca Việt Nam. Ông có công làm mới câu thơ bằng cách dùng cú pháp mới, cách ghép từ ngữ và hình ảnh mới. Gần đây ông bắt đầu in lại tất cả sáng tác của mình, và đây là Toàn tập số *2*. Năm 1993 Mai Thảo viết: "Thơ Du Tử Lê ở ngoài nước hay hơn thơ ở nhà nhiều lắm ... một sức thơ vẫn sung mãn, một lực thơ vẫn cường tráng..." Giá *30* Mỹ kim.

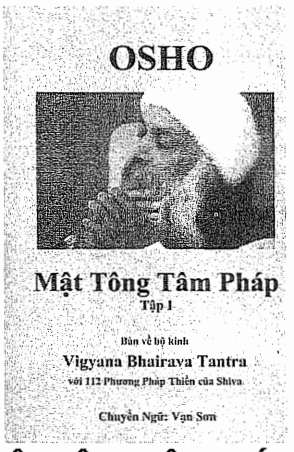

MẬT TÔNG TÂM PHÁP
OSHO. Bản dịch của VẠN SƠN
Mật Tông Tâm Pháp của Osho là tập sách quan trọng để chuyển hóa chúng ta. Con người giác ngộ Osho tiết lộ những ý nghĩa uyên áo đã ẩn tàng từ mấy ngàn năm trong một thánh thư cổ. Với Mật Tông Tâm Pháp chúng ta có thể nhảy vọt đến siêu tâm thức. Đây là tập sách chứa đầy sức mạnh của con người trong kỷ nguyên mới này. Giá *12* Mỹ kim.

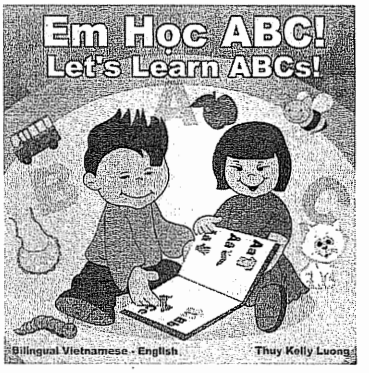

EM HỌC ABC! LET'S LEARN ABCs!
THUY KELLY LUONG
Sách dạy vỡ lòng cho các em bé, nhưng đặc biệt là song ngữ, để có thể vừa học tiếng Việt vừa học tiếng Anh. Sách ấn loát rất đẹp trên giấy cứng, nhiều màu sắc và hình vẽ, dạy cho các em 29 chữ cái tiếng Việt, 26 chữ cái tiếng Anh và cả năm dấu giọng Việt Nam. Một món quà quý cho các bà mẹ Việt có con nhỏ! Giá *8* Mỹ kim.

Nơi tập trung tất cả những loại sách cần có trong tủ sách gia đình của bạn: Văn, Thơ, Nhạc, Chính trị, Kinh tế, Xã hội, Tôn giáo, nghiên cứu phê bình Văn học, Lịch sử, Y học, Khoa học Kỹ thuật... cùng nhiều thể loại khác.

Nhà sách TỰ LỰC, 14318 Brookhurst St.
Garden Grove CA 92843 - USA. Tel: (714) 531-5290
E-mail: BuyBooks@TuLuc.com * www.tuluc.com

Tạp chí THẾ KỶ 21

14775 Moran Street, Westminster, CA 92683 - USA
Tel: (714) 892-9414 Ext. 141
Email:Theky21@tapchitheky21.com

PHIẾU ĐẶT MUA / GIA HẠN / TẶNG BÁO

SUBSCRIPTION FORM

Họ và tên người nhận / Full name: _____

Địa chỉ / Address: _____

_____

Phone / Fax / E-mail: _____

Kèm theo chi, ngân phiếu số / Check, Money Order #: _____

Số tiền / Amount: _____

Thời hạn mua: Từ số _____ đến số _____

	1 năm / 1 year	2 năm / 2 years	Ghi chú / Notes
Hạng nhất / First Class	**US $76.00**	**US $145.00**	
Canada	**US $80.00**	**US $155.00**	
Châu Âu / Europe (Air Mail)	**US $109.00**	**US $210.00**	
Châu Á, Châu Úc / Asia, Australia (Air Mail)	**US $115.00**	**US $225.00**	

Ghi chú: ***Giá mới có hiệu lực từ ngày 1 tháng 4 năm 2006 (Effective April 1, 2006)***

Bản dịch tiếng Anh một tác phẩm cổ điển Việt Nam

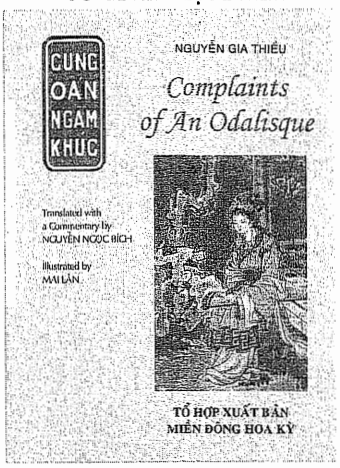

CUNG OÁN NGÂM KHÚC

Nguyễn Gia Thiều
COMPLAINTS OF AN ODALISQUE
– Nguyễn Ngọc Bích
Với nhiều bức tranh minh họa màu tuyệt đẹp của họa sĩ MAI LÂN
Cành Nam Publishers. Giá $20.00
2607 Military Road
Arlington, VA 22207 - USA
(703) 525- 4538
canhnam@dc.net

VIẾT TỪ HANG ĐÁ Nhỏ lệ cùng dân

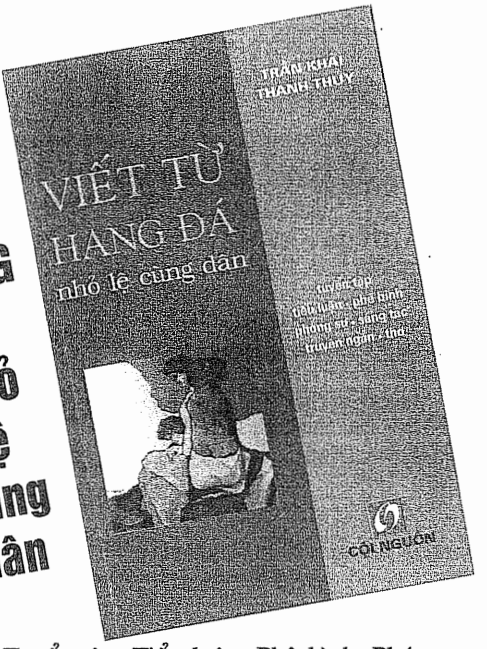

Tuyển tập: Tiểu luận, Phê bình, Phóng sự, Sáng tác, Truyện ngắn, Thơ
của **TRẦN KHẢI THANH THỦY**, nhà tranh đấu cho dân chủ tại Việt Nam
Cội Nguồn xuất bản. Giá $20.00
P.O. Box 3648 San Jose, CA 95156 – USA
(408) 209-0292
tchinguon@yahoo.com

Mời Đọc

LUNG LINH HOA TẠNG

Thơ
T.K. THIỆN HỮU
và
LÝ THỪA NGHIỆP

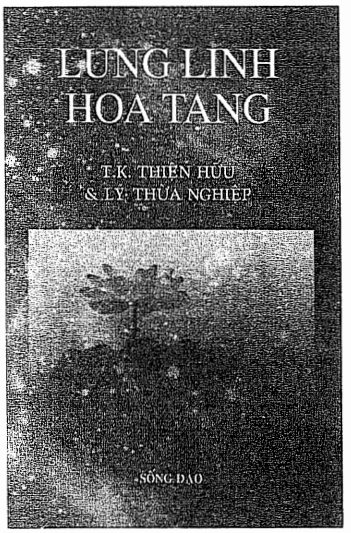

Vừa được phát hành rộng rãi từ Úc châu, tháng 10, 2007.
Một thi phẩm tràn đầy màu sắc và cảm xúc đạo Phật.
Giá 10 Úc kim
Liên lạc: **thichthienhuu2000@yahoo.com**
lythuanghiep@gmail.com

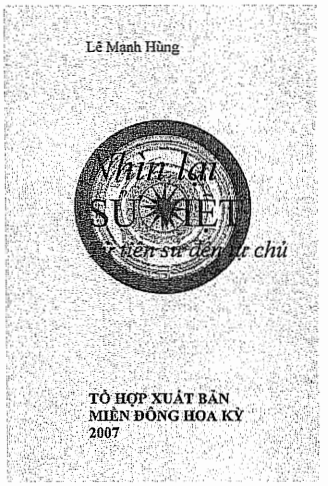

Tổ Hợp Xuất Bản Miền Đông Hoa Kỳ hân hạnh giới thiệu cuốn đầu của một bộ Sử Việt có giá trị:

NHÌN LẠI SỬ VIỆT

Từ Tiền Sử đến tự chủ

của **LÊ MẠNH HÙNG**
Liên lạc: **(703) 525-4538**
canhnam@dc.net

TẠP CHÍ THẾ KỶ 21
CHÍNH TRỊ • VĂN HỌC • LỊCH SỬ

Tạp chí ra hàng tháng
Cty Người Việt sáng lập (1989)
Hội VAALA bảo trợ

14771 Moran Street
Westminster, CA 92683 USA
Tel: Tòa Soạn: (714) 839-8746
Trị sự: (714) 892-9414 Ext. 141
E-mail: **tapchitheky21@yahoo.com**

Hội Đồng Quản Trị:
Đỗ Quý Toàn, Đỗ Ngọc Yến,
Đỗ Việt Anh, Hoàng Ngọc Tuệ,
Phạm Phú Minh, Phan Huy Đạt
Phạm Phú Thiện Giao,
Trần Văn Ngô.

Chủ nhiệm:
Đỗ Ngọc Yến (1989-91)
Lê Đình Điểu (1991-96)
Phạm Phú Minh (1997-2001)
Hoàng Ngọc Tuệ (2001-2004)
Đỗ Việt Anh (2005-)

Chủ bút:
Vương Hữu Bột (1989-2001)
Phạm Phú Minh (2001-)

Bài cho Thế Kỷ 21, xin gửi bằng e-mail, bằng đĩa (có kèm bản in), hoặc bài viết trên một mặt giấy. Bài gửi cho nhiều báo xin ghi rõ để tòa soạn tùy nghi giải quyết. Bài không đăng, không trả lại bản thảo. Tòa soạn nhuận sắc, nếu cần. Bài đăng trên Thế Kỷ 21 không nhất thiết phản ảnh quan điểm của nhóm Chủ trương. Trích đăng bài của Thế Kỷ 21 phải có sự đồng ý của tòa soạn, và ghi rõ ở đầu hoặc cuối bài: Trích Thế Kỷ 21.

Trị sự:
Liên lạc với Ban Trị Sự
(714) 892-9414 Ext. 141
Ngân phiếu đề: THE KY 21

Đại diện phát hành:
Bắc Cali: *Bùi Duy Thuyết*
(408) 225-2199
Đông HK: *Nguyễn Văn Khanh*
(703) 489-7839
Pháp: *Lê Tất Luyện:* 01 45 83 19 12
Hòa Lan: *Nguyễn Quyết Thắng*
0229 231 666
Đức: *Nguyễn Phi Hùng*
02371 43 9238
Canada: *Hoàng Chiều Nhân*
(450) 462-8235

ISSN 1056-4640

BAN BIÊN TẬP
Bùi Bích Hà, Hoàng Chiều Nhân, Hoàng Khởi Phong, Lan Hương, Ngô Nhân Dụng, Nguyễn Ái Nhân, Nguyễn Chí Kham, Nguyễn Đức Tường, Nguyễn Hùng Vũ, Phạm Phú Minh, Thanh Thảo, Trần Doãn Nho, Trần Mộng Tú, Trần Ngọc Tuấn, Trần Quán Niệm.

Bìa: *Chim hải âu*, tranh sơn dầu của họa sĩ **Đinh Cường**
Trình bày bìa: **Nguyễn Đồng** và **Nguyễn Thị Hợp**
Hý họa: **Babui**
Kỹ thuật: **Võ Thành Điểm**
Ảnh: tư liệu

MỤC LỤC

Số 223 – Tháng Mười Một 2007

THỜI SỰ – CHÍNH TRỊ – KINH TẾ
6. Thư từ giã – **Phạm Phú Minh**
8. Đợt sóng đầu tư nước ngoài mới đổ vào VN – **Nguyễn Quốc Khải**
12. Liệu Hoa Kỳ sẽ tấn công Ba Tư? – **Mai Loan**
17. Ảnh hưởng "lốp bi" Do Thái ở Hoa Kỳ – **Cổ Lũy**

HÀNG HÓA TRUNG QUỐC VÀ VIỆT NAM
25. Hội chứng Trung Quốc – **Mai Thanh Truyết**
32. Tình trạng ô nhiễm môi trường ở Trung Hoa – **Nguyễn Quang Minh**
40. Sự chuyển dịch ô nhiễm từ Trung Quốc vào VN – **Mai Thanh Truyết**
44. Hội chứng Việt Nam – **Mai Thanh Truyết**
62. Vệ sinh an toàn thực phẩm ở Việt Nam – **Mai Thanh Truyết**
65. Con rồng đen Vân Nam – **Ngô Thế Vinh**
71. Những Vạn Lý Trường Thành mới? – **Nguyễn Gia Kiểng**
77. Lạm dụng môi trường: một bước đưa đến bất ổn chính trị – **Mai Thanh Truyết**

VĂN HỌC
80. Ánh sáng từ âm thanh II – **Thủy Cánh Lưu**
82. Lý thuyết Trung Hoa về hư cấu của Ming Song Gu – **Trần Hữu Thục**

VĂN
94. Hoa cải – **Nguyễn Văn Thà**
101. Thảm sương trên sông Skooguamish – **Nguyễn Tường Thiết**
109. Những bức tường – **Trần Mộng Tú**
111. Một chút Việt Nam – **Trần Doãn Nho**

THƠ
64. Như các loài hoa - **TK Thiện Hữu**. 69. Vô hướng - **Ngô Nguyên Dũng**. 97. Huyền cung - **Chukythu**. 105. Bến Thiên Lương - **Lý Thừa Nghiệp**.

MỤC THƯỜNG LỆ
5. Bạn đọc viết
6. Thư từ giã
49. Sổ tay – **Ngô Nhân Dụng**
55. Chuyện phiếm – **Song Thao**

Do Thái

Bài "Ảnh hưởng 'Lốp bi' Do Thái ở Hoa Kỳ" (liên tiếp hai số tháng Chín và tháng Mười 2007) là một bài rất có giá trị, nó cho thấy sự vận động hậu trường chính trị tại Hoa Kỳ quan trọng như thế nào, và nhất là cho thấy sức mạnh của Do Thái nó bao trùm xứ sở này đến mức nào. Người ta đã nói nhiều về sự bí ẩn của dân tộc Do Thái, nhất là những đầu óc thông minh tuyệt chúng Do Thái đã làm thay đổi thế giới trong vài thế kỷ qua, nhưng theo dõi bài viết này mới thấy một cách cụ thể người Do Thái đã "làm việc" như thế nào. Và cũng mới thấy trên cả thế giới này chỉ có Hoa Kỳ mới "dung túng" người Do Thái đến mức ấy, Hoa Kỳ là thiên đường của người Do Thái so với tất cả các nước Âu châu đầy kỳ thị, giết chóc, bạo hành người Do Thái liên miên trong lịch sử. Nhưng phải tự hỏi với cái đà thao túng quá đáng của Do Thái trên đất nước Hoa Kỳ như thế thì liệu dân Hoa Kỳ đến một ngày nào đó có sẽ "chán" Do Thái hay không?

Hoàng Dân *(Internet)*

Trần Văn Ân

Đọc về cuộc đời của cụ Trần Văn Ân mới thấy Việt Nam có những nhân vật thật kỳ lạ, có thể nói là kỳ tài. Những nhân vật như thế, không nhờ báo chí đưa ra, làm sao đồng đảo đồng bào có thể biết được? Nhất là thời gian qua rất nhanh, nhiều hình ảnh và tài liệu rồi phai mờ trong ký ức mọi người. Nhưng nguy hiểm nhất vẫn là chế độ chính trị trong nước: họ chỉ đánh bóng những "chiến sĩ" của họ, thậm chí những nhân vật "ảo" như Lê Văn Tám, Nguyễn Văn Bé, còn những người như cụ Trần Văn Ân thì làm sao họ cho phép ai đề cập tới một cách trung thực? Nói giả dụ không có mấy triệu người Việt Nam sinh sống ở hải ngoại thì biết bao sự thật của lịch sử sẽ không bao giờ được đưa ta ánh sáng! Nghĩ lại mới thấy người mình nhờ ông bà phù hộ cũng thật là may mắn, tự nhiên lại có được một đám tị nạn trên thế giới, nhờ vậy gìn giữ được bao nhiêu cái quý giá của đất nước và dân tộc, mà người cộng sản chủ trương thủ tiêu vĩnh viễn.

Trần Hoàng Quý *(Houston, TX)*

Lý thuyết và thực tế

Tôi rất đồng ý với bức thư của ông bạn (hay bà bạn?) Viễn Liên ở Washington DC tháng trước, cho thấy sự nguy hiểm của người Tàu đối với các nước phía Nam Á châu. Tôi lấy làm lạ sao nước Tàu sản sinh rất nhiều nhà hiền triết cách đây hơn 2000 năm, nhà nào cũng đưa ra đầy những tư tưởng nhân đạo, lấy chữ Nhân làm gốc, tôn trọng con người, và dạy người ta "tu thân" để chữ Nhân ngày càng sáng láng, mà trong thực tế thì đối xử với người nước khác (và ngay người Tàu của họ nữa) không ra cái gì cả. Miệng thì nói "Tứ hải giai huynh đệ" mà hành động thì thâm độc, và bất cứ động thái nào cũng đều tỏ ra rất ích kỷ. Hình như người Tàu bị một cái ám ảnh từ thượng cổ tới giờ rằng ta là một nước lớn, ta là nước ở giữa (Trung quốc), còn bốn phía là "thiên hạ" phải thần phục ta. Thế kỷ 19 nước Tàu bị Tây phương làm nhục quá lắm, thế kỷ 20 đi tìm được chủ nghĩa cộng sản với mong ước dùng cái đó trị lại Tây phương cho... hả dạ, nào ngờ cộng sản là lý thuyết dỏm, càng ngày càng đưa nước Tàu đến chỗ nghèo đói và tụt hậu, nên ngày nay vội vã giá nào cũng cố gắng làm giàu. Có giàu mới mạnh được. Chỉ nhắm hầu như chỉ một mục đích bá chủ đó, người Tàu ngày nay hành động nhiều khi thật điên cuồng. Rồi đây cả vùng Đông Nam Á còn vất vả nhiều với nó.

Kiến Tri *(Pháp quốc)*

Lời tuyên bố của lãnh tụ

Liên tiếp trong mấy tháng qua, ông Chủ tịch nước Nguyễn Minh Triết tuyên bố nhiều câu bị thiên hạ dị nghị gắt gao. Nói với quân đội, ông không úp mở cho rằng bây giờ mà áp dụng dân chủ thì có nghĩa là tự sát. Nói với người Việt ở Tân Tây Lan ông vẽ một viễn tượng núi xương sông máu nếu thay đổi chế độ độc đảng ngày nay. Còn đến thăm cầu Cần Thơ mới bị đổ thì ông nói giá nào cũng phải làm xong cầu để thông xe vào cuối năm 2008, bất chấp lý do kỹ thuật nào làm sụp cầu.

Câu nào ông nói ra cũng nghe không lọt lỗ tai. Người ta nói rằng bất cứ lời tuyên bố nào của các lãnh tụ cộng sản cũng đều được "học tập" trước cả, không có cái gì là tự phát trong guồng máy ấy. Vậy phải chăng các lời tuyên bố vừa kể cũng là sản phẩm của "trí tuệ tập thể"?

Dương Văn *(Internet)*

Đính chính

Trong Thế Kỷ 21 số 222, tháng 10, 2007, chú thích của tấm ảnh ở trang 66 bị thiếu sót (tấm ảnh chụp bốn người mà chú thích chỉ liệt kê tên của ba người), nay xin bổ túc câu chú thích như sau: ***Từ trái: Dương Bá Trạc, Đặng Văn Ký, Trần Trọng Kim, Trần Văn Ân.***

Độc Giả Gia Hạn

Mai Liêm – Canada; Nguyen Minh Thong – Germany; Nguyen Phung – France; Nghia Vu – CA; Hoa Trinh – TX; Nguyễn Văn Tĩnh – NC; Tạ Anh Tuyết – FL; Tân Văn Hồng – CA; Phạm Đức Chu – VA; Mai Van Tin – Germany.

Độc giả thay đổi địa chỉ:

Nguyễn Thị Loan – Germany; Do Quyen – Canada; Vũ Phan Cường – MD; Ngo Thi Dang – France.

THƯ TỪ GIÃ

Kính thưa quý bạn đọc và thân hữu,

Tờ báo Thế Kỷ 21 ra đời đến nay đã được 18 năm. Sinh ra từ tháng 5 năm 1989 bởi công ty Người Việt, nguyệt san Thế Kỷ 21, từ thời gian ấy đến nay góp phần giữ vai trò là một diễn đàn về thời sự, chính trị, kinh tế, văn hóa, văn học của người Việt Nam hải ngoại, qua các đời Chủ nhiệm Đỗ Ngọc Yến (1989-1991), Lê Đình Điểu (1991-1996), Phạm Phú Minh (1997-2001), Hoàng Ngọc Tuệ (2001-2004), Đỗ Việt Anh (2005 -), và với hai đời Chủ bút Vương Hữu Bột (1989-2001) rồi Phạm Phú Minh từ 2001 cho đến nay. Thế Kỷ 21 ngay từ số mở đầu đã là tượng trưng tinh thần thuần khiết nhất của một nhóm người gặp nhau giữa cuộc chiến Việt Nam, kết hợp nhau vì một lý tưởng chung phục vụ xã hội, và khi ra nước ngoài vẫn giữ gìn tinh thần ấy trong việc xây dựng công việc làm báo, mà người ta thường gọi là Nhóm Người Việt. Nhưng sự nghiệt ngã của thời gian và bệnh tật đã khiến một số đáng kể anh em trong nhóm sớm qua đời, gây ra những mất mát không gì bù đắp được.

Tháng Sáu năm 2007, Hội Đồng Quản Trị của Công ty Người Việt đã quyết định nhường lại quyền khai thác tờ Thế Kỷ 21 cho các cá nhân trong nội bộ Công ty, qua một cuộc đấu giá kéo dài trong thời hạn ba tháng. Kết quả, ông Đỗ Việt Anh mua được tờ báo, và tờ Thế Kỷ 21 từ đây chính thức chuyển từ một cơ quan ngôn luận của tập thể sang cơ chế tư nhân. Đây là một bước ngoặt rất lớn cho tờ báo. Mọi việc chuyển giao đã hoàn tất trong tháng Mười 2007 vừa qua.

Toàn thể anh chị em từng lo lắng cho nội dung tờ Thế Kỷ 21 từ trước đến nay xin gửi lời chào từ giã bạn đọc và văn hữu đã cùng trải qua nhiều thăng trầm buồn vui với tờ báo suốt 18 năm qua. Thời gian ấy đủ để xây dựng một loại tinh thần chung. Việc đóng góp bài vở kiên trì, phong phú và vô điều kiện của các văn hữu, sự đứng vững về số lượng độc giả trong khung cảnh người đọc tiếng Việt ở hải ngoại ngày càng giảm đi cho thấy tờ báo đã hòa nhập được vào mối ưu tư, tình cảm và hoài vọng của nhiều người Việt Nam khắp nơi trên thế giới, kể cả một số ở trong nước. Từng đời Chủ nhiệm và Chủ bút cùng ban Trị sự suốt thời gian gần hai thập niên đã, người sau tiếp theo người trước, đóng góp từng viên gạch để xây dựng nên công trình này. Kiên trì, nhẫn nại, mỗi tháng một lần suốt từ tháng Năm năm 1989 cho đến nay, số 223, tháng Mười Một năm 2007, Thế Kỷ 21 đã đem món ăn tinh thần đến cho độc giả, tuy không hào nhoáng với những khẩu hiệu lớn lao, nhưng thấm đẫm sự trung thực trí tuệ và sức mạnh thâm trầm của những cây bút thiết tha với Sự Thực và Tự Do. Dù là phân tích thời sự của Việt Nam hay thế giới, dù là mổ xẻ các sự kiện kinh tế, chính trị hay lịch sử, và ngay cả phần văn hóa-văn nghệ, nội dung các bài viết của Thế Kỷ 21 đều đặt trên một cái nền chung, là nhằm khai mở ý thức tự do của người đọc qua sự trình bày trung thực, tránh thiên lệch, không để mình bị ảnh hưởng bởi bất cứ áp lực phe phái nào.

Càng về thời gian sau, tờ báo càng có nhiều cố gắng thực hiện những chủ đề để có thể đi sâu tìm hiểu về các nhân vật lịch sử-văn hóa, các biến cố chính trị, các hiện tượng xã hội... Khi thực hiện những đề tài như thế, Thế Kỷ 21 đã góp phần đáng kể trong việc thu thập, chọn lọc và phổ biến nhiều tài liệu mà trong hoàn cảnh của Việt Nam, đặc biệt của người Việt tị nạn, có nguy cơ rất lớn sẽ bị thất lạc, mất mát. Đối với cuộc đời của các nhân vật hoặc biến cố thuộc thế kỷ 20, đặc biệt những người bị nhiều oan khuất trong cái lịch sử tàn nhẫn của cuộc nội chiến Việt Nam, Thế Kỷ 21 đã triệt để khai thác nguồn tài liệu từ gia đình và bạn bè, tức là những chứng nhân còn sống, mà chúng tôi biết, chỉ trong một nháy mắt của thời gian, một thế hệ nữa trôi qua là không còn hy vọng gì tìm thấy nữa. Trong khuôn khổ giới hạn của một tờ báo, Thế Kỷ 21 đã dựng lại chân dung của Phạm Quỳnh, Nhất Linh, Khái Hưng, Hoàng Đạo, Thạch Lam, Hồ Hữu Tường, Trần Văn Tuyên, Nguyễn Gia Trí, Le Mur Cát Tường, Vũ Hoàng

Chương, Thanh Tâm Tuyền... đã dựng lại bức tranh lịch sử cuộc cải cách ruộng đất đẫm máu, khôi phục hình ảnh của thành phố Sài Gòn, Hà Nội, của con sông Mekong và đồng bằng sông Cửu Long... Cùng với những bài viết về thân thế sự nghiệp và những biên khảo về sự kiện và biến cố lịch sử, Thế Kỷ 21 đã đặc biệt khai thác phần hình ảnh còn lưu giữ được từ gia đình và bạn bè các nhân vật, hoặc đang nằm sâu trong những kho tư liệu đã khuất lấp vì lớp bụi dày của thời gian. Hy vọng các cố gắng ấy, nằm trong thời gian bản lề giữa hai thế kỷ, và đặc biệt nằm giữa sự giao thoa tranh tối tranh sáng giữa độc tài và tự do, sẽ phần nào giúp khai quật và giới thiệu một số vốn liếng văn hóa lịch sử Việt Nam, cho không những các thế hệ sau của người Việt ở nước ngoài mà cả ở trong nước nữa, vì không phải tất cả mọi tài liệu văn hóa lịch sử đều được chính quyền đương đại của Việt Nam coi trọng và ra công gìn giữ.

Dưới mắt nhiều người, Thế Kỷ 21 đã thành một định chế ngôn luận chung của người Việt Nam.

Riêng người đang viết những dòng này thì đã làm việc trực tiếp và liên tục với Thế Kỷ 21 từ năm 1993, từ vai trò Thư ký Tòa soạn, rồi Chủ nhiệm, Chủ bút, tính đến nay đã 14 năm. Nhìn lại cuộc đời mình, ra đời làm việc từ nửa đầu thập niên 1960, thì đây là một "nhiệm sở" tôi trụ lại lâu nhất. Đều đều, mỗi tháng lo xuất bản một số báo, riết rồi tờ báo trở thành một phần sự sống của mình, riết rồi văn hữu cộng tác trở thành anh em, độc giả như một gia đình lớn. Nay thì giờ phút từ giã đã tới, như mọi chuyện trên đời rồi sẽ tới đúng vào thời điểm của nó, tôi xin gửi lời chào của riêng tôi đến cái đại gia đình mà tôi đã là một thành viên trong một thời gian khá lâu. Nhờ làm việc lâu năm với Thế Kỷ 21 tôi đã được quen biết và trở nên bạn bè với nhiều văn hữu khắp nơi; nhờ cố gắng tìm tòi tài liệu cho các chủ đề mà tôi đã tiếp xúc được với gia đình của nhiều nhân vật lịch sử mà qua một mối đồng cảm đặc biệt dần dà quan hệ trở thành thân thiết... Tờ báo đã tạo điều kiện để cho nhãn quan của tôi mở rộng, tình cảm của tôi phong phú, nói chung thế giới của tôi đổi khác. Dĩ nhiên hoàn cảnh tạo ra con người mà con người cũng tạo ra hoàn cảnh, cái ảnh hưởng hai chiều ấy đã bổ túc nhau một cách cực kỳ đẹp đẽ trong suốt thời gian tôi làm việc một cách liên tục và trực tiếp cho tờ Thế Kỷ 21.

Họa sĩ Babui, người đã vẽ hý họa cho tờ Thế Kỷ 21 trong hơn mười năm qua, khi nghe tin về sự thay đổi của Thế Kỷ 21 và tôi thôi làm việc cho tờ báo, đã vẽ một bức hý họa để tiễn đưa. Tôi rất thích lối nhìn đời của họa sĩ Babui, cái gì cũng khôi hài hóa được, vì ngẫm cho cùng cả cuộc đời cũng chỉ là một tấn tuồng, mà cổ nhân đã có người gọi là "tuồng ảo hóa." Nhưng dù bản chất của cuộc đời có ảo hóa đến thế nào thì tôi vẫn tin có một thứ bền chặt, đó là tấm chân tình mà chúng ta có với nhau. Ngay bức họa mà chúng ta quen gọi là hý họa của Babui cũng gửi gắm một cái tình rất sâu nặng, mà chỉ những kẻ cộng tác tâm đắc với nhau lâu năm mới có thể hiểu được thôi. Chắc quý văn hữu và độc giả của Thế Kỷ 21 cũng chia sẻ cùng tôi điều này, và mong chúng ta sẽ giữ được mãi mãi tấm chân tình mà chúng ta đã có với nhau trong hơn một thập niên qua.

Phạm Phú Minh
Bút hiệu Phạm Xuân Đài
phamxuandai@yahoo.com

ĐỢT SÓNG ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI MỚI ĐỔ VÀO VIỆT-NAM

NGUYỄN QUỐC KHẢI

Đầu tư trực tiếp từ nước ngoài (Foreign Direct Investment — FDI) đang đổ vào Việt-Nam trong 10 tháng vừa qua. Tính đến cuối tháng 6-2007, vào khoảng 10.2 tỉ Mỹ kim đã được đầu tư vào Việt-Nam theo thống kê chính thức của chính phủ. Con số này sẽ có thể tăng lên gấp đôi, tức vào khoảng 20 tỉ Mỹ kim vào cuối năm nay. Kết quả là tổng cộng số tiền đầu tư trực tiếp và gián tiếp sẽ có thể lên đến 100 tỉ Mỹ kim so với 80 tỉ Mỹ kim vào cuối năm 2006. Trước đây Việt-Nam chỉ hi vọng đạt được chỉ tiêu này vào 2010. 1/

Việt-Nam đã được Hoa-Kỳ chấp thuận cho hưởng quy chế thương mại bình thường vĩnh viễn vào tháng 10-2006, triển hạn hiệp định thương mại song phương với Hoa-Kỳ thêm ba năm vào tháng 12-2006, chính thức gia nhập Tổ Chức Thương Mại Quốc Tế (WTO) vào tháng 1-2007 và được các quốc gia hội viên trong khối ASEAN (Association of Southeast Asian Nations) công nhận là một nước có nền kinh tế thị trường đầy đủ. Ngoài ra, kể từ khi ký Hiệp Định Song Phương với Hoa-Kỳ vào năm 2000, Việt-Nam đã cải thiện môi trường đầu tư khá nhiều. Tất cả những yếu tố này làm cho các nhà đầu tư nước ngoài tin cậy để đầu tư vào Việt-Nam hơn. 2/

Vào đầu thế kỷ 21, Việt-Nam hãy còn kinh doanh trong lãnh vực với lương thấp như sản xuất giầy dép, xe đạp, và quần áo. Nhưng trong những năm gần đây, Việt-Nam đã thu hút được nhiều công ty kỹ nghệ và dịch vụ lớn và đang trở thành một trung tâm sản xuất theo giao kèo đặt hàng của các nhà đầu tư nước ngoài.

Đầu tư của Hoa-Kỳ vào Việt-Nam

Vào mùa xuân vừa qua, những viên chức điều hành của 18 đại công ty Hoa-Kỳ bao gồm Boeing, Exxon, Fedex, Ford, General Electric, IBM, và UPS đã đến Việt- Nam để tham dự diễn đàn "Vietnam — A Bright Future for U.S. Business" và tìm kiếm cơ hội đầu tư mới.

Ông Stephen Braim, Phó Chủ Tịch đặc trách về khu vực chính phủ nói rằng "Việt-Nam gia nhập WTO là yếu tố chính làm cho IBM lạc quan. Theo một điều kiện để trở thành hội viên của WTO, Việt-Nam đã bãi bỏ hầu hết những hàng rào cản đối với ngành thương mại máy điện toán... Đối với chúng tôi, thắng lợi lớn là về máy điện toán và những dịch vụ liên hệ. Chúng tôi đã đạt được điều này, và chúng tôi rất sung sướng." Kết quả là IBM dự trù xây một trung tâm dịch vụ ở miền Nam để phát triển phần mềm và những dịch vụ đóng góp thêm nhiều trị giá gia tăng tại Việt-Nam.

Công ty bưu điện tốc hành UPS tuyên bố rằng "Thỏa hiệp WTO sau cùng sẽ cho phép UPS hoạt động trực tiếp tại Việt-Nam, thay vì qua các đối tác địa phương theo luật hiện hành. Nhưng Phó Chủ Tịch của UPS là ông Steven Okun nói rằng "Việt-Nam còn phải cải thiện hệ thống đường xá và thủ tục lỗi thời." 3/

Tính đến cuối tháng 08-2007, Hoa Kỳ đã đầu tư US$784.7 triệu vào 347 dự án, và đứng vào hạng 12 trong số 78 quốc gia và lãnh thổ đầu tư vào Việt Nam. Số vốn thực hiện này chỉ tương đương với 30.5% số vốn dự trù. Trên thực tế Hoa-Kỳ đầu tư nhiều hơn con số của bảng 1 vì một phần vốn được đầu tư gián tiếp qua những công ty của Hoa-Kỳ ở hải ngoại.

Trên thực tế Hoa-Kỳ đầu tư nhiều hơn con số của bảng 1 vì một phần vốn được đầu tư gián tiếp qua những công ty của Hoa-Kỳ ở hải ngoại.

Những nguồn đầu tư trực tiếp khác

Những hoạt động vừa kể trên đánh dấu đợt sóng đầu tư của Hoa-Kỳ tại Việt-Nam. Trong

khi đó Nhật Bản cũng đẩy mạnh kế hoạch đầu tư vào những lãnh vực như điện, điện tử, kỹ thuật cao, xi măng, và chuyên trở. Tính đến cuối tháng 5 vừa qua, Nhật Bản đã đầu tư vào Việt-Nam 7.9 tỉ Mỹ kim. Những đại công ty điện tử như Cannon, Fujitsu, Matsushita, Nidec, Sanyo, và Sony đã thành công tại Việt-Nam. Những công ty náy dự trù bành trướng hoạt động sau khi Việt-Nam gia nhập WTO. Thi dụ công ty sản xuất máy điện toán Nidec dự trù đầu tư 1 tỉ Mỹ kim vào khu công nghệ cao tại Saigon. Theo Bộ Kế Hoạch và Đầu Tư Việt-Nam, công ty Sumitomo dự định xây một nhà máy điện lực và một hải cảng tại Văn Phong, Khánh Hòa. Hai dự án này trị giá tổng cộng trên 4.6 tỉ Mỹ kim.

Ngoài ra, Taiwan, Singapore, Hồng Kông, Ấn Độ và Nam Hàn cũng là những nguồn FDI quan trọng. Công ty Lee & Man của Hong Kong vừa mới khởi công xây cất một nhà máy giấy tại tỉnh Hậu Giang, đồng bằng Sông Cửu Long. Theo vết chân của Intel, Hon Hai Precision Industry Company của Taiwan, một doanh nghiệp sản xuất sản phẩm điện tử lớn nhất thế giới, đã thông báo vào tháng 8-2007 một dự án xây cất một số cơ xưởng chế tạo bộ phận điện tử gần Hà Nội, trị giá 5 tỉ Mỹ kim, trong vòng 5 năm tới. 4/

Nam Hàn đứng đầu danh sách 78 quốc gia và lãnh thổ đang đầu tư vào Việt-Nam dựa trên số vốn dự trù đầu tư vào Việt-Nam từ năm 1988 đến cuối tháng 8-2007 là US$10.6 tỉ. Nhưng theo số vốn đầu tư thực hiện, Nam Hàn thụt xuống hàng thứ tư với US$2.9 tỉ. Kumbo Asiana Group, một trong bẩy công ty lớn nhất của Nam Hàn, đã đầu tư 2.5 tỉ Mỹ kim vào một số dự án bao gồm Trung Tâm Van Hoa và Thương Mại Giảng Võ và Trung Tâm Triển Lãm Me Tri tại Hà Nội. Công ty này dự trù đầu tư thêm 4 tỉ Mỹ kim vào Việt-Nam. Việc thi hành Thỏa Hiệp Tư Do Thương Mai Nam Hàn và ASEAN, bắt đầu có hiệu lực từ 01-06-2007, đã làm cho Việt-Nam trở thành hấn dẫn đối với đầu tư của Nam Hàn.

Việt-Nam: Một địa điểm đặt hàng hải ngoại

Việt-Nam được những nhà đầu tư nổi tiếng đánh giá cao vào năm vừa qua. Theo bảng tổng kết 2006 của công ty tư vấn về đặt hàng hải ngoại (outsource) NeoIT, Saigon được xếp vào hạng 8 trong 20 thành phố về địa điểm đặt hàng hải ngoại, dựa trên trình độ thông thạo ngoại ngữ, thuận lợi giao thông, Kinh nghiệm trong thị trường đặt hàng hải ngoại, khả năng thực hiện các đơn đặt hàng này trong những lãnh vực công nghệ đặc biệt. Hai thành phố khác trong danh sách 10 địa điểm tốt nhất và không của Ấn Độ là Manila (hạng 9) và Shanghai (hạng 10).

Vào tháng 10-2006, hãng sản xuất computer chip lớn nhất thế giới Intel công bố một kế hoạch xây một nhà máy ráp semiconductor gần Saigon, bao gồm một cơ xưởng rộng 500,000 bộ vuông (square-foot) cho 4,000 công nhân. Việc xây cất khởi sự vào tháng 3-2007 và dự trù hoàn tất vào giữa năm 2009. 5/

Trong lần viếng thăm Việt-Nam vào tháng 4-2006, ô. Bill Gates, Chủ Tịch Công Ty Microsoft, nói rằng Việt-Nam có thể theo Ấn Độ để phát triển phần mềm và thực hiện một số công việc khác được chuyển ra hải ngoại làm. Thật vậy, ngày càng có nhiều công ty chuyển việc sang Việt-Nam, như Harvey Nash của Anh, Belgacom của Bỉ, Honda Motor của Nhật, Discovery Channel và MSNBC của Hoa-Kỳ. Tuy nhiên, báo Wall Street Journal nhận xét rằng còn khá lâu Việt-Nam mới trở thành một địa điểm thu hút công việc đưa ra hải ngoại vì việt-Nam thiếu một hệ thống viễn thông và một lực lượng lao động tài giỏi. 6/

Những lãnh vực cần được cải thiện thêm

Theo phúc trình "Doing Business in 2008" của Ngân Hàng Thế Giới (World Bank) và Công Ty Tài Chánh Quốc Tế (International Finance Corporation — IFC) sắp phát hành trong tháng 10-2007, Việt-Nam được xếp hạng 91 trên tổng số 178 quốc gia so với Singapore đứng đầu, Hồng Kông 4, Thái Lan 15, Mã Lai 24, Đài Loan 50, và Trung Quốc 83. 7/ Điều này chứng tỏ rằng, Việt-Nam cần tiếp tục cải thiện điều kiện kinh doanh để thu hút đầu tư.

Ba lãnh vực yếu kém nhất hiện nay của Việt-Nam theo Ngân Hàng Thế Giới là bảo vệ nhà đầu tư, thủ tục công ty chấm dứt hoạt động, và trả thuế. Mặc dù Luật Chứng Khoán và Doanh Nghiệp có những điều khoản ấn định trách nhiệm của Ban Giám Đốc Điều Hành, tuy nhiên không có biện pháp để buộc thi hành. Do đó, vấn đề ngăn ngừa và kiểm tra Ban Giám Đốc lạm dụng vốn của công ty không phải dễ dàng. Điều này cản trở hầu hết những hình thức đầu tư đặc biệt là đầu tư gián tiếp (portfolio investment) tại Việt-Nam. Việc chấm dứt hoạt động kinh doanh ở Việt-Nam là một vấn đề khó khăn vì luật lệ phá sản của Việt-Nam đòi hỏi thời gian trên 5 năm, và tỉ lệ thu hồi lại vốn là 18%. Sau cùng, theo báo cáo của Ngân Hàng Thế Giới thủ tục trả

thuế của Việt-Nam cũng khá rườm rà, đòi hỏi 1,050 giờ, tương đương với 130 ngày của một nhân viên.

Chính phủ Hà Nội kêu gọi những nhà đầu tư ngoại quốc đầu tư vào những công ty Việt-Nam thay vì thành lập công ty riêng. Tuy nhiên những kinh nghiệm trong quá khứ cho thấy rằng những dự án hợp tác có một phần vốn đầu tư nước người (joint venture) không được xem là thuận lợi. Phong cách quản trị, vấn đề kỹ thuật, sự minh bạch, và trở ngại giao thiệp là những khó khăn. Ngày hôm nay, dự án 100% vốn nước ngoài là khuynh hướng phổ thông.

Thật vậy, trong gần 20 năm vừa qua, các dự án đầu tư với 100% vốn nước ngoài trung bình chiếm 61.6% tổng số vốn thực hiện. Con số của các dự án liên doanh và hợp đồng hợp tác kinh doanh lần lượt là 30.5% và 6.3%. Các hình thức đầu tư còn lại như công ty cổ phần, công ty mẹ con và các công ty dưới những dạng hợp đồng khác chỉ chiếm vọn vẹn 1.7%. Trong số này những hình thức đầu tư BOT (Build-Operate-Transfer), BT (Build-Transfer), và BTO (Build - Transfer-Operate) có lợi cho sự chuyển giao kỹ năng quản trị và công nghệ tân tiến nhưng không đáng kể. Đây là một thiệt thòi lớn cho Việt-Nam phải chịu cảnh trâu chậm uống nước đục. Đại Hàn đi trước, ngày nay trở thành một nước kỹ nghệ giầu có, vì học hỏi nước Nhật. Việt-Nam theo sau, có tiến nhưng chậm hơn người ta, thành ra khoảng cách biệt ngày càng lớn.

Những lãnh vực khác cần được cải tiến bao gồm hạ tầng cơ sở yếu kém, lưu thông tắc nghẽn, và thiếu điện lực trầm trọng. Những hải cảng và không cảng, những đường vòng đai, xe điện tại thành thị, và những nhà máy sản xuất điện lực cần được xây thêm. Hệ thống đường sắt cũ kỹ và đường liên tỉnh cần phải hiện đại hóa. Những dự án cần thiết này đòi hỏi rất nhiều vốn trong khi đó chính phủ phải đối phó với việc giảm thuế nội địa và thuế nhập cảng, ngân sách và cán cân thương mại thiếu hụt tăng.

Hệ thống tư pháp mục nát tại Việt-Nam là một quan tâm lớn đối với những nhà đầu tư ngoại quốc. "Mặc dầu hiến pháp bảo đảm thẩm phán và hội thẩm đoàn độc lập, nhưng trên thực tế Việt-Nam thiếu một hệ thống tư pháp độc lập, một phần vì Đảng Cộng Sản Việt-Nam (CSVN) chọn lựa thẩm phán và điều tra kỹ lưỡng những người này về lập trường chính trị. Ngoài ra, Đảng CSVN tìm cách ảnh hưởng đến kết quả của những trường hợp xem ra đe dọa đến nhà nước hoặc ưu thế của đảng. Trong sự cố gắng để tăng cường sự độc lập của hệ thống tư pháp, nhà nước đã chuyển các toà án địa phương từ Bộ Tư Pháp qua Tòa Án Nhân Dân Tối Cao vào tháng 9-2002. Tuy nhiên, không có bằng chứng nào cho thấy rằng sự thay đổi này thực hiện được mục tiêu đã công bố. Hệ thống tư pháp của Việt-Nam bị cản trở bởi sự thiếu hụt luật sư và thể thức xử án sơ đẳng. 8/

Ngoài ra, Phó Thủ Tướng Việt-Nam Nguyễn Sinh Hùng tại Diễn Đàn Quốc Tế về Đông Á được tổ chức ở Singapore vào ngày 24-06-2007 nói rằng huấn luyện lực lượng lao động là "một thử thách và đe dọa lớn nhất" đối với sự phát triển kinh tế tại Việt-Nam. Ông nói thêm rằng 70% lực lượng làm việc của Việt-Nam sanh sau khi chiến tranh Việt-Nam chấm dứt vào năm 1975. Tuy nhiên ông không giải thích thêm về điểm này.

Chắc chắn rằng hệ thống giáo dục với chất lượng thấp, và những chương trình huấn nghệ yếu kém là những thử thách thật sự. Sự bất ổn của khu vực lao động là một sự đe dọa thực sự đối với chế độ độc tài cộng sản ở Việt-Nam. Vào 2005-2006, hàng trăm ngàn công nhân Việt-Nam đã đình công để chống lại ép buộc lao động, làm việc nhiều giờ nhưng không được trả tiền phụ trội, lạm dụng công nhân về thể xác, tinh thần và cảm xúc. Những công nhân này đòi mức lương đủ để nuôi sống gia đình và môi trường làm việc khá hơn.

Công nhân tại Việt-Nam không được phép thành lập nghiệp đoàn độc lập. Mọi người phải gia nhập Tổng Liên Đoàn Lao Động Việt-Nam, một tổ chức công đoàn hợp pháp duy nhất tại Việt-Nam và là một cơ quan của Đảng CSVN. Quy chế của Công Đoàn Việt-Nam xác định rằng: "Công đoàn Việt Nam là tổ chức chính trị - xã hội rộng lớn của giai cấp công nhân, đội ngũ trí thức và những người lao động tự nguyện lập ra nhằm mục đích tập hợp, đoàn kết lực lượng, xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam lớn mạnh về mọi mặt; đại diện và bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động, phấn đấu xây dựng nước Việt Nam độc lập, thống nhất đi lên chủ nghĩa xã hội." 9/

Tuy nhiên, trên thực tế, chủ đích của Tổng Liên Đoàn Lao Động Việt-Nam là để đoàn ngũ hóa và kiểm soát công nhân thay vì bảo vệ công nhân. Thật vậy, TLĐLĐVN chưa bao giờ khởi công hay tham dự một cuộc đình công nào do công nhân tổ chức tự phát. Những người lãnh

đạo của TLĐLĐVN phải là đảng viên Cộng Sản và thông thường lãnh lương của công ty cao hơn những công nhân bình thường. Vào tháng 3-2006, giữa sự bất ổn trong khu vực lao động, cựu Chủ tịch nhà nước Trần Đức Lương đã mau mắn xin lỗi các chủ tịch công ty đầu tư nước ngoài về những cuộc đình công bất hợp pháp đang xẩy ra tại Việt-Nam.

Sau cùng nhưng không thiếu quan trọng là vấn đề tham nhũng. Đây là một trong những vấn đề sinh tử của Việt-Nam không những trong lãnh vực kinh doanh mà cả trong lãnh vực chính trị. Nhận thức ra tầm quan trọng của nạn tham nhũng, chính quyền Việt-Nam đã có những cố gắng diệt trừ tham nhũng kể từ khi thi hành bản án tử hình đối với Năm Cam, như cách chức và bỏ tù một số bộ trưởng, phụ tá bộ trưởng, v.v. Tuy vậy, tham nhũng ngày nay lan rộng khắp mọi nơi và mọi tầng lớp chính quyền, từ xã, huyện, tỉnh, lên đến thành phố và trung ương. Nạn tham nhũng gây khó khăn cho việc buôn bán và còn có thể làm xụp đổ cả chế độ. Hai vụ án Trịnh Vĩnh Bình và Nguyễn Đình Hoan lôi cuốn được nhiều sự chú ý của dư luận quốc tế và là những bằng chứng của nạn tham nhũng trong địa hạt thương mại và đầu tư ở Việt-Nam đối với người Việt hải ngoại.

Kết luận

Sự tồn tại của chế độ Cộng Sản lỗi thời tại Việt-Nam trông cậy vào sự thành công về kinh tế. Điều nay phụ thuộc vào FDI, một trong những yếu tố phát triển quan trọng. Do đó chính quyền Hà Nội rất chú trọng về việc cải thiện môi trường đầu tư để thu hút nhiều FDI hơn nữa trong 5-10 năm tới. Trong phạm vi này, Việt-Nam dự trù giảm thuế cho các công ty từ mức 28% hiện nay xuống còn 25% vào năm 2009 và 20% trong năm 2012, và thuế suất còn có thể giảm hơn nữa. 10/

Theo chỉ số PriceWaterhouseCoopers công bố vào tháng 7-2007, Việt-Nam trở thành một nơi tốt nhất để đầu tư vào ngành công nghệ trong 20 thị trường mới nổi bật lên. Trung Quốc xếp hạng thứ hai và tiếp theo là Ba Lan, Chile, Malaysia, Thái Lan, Ấn Độ, Nam Phi, Hungary và Saudi Arabia. Sự xếp hạng này căn cứ vào một số yếu tố bao gồm giá sản xuất, độ lớn của thị trường, thuế, chi phí chuyên chở, thuế nhập cảng, và yếu tố rủi ro thường đo lường bằng độ rủi ro của thị trường trái phiếu. 11/

Trong môi trường kinh doanh hiện nay tương đối thuận lợi tại Việt-Nam, người ta trông đợi rằng FDI sẽ tiếp tục đổ vào Việt-Nam trong một tương lai gần. FDI giúp Việt-Nam vốn cần thiết và nhiều cơ hội để học hỏi kỹ thuật tiến bộ từ những nhà đầu tư. Đây là hai lợi ích chính mà FDI có thể cung cấp cho nước tiếp nhận đầu tư. Tuy nhiên Việt-Nam xem ra chưa sẵn sàng để bắt lấy những cơ hội này. Mặt khác, FDI cũng tạo ra nhiều thử thách cho những công ty địa phương về thị phần, nhân công, và nguồn tài chánh. Việt-Nam xem ra cũng chưa sẵn sàng để đối phó với những thử thách này.

Để có thể cạnh tranh hữu hiệu với những công ty đầu tư nước ngoài, Việt-Nam đãng lẽ phải hoàn tất việc cải tổ sâu rộng những công ty quốc doanh, những ngân hàng thương mại nhà nước, và phải yểm trợ khu vực tư nội địa ít nhất 5-10 năm trước đây. Bây giờ hơi quá chậm nhưng còn hơn không. Là một thành viên của WTO, Việt-Nam mất một phần tự do và uyển chuyển để thực hiện những cam kết với những hội viên khác. Do đó, việc thi hành kế hoạch cải tổ cần thiết đối với những doanh nghiệp nhà nước và khu vực tư trở nên khó khăn hơn.

15.10.2007

Chú thích:

1/ Cheong Suk-Wai, "New Wave of Investment in Vietnam," The Straight Times, Singapore, June 25, 2007.

2/ Xinhua, "ASEAN Recognizes Vietnam's Full Market Economy Status," May 04, 2007.

3/ Matt Steinglass, "U.S. Corporations Eye More Vietnam Investment," VOA, Hanoi, May 4, 2007.

4/ Dan Nystedt, "Vietnam's IT Prowess Rises With $5 Billion Factory Plan," IDG News Services, August 30, 2007.

5/ Associate Press, "Intel Starts Building US$1 billion Semiconductor Plant in Southern Vietnam," March 29, 2007.

6/ Asia Pulse, "Vietnam Becoming New Outsourcing Hub for Forein Investors," May 31, 2007.

7/ World Bank and International Finance Corporation, "Doing Business in 2008", Washington-DC: September 2008.

8/ Wikipedia encyclopedia.

9/ VGCL, "Statutes of the Vietnamese Trade Unions", Hanoi, October 2003.

10/ Cheong Suk-Wai, "New Wave of Investment in Vietnam," The Straight Times, Singapore, June 25, 2007.

11/ Financial Times, "Vietnam Better Than China for Manufacturing Investment," July 10, 2007.

Liệu Hoa Kỳ sẽ tấn công Ba Tư?

** Mặc dù gặp thảm bại và sa lầy tại Iraq, tại sao nhiều nhân vật "diều hâu" thuộc phe tân-bảo-thủ vẫn cương quyết nghĩ đến một giải pháp tấn công Iran?*

** Liệu Bush – Cheney sẽ tiến tới, bất chấp hậu quả chỉ vì tự ái và tự cho là mình đúng?*

MAI LOAN

Trong thời điểm hiện nay, việc Hoa Kỳ tấn công Ba Tư (Iran) có thể được coi là một điều không tưởng. Hầu hết mọi người đều không tán thành, ngoại trừ một thiểu số rất nhỏ những đầu óc "diều hâu" đầy máu hiếu chiến cỡ như John Bolton, cựu đại sứ Mỹ tại Liên Hiệp Quốc. Đây là một chính trị gia thuộc phe bảo thủ cực hữu, đầy ngạo mạn và phách lối khiến cho đa số các nghị sĩ trên Thượng Viện cũng không đồng ý chuẩn thuận, mà TT Bush phải tìm cách lén lút bổ nhiệm bằng "cửa hậu" (*appointment in recess*), tức là chờ dịp Thượng Viện vắng mặt nghỉ họp. Có thể nói là rất ít dân chúng Mỹ ủng hộ giải pháp quân sự, thậm chí kể cả các vị dân cử trên Quốc Hội thuộc phe Cộng Hoà, trong chốn riêng tư, cũng phải thú nhận rằng một cuộc chiến tranh với Ba Tư mà nổ ra lúc này sẽ báo hiệu cho sự suy tàn của sự nghiệp chính trị của phe đảng mình.

Nhiều phần là sự lo sợ của những vị dân cử này rất đúng. Với sự sa lầy hiện nay của quân đội Mỹ tại hai chiến trường ở Iraq và A Phú Hãn (Afghanistan), tâm lý hiếu chiến người dân Mỹ, vốn rất phổ thông và tự nhiên của một dân tộc và quốc gia hùng mạnh nên thường dễ sanh ra tính "ỷ mạnh hiếp yếu" (*bully*), cũng đã bắt đầu suy giảm mạnh đến mức gần như ít thấy người nào còn thích vỗ ngực và hùng dũng ủng hộ giải pháp chiến tranh.

Hơn thế nữa, nếu như chiến tranh nổ bùng ra, những kế hoạch lựa chọn của Hoa Kỳ có thể bị giới hạn rất nhiều, trong khi sự trả đũa từ phía Ba Tư có thể rộng lớn hơn nhiều, khó tiên đoán được với những hậu quả vô cùng nghiêm trọng và lâu dài. Thoạt mới nhìn sơ qua về thực lực, tuy Ba Tư chưa có một loại phi đạn nào để có thể phóng thẳng tới lục địa nước Mỹ, nhưng quốc gia Hồi-giáo này có nhiều "*món đồ chơi*" độc địa khác để gây khó khăn và điêu đứng cho đệ nhất siêu cường. Những tổ chức đàn em từ lâu được Ba Tư bảo trợ tại vùng Trung Đông — như Hezbollah ở Lebanon, Hamas ở Palestine và các nhóm dân quân Hồi-giáo hệ phái Shiite ở Iraq — cũng có đầy đủ khả năng và ý chí để khuấy động hoặc tấn công lên quyền lợi của Hoa Kỳ và các đồng minh khác trong vùng, khiến cho Hoa Kỳ có cơ nguy lâm vào một cuộc chiến triền miên, dai dẳng và nguy hiểm gấp bội lần cuộc sa lầy tốn kém hiện nay tại chiến trường Iraq, chưa kể đến nguy cơ dẫn đưa thế giới vào một cuộc đại chiến rộng lớn (như lời TT Bush vừa mới cảnh giác gần đây) và nếu xảy ra nhiều phần sẽ là dấu mốc báo hiệu cho sự suy tàn của Hoa Kỳ, khó lòng còn giữ được vị trí đệ nhất siêu cường.

Dĩ nhiên, thoạt đầu, một cuộc tấn công lên Ba Tư, với những giàn vũ khí tối tân hàng đầu của quân lực Mỹ có thể gây khốn đốn cho sinh hoạt của người dân trong nước này cũng như có thể triệt hạ được nhiều hạ tầng cơ sở về quân sự, truyền tin và chỉ huy khiến cho chính quyền Ba Tư có thể bị kiệt quệ trong thời gian đầu. Thế nhưng nó cũng dẫn đến một hậu quả kinh tế tức khắc, đó là việc tăng vọt giá dầu thô trên thị trường cùng với cơ nguy khan hiếm do mức cung bị ảnh hưởng nặng, dẫn đến một sự chấn động lên nền kinh tế của Hoa Kỳ và nhiều quốc gia kỹ nghệ khác lệ thuộc vào dầu hoả như Nhật Bản và Âu Châu. Hơn thế nữa, trong bối cảnh hiện nay khi mà tất cả những lý do để biện minh cho việc đơn phương tấn công Iraq vào năm 2003 đều đã lần lượt bị lột trần là những lý do ngụy tạo hoặc nguỵ biện, việc Hoa Kỳ tấn công Ba Tư lần này sẽ càng khiến cho toàn khối dân Ả Rập và Hồi-giáo trên thế giới không còn lý do gì để không tin rằng đây là một cuộc xung đột giữa hai nền văn minh (*a clash of civilizations*) như đã được cảnh báo từ lâu trên nhiều diễn đàn truyền thông. Hậu quả là cả khối này sẽ cùng đoàn kết lại vì tin rằng đó là ý đồ của Hoa Kỳ (đại diện cho phương Tây) muốn tiêu diệt khối Hồi-giáo, tương tự như một cuộc Thập-tự-chinh

(*Crusade*) chiến tranh đẫm máu vì tôn giáo trong quá khứ. Hậu quả đầu tiên là người dân và chính quyền ở Ba Tư (cho dù là ôn hoà hay quá khích) cũng sẽ đồng lòng đoàn kết trong niềm tin "thánh chiến" để quay ra "chống Mỹ cứu nước."

Chính quyền Bush, dưới sự lèo lái giật dây của nhiều tay hiếu chiến theo trường phái tân-bảo-thủ cùng với sự ngạo mạn và thiếu suy xét của cấp lãnh đạo, đã hố nặng đến hết phương cứu chữa khi hô hoán thật to cách đây mấy năm để khích động dân chúng và công luận cho giải pháp quân sự để đơn phương tấn công vào Iraq. Dĩ nhiên lập luận cho rằng không phải chỉ có Hoa Kỳ bị mắc lỡm bởi những tin tức tình báo sai lầm — kể cả những quốc gia chống Mỹ lúc bấy giờ như Pháp và Đức cũng đều tin rằng chính quyền Saddam Hussein có thể có những loại vũ khí tàn sát quy mô — cũng không đủ để bào chữa cho những sai lầm và thiệt hại tốn kém đã gây ra trong cuộc chiến này. Do đó cho nên lần này, dân chúng Mỹ khó lòng có thể bị dụ dỗ lần thứ hai để có thể bị thuyết phục hay hù doạ rằng tiềm năng về vũ khí hạch tâm của Ba Tư là một hiểm nguy cận kề và cấp thiết để khiến cho Hoa Kỳ phải ra tay hành động trước. Ấy là chưa kể, theo dự đoán và phân tích của nhiều chuyên gia trong các ngành khoa học, tình báo và quân sự thì Ba Tư phải mất ít ra là từ hai đến năm năm nữa mới có hy vọng thủ đắc được một quả bom nguyên tử.

Mặc dù có khá nhiều yếu tố như trên để cản ngăn những ai có ý định giải pháp chủ chiến tấn công Ba Tư, nhưng dường như hiện nay có nhiều khuôn mặt trong chính quyền Bush, kể cả vị tư lệnh tại chiến trường Iraq, Đại tướng David Petraeus, cũng đã dọn đường sẵn để đưa ra những lập luận hầu có thể biện minh cho một kế hoạch quân sự tấn công vào Ba Tư, phần nhiều là mở màn với các đợt không kích bằng phi cơ hoặc các phi đạn bình phi, và sau đó có thể kèm theo với các đợt xâm nhập của các toán quân biệt kích thuộc Lực Lượng Đặc Biệt.

Nhà báo Steven Clemons, một chuyên gia phân tích về quốc phòng làm việc tại viện nghiên cứu có tên là New American Foundation, đã thuật lại một câu chuyện khá lý thú được đăng trên diễn đàn Salon.com ngày 19-9 vừa qua. Đó là trong một bữa ăn tối tại thủ đô Hoa Thịnh Đốn mới đây gồm nhiều nhân vật có tên tuổi trong chính trường, một cuộc tranh cãi nổ ra về việc liệu Hoa Kỳ sẽ đánh hay không đánh Ba Tư. Một bên là ông Zbigniew Brzezinski, cựu Cố vấn An ninh Quốc gia thời TT Carter, cho rằng ê kíp nhân viên của TT Bush hiện nay đang sửa soạn mọi lập luận để rồi cuối cùng cũng chỉ đi đến một chọn lựa duy nhất: đó là sẽ ra tay tấn công vào các cơ sở hạch tâm của Ba Tư. Phía bên kia cũng là một vị cựu Cố vấn An ninh Quốc gia khác, ông Brent Scowcroft, điều hành dưới thời cựu TT Bush Bố. Trước đây, ông Scowcroft là người đã từng chỉ trích các ông Bush, Cheney và Rumsfeld dữ dội là chớ có vội vã lao đầu vào cuộc chiến Iraq. Nhưng lần này ông hy vọng rằng TT Bush đã rút tỉa được kinh nghiệm đau thương để không vội vã khai hoả để khiến cho tình hình tệ hại hiện nay tại Trung Đông có thể trở nên tồi tệ gấp bội lần. Các thực khách trong bàn tiệc, tất cả gồm 18 người, trong đó có cả bà Benazir Bhutto, cựu thủ tướng Hồi Quốc (Pakistan), liền làm một cuộc biểu quyết để xem đa số ủng hộ lập luận nào. Phía ông Scowcroft, kể cả đương sự, chỉ có hai người giơ tay lên. Tất cả những thực khách còn lại trên bàn ăn đều chia sẻ nhận định và sự lo sợ của ông Brzezinski rằng một cuộc chiến tấn công vào Ba Tư có thể nổ ra trong tương lai gần.

Trong cuộc tranh luận hiện nay để tìm hiểu về những bước đi kế tiếp của Hoa Kỳ tại vùng Trung Đông, có thể nói là có khá nhiều lời tiên đoán mạnh miệng trên nhiều diễn đàn khác nhau về một giải pháp quân sự của Mỹ sẽ tấn công Ba Tư. Có nhiều chi tiết khá ly kỳ và căng thẳng được đăng trên nhiều bài báo, chẳng hạn như bài viết của hai ký giả Philip Sherwell và Tim Shipman của tờ The Sunday Telegraph tại Anh Quốc. Bài báo, đăng ngày 17/9-2007, dựa theo nhiều nguồn tin từ các nhân viên cao cấp về tình báo và quốc phòng của Mỹ tiết lộ, cho rằng TT Bush và bộ tham mưu cật ruột của ông đang sửa soạn cho một chính sách để dẫn đưa Hoa Kỳ vào một cuộc chiến đối đầu với Ba Tư. Theo chính sách này thì các tướng lãnh chỉ huy ở Ngũ Giác Đài đã lên kế hoạch chi tiết với khoảng 2000 mục tiêu khác nhau trong nội địa Ba Tư mà Không quân và Hải quân Mỹ có thể nhắm tới để tấn công một khi có lệnh khai hoả.

Dựa theo kế hoạch này thì thoạt đầu, sau những lời tố cáo từ phía Hoa Kỳ rằng Ba Tư đã can thiệp vào nội bộ Iraq, bằng cách vũ trang và huấn luyện các toán dân quân Shiite sử dụng các loại bom nội hoá độc hại và tinh vi EFP (*Explosive Formed Projectiles*) có khả năng xuyên phá xe thiết giáp, các toán lính Mỹ có thể sẽ xâm nhập vào nội địa Ba Tư để dẹp tan công

việc phá đám này, bằng cách tấn công vào các căn cứ của lực lượng Vệ Binh Cách Mạng của Ba Tư, thành phần tinh nhuệ và trung kiên nhất của quân đội nước này. Việc này có thể sẽ khiến cho chính quyền và quân đội Ba Tư ra tay phản công, nhiều khi mạnh bạo và quá trớn như ra lệnh đánh phá tất cả các tầu hàng và chiến hạm tại eo biển Hormuz để cắt đứt con đường tiếp vận huyết mạch về dầu hoả. Và như thế là Hoa Kỳ có lý do chính đáng để nhập cuộc, nhằm bảo vệ nguồn tiếp tế dầu hoả để ổn định cho thị trường thế giới!

Lập luận này cũng được kể gần như tương tự bởi một ngòi bút uy tín khác là nhà báo Seymour Hersh trên tờ The New Yorker, số đề ngày 08 tháng 10 mới đây. Ông Hersh, cùng với ký giả Bob Woodward của tờ Washington Post, được coi như là hai nhà báo nổi tiếng nhất trong làng báo Hoa Kỳ từ nhiều thập niên qua với những nguồn tin "*không chính thức*", tức là không được xác nhận bởi chính quyền, nhưng rất chính xác. Một trong những xì-căng-đan mà nhà báo Hersh đã khui ra là vụ lính Mỹ tra tấn tù nhân Iraq tại nhà tù Abu Ghraib vào năm 2004, gây công phẫn khắp nơi và khiến cho uy tín của Hoa Kỳ tụt dốc từ đó. Với tựa đề "*Shifting Targets*" (*Thay đổi các mục tiêu*), ông Hersh cũng kể lại những lời tiết lộ của nhiều nhân vật cao cấp về an ninh, tình báo và quốc phòng cho thấy là giải pháp quân sự để tấn công Ba Tư vẫn còn được nhiều tay chóp bu trong chính quyền Bush tiếp tục nghiên cứu mức khả thi cũng như thời điểm thuận lợi để ra tay. Ai cũng biết là về mặt đối ngoại, ảnh hưởng của phe cực hữu và diều hâu, đại diện bởi ông phó tổng thống Dick Cheney nắm vai trò then chốt trong các quyết định của chính quyền Bush. Về mặt chính trị, cả hai ông Bush và Cheney đều không ra tái tranh cử vào năm 2008 sắp tới, do đó không còn sợ bị thất cử vì áp lực của cử tri, từ đó sẽ không ngần ngại lấy những quyết định táo bạo tuỳ vào niềm tin sắt đá của họ chứ không ngần ngại hay sợ dư luận như đa số các vị dân cử khác của đảng Cộng Hoà. Từ lâu ai cũng biết là các vị tướng lãnh ở Bộ Tổng Tham Mưu đã phải có sẵn những kế hoạch để tấn công Ba Tư nếu như cần thiết và bắt buộc phải ra tay. Trọng điểm của những kế hoạch này thường bao gồm một cuộc không kích toàn diện trên lãnh thổ Ba Tư, nhắm vào tất cả những cơ sở hạch tâm, những căn cứ quân sự trọng yếu, bộ tham mưu đầu não cũng như nhiều hạ tầng cơ sở quan trọng khác. Tuy nhiên, lần này những kế hoạch đã được thay đổi với những cuộc "*oanh kích chớp nhoáng*" (*surgical strikes*) nhắm vào các căn cứ quân sự của lực lượng Vệ Binh Hồi Giáo được coi như là nguồn gốc của những vụ tấn công bằng bom nội hoá EFP tại Iraq gây khốn đốn không ít cho quân đội Mỹ. Do đó, lần này giải pháp chiến tranh được chuyển từ một chiến dịch chống việc phát triển hạch tâm của Ba Tư thành một chiến dịch chống khủng bố, tức là những thành phần ôm bom tự sát hay gài bom để giết hại quân dân tại Iraq (để dễ thuyết phục được người dân Mỹ chấp nhận và ủng hộ).

Theo nhà báo Hersh, sở dĩ có sự thay đổi trong mục tiêu lần này là vì có ba lý do chính. Thứ nhất, TT Bush và bộ tham mưu của ông đã phải công nhận rằng chính sách tuyên truyền của họ về mối nguy hạch tâm của Ba Tư đã thất bại, và từ đó khó thể mong đạt được sự ủng hộ của dân chúng Mỹ cho một giải pháp tấn công to lớn và toàn diện. Kế đến, bộ tham mưu ở Bạch Cung cuối cùng cũng phải đồng ý với nhận định của hầu hết các chuyên gia phân tích trong ngành tình báo rằng Ba Tư phải mất ít nhất là năm năm nữa mới mong chế tạo được một quả bom nguyên tử. Và sau cùng, Hoa Thịnh Đốn, cũng như tất cả các thủ đô khác tại Trung Đông, đều đi đến nhận định và kết luận rằng dường như sau cuộc chiến Iraq, Ba Tư đang vươn mình lên để trở thành một kẻ chiến thắng trên bàn cờ địa dư chính trị.

Thế nhưng nhà báo Steven Clemons thì cho rằng cũng có những lý do khác để giải thích rằng quả tình TT Bush hiện nay cũng phải cân nhắc kỹ lưỡng, nếu không muốn nói là rất e dè để phải lấy quyết định ra tay mở màn cho một cuộc chiến mới, nhất là chỉ còn tại vị hơn 15 tháng trong khi kết quả tệ hại về cuộc chiến Iraq vẫn chưa thấy có dấu hiệu gì khả quan hơn để thay đổi tình thế.

Lý do thứ nhất được nhà báo Joe Klein thuật lại trên tuần báo Time. Theo đó, trong một cuộc họp cao cấp tại phòng hành quân ở Ngũ Giác Đài với đầy đủ các viên chức cao cấp về an ninh quốc gia cùng với các vị tướng tư lệnh của Bộ Tổng Tham Mưu, TT Bush đã phải đi đến nhận định kết luận rằng dường như cái giá phải trả cho một giải pháp quân sự tấn công Ba Tư lần này sẽ quá cao với những hậu quả khôn lường; hoặc là dường như cái xác suất thành công cho một chiến dịch tấn công như vậy cũng quá thấp để có thể biện minh cho việc ra tay. Theo lời của ông Klein kể lại thì: "*Ông Bush hỏi các vị tướng tư lệnh về xác suất thành công của một*

chiến dịch không kích tấn công các căn cứ hạch tâm của Ba Tư. Sau khi trả lời rằng quân đội Mỹ có thể mở các đợt không kích dữ dội và toàn diện, triệt hạ toàn bộ không lực của Ba Tư, các bộ tham mưu và trung tâm đầu não của đối phương cũng như hầu hết các cơ sở tình nghi về hạch tâm, các vị tướng tư lệnh lại đồng thanh chống đối giải pháp này. Tại sao? Lý do đơn giản là vì tin tức tình báo mà chúng ta (Hoa Kỳ) Hoa Kỳ nắm được liên quan đến nội tình Ba Tư rất mù mờ (mà chỉ nội tin tức tình báo sai lạc về kho vũ khí độc hại của Saddam trước ngày tấn công Iraq cũng đã khiến cho Hoa Kỳ mất hết uy tín trên trường quốc tế), TT Bush cũng biết rõ rằng quân đội Mỹ hiện nay đã phải căng mỏng và chịu đựng hết mức, khó có thể kéo dài cho một cuộc chiến tiếp theo. Chiến tranh không phải chỉ đơn giản là mở các cuộc không kích bằng

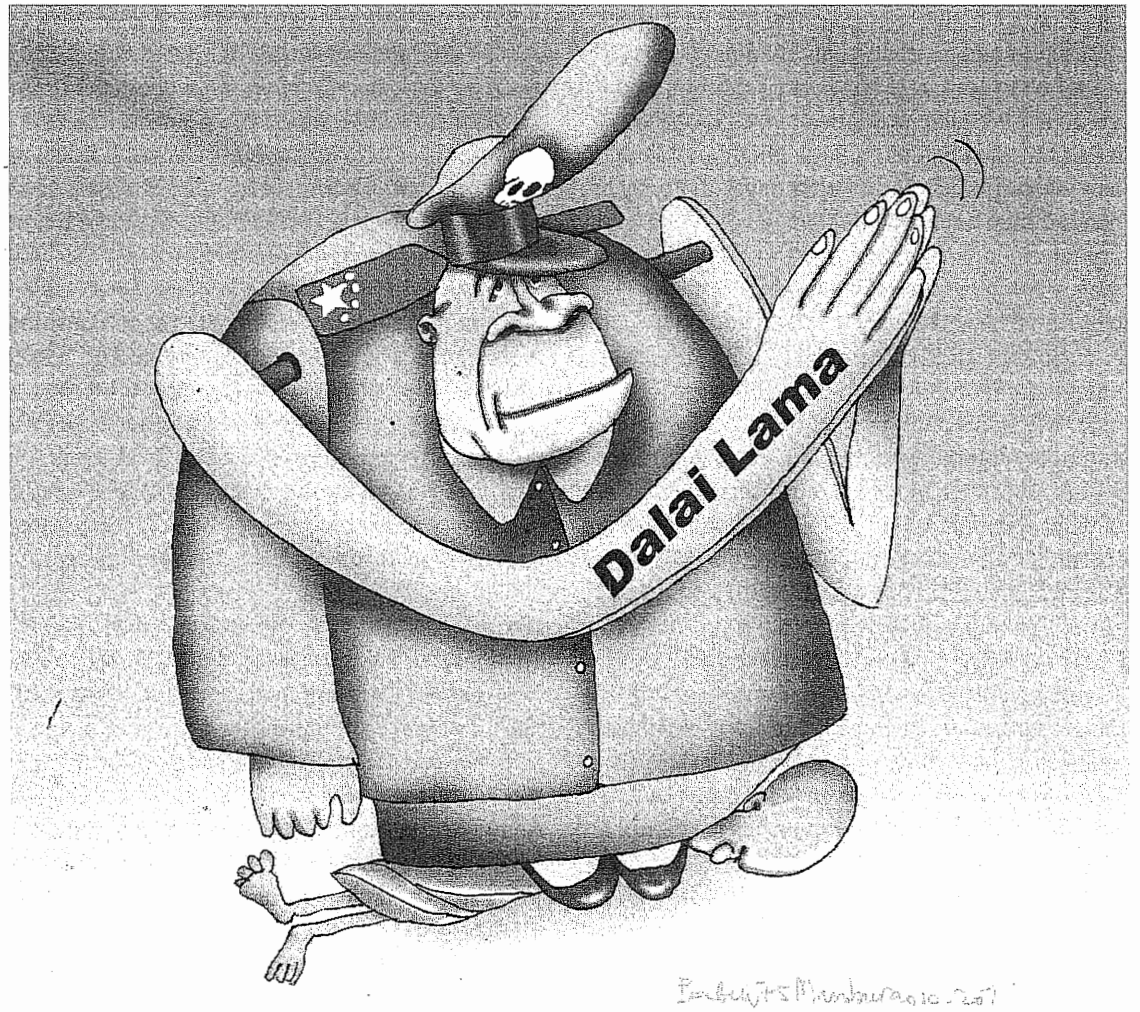

nắm được trong nội tình Ba Tư còn quá mù mờ. Không có cách nào để biết chắc là đã triệt hạ được toàn bộ các căn cứ hạch tâm của họ. Hơn thế nữa, điều đáng ngại là sự trả đũa của Ba Tư trên chiến trường Iraq, cũng như trên nhiều địa hạt khác, sẽ tác hại vô cùng cho quyền lợi và sự an ninh của Hoa Kỳ. Có lẽ vì lý do đó mà TT Bush đã không còn hăng hái nữa và phải thay đổi chiến dịch, chuyển sang một kế hoạch khác."

Ngoài việc biết chắc rằng tin tức tình báo mà các phi cơ tối tân cũng như các đợt phóng phi đạn bình phi từ các chiến hạm nằm ngoài khơi của Hải quân Mỹ, rồi sau đó rút về một cách thảnh thơi, an toàn và không thiệt hại. Bài học của Iraq còn nằm sờ sờ ra đó. Đã có ra tay đánh người tức là phải biết chấp nhận và đón chờ sự trả đũa. Chắc chắn là Ba Tư sẽ phản công, và có dư khả năng để gây khốn đốn cho lực lượng khoảng 160,000 ngàn quân Mỹ đang chịu trận và có thể mất dần kiên nhẫn tại chiến trường Iraq,

và do đó có thể ảnh hưởng đến toàn lực của quân đội Mỹ. Sự kiện chính quyền Bush chẳng dám dùng biện pháp quân sự để ra tay đối với Bắc Hàn trong cuộc khủng hoảng về bom nguyên tử trong những năm qua (mặc dù vẫn thích tuyên bố hung hăng đầy hăm doạ để rồi cuối cùng phải tên tò nhượng bộ khi chính quyền Bình Nhưỡng còn vỗ ngực tự khoe là đã chế được bom chứ không còn ngại dấu giếm) là một bài học quý giá cho nhiều nhà lãnh đạo quân sự chiêm nghiệm. Hầu hết các chuyên gia đều nhận định rằng sự do dự của Hoa Kỳ rất dễ hiểu vì lo ngại đến an ninh của một lực lượng vài chục ngàn quân Mỹ đang đồn trú tại Nam Hàn và Nhật Bản có thể bị tiêu diệt vì các đợt trả đũa của đối phương, chắc chắn sẽ là một sự hy sinh quá đắt giá mà không một lãnh tụ hay chính trị gia Mỹ nào dám quyết định. Trong tình thế hiện nay, quân đội Hoa Kỳ vẫn còn bị sa lầy tại chiến trường Iraq mà vẫn còn đang lúng túng, mà tất cả các nhà lãnh tụ, dù là Cộng Hoà hay Dân Chủ, cũng chưa thật sự tin tưởng hay tìm ra được một giải pháp rút lui nào ổn thoả trong tương lai gần. Sự an nguy của lực lượng 160,000 quân Mỹ đồn trú tại Iraq, vốn còn đang phải đối đầu với nhiều thử thách cam go và chắc chắn là sẽ bị tiêu diệt nặng nề một khi cuộc chiến nổ bùng sang chiến trường ở Ba Tư, sẽ là mối lo âu lớn nhất của các nhà lãnh đạo quân sự ở Ngũ Giác Đài khiến cho gần như chẳng có một vị tướng nào muốn thật sự ủng hộ giải pháp chủ chiến.

Hơn thế nữa, TT Bush và bộ tham mưu của ông chắc cũng phải biết là hai quốc gia đối thủ đáng ngại khác là Nga và Trung Cộng đang nằm chờ bên cạnh, không phải để nhập cuộc hỗ trợ Hoa Kỳ mà nhiều phần là sẽ ngồi chờ để hưởng lợi nếu như Hoa Kỳ có gặp sơ hở và vấp phải những lỗi lầm nghiêm trọng. Trong nhiều tình huống, Hoa Kỳ dễ gặp nhiều tốn kém nặng nề, lại thêm nguy cơ mất đi vị thế hàng đầu để kiểm soát thị trường năng lượng trên toàn cầu.

Nói tóm lại, theo lời của nhà báo Steven Clemons, dường như TT Bush không có kế hoạch leo thang chính sách chỉ trích Ba Tư để có thể dẫn đến một cuộc đối đầu trực tiếp. Bởi lý do chính là vì cái giá phải trả cho một giải pháp quân sự quá cao, và xác suất thành công quá thấp.

Thế nhưng điều đó không có nghĩa là chúng ta không nên lo lắng cho viễn ảnh một cuộc chiến tranh có thể nổ bùng ra trước ngày hai ông Bush và Cheney từ giã chính trường. Lý do chính là vì ông Cheney và nhiều tay diều hâu trong trường phái tân-bảo-thủ vẫn còn xuất hiện và có ảnh hưởng mạnh lên các kế hoạch của chính quyền Bush, cho dù nhiều người nói đến vai trò của những nhân vật theo trường phái ôn hoà hay thực tiễn hơn, như ngoại trưởng Condoleezza Rice hoặc tổng trưởng quốc phòng Robert Gates. Những tay hiếu chiến vẫn tiếp tục cổ động cho một giải pháp quân sự để tấn công Ba Tư, với lý do chính là nhằm ngăn chặn không cho Ba Tư có thể thủ đắc được vũ khí hạch tâm, trở thành một mối nguy to lớn cho nền an ninh toàn cầu. Đó là những khuôn mặt như John Bolton, cựu đại sứ Mỹ tại Liên Hiệp Quốc với nhận định mạnh mẽ rằng: "*Chỉ có sự lật đổ chế độ (hiện nay) tại Ba Tư hay một giải pháp quân sự là những lựa chọn thích đáng còn lại để có thể ngăn cản không cho Ba Tư thủ đắc được vũ khí hạch tâm.*" Hoặc như ông Norman Podhoretz, chủ bút của tờ Commentary, với nhận định: "*Nói một cách ngắn gọn, sự thật đơn giản và tàn bạo là nếu như muốn cản ngăn không cho Ba Tư thủ đắc được kho vũ khí hạch tâm, chúng ta chỉ còn có cách là sử dụng vũ lực.*" Riêng ông David Wurmser, một trong những phụ tá cao cấp của PTT Cheney thì cho rằng phe họ càng ngày càng tin rằng giải pháp ngoại giao bằng các cuộc thương thuyết với Ba Tư (mà do ngoại trưởng Rice chủ động với sự phụ hoạ của các quốc gia Tây Âu) dường như càng ngày đi vào thất bại, và do đó không chừng Hoa Kỳ phải chuẩn bị sẵn cho một tình thế xấu có thể xảy ra.

Theo nhà báo Clemons, tình thế xấu đó có thể là một cuộc gây sự được dàn dựng trước. Tức là những vụ đột kích lên một vài căn cứ quân sự tại Ba Tư với lý do là để diệt trừ các mối nguy đã tiếp tay cho các vụ tấn công bằng bom nội hoá gây tử thương cho lính Mỹ; rồi từ đó có thể dẫn đến những cuộc trả đũa mạnh tay của quân đội Ba Tư, gây rối loạn trong vùng Vịnh. Tình thế có thể leo thang mau chóng, để rồi cuối cùng Hoa Kỳ không còn chọn lựa nào khác mà phải nhập cuộc. Do đó, cuộc chiến này nếu có nổ ra, dường như sẽ do sự kích động của một hay hai nhân vật trong số những người hăng hái và có thể điên cuồng nhất, bất chấp hậu quả, nếu không muốn nói là có thể nổi tiếng hơn nữa một khi chiến tranh khai hoả: đó là PTT Dick Cheney và TT Mahmoud Ahmanidejad của Ba Tư.

Và đó mới chính là cái mối lo chiến tranh có thể xảy ra bất ngờ mà mọi người cần phải lưu tâm để ý đến.

Houston, Texas
Mailoan74@yahoo.com

THẾ-GIỚI THẾ-KỶ 21 ĐI VỀ ĐÂU

ẢNH-HƯỞNG "LỐP-BI" DO-THÁI Ở HOA-KỲ

kỳ 3

(Xin xem từ Thế Kỷ 21 số tháng Chín, 2007)

CỔ-LŨY

Trong bài "Ảnh-Hưởng Lốp-Bi DT Ở Hoa-Kỳ" kỳ II trên Thế-Kỷ 21 tháng Mười vừa qua, người viết nói đến đề mục "III. Sức-mạnh Vô-địch của Lốp-bi DT" với bốn "vũ khí" mà "Lốp-bi DT" dùng để chống phá nếu không nói là áp chế đối thủ cũng như những người muốn nói lên sự thật. Một vũ khí khác là:

E. Vũ khí buộc tội "chống Do Thái"

Không một phân tích về "Lốp-bi DT" có thể đầy đủ nếu không để mắt nhìn đến một trong những vũ khí mạnh nhất của "Lốp-bi": buộc tội cá nhân hay tổ chức không thân thiện với Do-Thái là "chống Do-Thái" (anti-Semitism). Hễ ai hay tổ chức nào chỉ trích hành động của Do-Thái hoặc chứng minh lý luận rằng những nhóm ủng hộ Do-Thái có ảnh hưởng lớn lao vào chính sách Mỹ ở "Trung-Đông"—một ảnh hưởng mà tổ chức lốp-bi Do-Thái đầy quyền uy AIPAC rất hoan hỷ tự hào—đều bị xem là chống Do-Thái. Thật vậy, bất cứ ai xác nhận có một "lốp-bi DT" đều bị xem là chống Do-Thái, dù chính giới truyền thông ở Do-Thái luôn luôn đề cập đến "lốp-bi DT" ở Hoa-Kỳ. "Lốp-bi" này vừa phô trương sức mạnh của mình vừa tấn công những ai nhắc nhở đến sự kiện này. Đây là một chiến thuật rất hiệu quả: "chống Do-Thái" là điều không ai muốn bị chụp mũ.

IV. TÂY-PHƯƠNG VÀ DO-THÁI

Người châu Âu sẵn sàng chỉ trích "Lốp-bi DT" hơn người Mỹ, và do đó có người xem đây như tinh thần "chống Do-Thái" ngóc đầu trở lại ở lục địa này. Đầu năm 2004, đại sứ Mỹ tại Liên-đoàn Âu-châu (EU, European Union) tuyên bố chúng ta "đã đi tới mức [chỉ trích Do-Thái] như đã từng xẩy ra trong thập niên 1930 [sửa soạn cho Adolf Hitler lên nắm quyền ở Đức, đưa đến Thế-chiến Hai và nạn diệt chủng "Holocaust"]."

A. "Chống Do Thái" ở Âu châu?

Ước lượng mức độ chống đối Do-Thái là một việc rất phức tạp, nhưng các bằng chứng có được cho thấy rõ ràng mức chống đối suy giảm chứ không gia tăng như đại sứ Mỹ nói. Cùng thời gian mùa Xuân 2004, với việc buộc tội châu Âu chống Do-Thái lên cao trong dư luận Mỹ, những thăm dò dư luận dân chúng (thực hiện bởi tổ chức ủng hộ Do-Thái mạnh mẽ, Anti-Defamation League và viện nghiên cứu dư luận độc lập và thẩm quyền Pew Research Center for the People and the Press, cả hai đều có trụ sở chính tại Hoa-Kỳ), cho thấy mức chống đối Do-Thái đi xuống tại châu Âu. Ngược lại, trong thập niên 1930 tinh thần chống Do-Thái không những bành trướng rộng rãi khắp mọi giới dân chúng châu Âu mà còn được xem như là chuyện bình thường.

"Lốp-bi DT" cùng các đồng minh thường buộc tội Pháp như nước chống Do-Thái nhất ở châu Âu. Nhưng năm 2003 nhà lãnh đạo cộng đồng Do-Thái ở Pháp tuyên bố dân "Pháp không chống Do-Thái hơn Hoa-Kỳ." Theo tài liệu của tờ báo Do-Thái *Ha'aretz* lực lượng cảnh sát, an ninh Pháp cho biết những hành động chống đối người Do-Thái đã đi xuống gần một nửa năm 2005, dù Pháp có dân số gốc A-Rập Hồi-giáo đông nhất châu Âu. Sau nữa, khi một người Pháp gốc Do-Thái bị một băng đảng Hồi-giáo ám sát tại Paris tháng Năm 2006, hàng chục ngàn người đi biểu tình phản đối hành động chống Do-Thái. Tổng thống Jacques Chirac và thủ tướng Dominique de Villepin tham dự lễ an táng để tỏ tình liên đới với gia đình nạn nhân.

Không ai có thể phủ nhận sự kiện rằng có tinh thần và hành động chống Do-Thái trong giới Hồi-giáo châu Âu, phần lớn là vì Do-Thái hành động đàn áp, ngược đãi người anh em Palestine và một phần vì kỳ thị chủng tộc, tôn giáo. Nhưng đây không có nghĩa rằng châu Âu

ngày nay giống như châu Âu thời thập niên 1930. Không ai chối cãi rằng vẫn còn một số người ghét cay ghét đắng người Do-Thái ở châu Âu (cũng như ở Hoa-Kỳ), nhưng con số này rất nhỏ bé, và quan điểm của họ cũng bị đại đa số người châu Âu dè bĩu.

Người ủng hộ Do-Thái, khi bị đòi hỏi đưa ra bằng chứng về chống Do-Thái ở châu Âu lại nêu ra "tinh thần chống Do-Thái mới" ở châu Âu mỗi khi có phê bình về chính sách của Do-Thái ở "Trung Đông." Hay nói cách khác, ai chỉ trích chính sách của Do-Thái đều bị buộc tội chống nước và người Do-Thái. Khi Nghị-hội Giáo-hội Anh bỏ phiếu rút tiền đầu tư ra khỏi đại công ty Mỹ chuyên chế máy móc xây cất hạng nặng Caterpillar với lý do rằng công ty này chế các máy ủi đất mà chính quyền Do-Thái dùng để triệt hạ nhà cửa của người Palestine, Đại Giáo-sĩ Do-Thái giáo phàn nàn hành động này "sẽ gây ra những hệ quả xấu xa trong liên hệ Anh-giáo và Do-Thái giáo ở Anh; đồng thời giáo sĩ Do-Thái Tony Bayfield đứng đầu phong trào Cải-tổ Tôn-giáo nói: "Rõ ràng người ta cho thấy thái độ chống phá nước Do-Thái—và chống người Do-Thái—bàng bạc trong dân chúng và ngay cả ở mức lãnh đạo trung cấp Giáo-hội Anh-giáo." Thật sự Giáo-hội chỉ phản đối chính sách đàn áp người Palestine của chính quyền Do-Thái (mà cả thế giới lên án, trừ Hoa-Kỳ).

Những người phê phán cũng bị buộc tội là đánh giá Do-Thái bằng tiêu chuẩn bất công hoặc đặt vấn đề với quyền sống của Do-Thái. Nhưng đây cũng là những kết án sai lầm. Người phê phán Do-Thái không hề đặt vấn đề quyền sống của Do-Thái: họ chỉ đặt vấn đề với cung cách đối xử và hành động của Do-Thái đối với người Palestine bị chiếm đất; chính người Do-Thái cũng đặt vấn đề này. Do-Thái cũng không bị xét đoán bất công: cách đối xử của Do-Thái đối với người Palestine bị lên án vì nó vi phạm những gì thế giới xem như liên quan đến nhân quyền, công pháp quốc tế và nguyên tắc dân tộc độc lập, tự quyết định số phận mình. Và như thế Do-Thái không phải là nước độc nhất bị chỉ trích hiện nay trên thế giới, dựa trên những tiêu chuẩn phổ biến toàn cầu.

B. "Chống Do Thái" ở Hoa Kỳ

Mùa thu năm 2001, và nhất là mùa xuân 2002, chính quyền George W. Bush cố làm giảm bớt tinh thần bài Mỹ trong thế giới A-Rập Hồi-giáo và giảm bớt sự ủng hộ các tổ chức khủng bố quốc tế như al-Qaeda, bằng cách làm chậm lại chính sách chiếm đất kiểu "đồn điền" ở Những Vùng Chiếm-Đóng (Occupied Territories) của Do-Thái và hô hào việc thành lập một nước Palestine. Tổng thống Bush có trong tay một vũ khí để làm áp lực Do-Thái đi theo biện pháp hợp tình hợp pháp của mình: ông có thể đe dọa giảm bớt viện trợ kinh tế lớn lao và ủng hộ ngoại giao cho Do-Thái, và rõ rệt dân chúng Mỹ cũng sẵn sàng ủng hộ chính sách và biện pháp trên (trong tinh thần hồ hởi chống khủng bố toàn cầu tổng thống gần như "muốn gì được nấy" từ dư luận dân chúng, và quốc hội nằm trong tay đa số Cộng-hòa rõ rệt, với phe Dân-chủ đối lập e dè sợ sệt). Đầu phiếu dư luận dân chúng tháng Năm 2003 (hai tháng sau xâm chiếm Iraq) cho thấy hơn 60 phần trăm dân chúng Mỹ sẵn sàng giữ lại viện trợ nếu Do-Thái cưỡng lại áp lực Mỹ nhằm giải quyết xung đột Do-Thái—A-Rập; mức ủng hộ tổng thống lên tới 70 phần trăm trong số những người "lưu tâm đến chính trị" mùa hè cùng năm. Thật vậy, 73 phần trăm dân chúng nói Hoa-Kỳ không được thiên vị bên nào.

Nhưng chính quyền đã thất bại trong việc thay đổi chính sách đối với Do-Thái, và cuối cùng Hoa-Thịnh-Đốn lại ủng hộ chính sách từ Do-Thái đề ra. Sau đó chính quyền Bush lại hùa theo những lý do Do-Thái đưa ra để biện hộ cho chính sách của mình, và lập lại giọng điệu từ Tel Aviv. Trước tháng Hai năm 2003, nhật báo *Washington Post* chạy tựa trên trang nhất: "Bush và [thủ tướng Do-Thái] Sharon Gần Giống Hệt Nhau Về Chính-Sách Trung Đông." Lý do chính cho sự giống hệt nhau này là "Lốp-bi DT."

Chuyện này xẩy ra cuối tháng Chín 2001, khi ông Bush bắt đầu thúc đẩy ông Sharon nhẹ tay bớt trong vùng Đất Chiếm Cứ của người Palestine. Ông cũng làm áp lực chính quyền Sharon cho phép ngoại trưởng Do-Thái Shimon Peres (tương đối ôn hòa) gặp mặt trao đổi với lãnh tụ Palestine Yasser Arafat, mặc dù ông Bush vẫn lên tiếng chỉ trích đường lối lãnh đạo của ông Arafat. Ông Bush cũng công khai tuyên bố ủng hộ việc thành lập một nước Palestine. Thủ tướng Sharon hoảng hốt lên tiếng buộc tội tổng thống Bush muốn "bỏ Do-Thái đi theo A-Rập," và cảnh cáo Do-Thái "sẽ không thành một nước [bị chia cắt giàn xếp] theo kiểu Nam-Tư [ở Đông Âu]."

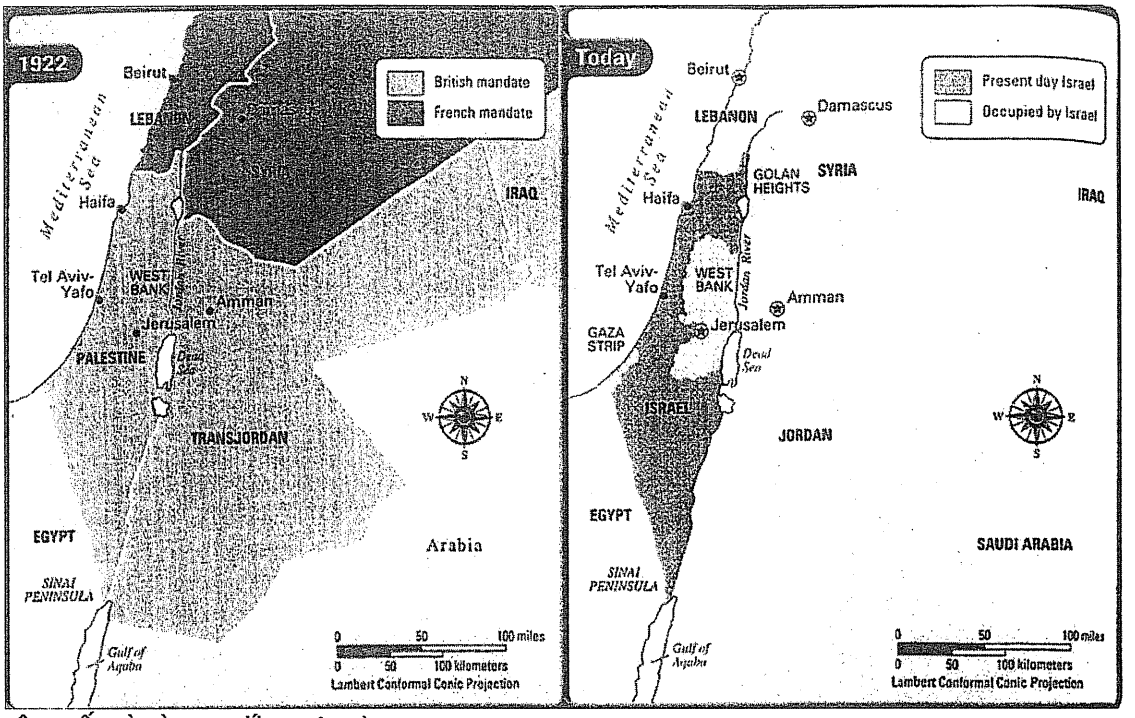

LẬP-QUỐC VÀ BÀNH-TRƯỚNG: Bản đồ "Trung Đông" trước và sau khi Do-Thái thành một nước Do-Thái giữa hơn hai-mươi nước A-Rập, Hồi-giáo có sẵn trong vùng.

Có tin tổng thống Bush giận điên người vì bị so sánh với thủ tướng Anh Neville Chamberlain (yếu đuối trước Hitler trước Thế-chiến Hai), và phát ngôn nhân tòa Nhà Trắng xem lời ông Sharon "không thể chấp nhận được." Ông Sharon đưa ra lời xin lỗi cho đúng thủ tục, nhưng ngay sau đó tiếp tay với "Lốp-bi DT" thuyết phục chính quyền Bush và dân chúng Mỹ rằng Hoa-Kỳ và Do-Thái phải đương đầu với kẻ thù chung là khủng bố. Viên chức Do-Thái và đại diện "Lốp-bi DT" ra rả nhấn mạnh rằng Arafat và Osama bin Laden không khác nhau mấy: họ nói Hoa-Kỳ và Do-Thái phải cô lập lãnh tụ Arafat (do dân chúng Palestine bầu ra) và không đi lại với ông này.

"Lốp-bi DT" cũng làm áp lực ở quốc hội. Ngày 16 tháng Mười-một, 89 nghị sĩ gửi thư tới tổng thống Bush khen ngợi ông từ chối không gặp mặt ông Arafat, nhưng cũng đòi hỏi Hoa-Kỳ không được ngăn chặn Do-Thái trả đũa người Palestine; các nghị sĩ nhấn nhủ chính quyền phải công khai tuyên bố ủng hộ Do-Thái. Theo nhật báo *New York Times*, bức thư này "khởi sự từ" một cuộc họp mặt hai tuần lễ trước giữa "giới lãnh đạo các cộng đồng Do-Thái ở Hoa-Kỳ và một số nghị sĩ nòng cốt;" tờ *Times* cũng cho biết thêm tổ chức "lốp-bi" Do-Thái AIPAC bao trùm đã "tích cực hoạt động làm cố vấn cho bức thư viết bởi các nghị sĩ." Cuối tháng Mười-một, liên hệ giữa giữa Tel Aviv và Hoa-Thịnh-Đốn cải thiện rõ rệt. Đây một phần là do nỗ lực của "Lốp-bi DT" và cũng một phần nhờ chiến thắng đầu tiên của Hoa-Kỳ tại A-Phú-Hãn—chiến thắng này làm giảm bớt nhu cầu chính quyền phải dựa vào ủng hộ từ phía A-Rập để đối phó với al-Qaeda. Thủ tướng Sharon thăm viếng tòa Nhà Trắng đầu tháng Mười-hai và gặp mặt thân thiện với tổng thống Bush.

Tháng Tư năm 2002 rắc rối giữa hai bên lại bùng nổ ra sau khi lực lượng quốc phòng Do-Thái IDF tung chiến dịch Defensive Shield và tiếp tục kiểm soát hầu như tất cả đất đai quan trọng thuộc Palestine ở vùng Tây ngạn sông Jordan (West Bank). Ông Bush biết rằng hành động của Do-Thái làm hại hình ảnh và uy tín Hoa-Kỳ trong thế giới A-Rập, và gây bất lợi cho cuộc chiến chống khủng bố, do đó ông đòi hỏi ông Sharon phải "ngưng những tấn công và bắt đầu rút ra khỏi vùng chiếm cứ." Ông nhấn mạnh yêu cầu này hai ngày sau với nhắc nhở rằng ông muốn Do-Thái "phải rút quân ngay." Ngày 7 tháng Tư, bà Condoleezza Rice lúc đó còn là cố vấn an ninh quốc gia nói với báo chí, " 'Rút quân ngay' có nghĩa là rút quân ngay. Có nghĩa là ngay tức khắc." Cùng ngày này ngoại

trưởng Colin Powelll lên đường qua "Trung Đông" để thuyết phục mọi phía ngừng bắn và bắt đầu thảo luận điều đình.

Do-Thái và "Lốp-bi DT" ra tay hành động ngay tức khắc. Những viên chức thân Do-Thái trong văn phòng phó tổng thống Dick Cheney (phó tổng thống quyền hành nhất trong lịch sử Mỹ—đầy quyền hành vì tổng thống bị xem là "ngờ nghệch," đến nỗi nhiều người trong giới đại học và truyền thông xem ông là "thủ tướng đầu tiên" trong lịch sử Mỹ, với ý tổng thống chỉ là người làm vì) và giới trí thức tân bảo thủ gốc Do-Thái như Robert Kagan và William Kristol bắt đầu nhắm mũi dùi vào ông Powell. Họ lên án ông "hầu như xóa bỏ hẳn khác biệt giữa khủng bố và những người chống khủng bố." Chính ông Bush cũng bị áp lực từ phía giới lãnh đạo Do-Thái và Tin-Lành bảo thủ Mỹ. Dân biểu Tom DeLay và Dick Armey (hai lãnh tụ dân cử Cộng-hòa đầy uy quyền, nay đã từ chức) công khai lên tiếng về nhu cầu ủng hộ Do-Thái, và ông DeLay cùng lãnh tụ thiểu số (Cộng-hòa) Trent Lott ở thượng viện đến tòa Nhà Trắng khuyến cáo tổng thống Bush phải nhượng bộ. Ngày 11 tháng Tư—đúng một tuần lễ sau khi ông Bush đòi hỏi ông Sharon phải rút quân—tùy viên báo chi tòa Nhà Trắng cho biết tổng thống xem ông Sharon là "người ủng hộ hòa bình." Ông Bush công khai lập lại điều này khi ngoại trưởng Mỹ trở về Hoa-Kỳ với tay trắng và tuyên bố với báo chí ông Sharon đã thỏa mãn yêu cầu rút quân ngay. Ông Sharon thật sự không làm gì cả, nhưng tổng thống Bush không muốn nhắc nhở đến chuyện này nữa.

Đồng thời quốc hội cũng xúc tiến việc ủng hộ ông Sharon. Ngày 2 tháng Năm, quốc hội bỏ phiếu gạt qua một bên những phản đối của chính quyền Bush và thông qua hai nghị quyết tái xác nhận ủng hộ Do-Thái (thượng viện thông qua với số phiếu 94 trên 2 nghị sĩ; hạ viện thông qua với số phiếu 352 trên 21 dân biểu). Cả hai nghị quyết xác nhận Hoa-Kỳ "đứng vào hàng ngũ Do-Thái" và "bây giờ cùng nỗ lực trong cuộc chiến chống khủng bố chung." Hạ viện cũng lên án "nỗ lực liên tục ủng hộ và điều hợp khủng bố của ông Yasser Arafat," người được mô tả như thành phần chính trong vấn đề khủng bố. Hai nghị quyết được thảo ra với trợ giúp từ "Lốp-bi DT." Vài ngày sau, một phái đoàn lưỡng đảng quốc hội lên đường qua Do-Thái xem xét tình hình với tuyên bố rằng ông Sharon phải cưỡng lại áp lực Mỹ đòi xúc tiến điều đình hòa giải với ông Arafat. Ngày 9 tháng Năm, một tiểu ban chuẩn chi ở hạ viện họp mặt bàn luận viện trợ thêm cho Do-Thái 200 triệu đô-la để chống khủng bố. Ngoại trưởng Powell chống đối viện trợ này, nhưng "Lốp-bi DT" ủng hộ viện trợ và ngoại trưởng phải chịu thua.

Nói tóm lại, ông Sharon và "Lốp-bi DT" ra mặt đương đầu với tổng thống Mỹ và chiến thắng vẻ vang. Ký giả Hemi Shalev thuộc báo Do-Thái *Ma'ariv* viết rằng các phụ tá của ông Sharon "không che giấu thỏa mãn về thất bại của ngoại trưởng Mỹ. Họ khoe khoang ông Sharon 'chiếu mắt' ông Bush và tổng thống phải quay mặt tránh né." Nhưng đúng ra những người ủng hộ Do-Thái ở Hoa-Kỳ chứ không phải ông Sharon đã nắm vai chính đánh bại tổng thống Bush.

Tình trạng này vẫn không thay đổi mấy sau đó. Chính quyền Bush không bao giờ đi lại nói chuyện với ông Arafat sau năm 2002. Sau khi ông Arafat qua đời, chính quyền có bắt tay liên hệ với lãnh tụ Palestine Mahmoud Abbas, nhưng cũng không ủng hộ ông này mấy. Ông Sharon tiếp tục phát triển kế hoạch lập "đồn điền" đơn phương trên đất của người Palestine, dựa theo "rút ra" từ Dẻo Gaza đồng thời

gia tăng bành trướng ở vùng West Bank. Với chính sách không điều đình với ông Abbas và ngăn ông không thể mang lại một phúc lợi thực tiễn nào cho người Palestine, chiến lược của ông Sharon trực tiếp đưa đến chiến thắng bầu cử vẻ vang cho nhóm phục quốc Palestine cực đoan Hamas. Với Hamas nắm quyền, Do-Thái có một lý do nữa để không điều đình gì cả. Chính quyền Bush tiếp tục ủng hộ mọi hành động của ông Sharon (và người thừa kế ông là thủ tướng Ehud Olmert, hiện đang lung lay vì thất bại lớn ở Lebanon và tai tiếng tham nhũng). Ông Bush từng đồng ý với Do-Thái đơn phương chiếm đất Palestine ở Vùng Chiếm-đóng, đi ngược lại chính sách công khai của Hoa-Kỳ từ thời tổng thống Lyndon Johnson (hơn bốn-mươi năm nay).

Viên chức Mỹ thường nhẹ nhàng lên tiếng phê bình một số hành động của Do-Thái, nhưng chẳng giúp người Palestine tạo một nước Palestine thực sự chút nào. Tháng Mười năm 2004, nguyên cố vấn an ninh quốc gia cho tổng thống Bush bố (George H. W. Bush, tổng thống Mỹ thứ 41), ông Brent Scowcroft tuyên bố ông Sharon "dí đầu" tổng thống Bush con. Nếu ông Bush muốn tách xa Do-Thái, hoặc chỉ trích hành

động của Do-Thái trong Vùng Chiếm-đóng, ông chắc chắn sẽ phải chịu trận với "Lốp-bi DT" và những người ủng hộ "Lốp-bi" này trong quốc hội Mỹ. Những ứng viên tổng thống thuộc đảng Dân-chủ cũng hiểu rõ đây là điều đương nhiên; vì vậy mà ứng viên John Kerry phải bằng mọi cách phô trương ủng hộ tuyệt đối của ông cho Do-Thái khi vận động tranh cử năm 2004, và ứng viên Hillary Clinton hiện nay đang phô trương y hệt ông Kerry.

V. "LỐP-BI DO-THÁI" VÀ VIỆC HOA-KỲ ĐI VÀO IRAQ

Duy trì ủng hộ của Hoa-Kỳ đối với những chính sách của Do-Thái chống lại người Palestine là mối quan tâm cốt tủy của "Lốp-bi DT," nhưng tham vọng của "Lốp-bi" này không ngừng ở đây. "Lốp-bi" này còn muốn Hoa-Kỳ giúp Do-Thái giữ vị trí cường quốc trấn ngự "Trung Đông." Chính quyền Do-Thái và những nhóm ủng hộ Do-Thái ở Hoa-Kỳ đã liên tục hợp tác với mục tiêu uốn nắn chính sách Mỹ đối với Iraq, Syria và Ba-Tư (Iran) cũng như giấc mơ vĩ đại của Do-Thái nhằm thiết lập một trật tự mới ở "Trung Đông."

Áp lực từ Do-Thái và "Lốp-bi DT" không những chỉ là một yếu tố đằng sau quyết định của chính quyền Bush đi vào Iraq tháng Ba năm 2003; áp lực này là yếu tố quyết định chính sách của chính quyền. Một số người Mỹ nghĩ rằng cuộc chiến Iraq là để chiếm giữ dầu hỏa, nhưng khó có những bằng cớ trực tiếp chứng minh điều này. Thay vào đây cuộc chiến xảy ra phần lớn là để củng cố an ninh cho Do-Thái. Theo ông Philip Zelikow, nguyên thành viên trong Hội-đồng Cố-vấn Tình-báo Quốc-tế cho tổng thống Bush, chủ tịch Ủy-hội 11 Tháng Chín và nay là cố vấn cho ngoại trưởng Rice, mối "đe dọa thực sự" từ Iraq không phải là đe dọa nhằm vào Hoa-Kỳ. "Mối đe dọa ngầm" là "đe dọa nhắm vào Do-Thái," theo lời ông Zelikow tuyên bố ở viện đại học Virginia tháng Chín năm 2002. Ông nói tiếp, "Chính quyền Hoa-Kỳ không muốn lên tiếng nhấn mạnh điều này, vì đây là điều đa số người Mỹ không chấp nhận."

NỖ-LỰC "NGHIÊM-CHỈNH VÀ CÓ THỰC-CHẤT"? Ngoại-trưởng Mỹ Condoleezza Rice và thủ-tướng Do-Thái Ehud Olmert gặp mặt trước hội-nghị cuối tháng Mười-một tại Annapolis (tiểu-bang Maryland) nhằm một lần nữa (sau gần sáu-mươi năm) "thiết-lập một nước Palestine."Nhưng một tờ báo Do-Thái cho biết bà Rice "đồng-ý với hầu hết những đòi-hỏi của Do-Thái."

Ngày 16 tháng Tám năm 2002, mười-một ngày trước khi phó tổng thống Dick Cheney bắt đầu chiến dịch vận động chiến tranh với một diễn văn cứng rắn và chắc nịch tại hội Cựu Chiến-binh Viễn-chinh Mỹ, nhật báo *Washington Post* đã báo cáo rằng "Do-Thái đang thúc giục viên chức Mỹ tiến hành tấn công Saddam Hussein bằng vũ lực." Theo ông Sharon, ở thời điểm này hợp tác chiến lược giữa Do-Thái và Hoa-Kỳ đã đi tới "kích thước lớn lao chưa từng thấy," và viên chức tình báo Do-Thái đã cung cấp cho Hoa-Thịnh-Đốn hàng loạt những báo cáo đầy

đe dọa về các chương trình vũ khí có tầm sát hại lớn (WMD) của Iraq. Như một tướng hồi hưu Do-Thái tuyên bố sau này, "Tình báo Do-Thái là người hợp tác tích cực vào những gì tình báo Anh và Mỹ đang trình bày về khả năng [vũ khí] ngoài qui ước của Iraq." Giới lãnh đạo Do-Thái rất lo lắng khi tổng thống Bush quyết định đi ra Hội-đồng Bảo-an LHQ để xin phép khai chiến, và còn lo lắng hơn nữa khi Saddam Hussein đồng ý cho phép các thanh tra LHQ trở lại Iraq khám xét. Ông Shimon Peres cho các phóng viên biết "Chiến dịch triệt hạ Saddam Hussein là điều phải làm. Khám xét và các nhân viên thanh tra là điều tốt cho người đàng hoàng, nhưng người không đàng hoàng có thể qua mặt khám xét và các nhân viên thanh tra thật dễ dàng."

Đồng thời ông Ehud Barak viết trên trang bình luận của nhật báo *New York Times* báo động rằng "mối nguy hiểm nhất hiện nay là khoanh tay không làm gì cả." Thủ tướng tiền nhiệm ông Barak là Binyamin (gọi tắt là Bibi) Netanyahu cũng viết trong bài nhan đề "Cần Phải Lật Đổ Saddam" trên nhật báo bảo thủ *Wall Street Journal* rằng "Ngày nay chỉ có một giải pháp là lật đổ ông này. Tôi tin rằng tôi đang thay mặt nói lên lập trường đại đa số người Do-Thái là phải đánh phủ đầu vào chế độ Saddam." Hoặc như tờ *Ha'aretz* viết trong tháng Hai 2003, "giới lãnh đạo quân sự và chính trị [Do-Thái] mong ngóng chiến tranh ở Iraq." Tuy nhiên, như ông Netanyahu gợi ý, mong ngóng chiến tranh ở Iraq không chỉ hạn chế trong giới lãnh đạo Do-Thái mà thôi. Ngoài nước Kuwait, nơi Saddam xâm lăng năm 1990 (Cuộc chiến vùng Vịnh đầu tiên thời tổng thống Bush bố), Do-Thái là nước độc nhất trên thế giới với giới chính trị và dân chúng đồng loạt một lòng mong đợi chiến tranh. Như ký giả Do-Thái Gideon Levy nhận xét lúc bấy giờ, "Do-Thái là nước Tây phương độc nhất với giới lãnh đạo ủng hộ chiến tranh vô điều kiện, và cũng là nơi dân chúng không một lời phản đối cuộc chiến." Đúng ra người Do-Thái hùng hổ với chiến tranh đến độ đồng minh của họ ở Hoa-Kỳ phải khuyên họ nhẹ nhàng bớt, nếu không ai cũng nghĩ rằng Hoa-Kỳ khai chiến là vì Do-Thái cả.

Bên trong Hoa-Kỳ, cái lực thúc đẩy cuộc chiến là một nhóm lý thuyết gia tân bảo thủ nhỏ, với đa số có liên hệ với đảng cực hữu Likud ở Do-Thái. Nhưng giới lãnh đạo "Lốp-bi DT" góp tiếng vào chiến dịch vận động chiến tranh. Tờ báo thân Do-Thái *Forward* cho biết, "Đồng thời với việc tổng thống Bush cố 'bán' cuộc chiến [cho dân chúng Mỹ] những tổ chức Do-Thái quan trọng nhất ở Hoa-Kỳ dồn sức vào việc ủng hộ bào chữa cho ông. Hết lãnh tụ cộng đồng Mỹ Do-Thái này đến lãnh tụ khác ra rả lên tiếng nhấn mạnh nhu cầu giải tỏa Saddam Hussein cùng các vũ khí WMD của ông." (đe dọa WMD, lý do chính đi vào Iraq, sau này lộ rõ là chuyện hoàn toàn bịa đặt). Và tờ *Forward* thêm nữa, "những âu lo về an ninh của Do-Thái nằm đúng trong suy nghĩ của những nhóm Do-Thái chính."

Mặc dù những người tân bảo thủ và giới lãnh đạo "Lốp-bi DT" hăm hăm nhắm vào Iraq cộng đồng Do-Thái rộng lớn ở Hoa-Kỳ nói chung không chia xẻ điều này. Ngay sau khi chiến tranh bùng nổ, ký giả gốc Do-Thái Samuel Freedman viết "những thăm dò dư luận của viện Pew cho thấy người Mỹ gốc Do-Thái ít ủng hộ cuộc chiến hơn dân chúng Mỹ nói chung, 52 phần trăm so với 62 phần trăm." Rõ ràng ta dễ sai lầm khi nói "ảnh hưởng Do-Thái" đưa đến cuộc chiến. Đúng ra phần lớn đây là do ảnh hưởng của "Lốp-bi DT," nhất là ảnh hưởng của những người tân bảo thủ trong "Lốp-bi."

Người tân bảo thủ từng quyết liệt muốn lật đổ Saddam Hussein trước khi ông Bush lên làm tổng thống. Năm 1998 họ đã gây náo động dư luận khi gửi hai thư ngỏ đến tổng thống Bill Clinton kêu gọi lật đổ Saddam. Những người ký tên vào thư ngỏ (rất nhiều người trong số này có liên hệ mật thiết với các tổ chức ủng hộ Do-Thái như JINSA hoặc WINEP, xin xem hai số Thế-Kỷ 21 trước), gồm những nhân vật (đa số thuộc giới lãnh đạo Mỹ gốc Do-Thái trong và ngoài chính quyền Bush) như Elliot Abrams (nguyên thứ trưởng quốc phòng), John Bolton (nguyên đại sứ Mỹ ở LHQ), Douglas Feith (nguyên thứ trưởng quốc phòng, kế hoạch đặc biệt xâm chiếm Iraq), William Kristol và Bernard Lewis (lý thuyết gia và giáo sư đại học), Donald Rumsfeld (nguyên tổng trưởng quốc phòng), Richard Perle (nguyên cố vấn an ninh, chính trị) và Paul Wolfowitz (nguyên thứ trưởng quốc phòng và "kiến trúc sư " đi vào Iraq, nguyên chủ tịch World Bank; chưa kể Steve Cambone, nguyên thứ trưởng quốc phòng chuyên về tình báo; xin xem *Phái Tân-Bảo-Thủ Và Chính-Sách Ngoại-Giao Mỹ*, Thế-Kỷ 21, tháng Mười 2004, cùng người viết) không gặp khó khăn lắm trong việc thuyết phục chính quyền Clinton

đặt mục tiêu tổng quát lật bỏ Saddam. Nhưng họ không thể thuyết phục chính quyền này gây chiến để đạt đến mục tiêu. Họ cũng không thuyết phục được chính quyền Bush trong những tháng cầm quyền đầu tiên của ông Bush. Họ cần trợ lực để đạt mục tiêu này. Trợ lực đưa tới với với vụ tấn công khủng bố 11 tháng Chín năm 2001. Nói một cách rõ rệt hơn: những gì xẩy ra trong ngày này đưa đến việc hai ông Bush và Cheney thay đổi chính sách hoàn toàn và trở thành người ủng hộ tấn công phủ đầu Iraq (cũng vì thế từ đây có dư luận nói Do-Thái, chính quyền Bush và A-Rập Sao-Đi giàn cảnh vụ tấn công này, tuy không có bằng chứng xác thực).

Trong một gập mặt quan trọng với tổng thống Bush sau khủng bố ở Trại David ngày 15 tháng Chín, thứ trưởng quốc phòng Wolfowitz biện luận cho việc tấn công Iraq trước khi tấn công (Taliban và Osama bin Laden ở) A-Phú-Hãn, dù không có chứng cớ gì về Saddam liên quan đến khủng bố và ai cũng rõ bin Laden hoạt động ở A-Phú-Hãn. Ông Bush không nghe theo biện luận và chọn tấn công A-Phú-Hãn trước, nhưng chiến tranh với Iraq đã có triển vọng rõ rệt, và ngày 21 tháng Mười-một tổng thống ra lệnh cho các nhà kế hoạch quân sự bắt đầu thiết kế xâm chiếm Iraq cụ thể. Trong khi đó các người tân bảo thủ khác ra tay vận động giới quyền thế chính trị. Hiện nay chưa có đầy đủ chi tiết nhưng những học giả, trí thức như Bernard Lewis (người Mỹ gốc Do-Thái, tác giả một nghiên cứu gay gắt về người A-Rập Hồi-giáo, được xem là sách gối đầu giường của giới bảo thủ) thuộc viện đại học Princeton và Fouad Ajami (trí thức A-Rập được giới bảo thủ Mỹ ưa chuộng) thuộc viện đại học Johns Hopkins được xem là đóng vai trò chính trong việc thuyết phục phó tổng thống Cheney rằng chiến tranh với Iraq là giải pháp tốt nhất—dù những người tân bảo thủ gốc Do-Thái khác nằm trong "nội các" của ông Cheney như Eric Edelman, John Hannah và đổng lý văn phòng Lewis Libby cũng đóng vai trò quan trọng. Đầu năm 2002 ông Cheney đã thuyết phục được ông Bush; và với hai ông Bush và Cheney suy nghĩ cùng chiều chiến tranh Iraq đã không tránh khỏi.

Ngoài chính quyền, giới viết lách tân bảo thủ không để mất thì giờ uốn nắn dư luận theo suy nghĩ xâm chiếm Iraq là tối cần thiết để thắng cuộc chiến chống khủng bố toàn cầu. Một phần nỗ lực của họ nhằm vào việc làm áp lực liên tục với ông Bush, đồng thời chế ngự những thế lực chống chiến tranh ở trong và ngoài chính quyền. Ngày 20 tháng Chín, một nhóm tân bảo thủ với ảnh hưởng rộng lớn lại đăng thư ngỏ trên báo chí với lý luận rằng: "Dù bằng chứng không cho thấy Iraq liên hệ trực tiếp với khủng bố, mọi chiến lược nhằm tảo thanh khủng bố cùng những người ủng hộ khủng bố phải gồm nỗ lực mạnh mẽ lật đổ Saddam Hussein ở Iraq." Lá thư ngỏ cũng nhắn nhủ ông Bush rằng "Do-Thái luôn luôn là đồng minh sắt đá với Hoa-Kỳ trong cuộc chiến chống khủng bố quốc tế." Trong số *Weekly Standard* ngày Một tháng Mười, (hai nhà trí thức và bút chiến tân bảo thủ gốc Do-Thái) Robert Kagan và William Kristol kêu gọi thay đổi chế độ ở Iraq ngay sau khi dẹp tan Taliban ở A-Phú-Hãn. Cùng ngày, (cây bút chiến tân bảo thủ gốc Do-Thái) Charles Krauthammer lý luận trên tờ *Washington Post* rằng sau khi Hoa-Kỳ xong việc ở A-Phú-Hãn, Syria sẽ là mục tiêu kế tiếp, rồi đến Ba-Tư và Iraq: "Cuộc chiến chống khủng bố sẽ kết thúc ở Baghdad," khi chúng ta triệt hạ "chế độ khủng bố nguy hiểm nhất thế giới."

Đây là bước khởi đầu cho cả một chiến dịch vận động uốn nắn thôi thúc dư luận chính quyền và dân chúng Mỹ ủng hộ việc xâm chiếm Iraq; điểm chính trong chiến dịch này là bóp méo tin tức tình báo để chứng minh Saddam là mối đe dọa ghê gớm trước mắt. Thí dụ như ông Libby (nguyên đổng lý văn phòng phủ phó tổng thống Cheney) làm áp lực các nhà phân tích tình báo CIA tìm chứng cớ biện hộ cho chiến tranh và giúp ngoại trưởng Colin Powell (với nguyên giám đốc CIA George Tenet và nguyên đại sứ John Negroponte—sau lên làm trùm 16 ngành tình báo Mỹ, rồi thứ trưởng ngoại giao hiện nay—ngồi ngay sau lưng làm trợ lực; người ta còn nhớ hình ảnh ông Tenet rất bấn bách không nhìn vào ống ảnh truyền hình và ông Negroponte cúi mặt xuống đất hoàn toàn) lúc bấy giờ đánh lừa Hội-đồng Bảo-an LHQ (về "những phòng thí nghiệm lưu động" WMD của Iraq, dù những thanh tra và cơ quan nguyên tử năng IAEA thuộc LHQ xác nhận đây không có thực; cái "vốn chính trị" của ông Powell cũng mất từ đây cùng với tham vọng ứng cử tổng thống). Bên trong bộ quốc phòng, Nhóm Định-lượng Chính-sách Phản-gián (PCEG) được giao cho nhiệm vụ phải tìm ra liên hệ giữa al-Qaeda và Iraq cho bằng được, mặc dù giới tình báo (CIA, tình báo bộ ngoại giao và tình báo quốc phòng, DIA) đã cho biết

không có chứng cớ nào (bin Laden và Saddam thực sự là kẻ thù chính trị). Hai nhân vật chính trong nhóm này là người tân bảo thủ trung kiên gốc Do-Thái David Wurmser và Michael Maloof, một người A-Rập gốc Lebanon có liên hệ chặt chẽ với ông Richard Perle. Một nhóm khác trong bộ quốc phòng, Phòng Kế-hoạch Đặc-biệt, được giao cho trách nhiệm tìm kiếm bằng chứng để dùng vào việc "bán" cuộc chiến cho dân chúng Mỹ. Người đứng đầu phòng này là ông Abram Shulsky, một người tân bảo thủ gốc Do-Thái có liên hệ lâu đời với thứ trưởng Paul Wolfowitz, cùng các nhân viên cao cấp khác tuyển chọn từ những viện nghiên cứu và "Lốp-bi" ủng hộ Do-Thái. Hai tổ chức mới trong bộ quốc phòng này được thành lập sau ngày 11 tháng Chín và trực tiếp dưới quyền thứ trưởng Douglas Feith gốc Do-Thái.

Như hầu hết những người tân bảo thủ khác, ông Feith hoàn toàn gắn bó trung thành với Do-Thái; ông cũng có nhiều liên hệ lâu đời với đảng cực hữu Likud. Thời thập niên 1990 ông từng là tác giả nhiều bài viết trên báo chí ủng hộ lập "đồn điền" Do-Thái trên đất của người Palestine và biện hộ cho việc Do-Thái duy trì vùng Đất Chiếm-đóng. Quan trọng hơn nữa, cùng với hai ông Perle và Wurmser ông viết bản tường trình nổi tiếng "Clean Break" (tạm dịch "Đoạn-tuyệt với Quá-khứ") tháng Sáu năm 1996 cho ông Netanyahu thuộc đảng Likud mới lên làm thủ tướng. Trong tường trình này, ba người viết đề nghị ông Netanyahu "chú tâm vào việc loại bỏ Saddam Hussein ra khỏi Iraq—một mục tiêu chiến lược chính đáng và quan trọng của Do-Thái." Bản tường trình cũng kêu gọi Do-Thái tiến hành việc lập thành một trật tự mới ở "Trung Đông." Ông Netanyahu không theo đuổi những khuyến cáo này, nhưng ba ông Feith, Perle và Wurmser chẳng bao lâu sau đó lại thúc đẩy chính quyền Bush theo đuổi những mục tiêu trên. Ký giả Akiva Eldar của tờ báo Do-Thái *Ha'aretz* cảnh cáo rằng ông Feith và Perle "đang đong đưa giữa lòng trung thành với chính phủ Mỹ...và những quyền lợi của Do-Thái."

Ông Wolfowitz cũng đặt quyền lợi Do-Thái lên trên hết. Tờ *Forward* từng mô tả ông như "tiếng nói ủng hộ Do-Thái cực đoan nhất trong chính quyền," và chọn ông như người đứng đầu trong số năm-mươi nhân vật "hết lòng hoạt động cho Do-Thái" năm 2002. Cũng cùng khoảng thời gian, JINSA trao giải thưởng Phục-vụ Xuất-sắc (cho Do-Thái) cho ông Wolfowitz vì thành tích củng cố hợp tác giữa Do-Thái và Hoa-Kỳ; tờ *Jerusalem Post* mô tả ông như "người ủng hộ Do-Thái thành khẩn nhất," và chọn ông làm "Nhân-vật Nổi-bật Trong Năm" năm 2003 (Hoa-Kỳ xâm chiếm Iraq tuần lễ thứ ba tháng Ba cùng năm).

Sau cùng, không thể nào bỏ qua những ủng hộ, hỗ trợ của giới tân bảo thủ dành cho tay chính khách hoạt đầu Ahmed Chalabi, (dân Iraq bỏ nước lưu vong từ bé qua Anh, được vời qua Hoa-Kỳ làm "con bài" của phó tổng thống Cheney và tổng trưởng quốc phòng Rumsfeld qua mặt bộ ngoại giao và CIA, để về làm lãnh tụ Iraq hậu Saddam; sau bị bắt điều tra làm bạc giả và gián điệp cho Ba-Tư) nguyên lãnh tụ đảng Nghị-hội Quốc-gia Iraq (INC). Giới tân bảo thủ chọn lựa Chalabi vì ông có những liên hệ với các nhóm Mỹ gốc Do-Thái cũng như đã hứa hẹn liên hệ mật thiết với Do-Thái một khi lên nắm quyền. Đây đúng là điều những người ủng hộ Do-Thái và và thay đổi chính quyền Iraq muốn nghe. Ký giả Do-Thái Matthew Berger đã viết về những điều đình mặc cả trên tờ *Jewish Journal* như sau: "[Đảng] INC xem liên hệ mật thiết với Do-Thái như một cách khai thác ảnh hưởng Do-Thái ở Hoa-Thịnh-Đốn và Jerusalem, và thu hút ủng hộ cho đảng mình. Về phía các nhóm Do-Thái, họ xem đây như cơ hội củng cố liên hệ mật thiết giữa Do-Thái và Iraq, một khi INC được phép tham dự vào việc thay đổi chính quyền Saddam Hussein."

(xin xem tiếp TK 21 số tới)

Xin đón đọc từ ngòi bút độc-lập, tin-cậy đã quen-thuộc với người đọc qua Thế-Kỷ 21, nhật-báo Người-Việt, trang Anh-ngữ "Việt Forum" và "NV English Section" (chủ-biên) từ thập-niên 1970:

THẾ-GIỚI THẾ-KỶ 21 ĐI VỀ ĐÂU
NHỮNG VẤN-ĐỀ HÔM NAY VÀ SẮP TỚI

TUYỂN-TẬP I*

CỔ-LŨY

* Sẽ xuất-bản - như một đáp-ứng yêu-cầu "đưa ra những cái nhìn khác và cần-thiết" của anh ĐNY.

Hội Chứng Trung Quốc

MAI THANH TRUYẾT

Ngày hôm nay có thể nói rằng, hầu hết mọi người sống trên hành tinh nầy đều phải chạm mặt với hàng chữ "made in China" mỗi khi bước vào các chợ hay siêu thị, hay các cửa hàng đồ chơi, cửa hàng bách hoá v.v... Những mặt hàng sản xuất tử Trung Quốc thực sự đã chiếm lĩnh thị trường thế giới trong những năm gần đây từ thực phẩm, hàng tiêu dùng, đồ chơi, thậm chí đến những mặt hàng cao cấp như máy điện toán, xe hơi và một số máy móc dùng cho các sinh hoạt gia đình.

Qua sự dễ dãi về thủ tục hải quan, thuế khoá, và xuất nhập cảng sau khi Trung Quốc (TQ) gia nhập vào WTO, cộng thêm giá bán rất rẻ so với những thành phẩm sản xuất tại các quốc gia đã phát triển, hàng hoá TQ xâm nhập vào thị trường Tây phương rất dễ dàng và được giới trung lưu và dân nghèo ở các nước trên chiếu cố rất mạnh.

Tuy nhiên, mặc dù hàng hoá TQ đã hiện diện ở những quốc gia nầy từ lâu, nhất là Hoa Kỳ, nhưng thực sự câu chuyện chỉ bắt đầu từ tháng Tư năm nay, khi Cơ quan Thực phẩm và Dược phẩm HK (FDA) và Bộ Nông nghiệp HK (USDA) công bố kết quả thí nghiệm cho thấy rằng thức ăn cho chó, mèo sản xuất tại TQ chứa dư lượng hoá chất melamine không được cho phép có trong thực phẩm, làm ngộ độc một số chó mèo ở nước nầy. Melamine là một protein kỹ nghệ, cơ thể con người cũng như thú vật không có nhu cầu đến protein nầy. Và từ đó, hàng loạt sản phẩm sản xuất từ TQ bị thu hồi (recall) trên toàn quốc. Trong năm 2006, tổng số hàng hoá nhập cảng từ TQ chiếm đến 81% số hàng bị thu hồi.

Bài viết nầy tập trung vào một số sản phẩm TQ đã bị thu hồi theo thứ tự thời gian từ ngày 26 tháng 4, 2007, để rồi từ đó cho chúng ta thấy được tầm quan trọng của vấn đề cũng như phản ứng phản hồi từ phía dư luận quần chúng, từ các chính phủ nhập cảng hàng hóa TQ và các cơ quan quốc tế trong suốt thời gian qua.

Thức ăn gia súc có chứa độc tố

Có hơn 100 thương hiệu thức ăn của chó và mèo sản xuất từ TQ đã bị thu hồi trong đó có nhãn hiệu như Hy Vee, Li'l Red, Lick Your Chop, Nu Pet, Nutro v.v... Lý do là các thương hiệu trên có pha trộn hoá chất kỹ nghệ melamine hay hỗn hợp melamine.

Trên thị trường, hoá chất trên thường được pha trộn trong gạo để được thêm vào thương hiệu lời quảng cáo là gạo giàu protein để bán cao giá hơn gạo bình thường. Do đó, thức ăn cho chó mèo sản xuất từ TQ có pha trộn hoá chất trên cũng nằm trong cùng một mục đích. Sở dĩ hai cơ quan FDA và USDA khám phá ra điều trên là do sự phàn nàn của một số chủ nuôi chó mèo ở California, Kansas, New York, North và South Carolina, và Utah. Từ đó đưa đến việc phân tích nước tiểu của chó mèo, và melamine đã được tìm thấy. Sau đó tất cả sản phẩm có nhãn hiệu TQ đều bị thu hồi.

Chó mèo sau khi ăn thức ăn có chứa melamine sẽ bị mỏi mệt, biếng ăn, đôi khi bị ói mửa.

Trong lúc đó, ảnh hưởng của hoá chất trên lên con người cho đến nay, vẫn chưa có những chứng minh cụ thể. Tuy nhiên , FDA vẫn còn tiếp tục điều tra thêm nữa về nguy cơ của hoá chất trên, cùng độc tính của nó lên con người.

Cũng cần nên biết là ngoài chó mèo ra, gà ở một số vùng như Indiana cũng được nuôi bằng thức ăn có chứa hoá chất trên dưới dạng lúa mì có gluten nhập cảng từ TQ. Trên 30 trại gà đã nuôi bằng thức ăn trên từ tháng Hai vừa qua, và số gà trên đã bị thiêu huỷ. Ảnh hưởng lên sức khoẻ của con người khi tiêu thụ thịt gà bị nhiễm độc trên vẫn chưa được chứng minh rõ ràng và còn đang trong vòng nghiên cứu.

Kem Đánh Răng

Trong khi vụ thức ăn cho chó mèo còn đang tiếp diễn, một tin động trời khác là kem đánh răng sản xuất từ TQ có chứa hoá chất diethyleneglycol (DEG) làm ngộ độc và làm chết trên 50 người ở Panama và Costo Rica. Tại Hoa Kỳ, thương vụ chính thức của loại kem đánh răng nầy lên đến 3 triệu Mỹ kim, chưa kể đến hàng nhập lậu và hàng giả dưới nhiều nhãn hiệu của

Hoa Kỳ khác nhau như Colgate.

Các thương hiệu TQ đã bị thu hồi là: Excel, Maxam, Evafresh, Tian Qi, Hei Mei Cpp, Mr Cool. Mr Fresh, Dr Cool, Smile 2, Crescent và Three Leaf Spearmint.

Sau khi phân tích các loại kem trên, lượng DEG có thể lên đến 4% do Văn phòng Tiêu chuẩn, Đo lường và Kiểm soát (Bureau of Standards, Metrology and Inspection (BSMI) kiểm nghiệm.

DEG là một hoá chất kỹ nghệ, có tính độc hại trung bình và được dùng trong kỹ nghệ lạnh. Nó tương tự như glycerine, và hoá chất sau nầy được cho phép dùng trong kỹ ngệ kem đánh răng như một nhân tố làm cho kem đông đặc lại. (Chính vì vậy mà TQ đã bào chữa là một nhà máy đã sử dụng lầm hoá chất, tưởng DEG là Glycerine.)

Theo quan điểm của người viết, TQ cố tình dùng DEG trong kem đáng răng vì những tính chất sau: 1- Đây là một nhân tố dùng để cho kem khỏi bị đông lạnh vì thời tiết, 2- Vì trong kem có Calcium và Magnesium dễ bị mất nước do thời tiết ở các quốc gia nhiệt đới, cho nên sự hiện diện của DEG là để tránh cho kem không bị khô, 3- Và sau cùng DEG làm cho kem có vị ngọt.

Tại HK, tiểu bang Florida đã ra lịnh cấm và thu hồi các thương hiệu kem đánh răng TQ và đã khuyến cáo dân chúng khi mua kem đánh răng như sau:

- Cần xem kỹ nhãn hiệu và thành phần cấu tạo kem. Nếu có ghi DEG hay Glycol thì không nên mua và cho cửa hàng bán biết lịnh thu hồi;
- Tránh mua tất cả các loại kem mang nhãn hiệu TQ hay made in China;
- Tránh việc mua kem giả. Dấu hiệu để phân biệt hàng giả: mẫu mã, chữ viết, hình ảnh nhoè và xấu hơn kem nguyên gốc;
- Tránh việc mua kem đánh răng ngoài chợ trời và không có nhãn hiệu rõ ràng;
- Nếu không có nhãn hiệu bằng tiếng Anh, dứt khoát không mua.

Ngoài Hoa Kỳ ra, kem đánh răngTQ có chứa DEG còn hiện diện và mới vừa được khám phá ở Taiwan. Các loại kem nầy đã được dùng trong các khách sạn ở đây và đã được chính quyền sở tại nghiêm cấm.

Kem TQ còn được dùng trong các trại tù ở New Zealand hàng chục năm qua do quốc hội nước nầy mới vừa khám phá ra! Tù nhân đã từng được báo cáo là thường hay mệt mỏi dã dượi và ăn không thấy ngon.

Tại Canada, cơ quan y tế xứ nầy vừa cảnh báo là trong kem đánh răng TQ ngoài sự hiện diện của DEG còn có chứa một số vi khuẩn độc hại có nguy cơ ảnh hưởng lên sức khoẻ của con người, đặc biệt là trẻ em vì các em hay có khuynh hướng nuốt kem vào trong cuống họng. Các bịnh có thể có là bị cảm lạnh, nhiễm độc đường tiểu, và ảnh hưởng lên đường tiêu hóa như ói mửa, tiêu chảy và đau bụng, cũng như một số bịnh về hệ thống miễn nhiễm ở trẻ em.

Sản phẩm trái cây, thực phẩm khô, dược thảo, thuốc men, và sản phẩm gia dụng

Năm 2006, Tổ chức Y tế thế giới (WHO) đã đánh giá tầm quan trọng của vấn đề trong chế độ ăn uống và sản xuất thực phẩm của TQ, tổ chức phối hợp với Viện Dinh dưỡng An toàn Thực phẩm TQ, Hội thảo Quốc tế lần thứ tư về Các chương trình nghiên cứu chế độ ăn uống tại Bắc Kinh ngày 23 -27 tháng 10 trong đó có sự tham dự của trên 30 đại biểu đến từ các quốc gia đang phát triển. Tuy nhiên, sự việc không diễn ra như dự tính, TQ vẫn tiếp tục hành xử theo "suy nghĩ" xã hội chủ nghĩa của chính quốc gia nầy bằng cách áp dụng bất cứ mọi phương tiện nào nhanh nhất, rẻ nhất, với mục đích đạt được lợi nhuận tối đa mà không hề lưu tâm đến sức khoẻ của người dân trong nước hay người ngoại quốc. Một thí dụ điển hình là tin tức do CNN phát đi cách đây vài tháng, bánh bao bày bán tại TQ có nhân được làm bằng giấy cạc-tông xé nhỏ, và công nhân tố cáo sự việc nầy đã bị đem đi mất tích.

Trong lãnh vực các sản phẩm trái cây, thực phẩm khô, dược thảo, thuốc men và các sản phẩm gia dụng khác, tuy không ảnh hưởng nhiều đến dư luận HK, nhưng trong các cộng đồng thiểu số sống ở HK cũng cần nên lưu tâm đến. Vào tháng 6 vừa qua, cơ quan an toàn thực phẩm New York đã ra quyết định cấm bày bán các loại nấm màu đen và khô như nấm đông cô, nấm hương, nấm mèo vì có chứa dư lượng hoá chất sulfide dùng để chống mốc. Formaldehyde cũng được tìm thấy trong hạt tiêu. Hầu hết thực phẩm khô trong các bao nylon cũng như thực phẩm trong hộp thiếc đều có chứa hoá chất bảo quản thực phẩm quá tiêu chuẩn quy định và có vi khuẩn coliforms, nguyên nhân của nhiều mầm bịnh về đường ruột.

Trong lãnh vực dược thảo như thuốc làm ốm đã làm xáo trộn dư luận một thời gian và đã bị cấm (thuốc Fen Fen (?)) vì thuốc đã làm chết người và vẫn còn đang trong vòng tranh tụng giữa gia đình nạn nhân và nhà sản xuất TQ.

Thuốc cường dương Zencore đã được quảng cáo là giúp cho quý ông hưng phấn sau khi dùng vì có chứa nhân tố aminotadalafil và sildenafil. Nhưng hai hoá chất nầy có thể làm cho áp huyết bị xuống thấp đến mức nguy hiểm. Do đó cũng vừa bị thu hồi vào ngày 8 tháng 9 vừa qua. Cũng như tại chính bản quốc, hàng nhái, hàng giả trong lãnh vực y tế cũng không kém phần nghiêm trọng như hàng loạt bịnh viện đã sử dụng albumin giả trong dịch vụ y tế. Câu chuyện cũng chưa ngừng ở đây, mới vào ngày 16/9, chính phủ TQ lại phải ra lịnh thu hồi hai loại thuốc tên Methotrexate và Cytarabin, HCl dùng để trị bịnh ung thư máu (leukaemia) của nhà phát hành dược phẩm Hualian Pharmaceutical Co. ở Thượng Hải. Lý do là hai loại thuốc nầy đã bị ô nhiễm do đó gây ra phản ứng phụ cho bịnh nhân nhất là trẻ em.

Đối với các loại trái cây và rau quả nhập cảng từ TQ, đặc biệt ở Việt Nam, trái cây đã được bảo quản bằng hoá chất diệt cỏ 1,4-D và 1,4,5-T , thành phần chính trong chất diệt cỏ màu da cam mà quân đội HK đã phun xịt trong chiến dịch Ranch Hand trong chiến tranh Việt Nam từ năm 1962 đến 1971. Năm 2005, TS Nguyễn Đức Tuấn, Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng I, đã phân tích các loại trái cây như cam, lê, táo, nho v.v... nhập từ TQ được tẩm hoá chất trên và có thể giữ được tươi tốt trên một tháng. Hoá chất trên đã được bày bán trong những bao nylon đựng 2 gr với giá rất rẻ trên dưới 2.000 Đồng/bao. Hoá chất nầy cũng đã xâm nhập vào thị trường Tp Sài Gòn. (Được biết, TS Tuấn ngay sau khi công bố kết quả trên đã được điều động (?) đi đến một nơi không ai biết cả!)

Chúng ta có thể hình dung các loại rau như bông cải, cà rốt, hành tây, cà tô mát v.v...

làm thế nào còn giữ được tươi tốt qua một hành trình dài từ biên giới Việt Trung (chưa kể từ nơi xuất xứ) xuống tận Sài Gòn và không bị hư thúi dưới cái nóng nhiệt đới nếu không có hoá chất bảo quản thực vật đặc biệt như hoá chất diệt cỏ dại? Trong các loại sản phẩm tươi xuất cảng như cá nục, cá bóng mú... đều có sự hiện diện của hoá chất kháng sinh nitrofuran, một hoá chất nằm trong danh sách 12 hoá chất "dơ bẩn" đã bị LHQ cấm dùng trong thực phẩm từ năm 2004.

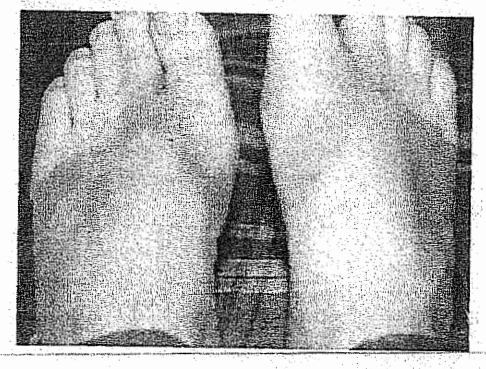

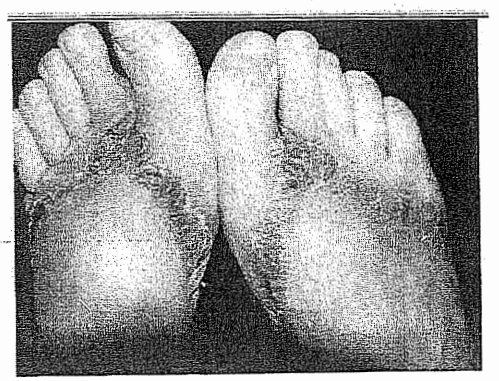

Hậu quả việc mang dép do TQ sản xuất

Gần đây nhất, tại các chợ ở Thủ Đức, được bày bán hàng trái cây nhập từ TQ gồm táo, lê, quít, đào, mận, và đủ loại cam có màu khác nhau như cam xanh, cam đỏ... Theo như các bạn hàng, các loại trái cây trên có vỏ cứng, ăn dòn và tươi rói, rất bắt mắt, "nước da" loại trái nào cũng láng bóng và tươi như mới vừa hái xong. Nhưng theo kết quả thử nghiệm của Cục An toàn Vệ sinh Thực phẩm, Bộ Y tế cho biết dư lượng hoá chất Carbendazim chiếm 46% trong tổng số mẫu lê táo đã khám nghiệm. Ngoài ra các hoá chất thuộc họ phosphate như Carbamat hiện diện trong các loại trái khác nhập từ TQ.

Tại các siêu thị Việt Nam và Tàu ở Mỹ, làm thế nào lê Tân Cương của TQ vẫn được bày bán với giá rẻ (59 xu/bl) với cuống trái xanh tươi như mới vừa hái? Cũng cần nên nhớ, Cơ quan FDA của HK chỉ có khả năng kiểm nghiệm trên dưới 1%

những lô hàng nhập cảng từ Việt Nam hay Trung Quốc mà thôi.

Và ở các quốc gia khác như tại New Zealand, áo quần sản xuất tại TQ có hàm lượng formaldehyde hay tên thông thường la formol (chứ không phải là formon như đã ghi trong một số báo và diễn đàn) cao. Tại Indonesia, kẹo TQ cũng được ghi nhận do cơ quan Giám sát Thực phẩm Nam Dương có chứa formol. Tính độc hại sau khi tiếp nhiễm của formol được nêu lên trong bảng độc hại của Irving Sax là 150 ug/Kg cơ thể nếu bị tiếp nhiễm ngoài da, và 4 ug cho mắt. Nếu formol xâm nhập vào đường tiêu hoá với lượng trên 36 mg/kg cơ thể, nạn nhân có thể bị hôn mê.

Thái Lan cũng đưa ra cảnh báo thận trọng với thực phẩm tươi và khô của TQ như trái cây và rau củ. Riêng Bộ Y tế Thái Lan đã thử nghiệm ngẫu nhiên 11.000 sản phẩm nhập cảng từ TQ và đều phát hiện có chứa hàm lượng hoá chất độc hại và vi khuẩn.

Tại Anh Quốc, nước uống TQ hiệu MM cũng bị thu hồi vì nắp chai dễ bị tách rời ra và có chứa vi khuẩn.

Hầu hết các đồ gia dụng trong nhà như nồi, niêu, soong chảo cũng như một số đồ sành sứ có tráng men như chén dĩa sản xuất từ TQ đã được Viện Khoa học Công nghệ Việt Nam xét nghiệm cho thấy có vết tích của Chì (lead), thuỷ ngân (Hg), và arsenic (As) là những kim loại có tính độc hại cao lên sức khoẻ của con người.

Chợ Wal Mart Hoa Kỳ mới vừ thu hồi dép nhựa TQ đã được bày bán với giá $2.44. Dép nhựa nầy đã làm bỏng chân người mang chỉ trong vòng chưa đầy một tháng. Bác sĩ khám nghiệm nạn nhân và tìm thấy hoá chất làm cháy da, tuy nhiên vẫn chưa định rõ được tên hoá học rõ ràng.

Phẩm Màu Trong Thực Phẩm

Trong thực phẩm, màu giữ một địa vị rất quan trọng. Nó làm cho sản phẩm bắt mắt hơn, gây chú ý cho người mua và gây ảnh hưởng tốt về phẩm chất của món hàng. Có hai loại màu: màu tổng hợp và màu thiên nhiên.

Màu thiên nhiên được trích từ các mô của cây cỏ. Việc xử dụng loại màu nầy nảy sinh ra nhiều vấn đề như: màu không cố định có thể thay đổi hay biến dạng theo thời gian, nhiệt độ, ánh sáng, và nhất là có thể làm biến dạng phẩm chất của thực phẩm được nhuộm màu.

Còn màu tổng hợp thường tan trong nước và ổn định hơn. Trên thị trường, màu tổng hợp có dưới dạng hạt, bột, dung dịch, hay dạng dẻo. Màu tổng hợp tác dụng với hydroxid nhôm Al(OH)3 để cho ra một dung dịch gọi là hồ (lakes) sẵn sàng để nhuộm màu trong thực phẩm. Lợi điểm của màu tổng hợp là màu rất bền không bị tác dụng do thời gian, nhiệt độ hay ánh sáng. Các nhà sản xuất thực phẩm rất thích dùng loại màu tổng hợp nầy.

Xin đan cử ra đây hai màu tổng hợp căn bản là màu tartrazine có màu vàng và màu carmine màu đỏ ngả qua cam. Đứng về phương diện độc hại, màu rất nhạy cảm cho da, có thể làm nứt da, tạo ra những vảy nến, hay làm dị ứng cũng như nghẹt mũi căn cứ theo báo cáo của Ủy ban Khoa học Thực phẩm cho con người của EU (CSAH).

Tuy nhiên trên thị trường thực phẩm gần đây ở Việt Nam cũng như ở các quốc gia Tây phương và Bắc Mỹ đã xuất hiện nhiều mặt hàng thực phẩm có chứa một loại phẩm màu dùng trong kỹ nghệ. Đó là phẩm màu có tên Sudan.

Sudan là gì?

Sudan là một loại phẩm màu tổng hợp chứa các hợp chất azo, naphtols và các gốc methyl di động. Thông thường phẩm màu được áp dụngthường xuyên trong thực phẩm là sudan đỏ I, có công thức tổng quát là C16H12N2O. Ngoài ra còn có sudan II màu cam, sudan III màu đỏ ceresin (màu đỏ đậm), và sudan IV còn có tên là dung môi đỏ 24. Sự thay đổi màu sắc của các sudan là do sự chuyển đổi vị trí của các nhóm gốc methyl.

Trong kỹ nghệ phẩm sudan thường được dùng để nhuộm da giày, vải vóc, các đồ dùng đồ chơi bằng plastic, pha màu dầu nhớt kỹ nghệ, v.v... Sudan tan trong dầu mỡ và định màu trong đó.

Theo kết quả nghiên cứu của nhiều nhà khoa học trên thế giới thì sudan, sau khi định màu trong các mô mỡ, sẽ bị phân đoạn do phản ứng azo-khử để cho ra aniline và amino-naphtol là hai độc chất cho con người.

Kể từ năm 2003, tại Pháp, sudan I được xếp vào loại hóa chất có thể gây chuyển đổi các nhiễm sắc thể di truyền và thuộc loại có nguy cơ gây ung thư loại 3.

Sudan được phân tích bằng phương pháp sắc ký lỏng dưới áp suất cao tức HPLC và có thể định lượng đến độ chính xác 10 ppb (phần tỷ).

Lịch sử sudan đỏ I trong thực phẩm

Mặc dù phẩm màu sudan đã được tổng hợp từ

lâu, nhưng chỉ được dùng trong kỹ nghệ mà thôi. Mãi đến năm 2003, Cơ quan An toàn Thực phẩm Pháp mới khám phá ra sự hiện diện của sudan I trong các lô hàng phẩm màu nhập cảng từ Ấn Độ và Trung Quốc. Tin tức nầy được loan truyền đến Cộng đồng Âu Châu và kể từ ngày 20 tháng 6 năm 2003, tất cả các sản phẩm lương thực nhập cảng từ các quốc gia đệ tam (đang phát triển) đều bị kiểm soát sự hiện diện của sudan rất kỹ.

Cũng trong năm nầy, Cơ quan Tiêu chuẩn Thực phẩm Anh Quốc (BFSA) đã lên danh sách 419 sản phẩm thực phẩm của Trung Quốc có khả năng nhuộm màu sudan I. Vào ngày 5 tháng 3 năm 2005, các sản phẩm của công ty Heinz ở Quảng Đông, và Cty Hienz Meiweiyuan Food Co. ở Quảng Châu bị thu hồi vì có chứa sudan I. Đó là các loại sauce ớt, và sauce dầu dưới danh hiệu Heinz's Golden Mark.

Tại Canada, một luật định ký ngày 5 tháng 9 năm 2003 đã cấm sử dụng sudan I trong thực phẩm, vì đây là một tác nhân gây ra ung thư cho con người. Luật nầy đã được Cơ quan Kiểm soát Thực phẩm Canada bảo trợ (ACIA).

Trường hợp Việt Nam

Trong những ngày cận Tết Đinh Hợi (cuối tháng 1, 2007), dư luận đang xôn xao vì kết quả phân tích của GS Chu Phạm Ngọc Sơn, thuộc Hội Hóa học Việt Nam. Theo kết quả, có 9/18 mẫu trứng mua tại các chợ ở Sài Gòn có sự hiện diện của sudan I và sudan IV dưới nhiều hàm lượng khác nhau thay đổi từ 1.000 đến 20.000 ppb (phần tỷ).

Sự kiện nầy khiến cho dân chúng hoang mang và thị trường trứng ở VN trở nên ế ẩm, mặc dù nhu cầu rất cao cho kỹ nghệ bánh mứt trong dịp Tết. Theo những người có trách nhiệm thị trường, mức tiêu thụ trứng có thể giảm xuống đến 50% mặc dù trứng đã được hạ giá từ 15 ngàn còn 12 ngàn đồng/một chục.

Trên thực tế, sudan có trong trứng gà đã được VN khám phá từ ngày 23 tháng 11, 2006 tại Hà Nội, và bột sudan đã được bày bán ngoài thị trường dưới thương hiệu SRIV nhập cảng từ Trung Quốc.

Trứng gà nhập cảng từ TQ có giá rẻ hơn trứng gà VN từ 200 đến 400 đồng/trứng, có phẩm chất bề ngoài rất tốt hơn trứng VN, bắt mắt hơn, to hơn, vỏ màu nâu đậm và bóng láng. Lòng đỏ trứng có màu đỏ sậm hơn thường.

Từ những sự kiện trên, có thể kết luận rằng tình trạng vệ sinh an toàn thực phẩm ở VN, đã đến lúc không thể kiểm soát được nữa. Sự hiện diện của những thành phẩm đã biến chế cũng như chưa biến chế có chứa sudan đến từ TQ là một hiện tượng không cần phải bàn cãi nữa. Từ năm 2003, Tây Âu đã chính thức cấm một số hàng nhập cảng từ TQ có chứa sudan. Đó là những mặt hàng như trứng, sauce cà chua, ớt bột, dầu ăn, sauce ớt tây (red pepper hay poivron). Các mặt hàng nầy đã được nhập cảng từ lâu, nhưng mãi đến năm 2003 mới bị khám phá và cấm nhập cảng.

Qua kinh nghiệm trên, chúng ta, những người Việt Nam còn ưu tư đến đất nước không thể không nhận thấy nguy cơ trước sự bành trướng của TQ trong lãnh vực kinh tế, nhất là từ khi VN gia nhập vào Tổ chức Thương mại Toàn cầu WTO.

Điều có thể chắc chắn rằng sự hiện diện của phẩm màu sudan trong thức ăn, và trong dạng nguyên chất cũng đã có ở VN từ lâu, mà VN chỉ mới vừa khám phá ra gần đây thôi. Điều nầy khiến cho chúng ta cần phải động não để dự phóng cho một nguy cơ có thể xảy ra cho các thế hệ VN về sau.

Câu chuyện sudan có thể có một nguyên do thầm kín ngoài việc tranh thương thủ lợi của TQ. Sự hiện diện của bột màu sudan ở thị trường VN có thể làm cho chúng ta nghĩ đến là trứng gà có chứa sudan không hẳn chỉ được sản xuất từ TQ mà thôi, mà có thể đến từ nội địa VN. Bột sudan có thể được pha trộn trong thức ăn của gà VN. Thêm một nghi vấn nữa là bột sudan có thể được pha trộn trong phân bón để cho cây trái, quả cà có thêm nhiều màu bắt mắt người mua.

Hiện tại, TQ là một quốc gia sản xuất bột sudan và đã xuất cảng sang VN.

Trong quá khứ, chúng ta đã từng thấy TQ sản xuất hóa chất diệt cỏ dại 2,4-D, một sản phẩm trong chất Da cam, đã sử dụng hóa chất nầy để bảo quản trái cây như cam, lê, táo, nho... xuất cảng sang VN vì giữ được tươi tốt trong một thời gian dài sau khi trái cây được nhúng vào trong dung dịch hóa chất trên.

Trong quá khứ, TQ đã tẩm sulfite vào các loại nấm khô để trừ nấm mốc đã từng bị Cơ quan An toàn Thực phẩm New York cấm nhập cảng.

Và cũng trong quá trình lịch sử dựng nước của VN, TQ đã không từ nan bất cứ phương tiện nào để triệt hạ VN bằng võ lực, bằng sức ép kinh tế, và có thể ngày hôm nay, VN đang đứng trước hiểm họa diệt vong vì tiêu thụ những sản phẩm

có chứa độc tố hầu có thể triệt tiêu tuổi trẻ và tương lai VN. Và đây mới chính là bài học đích thực và đáng giá mà Việt Nam cần suy gẫm.

Các mặt hàng kỹ nghệ của Trung Quốc

Bước qua lãnh vực cơ khí và một số công nghệ nặng, hàng hoá TQ cũng không tránh khỏi nạn bị thu hồi vì thiếu tiêu chuẩn quy định hay vì cố ý làm kém phẩm chất để thu lợi. Theo như Luật Thu hồi các Xe có vấn đề trong sản xuất (Recall of Defective Products) của TQ thì kể từ ngày 1/10/2007, người tiêu dùng có thể kiện nhà sản xuất

xe nếu nhận thấy có cố ý che đậy các lỗi lầm trong sản xuất, không chịu thu hồi sản phẩm có vấn đề v.v... Đó là chuyện trên giấy tờ ở TQ. Trên thực tế các mặt hàng xuất cảng qua HK vẫn còn đầy rẫy những yếu kém về kỹ thuật, công nghệ sản xuất, hoặc vì mang nặng não trạng "sống chết mặt bay, tiền thầy bỏ túi," cho nên sản phẩm xe hơi của TQ không được ưa chuộng ở thị trường Hoa Kỳ như xe Nhật và Đại Hàn. Vào năm 2002, bánh xe của loại xe vận tải (truck) nhỏ sản xuất từ hãng Hangzhou Zhongce Rubber Co. TQ đã bị thu hồi vì không an toàn, vỏ xe dễ dàng bị tách ra khỏi bánh xe, và dễ bị nứt nẻ.

Chì (lead) trong Đồ chơi trẻ em

Sau vụ nhiễm độc trong thức ăn chó và mèo vào tháng 4, 2007, sau sì căng đan (!) kem đánh răng có chứa DEG làm chết người, kể từ tháng 8 vừa qua, lượng chì trong hầu hết loại đồ chơi trẻ em, đồ dùng trong học đường và một số sản phẩm gia dụng linh tinh đã được báo động là có chứa chì trong các sản phẩm trên. Tính đến nay (15/9/2007), hai công ty lớn nhất nhập cảng các sản phẩm trên từ TQ là Mattel và Toy "R"US đã thu hồi lần lượt trên 25 triệu sản phẩm cho Cty đầu và trên 25.000 cho Toy "R"US. Cả hai Cty vẫn còn đang tiếp tục thu hồi ở tất cả các cửa tiệm trên toàn quốc.

Ngày 4/9 vừa qua, Ông Robert Eckect đã chính thức ra lịnh thu hồi những sản phẩm có dư lượng quá tiêu chuẩn cho phép trong các sản phẩm kỹ nghệ là 0,6%0 (0,6 phần ngàn, hay 0,6 mg trên 1 Kg sản phẩm). Các sản phẩm nhập cảng của Mattel là GeoTrax Engine, búp bê Barbie đủ loại, Big Big World như đồ chơi, trái cây, thú vật..., Pixar cars v.v... và một số đồ chơi có nam châm như: Rain Forest, Laugh & Leran, Power Wheel Lightning, Batman v.v...

Đối với Cty Toy "R"US sản phẩm bị thu hồi như các khung gỗ có màu, mực in, phẩm màu để cho trẻ em vẽ, viết chì, phẩm màu nước, cọ sơn, màu nước trắng, thước kẽ, đồ chuốt viết chì v.v..

Sở dĩ, sản phẩm TQ có hàm lượng chì nhiều trong sơn là vì chì có giá thành rẻ, và có khả năng làm cho món hàng trơn, bóng, bắt mắt hơn, do đó thành phẩm sẽ mang lại lợi nhuận cao. Chì được dùng nhiều nhất trong kỹ nghệ sơn và dầu bóng cũng như chì đã hiện diện trong xăng (được tính qua độ octan). Ví tính độc hại của chì, cho nên Cơ quan Kiểm soát bịnh tật HK (CDC) đã đề nghị cấm sử dụng chì trong sơn và đã được EPA và FDA chấp thuận. Chì đã bị cấm từ năm 1978 tại Hoa Kỳ. Đối với xăng dầu, Cơ quan Kiểm soát Phẩm chất Không khí cũng đã ra lịnh cấm dùng xăng có pha chì để cho mức khói xe phát thải vào không khí không đạt quá 0,15 mg/kg không khí. Do đó chúng ta có ba loại xăng có độ Octan 87, 89, và 92 (xăng 92 hoàn toàn không có chì).

Chì còn có thể có trong khói thuốc lá, một số mỹ phẩm như keo xịt tóc, thuốc nhuộm tóc, của quý bà quý cô. Trong thực phẩm như rau đậu, các loại thuỷ sản như rau muống, ngó sen... nếu được trồng ở những vùng kỹ nghệ sẽ hấp thụ lượng chì và arsenic rất cao qua rễ cây. Do đó con người có thể bị tiếp nhiễm chì qua đường hô hấp và thực phẩm. Đặc biệt trẻ em dễ bị tiếp nhiễm qua việc gậm mút đồ chơi có chì như hầu hết các sản phẩm nhập cảng từ TQ. Ảnh hưởng về lâu về dài của chì lên hệ thần kinh, thận suy, cùng một số chứng bịnh mệt mỏi, giảm trí nhớ v.v...

Phản ứng trên Thế giới

Trước những vấn nạn liên tục xảy ra từ sáu tháng qua ảnh hưởng lên tâm lý người tiêu dùng hàng hoá nhập cảng từ TQ, hầu hết những người có trách nhiệm thuộc các cơ quan an toàn thực phẩm trên thế giới đều đặc biệt lưu tâm. Tổ chức Y tế Thế giới (WHO), Tổ chức Lương Nông Thế giới (UNFAO), Và Hiệp hội Quốc tế Bảo vệ Thực phẩm (International Association for Food Protection) đã tổ chức hội nghị dưới tiêu đề Hội nghị Quốc tế về An toàn và Phẩm chất Thực phẩm nhóm họp tại Bắc kinh ngày 12/9 vừa qua và yêu cầu Bắc kinh phải cố gắng cải thiện mức an toàn thực phẩm của TQ.

Hội nghị yêu cầu TQ thực hiện một bạch thư về an toàn thực phẩm trong đó ghi rõ việc thiết lập nhóm chuyên gia quốc gia trách nhiệm về phẩm chất của sản phẩm và an toàn thực phẩm

cũng như thu hồi tất cả những sản phẩm không hợp lệ trước khi xuất cảng ra ngoại quốc. Hội nghị cũng yêu câu các thành viên trên thế giới cùng quan tâm đến vấn đề trên và cần phải có sự phối hợp toàn cầu về mức an toàn thực phẩm. Frank Yiannas, Chủ tịch Hiệp hội Quốc tế về Bảo vệ Thực phẩm (IAFP) nhấn mạnh rằng trước nguy cơ an toàn thực phẩm, mọi quốc gia cần phải chuẩn bị và có tầm nhìn mới về vấn nạn an toàn thực phẩm, ngõ hầu giảm thiểu nguy cơ bị dịch bịnh.

Về phía TQ, ngày 11/9, hai chính phủ Hoa Kỳ và Trung Quốc đã ký một hiệp định về trao đổi thông tin và an toàn xe cộ sau vụ thu hồi 450.000 bánh xe TQ vào mùa hè vừa qua.

Tại hội nghị APEC diễn ra tháng qua ở Úc châu, vào ngày 6/9 Chủ tịch TQ Hồ Cẩm Đào đã trấn an HK về vấn đề an toàn thực phẩm rằng "Bắc Kinh đang gia tăng các nỗ lực kiểm soát an toàn thực phẩm, và các vụ tai tiếng đã bị trừng phạt" cũng như "Phía TQ sẵn sàng và mong muốn cộng tác với cộng đồng quốc tế để gia tăng sự hợp tác trong lãnh vực thanh tra phẩm chất cùng mở rộng sự hợp tác kinh tế và thương mại." Chúng ta còn nhớ vào tháng Năm vừa qua, TQ đã xử tử một cựu viên chức đứng đầu Cơ quan Thực phẩm và Dược phẩm Quốc gia TQ tên Zheng Xiaoyu vì tội nhận hối lộ để các nhà sản xuất thuốc không đúng tiêu chuẩn. Cũng như một ông Giám đốc hãng sản xuất đồ chơi trẻ em vừa tự tử chết trong tháng vừa qua.

Được biết trong năm 2006, TQ đã xuất cảng đến trên 200 quốc gia với số lượng 24,17 tiệu tấn và số doanh thương lên đến 26,66 tỷ Mỹ kim.

Về phía Hoa Kỳ, ngày 12/9, Uỷ ban An toàn Tiêu thụ Thực phẩm đã chất vấn Cty Mattel trước Uỷ ban Thượng viện chung quanh các đợt thu hồi sản phẩm đồ chơi trẻ em nhập cảng từ TQ vừa qua. TGĐ Cty là Robert Eckert đã hứa với Uỷ ban là Cty đang áp dụng các tiêu chuẩn an toàn rất khắt khe và ông đã quy trách các sai phạm tiêu chuẩn trên là do phía TQ. Ông hứa sẽ cố gắng kiểm tra các mặt hàng trước khi rời bến cảng TQ. Nhưng điều hứa sau cùng không thể thực hiện được đứng về mặt thực tế vì Uỷ ban sẽ không có đủ nhân sự, với 300 nhân viên cho toàn quốc Hoa Kỳ, để làm việc kiểm nghiệm trên.

Tóm lại, mọi phản ứng cũng như hành động và quyết định của tất cả các cơ quan quốc tế liên hệ đến những mặt hàng kém phẩm chất hay chứa các hoá chất có nguy cơ ảnh hưởng đến con người đặc biệt là trẻ em đều có tính cách hời hợt và ngoại giao nhiều hơn là truy tìm một giải pháp thực sự cho vấn đề.

Kết luận

Từ những thông tin nêu trên đây cùng phản ứng và cung cách hành xử của những người có trách nhiệm trên sự việc hàng hoá TQ sản xuất có rất nhiều vấn đề, chúng ta, những người trực tiếp tiêu thụ những mặt hàng trên cần phải có thái độ như thế nào để có thể vận động được dư luận trên thế giới về vấn nạn trên?

Qua những hiện trạng xảy ra trên đây, cho dù TQ có hứa hẹn trước thế giới thế nào đi nữa, thiết nghĩ với não trạng khô cứng của lãnh đạo TQ hiện tại, thế giới khó có khả năng chuyển đổi được tình thế hay tạo áp lực cho TQ đi vào quỹ đạo của toàn cầu hoá ứng hợp với việc bảo vệ môi trường. Theo nhận định của Elizabeth Economy trong Foreign Affairs, số tháng 9 và 10, 2007 dưới tựa đề "China's coming Enviromental Crash," sự phát triển "vô tội vạ" của TQ sẽ đưa đất nước nầy đến sự sụp đổ trong tương lai không xa. Viễn kiến nầy cũng đã được chúng tôi phân tích qua bài viết Lạm Dụng Môi Trường: Một Bước Đưa Đến Bất Ổn Chính Trị trong số báo nầy.

Đã đến lúc chúng ta không thể ngồi chờ người khác giải quyết thay cho chính mình. Nên nhớ tư bản hay cộng sản hay xã hội chủ nghĩa... tất cả đều muốn bảo vệ quyền lợi của họ. Và họ cũng có thể cấu kết với nhau để đạt đến lợi nhuận cho cả hai bên dù cho con dân trong nước có thể bị thiệt thòi đi nữa. Dù quan niệm về quản lý đất nước có khác nhau, nhưng một điểm chung duy nhất cho các chế độ trên là bảo vệ quyền lợi vật chất cho một thiểu số cầm quyền và họ sẵn sàng trao đổi lợi nhuận với nhau trên xương và máu của người dân của họ trên nguyêntắc đôi bên cùng hưởng lợi (win-win situation).

Đây mới chính là điều chúng ta cần suy nghĩ rốt ráo để có thể ứng xử trước những tình huống có thể xảy ra trong những ngày sắp tới. Vấn đề sản phẩm sản xuất từ TQ không đạt tiêu chuẩn và có chứa độc chất cũng đã, đang và sẽ là vấn nạn của hàng hoá sản xuất từ Việt Nam đi khắp nơi trên thế giới.

Và đến một lúc nào đó, câu chuyện hay hội chứng Việt Nam cũng sẽ phải xảy ra mà thôi.

West Covina 9, 2007

TÌNH TRẠNG Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG Ở TRUNG HOA:
VẤN ĐỀ QUỐC GIA HAY THẢM HỌA THẾ GIỚI?

NGUYỄN MINH QUANG

Ô nhiễm không khí từ một nhà máy ở Yutian, Hebei (AFP)

PHẦN MỞ ĐẦU

Vấn đề ô nhiễm môi trường ở Trung Hoa có lẽ là "một phản ứng phụ" tai hại của chương trình đổi mới kinh tế do Chủ tịch Đặng Tiểu Bình (Deng Xiaoping) khởi xướng khi ông nắm quyền lực từ năm 1978. Với chủ trương "Phát triển trên hết" và "Làm giàu là vinh quang," ông đã giúp Trung Hoa thoát ra khỏi những giáo điều cứng nhắc để đạt được một số thành quả "kỳ diệu" chỉ sau một phần tư thế kỷ (1). Kinh tế Trung Hoa bắt đầu tăng trưởng nhanh. Tổng sản lượng quốc gia (GDP) tăng 9,6% mỗi năm từ 1979 đến 2004 và đạt 11,1% trong năm 2006, một thành quả gây chú ý trên toàn thế giới (2).

Cùng với sự phát triển kinh tế, môi trường càng ngày càng ô nhiễm nghiêm trọng khiến cả thế giới phải quan tâm, nhất là sau vụ nổ một nhà máy hóa chất ở Cát Lâm (Jilin) làm ô nhiễm nguồn nước của sông Tùng Hoa (Songhua) vào năm 2005 (3).

Nhưng chủ trương "Phát triển trên hết" đã được "áp dụng sai;" cho nên, sự tăng trưởng kinh tế luôn luôn được xem như là ưu tiên hàng đầu của Trung Hoa và là thước đo hiệu năng làm việc của viên chức chánh phủ (4). Chánh quyền địa phương, với quyền hạn rộng rãi lại được khuyến khích theo đuổi việc phát triển kinh tế, không màng đến hậu quả tai hại đối với môi trường và chỉ chú trọng đến các dự án năng lượng hoặc kỹ nghệ nặng để thúc đẩy nền kinh tế địa phương. Để thu hút đầu tư, nhiều địa phương đã áp dụng chánh sách "ô nhiễm trước, tẩy xóa sau" (pollute now, clean up later) bằng cách hạ thấp tiêu chuẩn môi trường hoặc bao che cho các cơ sở gây ô nhiễm quan trọng. Chánh sách nầy đã giúp Trung Hoa trở thành "một nền kinh tế phát triển nhanh nhất thế giới," nhưng Trung Hoa "... *cũng đạt được một thành tích đáng sợ khác: số chết non do ô nhiễm không khí cao nhất thế giới" (5).*

Trong Hội nghị Chuyên đề về những Thách thức Y tế Môi trường mà Trung Hoa đang Đối mặt (Symposium on Environmental Health Challenges Facing China) do Hiệp hội cho Tiến bộ Khoa học Hoa Kỳ (American Association for the Advancement of Science) tổ chức vào ngày 19 tháng 2 năm 2000, các nhà khoa học quốc tế, kể cả các nhà khoa học Trung Hoa, đã cảnh báo về tình trạng ô nhiễm không khí ở Trung Hoa (6); nhưng tình hình càng ngày càng trở nên tồi tệ mặc dù Trung Hoa đã áp dụng nhiều biện pháp và chánh sách để kiểm soát ô nhiễm.

Bài viết nầy nhằm mục đích tìm hiểu tình trạng ô nhiễm môi trường ở Trung Hoa hiện nay, tìm hiểu các biện pháp mà chánh quyền Trung Hoa đã, đang, và sẽ áp dụng để bảo vệ và cải thiện môi trường, và sau cùng tìm hiểu xem liệu tình trạng ô nhiễm môi trường ở Trung Hoa có thể gây thảm họa cho thế giới và các biện pháp mà cộng đồng thế giới áp dụng để đối phó.

HIỆN TRẠNG Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG Ở TRUNG HOA

Ô nhiễm không khí

Trung Hoa đã, đang, và sẽ còn sử dụng than đá như là nguồn năng lượng chính trong việc phát triển kinh tế vì nước nầy có trữ lượng than đá lớn nhất thế giới. Trung Hoa là quốc gia sản xuất và tiêu thụ than đá lớn nhất thế giới, nhưng kỹ nghệ than đá ở Trung Hoa vẫn tiếp tục tăng trưởng và được xem như là "động lực của kinh tế quốc gia" và "lương thực của kỹ nghệ." Sản lượng than tăng từ 1,55 tỉ tấn năm 2003 lên 1,95 tỉ tấn năm 2004 và 2,1 tỉ tấn năm 2005 (40% sản lượng than trên thế giới) (7). Mức tiêu thụ than đá ở Trung Hoa tăng nhanh trong những năm gần đây để đáp ứng nhu cầu điện trong việc phát triển kinh tế. Ba phần tư số điện nầy được sản xuất từ các nhà máy điện chạy bằng than đá và cứ mỗi tuần thì có một nhà máy mới được xây cất (8).

Các nhà máy điện chạy bằng than đá nầy liên tục nhả ra bụi khói (soot), sulfur dioxide, carbon dioxide, và các chất ô nhiễm độc hại khác vào không khí. Nhiều vùng rộng lớn ở vùng trung bắc Trung Hoa bị ô nhiễm trầm trọng với "*... khói xám nhạt của bụi sulfur và các chất ô nhiễm khác làm âm u bầu trời và làm mờ những cánh đồng múa mì xanh tươi và những vườn đào đang nở hoa trắng ở xa xa... Đường sá bị bao phủ bởi nhựa than, nhà cửa được tráng một lớp bụi khói, các thợ mỏ mặt mủi lọ lem kéo các xe đầy than đá, và không khí thì khét lẹt mùi than cháy" (5).* Mức độ ô nhiễm càng thêm trầm trọng trong mùa đông, nhiều lúc phải mở đèn trong lúc lái xe dù là ban ngày. Theo một nghiên cứu của Ngân hàng Thế giới thì có đến 16 thành phố ở Trung Hoa lọt vào danh sách 20 thành phố ô nhiễm nhất thế giới, trong số đó có Bắc Kinh (Beijing), thường bị che phủ bởi bụi mù ô nhiễm (smog) nặc mùi (9). *"Hôm nay — cũng như hôm qua và hôm kia - bầu trời của thành phố [Beijing] tối sầm vì bụi mù sulfur dày đặc, tưởng như nuốt chửng các nhà chọc trời... Bay ngang qua cả nước, bạn sẽ thấy hết thành phố nầy đến thành phố khác bị bao phủ bởi một màn sương xám hầu như bất tận" (10).* Trong số nầy, phải kể đến Thượng Hải (Shanghai), bởi vì "Dường như ngày nào cũng vậy, một màn sương vàng treo lơ lửng trên những công trường xây cất náo nhiệt (frenzy) ở Shanghai" (11). Trong năm 2005, có khoảng 50% thành phố ở Trung Hoa không đạt tiêu chuẩn không khí (12).

Sulfur dioxide phát sinh từ việc đốt than đá là mối đe dọa trực tiếp và tức thời đối với sức khỏe của người dân Trung Hoa, khiến khoảng 400.000 trẻ em bị chết non hàng năm (9). Theo Tổ chức Y tế Thế giới (WHO), con số nầy lên đến 656.000 (5) và theo một nghiên cứu mới đây của Ngân hàng Thế giới (WB), con số đó có thể lên đến 750.000 (13). Mặc dù có các kế hoạch để giảm 2% chất ô nhiễm trong năm qua, lượng sulfur dioxide phóng thích vào khí quyển đã lên đến 25,9 triệu tấn trong năm 2006, nhiều hơn năm 2005 khoảng 1,5% (14).

Mặc dù có các kế hoạch để giảm 2% chất ô nhiễm trong năm qua, lượng sulfur dioxide phóng thích vào khí quyển đã lên đến 25,9 triệu tấn trong năm 2006, nhiều hơn năm 2005 khoảng 1,5% (14).

Sulfur dioxide kết hợp với nước trong khí quyển thành acid sulfuric và rơi xuống đất cùng với nước mưa hoặc tuyết, gọi là mưa acid. Mưa acid có thể gây thiệt hại cho hoa màu và cây cối, gây bệnh hoặc giết chết cá trong sông hồ, và gây hư hại cho nhiều công trình kiến trúc. Theo đà gia tăng lượng sulfur dioxide phóng thích vào khí quyển, tình trạng mưa acid ở Trung Hoa càng ngày càng trở nên nghiêm trọng và không còn kiểm soát nổi. Trong năm 2004, mưa acid được ghi nhận ở 250 thành phố trong cả nước (15). Đến năm 2005, mưa acid bao trùm một phần ba lãnh thổ Trung Hoa khiến phẩm chất đất và an toàn thực phẩm bị đe dọa. Hơn phân nửa con số 696 trạm khí tượng trên toàn quốc ghi nhận mưa acid; trong số đó, có một vài thành phố ghi nhận 100 % nước mưa acid (16).

Ô nhiễm nguồn nước

Tình trạng ô nhiễm nguồn nước ở Trung Hoa đã lên đến mức báo động và gây quan ngại cho nhiều cơ quan và tổ chức quốc tế. Kết quả nghiên cứu do Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (Organization for Economic Cooperation and Development (OECD)) ở Paris, Pháp thực hiện cho thấy 1/3 chiều dài của các con sông, 75% các hồ lớn, và 25% bờ biển ở Trung Hoa bị ô nhiễm cao vì nước thải gia dụng, nông nghiệp, và kỹ nghệ được xả thẳng vào nguồn nước. Hầu hết nguồn nước chảy qua các vùng đô thị ở Trung Hoa thì không thích hợp để uống hoặc nuôi cá và mỗi ngày gần 300 triệu người đang uống nước ô nhiễm (17). Nhưng những con số nầy chắc chắn không phản ánh chính xác mức độ ô nhiễm nguồn nước ở xứ nầy vì nó được ước tính theo tiêu chuẩn

nước uống của Trung Hoa, một tiêu chuẩn rất thấp so với tiêu chuẩn nước uống do Tổ chức Y tế Thế giới ấn định.

Nhưng những con số nầy chắc chắn không phản ánh chính xác mức độ ô nhiễm nguồn nước ở xứ nầy vì nó được ước tính theo tiêu chuẩn nước uống của Trung Hoa, một tiêu chuẩn rất thấp so với tiêu chuẩn nước uống do Tổ chức Y tế Thế giới ấn định.

Phân nửa chiều dài của bảy hệ thống sông chánh ở Trung Hoa, kể cả trung và hạ lưu sông Dương Tử (Yangtze) và hạ lưu sông Pearl, bị ô nhiễm trầm trọng. 86% các thủy lộ đô thị không đạt tiêu chuẩn nguồn nước. Kết quả phân tích mẫu nước thu thập trong một đoạn dài 2.000 km của sông Huai cho thấy 78,7% không đạt tiêu chuẩn nước uống, 79,7% không đủ tiêu chuẩn để nuôi cá, và 32% không đủ tiêu chuẩn để canh tác. Năm 2001, vùng ven biển ở Trung Hoa có 77 đợt thủy triều đỏ (red tide) với diện tích khoảng 15.000 cây số vuông so với 28 đợt với diện tích khoảng 10.000 cây số vuông trong năm 2000. (2)

Tình trạng ô nhiễm dường như xảy ra ở khắp mọi nơi trong cả nước. Ở Xiditou, cách Beijing khoảng 60 dặm về phía đông, "... *Hàng chục nhà máy hóa chất ở địa phương - những nhà sản xuất hóa chất độc hại kể cả acid sulfuric - xả nước thải trực tiếp vào sông Feng Chan đen ngòm như mực và đầy rác rến. Các con kinh gần đó cũng đổi màu như vậy, cho nên người dân địa phương gọi chúng là 'xiao hong he' (tiểu hồng hà) tức 'sông đỏ nhỏ'... Ông Li Baoqi, một người bán thuốc thú y 41 tuổi, nói: 'Nước thật kinh khủng. Uống nước nầy chẳng khác nào tự vận'." (18)*

Trong năm 2006, có 842 tai nạn môi trường quan trọng xảy ra ở Trung Hoa, trong đó có khoảng 480 vụ liên quan đến ô nhiễm nước. Vào tháng 9, hai nhà máy hóa chất ở Hunan đã xả bất hợp pháp một hợp chất arsenic rất độc hại vào một nhánh của Động Đình hồ (Dongting), hồ nước ngọt lớn thứ hai ở Trung Hoa, làm gián đoạn việc cung cấp nước cho gần 80.000 cư dân. Vào tháng 5/2007, rong xanh đã bùng phát ở hồ Taihu khiến cho nước máy của thành phố Vô Tích (Wuxi), Giang Tô (Jiangsu) phải ngừng hoạt động trong một tuần lễ (14) và 5 triệu cư dân phải dùng nước chai để ăn uống và tắm rửa (11). Sau đó không lâu, là hồ Dianchi ở miền tây nam Trung Hoa rồi đến hồ Xinlicheng, nguồn nước chính của thành phố Trường Xuân (Changchun), Jilin với ba triệu dân ở miền bắc. Nguyên nhân

Nước thải từ các nhà máy hóa chất xả vào sông Feng Chan

bắt nguồn từ các nhà máy, phân bón, hoặc nước thải chưa gạn lọc (11).

Trong khi các viên chức nhà nước cho rằng mức độ ô nhiễm trong sông Dương Tử (Yangtze), một con sông nổi tiếng của Trung Hoa, thì không đáng kể, hãng thông tấn nhà nước Tân Hoa Xã cho đó là "mầm bệnh ung thư" (cancerous). Các nhà khoa học Trung Hoa cho rằng tình trạng ô nhiễm của sông Dương Tử rất nghiêm trọng và có nguy cơ biến thành một dòng sông chết. Theo các kết quả khảo sát gần đây, sông Yangtze phải tiếp nhận khoảng 25 tỉ tấn nước thải mỗi năm, tức khoảng 40% tổng số nước thải của cả nước. Trên 80% số nước nầy không được gạn lọc và được xả thẳng vào sông. Dọc theo sông có khoảng 500 trạm bơm để lấy nước uống. Một vài trạm đã được dời ra giữa dòng để tránh nước ô nhiễm cao chảy gần bờ (19).

Giá trị kinh tế của ô nhiễm môi trường

Bây giờ thì không còn một ai có thể phủ nhận cái giá trị kinh tế của tình trạng ô nhiễm môi trường, kể cả các viên chức chánh quyền trung ương lẫn địa phương ở Trung Hoa. Nó ảnh hưởng đến sức khỏe của người dân, giảm hoặc làm mất sức lao động, gặm nhấm sự tăng trưởng kinh tế quốc gia, và gây bất ổn xã hội (20). Cái giá đó là bao nhiêu thì vẫn còn trong vòng tranh cãi.

Giá trị kinh tế đầu tiên được thế giới biết đến có lẽ được trình bày trong phúc trình Trung Hoa 2020 - Nước Trong Trời Xanh (China 2020 — Clear Water Blue Skies) do Ngân hàng Thế giới phổ biến vào năm 1997. Phúc trình nầy nhấn mạnh đến hậu quả kinh tế của tình trạng suy

thoái môi trường ở Trung Hoa và ước tính rằng giá trị kinh tế của tình trạng ô nhiễm không khí và nước ở Trung Hoa có thể thay đổi từ 3,5 đến 8% GDP (21). Sau khi phúc trình nầy được công bố, chánh phủ Trung Hoa yêu cầu Ngân hàng Thế giới hợp tác với các viện nghiên cứu Trung Hoa và quốc tế để thiết lập một mô hình giá trị kinh tế môi trường (environmental cost model [ECM]) dựa theo những phương thức phù hợp với tình trạng đặc thù ở Trung Hoa.

Năm 2004, Ngân hàng Thế giới ký hợp đồng với một toán chuyên viên quốc tế, đặt dưới hướng dẫn của ông Guo Xiaoming, cố vấn cao cấp của Cơ quan Quản trị Môi trường Nhà nước Trung Hoa (State Environmental Protection Administration (SEPA)), để duyệt xét kết quả nghiên cứu ECM trên thế giới và thiết lập và áp dụng những phương thức mới trong việc ước tính giá trị kinh tế hàng năm của tình trạng ô nhiễm môi trường không khí và nước ở Trung Hoa từ cấp trung ương đến địa phương. Sau hơn ba năm nghiên cứu, một bản thảo phúc trình với tựa đề *Giá trị Kinh tế của Ô nhiễm ở Trung Hoa: Ước tính Kinh tế của Thiệt hại Vật chất* (Cost of Pollution in China: Economic Estimates of Physical Damages) được phổ biến để chuẩn bị cho hội nghị quốc tế với chủ đề "Phát triển Khả chấp" (Sustainable Development) được tổ chức tại Beijing vào ngày 2 tháng 3 năm 2007. Theo phúc trình nầy, tổng số giá trị kinh tế của tình trạng ô nhiễm không khí và nước ở Trung Hoa vào năm 2003 lên đến 362 tỉ yuan hay 2,68% GDP. Nhưng giá trị kinh tế có thể lên đến 781 tỉ yuan hay 5,78% GDP nếu kết quả nghiên cứu ở Thượng Hải (Shanghai) và Trùng Khánh (Chongqing) được áp dụng (12).

Chủ hồ cá chết vì ô nhiễm môi trường ở Hàng Châu

Nhưng Trung Hoa đã tạm ngưng vô thời hạn việc phổ biến giá trị kinh tế của tình trạng ô nhiễm môi trường ở Trung Hoa vì giới chức ở các cơ quan chuyên môn không đồng ý về phương pháp tính toán, và quan trọng hơn, một số chánh quyền địa phương đã chống đối việc phổ biến những tin tức "nhạy cảm" về ô nhiễm môi trường do chính họ gây ra (21). Quyết định nầy được đưa ra có lẽ vì giá trị kinh tế được ước tính càng ngày càng tăng một cách chóng mặt. Giá trị kinh tế của tình trạng ô nhiễm môi trường, được ước tính khoảng 100 tỉ yuan hay 12,8 tỉ US đô la mỗi năm (khoảng 1,4% GDP) từ 1990 đến 1998 (2) đã lên đến 511,8 tỉ yuan hay 68 tỉ US đô la (khoảng 3% GDP) trong năm 2004 (20,22) và 1.505,8 tỉ yuan hay 200 tỉ US đô la trong năm 2005 (khoảng 9% GDP là 2.260 tỉ US đô la) (23-25). Ô nhiễm môi trường hình như đã xóa sạch mức tăng trưởng kinh tế của Trung Hoa!

THẢM HỌA THẾ GIỚI

Tình trạng ô nhiễm ở Trung Hoa trở thành một mối đe dọa trực tiếp cho cộng đồng quốc tế sau vụ nổ ở nhà máy hóa dầu của Công ty Dầu hỏa và Hóa chất Cát Lâm (Jilin) vào tháng 11 năm 2005. Vụ nổ khiến sông Tùng Hoa (Songhua), nguồn nước duy nhất của 9 triệu cư dân Cáp Nhĩ Tân (Harbin), bị ô nhiễm benzene, một tác nhân gây ung thư (26-27), buộc nhà máy cung cấp nước cho thành phố Cáp Nhĩ Tân ngừng hoạt động. Sự kiện nầy khiến các cơ quan môi trường và cứu cấp ở Nga lo ngại nên họ bắt đầu theo dõi phẩm chất nước trong sông Amur ngay biên giới với Trung Hoa. Sông Tùng Hoa, được gọi là sông Sungari ở Nga, là một phụ lưu của sông Amur, nguồn cung cấp nước uống chánh của thành phố Khabarovsk với 600.000 dân ở ngay cạnh biên giới với Trung Hoa (28).

Nhưng hiểm họa cho thế giới chính là việc phân tán không khí ô nhiễm ở Trung Hoa trên phạm vi toàn cầu. Sulfur dioxide và thủy ngân phát xuất từ việc đốt than đá đã tràn qua các nước Đông Bắc Á (29). Không ảnh do vệ tinh SeaWiFS của Cơ quan Quản trị Hàng không và Không gian Hoa Kỳ (NASA) chụp vào năm 2004 cho thấy luồng không khí ô nhiễm trên vùng trời phía đông Trung Hoa tràn ra biển và bay về hướng đông bắc (30). Các quốc gia lân bang như Nhật Bản, Đài Loan, Đại Hàn, và cả Philippines

đã ghi nhận mưa acid do việc đốt than đá ở Trung Hoa.

Hạt ô nhiễm li ti (particulates), thủy ngân, và bụi phát xuất từ Trung Hoa đang làm suy thoái phẩm chất không khí ở bờ tây Hoa Kỳ. Các nhà nghiên cứu ở Hoa Kỳ ước tính rằng có đến 1/3 số hạt ô nhiễm li ti ở California phát xuất từ Trung Hoa. Trong năm 2006, các nhà nghiên cứu ở trường Đại học California/Davis cho biết hầu hết hạt ô nhiễm li ti ở hồ Tahoe bắt nguồn từ Trung Hoa. Các nghiên cứu khác cho biết có ít nhất 1/5 số thủy ngân trong sông Willamette ở Oregon phát xuất từ nước ngoài, dường như từ Trung Hoa. Số thủy ngân nầy bắt đầu tích lũy đến mức độc hại trong loài thú hoang ở địa phương (29). Theo ước tính của Cơ quan Bảo vệ Môi sinh Hoa Kỳ (EPA), trong nhiều ngày, gần 25 % hạt ô nhiễm li ti trên bầu trời Los Angeles phát xuất từ Trung Hoa. Một số chuyên viên tiên đoán rằng 1/3 mức ô nhiễm không khí của toàn tiểu bang California phát xuất từ Trung Hoa (31).

Các nghiên cứu khác cho biết bụi - từ sa mạc Gobi ở Mông Cổ và sa mạc Taklamakan ở phía tây Trung Hoa - cuốn theo gió về phía đông, trộn với chất ô nhiễm từ các vùng kỹ nghệ nặng, đổi từ màu vàng sang nâu, rồi bay ra Thái Bình Dương và có khả năng bay vòng quanh trái đất trong ba tuần lễ. Những dòng không khí ô nhiễm nầy, có thể rộng hơn sông Amazon và sâu hơn Grand Canyon, có khả năng làm thay đổi khí hậu trên thế giới. Ở đây, những luồng bụi ô nhiễm nầy cấy vào mây đại dương khiến cho những cơn mưa giông trở nên dữ dội hơn. Ảnh hưởng của những luồng bụi ô nhiễm nầy đối với thời tiết rất phức tạp. Chúng có thể làm nguội khí quyển vì ngăn chận hơn 10% ánh sáng mặt trời ở Thái Bình Dương và hạt sulfate lạnh trong luồng bụi ô nhiễm có thể vô hiệu hóa ảnh hưởng của hiện tượng hâm nóng toàn cầu. Trái lại, các luồng bụi ô nhiễm cũng có khả năng làm nóng bầu khí quyển vì bụi khói (soot) hấp thụ năng lượng mặt trời (32).

BIỆN PHÁP ĐỐI PHÓ

Bình diện quốc gia

Nhà cầm quyền Trung Hoa biết rất rõ ảnh hưởng kinh tế và xã hội của tình trạng ô nhiễm môi trường và đã đưa ra một số chánh sách quan trọng liên quan đến môi trường kể từ năm 1978. Bảo vệ môi trường được xem như quốc sách từ năm 1983. Năm 1994, một kế hoạch tổng thể đã được soạn thảo để thực hiện phát triển khả chấp trong Nghị trình 21 của Trung Hoa (China Agenda 21) do Liên Hiệp Quốc khởi xướng. Đến năm 1996, lần đầu tiên một kế hoạch ngũ niên để bảo vệ môi trường được công bố. Năm 1998, Cơ quan Quản trị Môi trường Nhà nước SEPA được nâng lên cấp bộ với nhiều quyền hạn hơn với một ngân khoản chiếm gần 1% GPD nhằm mục tiêu chấm dứt tình trạng suy thoái môi trường vào năm 2010 (33).

Hiến pháp của Trung Hoa được tu chính năm 1982 với Điều 26 quy định rằng "nhà nước có nhiệm vụ bảo vệ và cải thiện môi trường sống của người dân và hệ sinh thái, ngăn ngừa và kiểm soát ô nhiễm và các nguy hiểm công cộng, bảo tồn tài nguyên thiên nhiên và động vật hoang dã." Tính đến nay, Trung Hoa đã ban hành sáu bộ luật về phòng ngừa ô nhiễm, chín bộ luật về bảo vệ tài nguyên, 29 bộ điều lệ bảo vệ môi trường, hơn 70 quy chế, và trên 900 bộ điều lệ của địa phương.

Nhưng những lời tuyên bố và cam kết liên quan đến môi trường Trung Hoa dường như chỉ ở đầu môi. Mặc dù các thành quả về luật lệ môi trường có vẻ rất hấp dẫn, chúng không cho thấy một chút hiệu năng nào trong việc bảo vệ môi trường. Cho đến nay, việc thi hành luật lệ môi trường ở Trung Hoa cũng có những yếu kém giống như các luật lệ khác: luật lệ không rõ ràng, hệ thống tư pháp yếu kém và không độc lập, luật pháp không được thi hành hoặc thi hành lỏng lẻo. Thêm vào đó, lợi ích của việc bảo vệ môi trường thường không thể hiện ngay lập tức; cho nên, không ai có quyết tâm chính trị để đối phó với những vấn đề môi trường ngay ngày hôm nay (33).

Bình diện quốc tế

Tiên đoán được thảm họa toàn cầu mà tình trạng ô nhiễm không khí trầm trọng ở Trung Hoa có thể gây ra trong tương lai, cộng đồng thế giới - qua nhiều chánh phủ, tổ chức đa phương, và tổ chức phi chánh phủ (NGOs) — rất tích cực trong việc đối phó với nhiều vấn đề ô nhiễm không khí qua các dự án năng lượng tái tạo (renewable energy), than sạch, hiệu năng trong việc sử dụng năng lượng (energy efficiency), và quản trị theo nhu cầu (demand-side management) (34). Sau đây là một số hoạt động tiêu biểu.

Nhật Bản có lẽ là quốc gia tích cực nhất trong việc hợp tác với Trung Hoa để giảm thiểu mưa acid. Điều nầy cũng dễ hiểu vì hệ sinh thái ở

Nhật Bản đã chịu ảnh hưởng của mưa acid phát xuất từ Trung Hoa. Nhật Bản đề nghị rất nhiều dự án giảm mưa acid bằng cách tài trợ cho các thành phố Trung Hoa với lãi suất thấp trong năm năm. Chánh phủ Nhật đồng ý tài trợ 10 tỉ US đô la, nhưng chánh phủ Trung Hoa cho biết các dự án cần ít nhất 15 tỉ và Nhật Bản phải tài trợ đầy đủ nếu thật sự quan tâm đến mưa acid (35).

Hoa Kỳ, qua Cơ quan Bảo vệ Môi sinh EPA, cũng đã hợp tác với Trung Hoa, qua Cơ quan Quản trị Môi trường Nhà nước SEPA, trong nhiều vấn đề môi trường trong hơn 20 năm qua. Vào tháng 12 năm 2003, một biên bản ghi nhớ (memorandum of understanding) đã được EPA và SEPA ký kết để thiết lập một Nhóm công tác về Không khí và Năng lượng sạch nhằm mục đích giảm thiểu tình trạng ô nhiễm không khí và khí thải gây hiệu ứng nhà kiếng (greenhouses gases). Các dự án hợp tác giữa EPA và SEPA chú trọng vào các lãnh vực quản trị phẩm chất không khí, giao thông, điện, và xi măng (36). Gần đây, EPA tài trợ cho Viện Tin tức Than đá Trung Hoa (China Coal Information Institute) một ngân khoản 100.000 US đô la cho dự án sản xuất điện bằng khí methane từ than đá có phẩm chất thấp lấy từ một mỏ than ở Anhui hoặc Henan (37). Từ năm 1996, Hội đồng Bảo vệ Tài nguyên Thiên nhiên (Natural Resources Defense Council (NRDC)), một NGO có tiếng tăm ở Hoa Kỳ, đã phát động một dự án có tên Năng lượng Sạch cho Trung Hoa (China Clean Energy) để hỗ trợ cho việc phát triển một hệ thống năng lượng khả chấp (sustainable energy) qua việc cải thiện hiệu năng và sử dụng năng lượng tái tạo (38).

Không ảnh SeaWiPS năm 2001 cho thấy bụi từ Á Châu bay đến California

Liên hiệp Âu Châu, qua Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế OECD, đã phát động một chương trình đối thoại và hợp tác với Trung Hoa từ năm 1995 để trao đổi kinh nghiệm về chánh sách trọng tâm cho việc tăng trưởng và phát triển khả chấp. Trong năm 2005, chi phí cho chương trình nầy lên đến 15% ngân khoản mà OECD dành cho các quốc gia không phải là thành viên. Chương trình bao gồm 19 lãnh vực đối thoại, trong đó có vấn đề bảo vệ môi trường. Trong 10 năm qua, OECD đã hợp tác với Trung Hoa trong việc củng cố thị trường để đạt các chỉ tiêu môi trường, cải thiện hệ thống tin tức môi trường, và khuyến khích việc chấp nhận dữ kiện về sản phẩm hóa học. Lần đầu tiên, phúc trình Duyệt xét Thành quả Môi trường Trung Hoa (Environmental Performance Review of China) đã được công bố vào năm 2007 (39).

Các cơ quan tài chánh quốc tế cũng quan tâm đến hậu quả của việc sử dụng than đá đối với môi trường thế giới. Ngân hàng Phát triển Á Châu đang tài trợ một số chương trình kiểm soát ô nhiễm ở Sơn Tây (Shanxi). Trong năm 2003, Ngân hàng Thế giới cung cấp cho tổ chức Cơ sở Môi trường Toàn cầu (Global Environmental Facility) một ngân khoản 15 triệu US đô la để xây một nhà máy phát điện hiện đại chuyển than đá sang khí đốt trước khi sử dụng, nhưng chánh phủ Trung Hoa tạm ngưng dự án vì nhà thầu bỏ giá cao hơn dự tính (10). Đến năm 2006, Công ty Tài trợ Quốc tế (International Finance Corporation (IFC)), một chi nhánh tư của Ngân hàng Thế giới, cho biết một ngân khoản lên đến 50 triệu US đô la sẽ được đầu tư ở Nội Mông (Inner Mongolia) để chế tạo dimethyl ether (DME), một nhiên liệu ít làm hại môi trường hơn, để thay thế dầu cặn (diesel) dùng trong ngành vận tải và sản xuất điện (16).

Ngay các tổ chức môi trường thân Trung Hoa, chẳng hạn như Môi trường Thái Bình Dương (Pacific Environment) có trụ sở ở San Francisco, cũng đang gia tăng áp lực yêu cầu Trung Hoa giới hạn lượng khí thải gây hiệu ứng nhà kiếng theo tinh thần Nghị định thư Kyoto 1997. Mặc dù Trung Hoa không có trách nhiệm pháp lý trong việc giới hạn hoặc giảm thiểu khí thải gây hiệu ứng nhà kiếng được ghi trong Hội nghị về Thay đổi Khí hậu của Liên Hiệp Quốc 1992 và Nghị định thư Kyoto 1997 (vì được xem như một quốc gia đang phát triển), phần đóng góp của Trung Hoa vào hiện tượng hâm nóng toàn cầu sẽ có ảnh hưởng quan trọng đến môi trường của mọi

quốc gia trên trái đất. Cung cách quản trị những vấn đề môi trường ở Trung Hoa sẽ gây ảnh hưởng nghiêm trọng trên toàn cầu (40).

KẾT LUẬN

Dưới sự lãnh đạo của đảng Cộng Sản và chương trình đổi mới kinh tế từ năm 1978, Trung Hoa đã áp dụng chủ trương "Phát triển trên hết" và "Làm giàu là vinh quang" của Chủ tịch Đặng Tiểu Bình để đạt được một số thành quả kinh tế "kỳ diệu" chỉ sau một phần tư thế kỷ. Người Trung Hoa rất tự hào về thành quả nầy: thành quả mà các nước Tây phương phải mất hàng thế kỷ mới thực hiện được (41). Từ 1979 đến 2004, kinh tế Trung Hoa tăng trưởng ở mức 9,6% mỗi năm và đạt 11,1% trong năm 2006, với GDP được Ngân hàng Thế giới ước lượng khoảng 2.670 tỉ US đô la. Với đà tăng trưởng đó, Trung Hoa có khả năng qua mặt Đức để trở thành cường quốc kinh tế thứ ba của thế giới vào năm 2007, sau Hoa Kỳ và Nhật Bản.

Nhưng sau ánh hào quang sáng chói đó, tình trạng ô nhiễm môi trường ở hầu hết mọi nơi ở Trung Hoa đã đến mức nguy hiểm chết người (deadly extremes), tình trạng mà vài quốc gia tiên tiến trên thế giới xem là "thảm họa": cư dân trong các thành phố kỹ nghệ ít khi thấy ánh mặt trời, trẻ con chết hoặc mắc bệnh vì chì hoặc các hình thức ô nhiễm khác, nước sông hồ bị ô nhiễm vì nước thải gia dụng hoặc kỹ nghệ, và thủy triều đỏ khiến thủy sản bị tiêu diệt trong nhiều vùng biển ven bờ rộng lớn. Tình trạng ô nhiễm môi trường ở Trung Hoa không chỉ là một vấn đề quốc gia mà còn có khả năng trở thành một thảm họa của thế giới, nếu nó không được ngăn chận một cách thích đáng. Dữ kiện đo đạc và kết quả nghiên cứu cho thấy, không khí ô nhiễm ở Trung Hoa đã di chuyển toàn cầu và có thể có ảnh hưởng nghiêm trọng đến khí hậu và hiện tượng hâm nóng toàn cầu.

Giá trị kinh tế của tình trạng ô nhiễm môi trường, được ước tính khoảng 100 tỉ yuan hay 12,8 tỉ US đô la mỗi năm (khoảng 1,4% GDP) từ 1990 đến 1998 (2) đã lên đến 511,8 tỉ yuan hay 68 tỉ US đô la (khoảng 3% GDP) trong năm 2004 và 1.505,8 tỉ yuan hay 200 tỉ US trong năm 2005 (khoảng 9% GDP). Ô nhiễm môi trường hình như đã xóa sạch mức tăng trưởng kinh tế của Trung Hoa!

Mặc dù có sự giúp đỡ tích cực và lâu dài của cộng đồng thế giới, đảng Cộng Sản và chánh quyền trung ương ở Beijing dường như đã bất lực trong việc đối phó với tình trạng ô nhiễm môi trường ở Trung Hoa, bởi vì chánh quyền ở địa phương đã và đang "làm tốt nhiệm vụ trên giao": trung thành với đảng và đạt chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế cao. Họ không chú trọng đến việc bảo vệ môi trường (vì ảnh hưởng đến lợi nhuận), mà nhiều lúc còn hạ thấp tiêu chuẩn hoặc bao che cho các cơ sở sản xuất gây ô nhiễm để thu hút đầu tư cho địa phương của mình. Đối với họ "ô nhiễm trước, tẩy xóa sau!"

Để che lấp phần nào cho sự thất bại, để xoa dịu sự chống đối ngày càng gia tăng ở trong nước (50.000 vụ biểu tình trong năm 2005), và để giảm áp lực của cộng đồng quốc tế, giới chức có thẩm quyền, phương tiện truyền thông, và một số nhà hoạt động môi trường ở Trung Hoa đang phát động một chiến dịch "đổ thừa" cho các quốc gia phát triển và các công ty đa quốc đang hoạt động ở Trung Hoa (3). Ông Pan Yue, Phó giám đốc Cơ quan Quản trị Môi trường Nhà nước SEPA, khẳng định:

"Với đà gia tăng của toàn cầu hóa, các quốc gia đã phát triển đang chuyển kỹ nghệ của họ sang các quốc gia đang phát triển dưới hình thức đế quốc môi trường. Ở Trung Hoa, ô nhiễm di chuyển từ đông sang tây và từ thành thị đến nông thôn. Người giàu tiêu thụ và người nghèo gánh chịu ô nhiễm. Sự bất bình đẳng giữa kinh tế và môi trường do sự hiểu biết sai lạc của một số viên chức về thành tích chánh trị và tăng trưởng, đi ngược lại những mục tiêu căn bản của chủ nghĩa xã hội và từ bỏ những thành tựu của chủ nghĩa xã hội ở Trung Hoa. Là một nước xã hội chủ nghĩa, Trung Hoa phải thống nhất với các quốc gia đang phát triển khác để chống lại một trật tự kinh tế quốc tế gây bất bình đẳng môi trường. Ở trong nước, chúng ta cần phải thiết lập các hệ thống để tránh gây rủi ro cho môi trường vì phát triển thiếu cân bằng. Từ đó chúng ta có thể thấy quyết tâm và tính đúng đắn của các quan điểm chánh trị của Ban bí thư Trung ương đảng Cộng Sản: cái nhìn khoa học trong sự phát triển và việc xây dựng một xã hội hài hòa, bảo tồn tài nguyên, và ít gây thiệt hại môi trường và sự cần thiết và cấp bách trong việc thúc đẩy một hình thức kỹ nghệ hóa hoàn toàn mới" (41).

Cơ quan SEPA của ông Pan Yue đã làm được bao nhiêu để ngăn chận tình trạng suy thoái môi trường ở Trung Hoa, theo các quan điểm chánh trị "đúng đắn" của Ban bí thư, thì chưa được công bố; nhưng những con số thống kê mới nhất làm cho cộng đồng thế giới giật mình và cần phải có những biện pháp tích cực hơn. Mặc dù có nhiều kế hoạch để cắt giảm 2% chất ô nhiễm trong năm 2006,

số lượng sulfur dioxide tăng đến 25,9 triệu tấn, 1,5% nhiều hơn năm 2005 (14) và Trung Hoa đã thay thế Hoa Kỳ để trở thành quốc gia phóng thích nhiều khí carbon dioxide nhất thế giới với 6,2 tỉ tấn so với 5,8 tỉ tấn.

Biện pháp có hiệu quả nhất để bắt buộc Trung Hoa cải thiện tình trạng ô nhiễm môi trường mà cộng đồng thế giới có thể áp dụng có lẽ cũng không nằm ngoài cái luật cung cầu của nền kinh tế thị trường tự do. Tình trạng ô nhiễm môi trường ở Trung Hoa, nhất là ô nhiễm không khí, bắt nguồn từ các hoạt động sản xuất để "cung" ứng nhu "cầu" của thị trường thế giới và đang gia tăng theo nhu cầu nầy. Nếu nhu cầu giảm, ô nhiễm môi trường cũng sẽ giảm theo!

Nói thì rất dễ và ai nói cũng được. Còn làm được hay không là chuyện khác!

Tháng 10 năm 2007

TÀI LIỆU THAM KHẢO

(1) Wikipedia. Accessed on September 26, 2007. "Deng Xiaoping." http://en.wikipedia.org/wiki/Deng_Xiaoping.

(2) Gaoming Jiang and Jixi Gao. January 12, 2007. "The terrible cost of China's growth." http://www.chinadialogue.net/article/show/single/en.

(3) Michael Lelyveld. December 18, 2006. "China Shifts Pollution Blame." Edited by Richard Finney. *Radio Free Asia.* http://www.rfa.org.

(4) Ma Jun. January 31, 2007. "How participation can help China's ailing environment." http://www.chinadialogue.net/article/show/single/en.

(5) Kevin Holden Platt. July 9, 2007. "Chinese Air Pollution Deadliest in World, Report Says." http://www.nationalgeographic.com/news.

(6) American Association for the Advancement of Science. February 19, 2000, "Environmental Challenges Facing China." *AAAS Symposium.* http://www.climate.org/topics/health/china.shtml.

(7) China Coal & Mining Expo 2007. Accessed on September 27, 2007. "The China Coal Sector." http://www.chinaminingcoal.com/2007/.

(8) Peter Fairley. January 1, 2007. "China's Coal Future." *Technology Review 2007.* http://technologyreview.com/Energy.

(9) Tom Lyttelton. July 4, 2007. "China Conceals 750,000 Pollution Deaths." http://www.environmentalgraffiti.com.

(10) Keith Bradsher and David Barboza. June 11, 2006. "The Energy Challenge, Pollution From Chinese Coal Casts a Global Shadow." *The New York Times.* New York, New York.

(11) Jonathan Watts. July 18, 2007. "China wakes up the dangers of pollution." *The Guardian.* http://www.guardian.co.uk/environment/.

(12) The World Bank and State Environmental Protection Administration, P.R. China. February 2007. *Cost of Pollution in China - Economic Estimates of Physical Damages. Conference Edition.* Washington, D.C.

(13) Richard McGregor. July 2, 2007. "750,000 a year killed by Chinese pollution." *The Financial Times.* http://www.ft.com/cms.

(14) AFP. September 24, 2007. "China struggling to tackle rising pollution." http://rawstory.com/news/afp.

(15) Reuters News Service. December 1, 2004. "Booming China Awash in 'Out of Control' Acid Rain." http://www.planetark.com.

(16) Zijun Li. August 31, 2006. "Acid Rain Affects One-Third of China; Main Pollutants Are Sulfur Dioxide and Particulate Matter." China Wacth. http://www.worldwatch.org.

(17) Working Party on Environmental Performance, Organization for Economic Cooperation and Development. February 2007. *Environmental Performance Reviews — China — Conference Edition.* Paris, France.

(18) David J. Lynch. July 4, 2005. "Pollution poisons China's progress." *USA Today.* http://www.usatoday.com/money/world.

(19) AFP Staff Writers. May 30, 2006. "Pollution turning China's Yangtze river 'cancerous'." Beijing. http://www.terradaily.com/reports.

(20) The Associated Press. July 17, 2007. "Pollution undermining China, report says." http://www.iht.com/articles.

(21) The World Bank. 1997. *China 2020 — China's Environment in the New Century — Clear Water, Blue Skies.* Washington, D.C.

(22) Michael Bristow. July 23, 2007. "China postpones pollution report." *BBC News, Beijing.* http://news.bbc.co.uk/1/hi/world.

(23) Agencies/Xinhua. June 5, 2006. "Pollution costs US$200b each year." http://www.chinadaily.com.

(24) Shanghai Daily. June 6, 2006. "Pollution costs equal 10% of China's GDP." http://www.chinadaily.com.

(25) Paul Sussman. June 6, 2007. "China: Economic Growth, environmental destruction." *CNN.* http://edition.cnn.com/2007.

(26) AFP. November 23, 2005. "China Admits Chemical Blast Polluted Major River, City Without Water." http://www.terradaily.com.

(27) Xinhua News Agency. November 24, 2005. "Major River Pollution Confirmed in NE China." Beijing, China.

(28) AFP. November 23, 2005. "Russia Environmental Officials Fear Water Pollution Following China Accident." Vladivostok, Russia.

(29) Jennifer L. Turner. June 14, 2007. "Testimony before the US-China Economic and Security Review Commission." Woodrow Wilson International Center for Schlolars. Western Kentucky University.

(30) Keith Bradsher. October 22, 2003. "China's Boom Adds to Global Warming Problem." http://healthandenergy.com.

(31) Terence Chea. July 30, 2006. "Pollution from China drifting east." The Associated Press.

(32) Robert Lee Holtz. July 20, 2007. "Huge Dust Plumes From China Cause Changes in Climate." *Science Journal.* http://online.wsj.com.

(33) Alex Wang. October 31, 2000. "The Downside of Growth: Law, Policy and China's Environmental Crisis." *Perspective, Vol. 2, No. 2.* Overseas Young Chinese Forum. Rockville, Maryland.

(34) Juli S. Kim. February 2, 2007. "Transboundary Air Pollution — will China Choke On Its Success?" China Environment Forum, Western Kentucky University.

(35) American University. "Ted's Case Studies — China and Coal." Washington, D.C. http://www.american.edu/TED/chincoal.htm.

(36) United States Environmental Protection Agency. "Clean Air and Energy Projects in China." http://www.epa.gov/oia/airandclimate.

(37) ChinaCSR. September 21, 2007. "EPA To Fight Climate Change With Projects in China." http://www.chinacsr.com/2007/09/21/1706-epa-to-fight-climate-change-with-projects-in-china/

(38) Natural Resources Defense Council. March 12, 2004. "China Clean Energy Project." http://www.nrdc.org/china.

(39) Centre for Co-operation with Non-Members. November 2005. *OECD-China Co-operation: The First Ten Years.* Organisation for Economic Co-operation and Development. Paris, France.

(40) Maryann Bird. June 23, 2006. "Briefing: opportunities and challenges." http://www.chinadialogue.net/article/show/single/en.

(41) Pan Yue and Zhou Jigang. October 27, 2006. "The rich and the poor suffer the pollution." http://www.chinadialogue.net/article/show/single/en.

Sự Chuyển Dịch Ô Nhiễm Từ Trung Quốc Vào Việt Nam

MAI THANH TRUYẾT

Trong những bài viết trước đây, chúng tôi đã trình bày về những huyền thoại và nghịch lý trong phát triển của TQ cũng như những sự lạm dụng môi trường có thể đưa đến những xáo trộn xã hội và chính trị trong tương lai. Việt Nam hiện đang rập khuôn theo TQ trong cung cách phát triển. Do đó, kết quả là trong hiện tại sức đề kháng của người dân ở hai quốc gia trên đã bắt đầu manh nha. Và cường độ phản kháng ngày càng tăng thêm.

Trước tình trạng phát triển ồ ạt và không có sự cân bằng giữa phát triển và bảo vệ môi trường, TQ đã tạo dựng song hành ngoài những thành quả kinh tế đã đạt còn có một tình trạng môi trường xuống cấp ngày càng tệ hại. Theo ước tính của các chuyên gia môi trường thuộc Chương trình Môi trường LHQ (UNEP), chi phí cần thiết để sửa chữa hay hạn chế những vấn nạn môi trường xảy ra trong quá khứ và hiện tại là 7% của ngân sách hàng năm của nước nầy. Từ những sự kiện trên cùng với tình trạng môi trường ngày càng xuống cấp, người dân sống ở đồng quê, nông dân, những người chăn nuôi, trồng trọt... ngược lại không hưởng được những phúc lợi đến từ phát triển mà phải chịu thêm nhiều thiệt hại do ảnh hưởng của môi trường. Cho nên, họ đồng loạt đứng lên đòi hỏi nhà cầm quyền TQ phải cải thiện và giải quyết tình trạng ô nhiễm môi trường không khí, đất đai, và nhất là nguồn nước mặt và nước ngầm.

Họ không còn gì để mất. Sự can đảm nhờ đó tăng lên cao. Điển hình nhất là cuộc nổi dậy của dân làng Huaxi, ngoại ô thành phố Dongyang, thuộc tỉnh Zejiang (Tứ Xuyên) vào tháng Tư vừa qua. Cuộc nổi dậy chống lại cảnh sát hiện vẫn còn đang tiếp tục mặc dù nhà cầm quyền địa phương đã quyết định di dời khu sản xuất công nghiệp tại làng nầy. **"Chúng ta hãy chiến đấu cho đời sống, cho sức khỏe của con cháu của chúng ta. Chúng ta hãy bảo vệ ruộng lúa và vườn rau cải trong làng."** Đó là khẩu hiệu và là một chứng liệu cho sự quyết tâm của dân làng Huaxi.

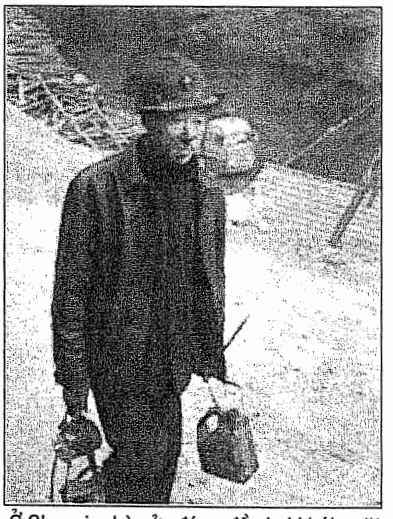

Ở Shanxi, nhà cửa đóng đầy bụi khói, mặt người thợ mỏ lấm đen, và không khí khét lẹt mùi than cháy.

Trên toàn lãnh thổ TQ qua cuộc khơi mào của dân làng Huaxi các vụ nổi dậy đã bộc phát và trở thành một hiện tượng toàn quốc, đã xảy ra từ hơn 10 năm qua, nhưng cường độ cũng như tầm ảnh hưởng không lan rộng và có tính cách quốc gia. Theo TS Li Lianjiang, chuyên gia chính trị học nghiên cứu về sự phản kháng của nông dân thuộc viện đại học Baptist Hong Kong, thì từ năm 1993 trở đi, trung bình mỗi năm có 10 ngàn vụ nổi dậy của người dân phản kháng nhà cầm quyền trên nhiều khía cạnh khác nhau. Các cuộc phản kháng nầy được nhà cầm quyền TQ gán tên là "những xáo trộn công cộng." Con số nầy đã tăng bất ngờ trong năm 2004, lên đến 74 ngàn vụ, trong đó nông dân đứng lên để đòi hỏi cải thiện môi trường, được đền bù tương xứng trong các chương trình di dời nhà cửa, đất đai của người dân để xây dựng cơ xưởng kỹ nghệ quốc doanh hay cho ngoại quốc đầu tư.

Trở qua TQ, đứng trước tình thế trên, nhà cầm quyền trung ương dường như đang bị phân tâm trước việc giải quyết những yêu cầu môi trường của nông dân. Một là dựa trên nguyên tắc bảo vệ môi trường, và yêu cầu thiết yếu

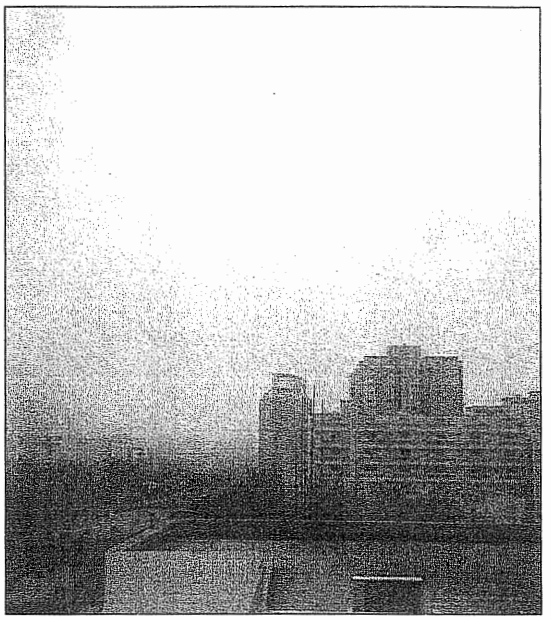

Ô nhiễm không khí ở Bejing (Tracey Allen)

của người dân là chính đáng và cũng là một động cơ giúp nhà cầm quyền nhận thức rõ được nơi nào cần phải lưu tâm trước những sự lạm dụng môi trường của địa phương. Thứ nữa, sự lo ngại của trung ương về những bất ổn chính trị qua các vụ nổi dậy của nông dân. Do đó, tùy theo trường hợp, TQ vừa đàn áp nổi dậy vừa lắng nghe để giải quyết những vấn đề của người dân nêu ra.

Qua các sự kiện dồn dập trên, TQ đã thấy và đã thấy rất rõ áp lực của dân chúng ngày càng tăng thêm và tạo ra hai ảnh hưởng bất lợi chính cho việc phát triển quốc gia trong những ngày sắp tới. Đó là mặt xáo trộn xã hội và sự hạn chế đầu tư ngoại quốc qua sự xáo trộn trên.

Đứng về mặt xã hội, ngày càng có thêm nhiều chỉ dấu về các xáo trộn xã hội ở những nơi có khu công nghiệp hình thành. Các xáo trộn càng trở nên bạo động hơn trong việc tranh chấp đất đai của người dân vì được bồi thường không xứng đáng với giá trị đã có của người dân; cũng như việc đòi hỏi chính đáng của họ là các khu công nghiệp phải nghiêm chỉnh chấp hành quy định của luật bảo vệ môi trường trong sản xuất. Tiếc thay, trung ương không có biện pháp mạnh mẽ để giải quyết vấn đề và Cơ quan Bảo vệ Môi trường Quốc gia không đủ quyền lực để sửa chữa những sai trái của địa phương. Do đó, tình trạng bất ổn ngày càng lan rộng, báo hiệu cho một tương lai không mấy sáng sủa cho Trung Quốc trong những ngày sắp tới.

Trước sự gia tăng các cuộc phản kháng của người dân, những nhà đầu tư ngoại quốc nhất là trong kỹ nghệ hóa chất bắt đầu chùng bước trong việc thiết kế và đầu tư vào quốc gia nầy trong vài năm trở lại đây. Đối với những nhà đầu tư ngoại quốc họ rất chú tâm đến việc xử lý chất thải rắn và lỏng cũng như kiểm soát việc ô nhiễm không khí một khi đã xây dựng nhà máy tại quốc gia nầy. Do đó, với tầm nhìn chung, họ cũng mong mỏi các nhà đầu tư nội địa cũng phải đặt ngang tầm bảo vệ môi trường và sản xuất để hy vọng làm dịu bớt phản kháng của người dân.

Tuy nhiên các suy nghĩ tích cực trên không có cơ sở đứng vững trong trường hợp áp dụng cho TQ vì không thể nào có một sự bình đẳng trong việc áp dụng luật lệ môi trường giữa các công ty ngoại quốc và quốc nội. Chính vì luật môi trường TQ còn quá nhiều điểm mơ hồ (luật môi trường Việt Nam cũng chẳng khá gì hơn) cho nên cán bộ địa phương tùy tiện suy diễn và thi hành, nhất là khi có "thủ tục đầu tiên" của người bản xứ thì mọi trở ngại về giấy phép như thủ tục lập Biên bản tác động môi trường cho một cơ sở mới thành lập sẽ được thông qua dễ dàng cũng như giấy phép hoạt động. Do đó, các công ty ngoại quốc hiện tại rất e dè trong việc đổ thêm đầu tư vào quốc gia nầy.

Từ hai áp lực trên, cộng thêm sức ép quốc tế về công cuộc bảo vệ môi trường chung trước tiến trình toàn cầu hóa trên thế giới, TQ đã bắt đầu e ngại đầu tư ngoại quốc sẽ bị hạn chế. Thêm nữa với sự cạnh tranh kinh tế ngày càng quyết liệt giữa các nhà đầu tư nội địa, cũng như trước những nguy cơ tăng giá thành trong sản xuất vì các phụ phí phải chi cho việc xử lý phế thải đang được nhà cầm quyền TQ áp đặt, các nhà đầu tư TQ bắt đầu chuyển hướng quay sang đầu tư ở VN. Lý do chính để đầu tư ở VN là việc quản lý môi trưởng ở đất nước nầy còn quá lỏng lẻo, đa phần chỉ cần có "thủ tục đầu tiên" là mọi sự được thông suốt.

Tình trạng môi trường TQ hiện tại

Vào ngày 23/11/2005, TQ đã xác nhận một vụ nổ tại một nhà máy sản xuất hóa chất của một công ty hóa dầu và dầu khí Jilin, đã tạo ra một tình trạng ô nhiễm trầm trọng sông Songhua, nguồn nước chính cung cấp cho thành phố Thiên Tân với 9 triệu cư dân, thủ phủ của Hắc Long Giang ở miền Đông Bắc TQ. Cũng cần nên biết vụ nổ đã xảy ra 10 ngày trước đó, mà người dân địa phương hoàn toàn không được thông báo.

Hóa chất thải hồi vào dòng sông là benzene, nitrobenzene, và aniline là các hóa chất thường được dùng để chế tạo chất nổ, thuốc sát trùng, thuốc nhuộm. Được biết benzene và nitrobenzene có thể ảnh hưởng đến hệ thần kinh. Nếu tiếp xúc với benzene dài hạn có thể có nguy cơ gây ung thư và rối loạn nhiễm sắc thể. Hiện tại, dòng chảy đã bị ô nhiễm chảy ngang qua biên giới LB Nga, đổ vào sông và chảy ra biển Okhotsk gần Vladivostok. Hiện tại TQ có 12 ngàn nhà máy hóa trên toàn quốc, trong đó 50% nhà máy được xây dựng trên hai dòng sông chính là sông Hoàng Hà và Dương Tử. Do đó nguy cơ xảy ra tai nạn từ những nhà máy nầy có thể xảy ra bất cứ lúc nào, và không một ai có khả năng tiên liệu được mức thiệt hại sẽ như thế nào. Đây là những quả bom nổ chậm cho đất nước nầy. Qua những tai nạn đã xảy ra, Cơ quan Bảo vệ Môi trường Quốc gia TQ vừa ra lệnh ngừng ngay 10 công trình xây dựng đường xá, nhà máy phát điện vì những công trình nầy có nguy cơ tạo ra ô nhiễm môi trường. Quyết định trên là một trong những quyết định cứng rắn của TQ, nói lên sức ép của dân chúng về thảm học ô nhiễm môi trường trên đất nước nầy ngày càng tăng thêm sau 25 năm kỹ nghệ hóa.

Trên đây là một sự kiện điển hình, kết quả của việc phát triển kinh tế quốc gia không an toàn về mặt sản xuất cũng như bảo vệ môi trường của TQ làm ảnh hưởng đến các quốc gia lân cận. Điều nầy cho thấy TQ, một quốc gia đang chuyển mình để trở thành một cường quốc kinh tế quốc tế đang xuất cảng "ô nhiễm" cùng lúc với những mặt hàng do họ sản xuất.

Nhiều hiện tượng tương tự khác như nguồn nước ngày càng cạn kiệt, bị ô nhiễm trầm trọng, không khí không còn trong lành, chất thải độc hại từ những nhà máy, chỉ là một trong những vấn đề hàng ngày mà người dân TQ đang phải đối mặt. Môi trường sống ở TQ ngày càng xuống cấp và đã lây lan qua các quốc gia láng giềng.

Các nguồn bụi khói ô nhiễm từ Vân Nam đã bay sang tận miền duyên hải vùng Tây Nam Hoa Kỳ. Mưa acid xuống tận Nam Hàn và Nhật Bản. Đặc biệt là những dòng sông. Có gần phân nửa dân số trên thế giới sống trong những lưu vực sông ngòi phát nguyên từ TQ đang bị đe dọa với cơn khủng hoảng nước đã được mô tả trong một quyển sách nổi tiếng của Ma Jun dưới tựa đề: "China's Water Crisis." Tại một hội nghị ở Bắc Kinh vào tháng 11/2005, Thứ trưởng Bộ Xây dựng Bao Xing phải thốt lên rằng: "**Quốc gia nầy tình trạng khủng hoảng nước khốc liệt và khẩn cấp hơn mọi quốc gia khác trên thế giới.**"

Do đó, đã đến lúc TQ cần phải chọn lựa giữa sự tăng trưởng kinh tế hay có được một môi trường sạch hơn. Và lãnh đạo TQ đã xóa dần quan điểm "bảo vệ môi sinh" chỉ là sản phẩm của tư tưởng tiểu tư sản. Do đó, có nhiều chuyển biến trong việc phát triển của TQ.

Từ cuối thập niên 1990, Bắc Kinh đã ra lịnh cấm đốn cây trong hầu hết những khu rừng núi của họ, sau khi nhận ra rằng sự phá rừng là một yếu tố chính dẫn đến những nạn lụt, hạn hán lớn gây thiệt hại hàng tỷ Mỹ kim.Và đi xa hơn nữa, lãnh đạo TQ đã bù đắp nhu cầu gỗ trong nước bằng cách phá rừng ở các quốc gia Phi Châu, Miến Điện, và nhất là Việt Nam... để có thể giữ cương vị "cơ xưởng sản xuất của thế giới." Để đạt được danh hiện trên, nạn nhân gần nhất và chịu nhiều thiệt hại nhất là Việt Nam.

Sự chuyển dịch sản xuất từ TQ sang Việt Nam

Các hãng xưởng sản xuất của Hoa Kỳ, từ hơn hai thập niên qua, đã di chuyển cơ sở sản xuất đến các quốc gia Mỹ La tinh, đặc biệt là Mễ Tây Cơ, vì ở những nơi nầy, nhân công rẻ mạt và luật lệ môi trường hầu như không được áp dụng. Tư bản Tây phương cũng hành xử tương tự, đổ xô vào Đông Âu, những quốc gia vừa thoát khỏi gông cùm Cộng sản như Ba Lan, Hung Gia Lợi. Theo đúng bài học ấy, TQ cũng đang chuyển mình tiến về Đông Nam Á, và Việt Nam là một trong những thí điểm lớn để cho tư bản TQ định cư.

Trước sự cạnh tranh kinh tế toàn cầu ngày càng gay gắt, việc hạ giá thành phẩm là việc làm ưu tiên để có thể chiếm lĩnh thị trường thế giới. Đó là chính sách chung của mọi quốc gia. Do đó, Việt Nam là một mảnh đất béo bở cho tài phiệt TQ đầu tư vì: - Nhân công còn quá rẻ, ngay cả đối với nhân công TQ vốn dĩ đã quá rẻ mạt; - Chi phí cho việc bảo vệ môi trường không bị đòi hỏi gắt gao như ở TQ hiện tại; - Và quan trọng nhất là mọi thủ tục hành chánh và dịch vụ xuất nhập cảng đều được dễ dàng vì cung cách quản lý địa phương ở Việt Nam dễ bị mua chuộc. Từ ba yếu tố trên, Việt Nam đối với TQ có thể được ví như là Mễ Tây Cơ với Hoa Kỳ trong lãnh vực đầu tư và sản xuất.

Thêm một yếu tố tâm lý quan trọng khiến cho các nhà đầu tư TQ di chuyển xuống VN là TQ tìm thấy nơi đây một xứ sở giống như đất nước của họ, một đất nước đang chuyển mình từ từ và đang từ bỏ chủ thuyết cộng sản không tưởng để tiến tới một nền kinh tế thị trường tự do đầy hấp dẫn..

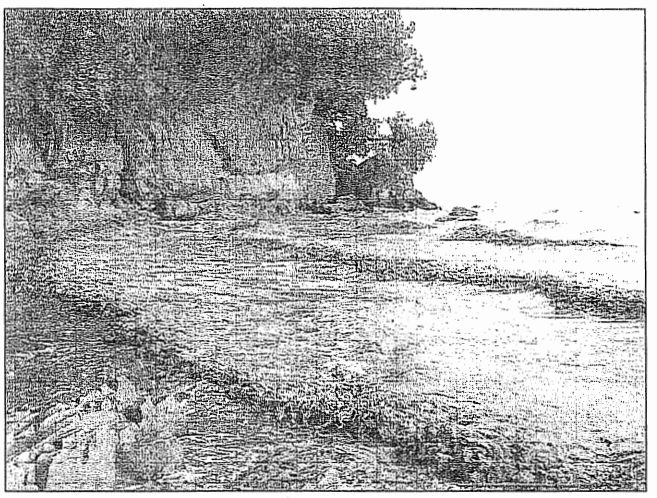

Rong xanh bùng phát trogn hồ Taihu ở Wuxi, Jiangsu (AP)

Còn về tâm lý chung của hai dân tộc, có nhiều điểm tương đồng chính nhất là việc quan hệ kinh doanh dựa theo cách tiếp cận có tính cách cá nhân và thường xử dụng quyền lực áp đặt để lấn áp pháp luật hầu mang lại mọi dễ dãi trong thủ tục hành chánh.

Hãy nghe Zou Qinghai, Chủ tịch phòng Thương mãi Triết Giang tuyên bố: "**Chúng tôi hiểu thông suốt rằng phải đưa tiền hối lộ mới xong công việc. Cách thức phát triển của VN chỉ đơn giản là một bản sao của TQ.**"

Hiện tại, tính đến cuối năm 2005, đầu tư của TQ chính thức vào VN tương đối còn khiêm nhường so với các quốc gia trong vùng như Đài Loan, Nhật Bản, Đại Hàn là 734 triệu Mỹ kim so với hơn 50 tỷ của ba nước vừa kể trên. Nhưng qua những con số không chính thức có liên hệ đến những đối tác Hồng Kong thì mức thẩm thấu vào VN có thể lên đến 3,7 tỷ. Và thương mãi hai chiều dự kiến trong năm 2006 là 7,5 tỷ Mỹ kim.

Các công ty TQ chú trọng đầu tư vào năng lượng và tài nguyên thiên nhiên của VN. TQ đã ký thỏa thuận trong việc thăm dò dầu khí ở vịnh Bắc Việt khi Hồ Cẩm Đào viếng thăm thủ đô Hà Nội vào tháng 10, 2005. Việt Nam vẫn là một lợi điểm cho TQ vì hai quốc gia đã ký hiệp ước tự do mậu dịch với nhau. Từ đó, TQ có thể chuyển ngành dệt sang VN để tránh vấn đề hạng ngạch (quota) trong việc xuất cảng các sản phẩm nầy qua Hoa Kỳ và Liên Hiệp Âu Châu.

Ảnh hưởng lên môi sinh Việt Nam

Như đã nói ở phần trên, TQ đã bắt đầu chuyển dịch các cơ sở sản xuất qua VN vì áp lực của luật ô nhiễm môi trường ở bản địa là chính. Các đầu tư di chuyển về VN cũng vì luật lệ TQ nghiêm ngặt hơn trong việc bảo vệ môi trường ở một số khu vực, đặc biệt ở các tỉnh ở miền duyên hải như Thượng Hải, Hong Kong, Triết Giang. Chính quyền ở những tỉnh nầy khuyến khích đầu tư ở VN đối với các công nghệ gây ô nhiễm môi trường nhiều nhất như công nghệ thép, plastic, điện tử, hóa chất v.v... Cơ quan bảo vệ môi trường ở các tỉnh trên đã bắt đầu ngăn cấm và tước quyền xử dụng đất, nước, và điện của những cơ sở có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường trầm trọng. Đó cũng là một trong những lý do chính để các nhà đầu tư TQ xuôi Nam, một nơi có chi phí dùng trong an toàn lao động rẻ mạt.

TQ hàng năm nhập Cảng 158 triệu mét khối gỗ từ khắp nơi trên thế giới, sử xụng cho nội địa 27 triệu m3, số còn lại xuất cảng qua các nước, đặc biệt là Hoa Kỳ và Âu châu. Một việc làm không nhỏ ảnh hưởng đến môi trường VN là việc nhập cảng gỗ của VN. Năm 2004, VN thâu được 900 triệu Mỹ kim trong việc xuất cảng 2 triệu m3 gỗ, đa số là qua TQ. Năm 2005, mức thu nhập lên đến 1,5 tỷ Mỹ kim cho dịch vụ nầy. Với lượng rừng mất đi ước tính là 200 ngàn mẫu/năm, trong khi đó mức trồng rừng là 20 ngàn mẫu/năm, thiết nghĩ di hại của việc thất thoát rừng nầy ảnh hưởng đến nạn lũ lụt, hạn hán, đất đai bị hoang hóa v.v... có thể được bù đắp so với mức ngoại tệ thu nhập qua việc xuất cảng gỗ nầy không?

Kết luận

Từ những nhận định và phân tích trên đây, quả thật VN đang phải hứng chịu nhiều hệ quả của việc bành trướng và phát triển kinh tế và kỹ nghệ của TQ. **Tư thế của một đàn em VN trước một đàn anh nước lớn TQ cho đến nay vẫn là một sự thuần phục hoàn toàn. Thuần phục trong tư thế chính trị, quân sự lẫn kinh tế.** TQ đã tạo được một sức ép quá mạnh trong ba lãnh vực trên, khiến cho VN luôn luôn đang ở thế bị động và không thể nào thoát khỏi tầm ảnh hưởng của ba gọng kềm trên.

Giờ đây, VN lại mang thêm nhiều di hại về môi trường qua sự xuất cảng ô nhiễm của TQ. Môi trường VN vốn đã bị báo động từ nhiều năm qua, lại phải gánh chịu thêm "chất phế thải" của đàn anh TQ, liệu lãnh đạo VN có còn khả năng giải quyết các vấn nạn trên hay Đất và Nước VN sẽ đi đến sự hủy diệt hoàn toàn trong một tương lai không xa?

Hội Chứng Việt Nam

MAI THANH TRUYẾT

Việt Nam hiện đang phải đối mặt với tình trạng môi trường ô nhiễm trầm trọng. Từ không khí, đất đai và trầm tích, nguồn nước mặt và nước ngầm, cho đến nguồn thức ăn, nhu cầu cần thiết hàng ngày của người dân cũng đang là một thảm nạn cho mọi người. Sự hiện diện của hóa chất trong thực phẩm và trái cây là một vấn nạn lớn đang xảy ra ở khắp nơi trên toàn cõi đất nước là một hiện thực. Theo báo cáo tổng kết của Cơ sở Dữ kiện Ngộ độc Thực phẩm, tính đến ngày 15/8/2007 Tp Sài Gòn có 137 vụ ngộ độc, 4.101 nạn nhân hầu hết xảy ra trong các quán ăn tập thể, trong đó có 28 người chết. Riêng ngộ độc do vi sinh, hóa chất bảo vệ thực vật thì đã xảy ra 57 vụ. Qua thống kê của Bộ Y tế Việt Nam trong "Dự thảo số 5: Kế hoạch hành động quốc gia bảo đảm Vệ sinh An toàn Thực phẩm đến năn 2010", trong tám năm từ 1997 đến 2004, toàn quốc có 6.467.448 trướng hợp mắc các bịnh nhiễm trùng qua thực phẩm, trong đó có 194 trường hợp tử vong.

Bài viết nầy có mục đích chuyển tải và phổ biến những thông tin về vấn nạn trên để mỗi người trong chúng ta lưu ý và cẩn trọng hơn trong sinh hoạt ăn uống hàng ngày.

Sự hiện diện của hóa chất trong thực phẩm tiêu dùng của người dân ở VN quả thật đã đến độ nghiêm trọng và đã diễn ra từ bao năm nay rồi. Có hai nguyên nhân chính cho tình trạng nầy, khách quan và chủ quan. Nguyên nhân khách quan là do môi trường chung bị ô nhiễm, do đó ảnh hưởng đến cây trồng và súc vật. Và nguyên nhân chủ quan là do con người, trong quá trình sản xuất sản phẩm đã thêm hóa chất vào trong thực phẩm với ý đồ mang lại lợi nhuận cao nhất mà không lưu tâm đến những di hại cho sức khỏe của người tiêu dùng.

Hóa chất trong xì dầu

Hóa chất có tên viết tắt là 3-MCPD, hay tên hóa học đầy đủ là 3-monochloropropane-1,2-diol. Trong quy trình sản xuất xì dầu, phương pháp thủy phân bằng acid chlorhydric (HCl) trên các loại bánh dầu thực vật như đậu nành, đậu xanh, hay trong các mô mỡ động vật v.v... cho ra phế phẩm trên và một số hóa chất tương tự thuộc nhóm chloropropanol. Còn phương pháp chế tạo xì dầu qua công nghệ lên men tự nhiên thì không tạo ra các phế phẩm trên. Ngay sau khi giai đoạn chế biến xì dầu xong, hàm lượng của các hóa chất trên có thể tăng lên trong giai đoạn vô chai, dự trữ, và ngay cả trong khi nấu nướng, nếu hóa chất không được khử đúng mức ngay từ lúc ban đầu. Hiện tại, hầu hết các công ty sản xuất xì dầu ở Việt Nam áp dụng phương pháp thủy phân bằng acid do đó dung lượng 3-MCPD có hàm lượng cao là điều không thể tránh khỏi. Trong lúc đó, ở các quốc gia Tây phương, ngay cả Nhật Bản và Trung Quốc, phương pháp lên men trong việc chế biến xì dầu chiếm từ 86 đến 90% trên tổng lượng xì dầu sản xuất.

Ảnh hưởng của 3-MCPD lên con người

Tương tự như các hợp chất hữu cơ chứa chlor khác, 3-MCPD khi đi vào cơ thể qua đường thực phẩm sẽ tích tụ trong các mô mỡ và gan. Qua thời gian, một khi liều lượng của hóa chất trên cao hơn mức an toàn của cơ thể có thể chấp nhận được, nguy cơ bịnh ung thư sẽ xảy ra. Theo Ủy ban Khoa học Thực phẩm Âu châu, 3-MCPD được xếp vào hạng hóa chất có nguy cơ gây ung thư và di truyền (genotoxic carcinogen). Sự hiện diện của hóa chất trong cơ thể phải được hạn chế tối đa, và định mức chấp nhận hàng ngày trong cơ thể (Tolerable Daily Intake — TDI) là 2ug/Kg/cơ thể.

Theo tiêu chuẩn cho phép của Bộ Y tế VN, ban hành ngày 23/5/2005 sau ba năm nghiên cứu là: hàm lượng của 3-MCPD có trong xì dầu không thể vượt quá 1 mg/Kg áp dụng cho xuất cảng, và giao động từ 3- 5 mg/K cho việc tiêu dùng trong nội địa (tức cao hơn mức cho phép 500 lần). Trong lúc đó tiêu chuẩn của LH Âu Châu là 0,02 mg/Kg, của Anh Quốc 0,2 mg/KG, Bỉ 0,5 mg/Kg. Qua các tiêu chuẩn trên, quả thật chúng tôi không thể hiểu tại sao BYT Việt Nam lại có hai quy định

riêng rẽ cho xì dầu xuất cảng và xì dầu nội địa. Chẳng lý nào người dân VN có sức đề kháng với hóa chất trên cao hơn người ngoại quốc?

Tình trạng xuất cảng xì dầu

Các sản phẩm xì dầu dùng để xuất cảng do nhiều công ty trong nước sản xuất. Quan trọng nhất là Cty Liên doanh Chế biến Thực phẩm Việt Tiến (VITEC Food) xuất cảng xì dầu qua nhãn hiệu Chin Su. Ngoài ra còn có các Cty như Nam Dương, Mêkong, Nestlé VN xuất cảng qua Âu châu, Mỹ châu, Úc và Á châu.

Cách đây độ hai năm, Anh Quốc từ chối một lô hàng của VN vì hàm lượng 3-MCPD cao hơn tiêu chuẩn. Và gần đây nhất vào tháng 7, 2006, Bỉ cũng đã trả về các lô hàng Chin Su vì hàm lượng hóa chất trên lên đến 86 mg/Kg.

Để bào chữa cho việc xì dầu bị trả về, Cty phải chạy tội bằng cách phủ nhận, qua phát biểu của Tổng Giám Đốc Phạm Hồng Sơn như sau: «Sản phẩm của Cty VITEC Food xuất cảng từ năm 2003 sang các nước Đông Âu và EU, nhưng chưa bao giờ xuất cảng sang Bỉ, nên chai nước tương phát hiện ở Bỉ có hàm lượng 3-MCPD lên tới 86 mg/Kg có nhiều khả năng là giả." Xin nhường lời bình luận về phát biểu trên của Cty VITEC cho người đọc. Tuy nhiên, với tính cách thông tin, qua kiểm tra của Trung tâm Đo lường Chất lượng 3 TpHCM thì có độ 50% số lần mẫu của xì dầu Chin Su không đạt tiêu chuẩn. Cũng như theo báo cáo củaTrung tâm Dịch vụ Phân tích Thí nghiệm thuộc Sở KHCN-MT Tp HCM, qua 42 mẫu nước tương thì toàn bộ 42 mẫu đều có hàm lượng vượt quá tiêu chuẩn cho phép nhiều khi lên đến 7 — 8 ngàn lần nghĩa là 7000 — 8000 mg/Kg.

Tuy tiêu chuẩn do Bộ Y Tế đưa ra là 1mg/Kg nhưng vẫn chưa có biện pháp cũng như quy định nào cụ thể về việc kiểm tra phẩm chất sản phẩm của các nhà sản xuất. Cũng cần nên biết là toàn quốc chỉ có chín phòng thí nghiệm có khả năng phân tích hoá chất 3-MCPD, và chi phí phân tích là 800 ngàn ĐồngVN/mẫu.

Xì dầu giả hiệu

Hai phương pháp thủy phân và lên men là các phương pháp chính trong quy trình sản xuất xì dầu. Dĩ nhiên là ở VN, có nhiều thể loại mặt hàng nhái, hàng giả hiện diện khắp nơi từ hàng tiêu dùng cho đến thực phẩm, việc sản xuất xì dầu cũng không tránh khỏi tình trạng nầy. Nói ra thì thấy kinh tởm, nhưng sau đây là một sự thật đang xảy ra ở VN. Hiện có sự xuất hiện của nhiều nhà thu gom tất cả xương gà, xương heo, bò ở các tiệm ăn, thậm chí ở những đống rác, để mang về nấu trong acid, và được trung hòa lại bằng sút caustic. Sản phẩm được vô bao nylon hay chai lọ dưới nhãn hiệu "nước cốt để làm xì dầu" và được bày bán khắp nơi nhất là ở chợ Kim Biên, Chợ Lớn. Nơi đây còn bày bán các nguyên vật liệu để làm nước tương qua công thức chế biến là: nước + muối + màu + mùi + chất phụ gia để bảo quản xì dầu sản xuất; đôi khi còn cho thêm phân bón urea để làm tăng độ đạm trong nước chấm hay xì dầu nữa.

Đứng trước tình trạng sản xuất xì dầu ở VN, vài đề nghị để giải quyết vấn đề sản xuất bừa bãi rất nguy hiểm cho sức khỏe của người tiêu dùng:

- Trước hết, cần phải xem lại cung cách quản lý của VN đối với công nghệ sản xuất xì dầu. VN đã thành công trong quản lý chính trị, ổn định được trật tự xã hội về an ninh, không lý nào lại thất bại trong việc kiểm soát môi trường;
- Sau nữa, chỉ còn có cung cách làm ăn thật thà, theo đúng quy trình kỹ thuật thì việc trừ khữ hay hạn chế sự hiện diện của 3-MCPD trong xì dầu có thể được kiểm soát dễ dàng. Ở các quốc gia tiên tiến, việc chấm dứt quá trình sinh sản 3-MCPD trong xì dầu bằng nhiệt độ cao và tăng độ pH thích hợp sau khi thủy phân;
- Nguyên nhân của sự hiện diện của 3-MCPD tùy thuộc vào các yếu tố sau: nguyên vật liệu làm xì dầu, điều kiện lưu trữ nguyên liệu; việc xử dụng nguồn nước rửa chứa chlor; và những điều kiện bảo quản trước khi tung ra thị trường như nhiệt độ, độ ẩm.
- Hiện nay, một số nhà sản xuất ở Tây phương đang dùng acid phosphoric trong giai đoạn thủy phân, thay thế acid chlorhydric. Phương pháp nầy có khả năng loại hẳn sự hiện diện của 3-MCPD trong xì dầu.

Borax hay hàn the

Borax còn gọi là hàn the. Đó là tên thương mãi của hóa chất sodium tetra borate decahydrate, có công thức là Na2B4 O7,10 H2O. Borax là một loại bột trắng dễ hòa tan trong nước. Khi tiếp xúc với nước ngoài tính hòa tan, chất nầy còn hút nước hay gọi là ngậm nước để được bão hòa với 12 phân tử nước. Chính vì tính chất sau cùng nầy mà hóa chất trên được ứng dụng nhiều trong kỹ nghệ thực phẩm. Đây cũng là một hóa chất có tính khử trùng và trừ sâu rầy nhẹ. Trong kỹ nghệ bột giặt, borax được dùng như một chất phụ gia để chống ẩm và không biến bột giặt đóng cục

theo thời gian vì độ ẩm cao trong không khí. Borax còn được dùng để khử nước "cứng" vì chứa nhiều calcium carbonate (vôi).

Vì đây là một loại thuốc sát trùng nhẹ cho nên tính độc hại của nó cũng ảnh hưởng lên con người. Khi tiếp xúc với borax qua đường thực quản, cơ thể sẽ cảm thấy khó chịu như bị dị ứng và có thể đưa đến tử vong khi hấp thụ một liều lượng lớn. Qua đường khí quản, da hoặc mắt, cơ thể cũng có phản ứng tương tự nhưng nhẹ hơn.

Tùy theo liều lượng của borax xâm nhập vào người, phản ứng cấp tính của cơ thể diễn tiến như sau từ nhẹ đến nặng: nhức đầu - cơ thể bải hoải - mạch tim đập nhanh - áp suất máu giảm - có thể bị phong giựt (seizure) và đi đến bất tỉnh.

Qua tiếp nhiễm dài hạn, con người có cảm giác bị trầm cảm (depression), và đối với phụ nữ có thể bị sinh ra hiếm muộn vì hóa chất nầy sẽ làm giảm thiểu thời kỳ rụng trứng.

Chính nhờ tính ngậm nước và khử trùng của borax mà người ta đã lợi dụng trong nhiều dịch vụ không chính đáng. Trong giai đoạn sau 1975, kỹ nghệ làm xà bông cây và kem đánh răng đã xử dụng borax để tăng độ cứng của xà bông và vì hấp thụ thêm nước cho nên cân lượng của xà bông nặng hơn nhưng độ sủi bọt và độ tẩy rửa rất kém so với trọng lượng. Trong kỹ nghệ kem đánh răng cũng thế, borax làm kem không bị "chảy nước" và nhờ đó có thể thêm nhiều vôi và magnesium vào để tăng trọng lượng của kem mà không có tác dụng gì đến việc làm sạch răng; đôi khi còn làm lở nướu răng nữa vì hàm lượng vôi cao.

Đối với kỹ nghệ thực phẩm hiện tại, nhiều loại bánh tráng, bánh phở, hủ tiếu được cho thêm borax để được dai, cứng, lâu thiu hơn. Còn các loại chả lụa, chả quế cũng được tăng thêm độ dòn, chống được mốc meo và lâu thiu cũng nhờ borax. Đối với các loại thực phẩm tươi như thịt cá để lâu ngày đã biến dạng, nếu có thêm borax, chúng trở nên nên cứng và có vẻ tươi trở lại. Đại khái trên đây là những ứng dụng không lành mạnh của borax mà con buôn dùng các thủ thuật nầy trong thực phẩm để làm sai lạc và đánh lừa người mua.

Formol

Formol có tên hóa học là formaldehyde, công thức la HCHO. Ở dưới dạng lỏng, formol có mùi rất khó ngửi và chỉ được tung ra thị trường dưới dạng hòa tan trong rượu methanol từ 37 đến 50%. Do đó, ngoài độc chất là formol, chúng ta cũng cần để ý đến độc tính của rượu methanol hay methylic. Trong quá trình chưng cất rượu ethylic, hay rượu cồn, luôn luôn có thêm một phó phẩm là methanol rất độc. Do đó, thỉnh thoảng chúng ta vẫn thường thấy trên báo chí Việt Nam nhiều trường hợp bị nhiễm độc đi đến tử vong do uống rượu methylic kỹ nghệ là do hóa chất nầy.

Trở về formol, con người khi bị tiếp nhiễm qua da, mắt cảm thấy ngứa ngáy khó chịu. Khi bị xâm nhập vào thực quản, cơ thể sẽ phản ứng mạnh mẽ như ói mửa, bị tiêu chảy và mất nước mau chóng có thể đi đến tử vong. Nếu da bị tiếp xúc lâu ngày sẽ trở thành nhạy cảm, dị ứng và có những chứng bịnh ngoài da phát sinh như bịnh ngứa (eczema).

Như mọi người đều biết, công dụng chính thức của formol ngoài việc được sử dụng trong các phản ứng điều chế hóa chất cơ bản trong kỹ nghệ, formol còn được dùng để bảo quản các xác chết để khỏi hư thúi. Theo Chương Trình độc tố Quốc gia của Bộ Y tế Hoa Kỳ thì hóa chất nầy được xếp vào loại hóa chất có nguy cơ gây ra bịnh ung thư khi bị tiếp nhiễm dài hạn. Còn trong thực phẩm, formol đã được tẩm lên bánh phở để chống thiu và vấn nạn nầy đã nổ lớn và làm náo động thị trường buôn bán phở ở VN cũng như ở hải ngoại, những nơi có người Việt định cư ở những năm vừa qua và vẫn còn tồn tại đến ngày nay.

Calcium carbide hay khí đá

Đây là một hóa chất ở thể rắn màu xám có công thức hóa học là CaC2. Dễ gây phản ứng phát nhiệt mạnh với nước, có thể cháy hoặc nổ. Con người khi bị tiếp nhiễm qua mắt và da, sẽ cảm thấy khó chịu, chảy nước mắt và ngứa. Nếu bị tiếp nhiễm qua đường thực quản có thể bị hôn mê và đi đến tử vong. Kỹ nghệ trái cây chiếu cố đến hóa chất nầy nhiều nhất. Trái cây từ nhà vườn được hái khi chưa được chín tới mức để tránh bị dập hư trong khi chuyên chở. Khi đi đến vựa ở các thành phố, trái cây ngay sau đó được ủ trong khí đá; và chỉ vài giờ sau, các trái cây còn xanh như chuối, xoài, đu đủ v.v... sẽ có màu tươi tốt như mới vừa chín tới. Việc dùng khí đá để "thúc" trái cây có lợi điểm là làm bắt mắt người mua, nhưng phẩm chất của trái cây không còn giữ được như trong tự nhiên nữa như độ ngọt và mùi vị sẽ kém đi. Và vì bị "dú ép" cho nên độ đường không tăng trưởng đúng chu kỳ của trái cây, do đó trái cây mất đi vị ngọt tự nhiên. Thêm nữa, sự nguy hiểm của việc dú ép bằng hóa chất nầy có thể tạo ra hỏa hoạn, và điều nầy đã được chứng minh trong quá khứ tại chợ Cầu Ông

Lãnh, vựa trái cây chính của thành phố.

Hóa chất bảo quản sodium benzoate

Trong kỹ nghệ, sodium benzoate là một hóa chất dùng để bảo quản thực phẩm để khỏi bị hư và có tính chống mốc. Hóa chất này sẽ giúp thực phẩm không bị đổi màu, giữ mùi nguyên thủy, và sau cùng bảo quản các thành phần cấu tạo sản phẩm cũng như không làm biến dạng. Công thức hóa học của sodium benzoate là NaO-C6H5. Theo Cơ quan Quản lý Thực phẩm Hoa Kỳ, mức chấp nhận của hóa chất nầy trong thực phẩm là 0,1%. Và nồng độ có thể gây tử vong khi xâm nhập vào cơ thể là 2g/Kg/trọng lượng cơ thể.

Qua độc tính kể trên, chúng ta cần phải nói đến quá trình điều chế hóa chất này. Theo quy trình sản xuất sodium benzoate, một phế phẩm độc hại là phenol luôn hiện diện trong thành phẩm. Do đó, sodium benzoate sau khi sản xuất cần phải khử phenol trước khi tung ra thị trường cho kỹ nghệ thực phẩm. Nếu không, nguy cơ bị nhiễm độc do phenol rất lớn, và hóa chất nầy ảnh hưởng đến hệ thần kinh, nhất là đối với trẻ em và thai nhi trong bụng mẹ khi bị tiếp nhiễm qua đường thực phẩm.

Hiện tại hóa chất trên được nhập cảng từ Trung Quốc và dĩ nhiên có chứa rất nhiều tạp chất như phenol. Vì vậy, cần phải xem xét xuất xứ của hóa chất trước khi đem áp dụng vào thực phẩm.

Hóa chất tẩy trắng chloride sodium hydrosufite

Đây là một loại bột trắng, khi bị tiếp nhiễm quá đường khí quản, căn cứ theo Cơ quan Quyền lực Âu châu về An toàn Thực Phẩm (AESA), cơ thể con người sẽ cảm thấy bị khó thở và có thể bị nghẹt thở. Đôi khi bị ho rũ rượi. Sự hiện diện của nguyên tố chlor cũng là nguyên nhân của nguy cơ ung thư nếu bị tiếp nhiễm lâu dài.

Trong kỹ nghệ thực phẩm, hóa chất nầy được dùng để làm trắng các sản phẩm để làm bắt mắt người tiêu dùng. Các sản phẩm được nhà sản xuất áp dụng tính chất nầy là: bánh tráng, các loại bột dưới dạng sợi như bánh canh, bún, miếng v.v... Một thí dụ điển hình là trước kia, bánh tráng sản xuất từ VN có màu ngà, và hay bị bể vì dòn. Trong thời gian sau nầy, bánh tráng trở nên trắng phau, được cán mỏng, và đặc biệt rất dai, nhúng nước và cuốn không bị bể ra. Đó là do công lao của borax và hóa chất tẩy trắng.

Các phẩm màu trong thực phẩm

Trong thực phẩm, màu giữ một địa vị rất quan trọng. Nó làm cho sản phẩm bắt mắt hơn, gây chú ý cho người mua và gây ảnh hưởng tốt về phẩm chất của món hàng. Có hai loại màu: màu tổng hợp và màu thiên nhiên. Màu thiên nhiên được trích từ các mô của cây cỏ. Việc xử dụng loại màu nầy nảy sinh ra nhiều vấn đề như: màu không cố định có thể thay đổi hay biến dạng theo thời gian, nhiệt độ, ánh sáng, và nhất là có thể làm biến dạng phẩm chất của thực phẩm được nhuộm màu.

Còn màu tổng hợp thường tan trong nước và ổn định hơn. Trên thị trường, màu tổng hợp có dưới dạng hạt, bột, dung dịch, hay dạng dẻo. Màu tổng hợp tác dụng với hydroxid nhôm Al(OH)3 để cho ra một dung dịch gọi là hồ (lakes) sẵn sàng để nhuộm màu trong thực phẩm. Lợi điểm của màu tổng hợp là màu rất bền không bị tác dụng do thời gian, nhiệt độ hay ánh sáng. Các nhà sản xuất thực phẩm rất thích dùng loại màu tổng hợp nầy.

Xin đan cử ra đây hai màu căn bản là màu tartrazine có màu vàng và màu carmine đỏ ngã qua cam. Đứng về phương diện độc hại, màu rất nhạy cảm cho da, có thể làm nứt da, tạo ra những vảy nến, hay làm dị ứng cũng như nghẹt mũi căn cứ theo báo cáo của Ủy ban Khoa học Thực phẩm cho con người của EU (CSAH).

Hóa chất bảo vệ thực vật

Đây là một vấn nạn lớn của dân tộc, ví nó ảnh hưởng dài hạn lên nhiều thế hệ trong tương lai. Theo báo chí Việt Nam, các vụ ngộ độc thực phẩm chiếm đến 25% trên tổng số vụ ngộ độc. Điều nầy nói lên tính cách quan trọng của vấn đề. Xin hãy nghe tiếng nói của tác giả Liêu Tử ở Việt Nam: "**Các bạn phải luôn đề cao cảnh giác, và nhớ luật nầy: các thứ rau, củ, quả, ngó thấy ngon chớ mà ham. Trái khổ qua, ngó như trái bị đèo thì hãy mua. Củ cải trắng, củ cà rốt cũng vậy. Người trồng trọt xứ mình chỉ ham trồng được rau củ quả to bự, cân có ký, bán có giá, mặc sức hóa chất tống vào trong đó.**" Xin thưa hóa chất tống vào đó chính là hóa chất bảo vệ thực vật tức là hóa chất diệt cỏ, trừ sâu rầy, trừ nấm mốc v.v... Các hoá chất diệt trừ cỏ dại nếu dùng liều lượng thích hợp sẽ biến thành các hóa chất "kích thích tăng trưởng." Đó chính là lý do tại sao rau đậu, quả dưa, trái cà, thậm chí đến cọng giá, cọng rau muống... cũng to lớn, xanh mướt rất bắt mắt.

TS Nguyễn Đức Tuấn, Trưởng phòng thí nghiệm Môi trường thuộc Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng I đã cho biết như

sau: "Kết quả nhiều đợt phân tích cho thấy tất cả các loại hoa quả Trung Quốc và cam Việt Nam đều có chứa thuốc diệt cỏ 2,4-D và 2,4,5-T. Các loại hóa chất này đang được nông dân xử dụng để bảo quản hoa quả. Trung tâm Thông tin và Chuyển giao Hà Giang đã chuyển đến chúng tôi hai gói bột in chữ TQ với hình ảnh quả hồng tươi rói. Qua phân tích chúng tôi tìm thấy nhiều hợp chất trong đó có hóa chất 2,4-D có hàm lượng đến 70%. Riêng gói thuốc diệt cỏ có băng màu xanh đậm còn tìm thấy hóa chất 2,4,5-T". Các gói hóa chất này được bày bàn tự do ngoài thị trường ở Hà Nội và Sài Gòn với giá khoảng 2.000 Đồng Việt Nam một gói độ 2g. Liền ngay khi kết quả trên được công bố, ngày 13/5/2004, ông Hoàng Thủy Tiến, Phó Cục trưởng Cục An toàn Vệ sinh Thực phẩm đã tuyên bố: "Các hóa chất bảo vệ thực vật 2,4-D và 2,3,5-T trong táo, mơ, trứng, sữa và các loại quả mọng khác có hàm lượng không quá 0,05 mg/kg hoa quả. Như vậy, lượng hóa chất độc hại tồn dư trong hoa quả vẫn dưới ngưỡng cho phép. Người tiêu dùng không nên quá lo lắng." Theo Cơ quan Lương Nông Quốc tế (FAO) và Cơ quan Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ (FDA), hai loại hóa chất trên hoàn toàn bị cấm sử dụng cho thực phẩm.

Hy vọng tương lai

Tuy nhiên, dù đối mặt với bao vấn nạn hết sức tiêu cực như hàng nhái, hàng giả, cũng cần nên nói đến một khía cạnh tích cực để từ đó củng cố niềm hy vọng tương lai cho kỹ nghệ thực phẩm Việt Nam có thể sẽ sáng sủa hơn. Đó là, ngày 29/9/2005, Tổ chức Trợ giúp HK (USAID) và Tổ chức Trợ Giúp Úc (AusAID) đã ký một thỏa thuận với Viện Nghiên cứu Cây Ăn Quả Miền Nam nhằm mục đích phối hợp phát triển ngành sản xuất cây ăn trái qua dự án Ứng dụng Nông nghiệp Tốt (Good Agricultural Practices — GAP). Trong dự án nầy, các doanh nghiệp và nông dân sản xuất có thêm thông tin về cây trái được trồng trọt đúng tiêu chuẩn, bảo đảm an toàn sản phẩm theo quy trình vệ sinh và an toàn cho con người và môi trường dựa theo tiêu chuẩn thế giới.

Hy vọng đây là một bước đầu để Việt Nam đi vào nề nếp trong sản xuất thực phẩm nhất là các sản phẩm dành cho xuất khẩu.

Kết luận

Hiện tại hầu hết người dân trong nước đều hoài nghi những loại thực phẩm bày bán ở thị trường. Nhưng dù hoài nghi hay cẩn thận đến đâu đi nữa thì cũng phải tiêu thụ thực phẩm nầy. Ngoại trừ một thiểu số có nhiều tiền để có thể mua thực phẩm "an toàn" nhập cảng từ bên ngoài, thậm chí uống nước lọc nhập cảng luôn. Còn tuyệt đại đa số bà con vẫn phải chấp nhận và tiêu thụ nguồn thực phẩm làm từ trong nước cũng như phải dùng nước cung cấp từ Tổng công ty Cấp nước. Tình trạng trên cần phải được chấm dứt. Nếu không, nhiều hệ lụy không nhỏ sẽ xảy ra và đã xảy ra trong trường hợp các thực phẩm xuất cảng như xì dầu, cá basa, và tôm.

Cá basa đã bị trả về vì dung lượng hóa chất fluoro-quinolones tồn tại trong cá. Xì dầu bị trả về vì sự hiện diện của 3-MCPD. Còn tôm và một số thủy sản khác bị trả về vì chất kháng sinh chloramphenicaol trước kia, nay lại bị trả vì sự hiện diện của nitrofuran, vì 3-amino-2-oxazole, vì semicarbazide. Riêng trong trường hợp tôm, Việt Nam đã bị Ngân hàng Thế giới cảnh báo vì đã dùng rhotenone, một độc chất có trong cây thuốc cá để thay thế chloramphenicol vì hóa chất nầy không nằm trong danh mục kiểm soát của Cơ quan FDA HK.

Các hành động trên chứng tỏ rằng, nếu Việt Nam tiếp tục đi theo con đường nầy sẽ khó hội nhập vào cuộc chơi toàn cầu vì nơi đây đòi hỏi một sự xuyên suốt về các thông tin an toàn thực phẩm trong trao đổi quốc tế.

Để kết luận, xin ghi lại lời phát biểu của TT Thích Tuệ Sĩ trong một bài viết từ năm 2004 dưới tựa đề "Trí thức phải dám nói": "Việt Nam đang là một đống rác khổng lồ. Đó không phải là ý nghĩ riêng của tôi, mà là nhận xét của nhân vật cao cấp nhất của đảng Cộng sản Việt Nam. Đây không phải là ý nghĩa kinh tế. Nó bao trùm tất cả mọi khía cạnh đời sống: văn hoá, chính trị, và cả tôn giáo. Vậy thì, một câu hỏi cần phải được đặt ra cho những ai còn có chút tự trọng dân tộc: Tại sao một dân tộc luôn luôn tự hào với truyền thống bốn ngàn năm văn hiến, bỗng nhiên để cho đất nước mình trở thành một đống rác, kho chứa tất cả những gí xấu xa nhất của nhân loại văn minh?"

Đã đến lúc Việt Nam cần phải chấp nhận thực tế nầy. Nếu không cải thiện tình trạng trên, Việt Nam dù đã là thành viên của Tổ chức Thương mãi toàn cầu (WTO), nhưng nếu tình trạng xuất cảng thực phẩm kém phẩm chất và chứa quá nhiều dư lượng hoá chất độc hại sẽ lần lần bị mất đi thị trường hải ngoại và sẽ bị cô lập trong một tương lai không xa.

West Covina 9/2007

NGÔ NHÂN DỤNG

Sống hài hòa với thiên nhiên

Gió thổi lửa táp lên mặt người. Hơi nóng hừng hực như từ trong lò luyện thép phóng ra. Cát bụi khô rang điên cuồng chạy qua vừa trùm lên ngộp thở, vừa cứa những đường rãnh li ti như mạng lưới đan chéo trên da thịt. Nhà cửa, rừng, đồi bốc cháy. Lửa đỏ ngoi lên quằn quại thè lưỡi trên những bức trường thành khói đen mù mịt. Khói lửa từ từ tiến tới, gặm nhấm những sườn đồi như tằm ăn dâu, quét qua hốt sạch những mảnh rừng cây, những bãi cỏ khô mùa Thu. Đám cháy ứa tuôn ra như những mảng dung nham từ miệng núi lửa chẩy xuống các thung lũng miền Nam California, chẩy dần dần về phía mặt trời lặn đỏ lừ.

Những nơi may mắn không phải chạy bão lửa, người ta đóng kín cửa ngồi trong nhà để tránh hơi nóng, tránh cát, bụi và mùi khói khét. Nhìn ra ngoài, gió Santa Ana vẫn phả từng trận bão khô như đàn ngựa vô hình trong không khí từ sa mạc phi nước đại chạy ào ào ra phía bờ biển. Gió hú rống trên không trung; gió quất doi lên những cành cây, xé rách những chiếc lá còn xanh vứt tả tơi lá vụn đầy mặt đất; gió uốn cong những ngọn dừa và cả những vòm cây cổ thụ, bật lên rồi dìm chĩu xuống vật vã suốt mấy ngày không ngừng nghỉ. Loài người chìm ngập trong lòng một trận đại hồng thủy khô và nóng rát tai.

Loài người tự coi là tiến bộ khi sáng chế những máy móc để nhân sức mạnh của mình lên hàng ngàn, hàng triệu lần. Con người hãnh diện vì đã vượt thắng thiên nhiên, thay đổi được thiên nhiên! Cứ như thế, dần dần quên mất cả thiên nhiên ở chung quanh mình. Năm 2000, một tờ tạp chí phỏng vấn các nhân vật danh tiếng xem phát minh nào là quan trọng nhất trong một ngàn năm trước. Ông Lý Quang Diệu trả lời rất gọn: Máy lạnh. Không có máy lạnh, sức làm việc của người ta không thể cao như họ đã đạt được (nhất là những người ở xứ nóng như hòn đảo Singapore của ông).

Nhưng máy lạnh cũng tập cho con người sống trong một bầu không khí nhân tạo, không thật. Từ khi loài người bắt đầu sống trong những phòng có máy lạnh, bước ra đường lại leo lên xe gắn máy lạnh, chúng ta có lúc đã quên có thiên nhiên ở bên mình. Dễ quên rằng mình đang tạm trú trên tấm vỏ mỏng của một hành tinh, cả lớp sinh quyển bao quanh hành tinh, trong đó sự sống phát triển lớp trên lớp dưới, chính sự sống cũng mong manh. Chúng ta ở tầng dưới cùng sát mặt đất, trong một bầu khí quyển luôn luôn chuyển động, chỉ cao hơn những loài vật sống "dưới hầm" trong nước, trong đất. Bầu khí quyển dầy gần 100 cây số cũng rất mỏng, con người bây giờ có thể ngồi trong hỏa tiễn phóng lên mươi phút đã vượt ra ngoài. Cầm một quả cam lên nhìn kỹ, chúng ta ý thức được là lớp vỏ trái đất còn mỏng manh hơn nhiều.

Gió, lửa, hỏa hoạn suốt mấy tuần cuối tháng Mười ở miền Nam California nhắc nhở chúng ta biết mình chỉ là một sinh vật yếu ớt sống tạm giữa một thiên nhiên rộng lớn bao la và dũng mãnh. Những dân tộc sống ở miền băng giá hay trong những vùng sa mạc bao la thì có dịp tiếp xúc với thiên nhiên thường xuyên hơn. Mỗi lần bão cát trong sa mạc hay bão tuyết đổ về miền núi cao, con người lại có dịp ý thức thường xuyên về sự nhỏ bé của mình, ý thức hơn về cái chết, cung kính hơn trước sự sống. Và cũng khiêm tốn hơn, bao dung hơn trong cách đối sử với đồng loại. Cơn bão nóng Santa Ana là một dịp để chúng ta cùng suy nghiệm. Những người có tôn giáo sẽ thấy đây là một cơ hội trở về với cội nguồn. Tất cả mọi người có cơ hội ngẫm nghĩ lại cách đối xử của loài người với Đất Mẹ. Dù kỹ thuật tiến bộ giúp con người vượt nhiều trở ngại tự nhiên, chúng ta không thể quên là mình vẫn sống trên mảng vỏ trái đất quay quanh mặt trời, trong vũ trụ bao la.

Cơ Tâm

Từ 2500 năm trước, người Trung Hoa đã kể câu chuyện một ông già từ chối không dùng thứ "máy múc nước giếng" mới được phát minh ở làng bên. Ông từ chối không dùng máy, vì lo "cơ khí sinh ra cơ tâm, cơ tâm đưa tới cơ sự." Nhà hiền triết đã thấy mối họa "cơ tâm" (tấm lòng như máy móc) và cơ sự (tôn thờ máy móc). Nhưng

ông không thể đoán trước được cái cơ tâm ở loài người đã tác hại khủng khiếp như thế nào. Suy nghĩ máy móc thì quên cả sự sống. Tại sao Stalin ra lệnh tập thể hóa nông nghiệp làm chết hàng chục triệu người, lập ra những trại tập trung giết dần mòn hàng chục triệu người khác? Tại sao Mao Trạch Đông bắt toàn dân thực hiện "bước nhẩy vọt" và "cách mạng văn hóa" giết chết mấy chục triệu người Trung Hoa? Họ không chủ ý giết người. Nhưng họ tôn thờ một ý thức hệ rất máy móc, muốn "cải tạo cả thế giới" theo những ý kiến máy móc nẩy ra trong đầu họ. Họ tôn thờ một chủ nghĩa, vẽ ra hình ảnh lịch sử loài người chạy như một bộ máy đồng hồ. Họ bấm nút để điều chỉnh bộ máy, máy chạy rồi, sinh mạng hàng triệu con người không còn đáng kể nữa.

Boris Pasternàk sống dưới thời Stalin viết, "Người ta không thấy lịch sử chuyển động, cũng như không ai nhìn thấy cỏ mọc." Đó là một tuyên ngôn kêu gọi mọi người hãy phá bỏ lối nhìn lịch sử loài người như một cái máy nổ. Nhà văn chỉ dùng trực giác, đã vượt ra khỏi mô hình máy móc để tiến tới mô hình sinh học. Nhưng loài người còn phải đi xa hơn thế nữa, cõi nhân sinh còn phức tạp hơn đời sống các tế bào. Ngay khi tìm cách chế ngự thiên nhiên, không thể quên những hậu quả lâu dài, vì thiên nhiên vô tình không theo đúng kế hoạch của loài người! Chúng ta đang thay đổi thiên nhiên, nhưng hậu quả là đời sống của loài người bị đe dọa.

Một thí dụ trước mắt là con đập ngăn dòng sông Mekong ở thượng nguồn bên Trung Quốc đang thay đổi môi trường sống của hàng triệu con người và các sinh vật ở Lào, Campuchia và đồng bằng sông Cửu Long, Việt Nam. Các thế hệ tương lai sẽ phải trả giá cho những công trình dời núi lấp sông này.

Một thí dụ khác là đập Tam Môn Hạp (cũng đọc là Tam Giáp, Three Gorges) ngăn dòng Trường giang bên Trung Quốc. Chính phủ Bắc Kinh mới chính thức báo động và thú nhận có sai lầm trong việc hoạch định con đập lớn nhất thế giới này, trước ngày khai mạc đại hội đảng Cộng Sản, ngay trên các tờ báo chính thức của họ. Ông Vương Tiểu Phong (Wang Xiaofeng), giám đốc Ủy ban Nhà nước Xây dựng Đập Tam Hạp, đã cảnh báo các nguy cơ trong môi trường sống. Nạn đất bồi cũng như đất lở ở 600 cây số dòng sông phía trên con đập đang gia tăng. Nước chẩy chậm lại, khiến cho đất phù sa ngưng đọng, việc giao thông sẽ khó khăn hơn. Hai bên bờ đập, các giống rong rêu sinh sản nhanh và dầy hơn vì nước chảy chậm; rong rêu đã hút bớt dưỡng khí, giết chết tôm cá. Đó là chưa kể những nhà máy dựng lên trong thời gian xây đập thải chất độc xuống dòng sông.

Đập Tam Hạp được thúc đẩy xây cho thành mặc dù rất nhiều nhà khoa học Trung Hoa và quốc tế phản đối, kêu gọi phải nghiên cứu tác động trên môi trường kỹ lưỡng hơn. Xây Tam Hạp là một ý kiến của Mao Trạch Đông, lại được Đặng Thiểu Bình ủng hộ. Bộ Chính trị đảng Cộng Sản Trung Quốc trong thời gian qua gồm rất nhiều người vốn làm nghề kỹ sư. Ban Thường vụ Bộ Chính trị mới mãn nhiệm năm 2007 toàn là các kỹ sư. Không biết quá trình đào tạo và nghề nghiệp của họ có tạo mối cơ tâm hay không, nhưng rõ ràng là họ muốn dùng máy móc thay đổi sơn hà. Người làm thủ tướng lúc đó là Lý Bằng, một kỹ sư, muốn đẩy mạnh việc xây đập cho kinh tế Trung Quốc tiến nhanh hơn, nhưng cũng để lại một di tích cho hậu thế nhớ đến mình. Thiên nhiên đã bắt đầu lên tiếng. Người Trung Hoa trong các thế hệ sắp tới sẽ phải lo "sửa sai!" Ông Hồ Cẩm Đào bêu khẩu hiệu "xã hội hòa hài" cho nước Trung Hoa, bây giờ nên thêm một khẩu hiệu sống hòa hài với thiên nhiên nữa.

Năm nay giải Nobel Hòa bình được trao cho những người và tổ chức quốc tế đang hô hào hoặc đã hành động để bảo vệ môi trường sống của loài người trên mặt đất. Một điều chúng ta có thể rút kinh nghiệm khi đối đầu với thiên nhiên, là con người phải biết thuận theo thiên nhiên mà hợp tác với trời, với đất.

Họa vô đơn chí

Trận cháy lớn ở bẩy quận miền Nam California gây tổn thất từ một tỷ rưỡi đến hai tỷ mỹ kim, trong đó có 1,600 ngôi nhà bị cháy và hàng chục ngàn ngôi nhà phải sửa chữa. Những khu bị cháy đều nằm tiếp giáp với các sườn đồi cỏ khô, và loài cây sa mạc. California hầu như năm nào cũng cháy rừng. Đó là một cách để thiên nhiên điều chỉnh sinh thái một cách tự nhiên. Bình thường các khu rừng đều có thể bị cháy, cách khoảng từ 15 đến 30 năm lại có một trận hỏa hoạn lớn để dẹp bớt các cây cổ thụ đã chết khô, những loài thảo mộc nằm dưới các vòm cây. Vì chính sách hạn chế đốn rừng ở Mỹ, gần đây các khu rừng mọc chen chúc dầy đặc hơn và nạn cháy rừng cũng gia tăng. Ở các vùng khí hậu khô thì năm nào cũng cháy rừng. Năm 2003 nạn cháy rừng ở California đã gây tổn thất đến

2 tỷ 300 triệu mỹ kim. Thiệt hại lớn vì rất nhiều nhà cửa được xây gần các khu rừng hoang khô. Người ta đã đặt ra một ký hiệu viết tắt cho những khu vực này, WUI, "wildland urban interface," khu tiếp giáp giữa rừng hoang và thành thị.

Trong thập niên 1990 có 13 triệu ngôi nhà được xây cất ở Mỹ thì hơn 8 triệu nhà xây ở các vùng tiếp giáp. Những tiểu bang như California và Colorado, số xây cất trong các vùng WUI nguy hiểm dễ bị hỏa hoạn chiếm 50% tổng số nhà mới. Thành phố San Diego có 90 ngàn ngôi nhà mới cất, ba phần tư cũng ở vùng tiếp giáp với đồi khô hoang dã.

Nạn cháy rừng khiến ngân sách Cơ quan Kiểm lâm (Forest Service) của chính phủ liên bang Mỹ tăng gấp năm lần trong 15 năm qua. Số tiền chữa cháy lên tới 3 tỷ mỹ kim một năm, nay chiếm 45% ngân sách của cơ quan này, mà vào năm 1991 chỉ chiếm 13%. Gần một nửa số chi phí chữa cháy đó không phải là để bảo vệ rừng, mà là bảo vệ các ngôi nhà ở bên rừng bị cháy. Các thành phố cũng sẽ phải chi tiêu thêm sau mỗi con hỏa hoạn. Nhưng ai sẽ móc túi trả tiền cho các thiệt hại đó? Các gia chủ, các công ty bảo hiểm nhà cửa và ngân sách thành phố, ngân sách chính phủ liên bang và tiểu bang. Chính phủ lấy tiền đâu ra? Tất nhiên, từ túi những người dân đóng thuế.

Tại sao các thành phố ký giấy cho phép người ta xây cất nhà cửa ở những nơi năm nào cũng bị nạn cháy rừng đe dọa? Khi tìm câu trả lời cho vấn nạn trên, người ta phải nhớ tới Leonid Hurwicz, một người mới được giải Nobel về kinh tế học năm 2007. Ông là người đầu tiên đã nêu lên vấn đề "động cơ thích hợp" trong cơ cấu tổ chức một tập thể, từ những công ty thương mại cho tới các chính quyền địa phương và guồng máy toàn thể quốc gia.

Tại sao các thị trưởng vẫn tiếp tục cho phép xây dựng các khu cư dân bên cạnh những khu rừng khô dễ cháy? Vì họ không có những"động cơ thích hợp" thúc đẩy họ phải ngăn ngừa. Họ biết rằng nếu hỏa hoạn xẩy ra, các chính phủ liên bang và tiểu bang sẽ đem tiền đến giúp. Chính quyền tiểu bang và liên bang đang đóng vai nhà bảo hiểm cuối cùng cho các khu cư dân tiếp giáp với rừng khô.

Trong nghề bảo hiểm có một từ ngữ mô tả vấn đề này: moral hazard. Khi một thanh niên lái xe có bảo hiểm, anh ta yên chí là hễ bị tai nạn đã có công ty bảo hiểm trả tiền sửa xe, cho nên anh có thể ỷ y vào đó mà lái xe ẩu hơn chút đỉnh, đó là vấn đề moral hazard.

Muốn các công ty xây cất giảm bớt không xây dựng ở gần khu rừng cháy, và muốn người mua nhà phải thận trọng hơn khi mua những khu nhà tiếp giáp với rừng khô, một cách tạo động cơ thích hợp là tăng giá bảo hiểm ở các khu nhà nhiều rủi ro đó. Không biết sau nạn cháy vừa qua thì giá bảo hiểm ở các vùng mới cháy sẽ tăng lên bao nhiêu, vì tiểu bang California kiểm soát giá bán bảo hiểm.

Thị trường bảo hiểm lúc nào cũng bị chính quyền kiểm soát giá cả để bảo vệ người tiêu thụ, nhưng khi được bảo vệ chặt chẽ quá thì sẽ sinh ra tính ỷ y khó tránh. Nhiều công ty bảo hiểm đã tránh không bán bảo hiểm hỏa hoạn. Công ty bảo hiểm nhà lớn thứ nhì nước Mỹ Allstates đầu năm nay đã rút ra khỏi tiểu bang California. Cho nên trong thời gian tới chúng ta sẽ thấy các nhà lập pháp California bàn lại vấn đề kiểm soát giá bảo hiểm cháy nhà ở những khu mới trải qua những con hỏa hoạn. Nếu vừa phải chạy trốn thần hỏa, khi trở về nhà lại được báo tin giá bảo hiểm sẽ tăng thì quả thật là họa vô đơn chí!

Nobel kinh tế năm 2007

Khi tìm hiểu tại sao kinh tế các nước cộng sản thời trước bị trì trệ, một điều hiển nhiên ai cũng thấy là người làm việc không hào hứng tìm cách gia tăng hiệu năng, như trong thị trường tự do. Ở những nước tư bản hầu hết người ta làm việc để mình được hưởng. Ai làm yếu, làm kém thì chính mình bị thiệt, làm hay làm giỏi thì được hưởng nhiều hơn. Còn trong xã hội cộng sản thì mọi người không có động cơ tự nhiên đó.

Nhưng giải thích như vậy cũng không đầy đủ. Trong một nước tư bản không phải lúc nào mỗi người cũng trực tiếp hưởng các thành quả do công việc mình làm tạo ra. Hành động của người ta cũng không nhất thiết chỉ vì lợi ích trực tiếp cho riêng mình. Một người y tá tận tâm hay một cảnh sát viên giữ đức thanh liêm không ăn hối lộ thường không phải vì lợi ích cá nhân thúc đẩy. Mặt khác, cũng không thể chỉ giải thích hành động của họ bằng lương tâm, đạo đức, giáo dục, vân vân. Nhưng trong các nước cộng sản mọi người được "giáo dục" nhiều hơn về chính trị, về các lý tưởng cao cả, về bổn phận, trách nhiệm đối với giai cấp, đối với xã hội, vân vân..

Cho nên phải tìm những nguyên nhân khác mới hiểu tại sao kinh tế thị trường tự do thúc đẩy người ta làm việc hăng hái và có hiệu quả hơn các nước cộng sản. Những người được trao giải Nobel về kinh tế năm nay chuyên nghiên cứu về

những cơ chế có chứa sẵn động cơ thúc đẩy người ta làm việc. Chúng ta thấy có muôn ngàn cách áp dụng những lý thuyết này.

Trong hệ thống kinh tế xô viết, tài nguyên được các kế hoạch gia phân bố vào các loại hoạt động. Uỷ ban kế hoạch là một guồng máy nắm các dữ kiện kinh tế trong nước, họ biết rõ có bao nhiêu người dân, cần ăn bao nhiêu, mặc bao nhiêu, cả nước cần bao nhiêu cái bánh xe đạp, cần bao nhiêu buổi trình diễn âm nhạc, vân vân. Uỷ ban kế hoạch cũng biết xã hội hiện có các tài nguyên nào, có bao nhiêu ruộng đất, bao nhiêu thợ may, bao nhiêu ca sĩ, vân vân. Cứ như vậy, nhà nước sẽ tổ chức việc sản xuất và phân phối các hàng hoá, dịch vụ. Trên nguyên tắc, hiệu quả của nền kinh tế hoạch định phải cao hơn lối tư bản, vì tất cả lớp người trung gian bị loại bỏ, ai cũng làm việc cả.

Các nhà kinh tế như Oskar Lange đã biện hộ cho hệ thống kinh tế hoạch định bằng những mô hình toán học rất thông thái, cho thấy phương pháp tổ chức kinh tế xã hội chủ nghĩa có thể đạt được hiệu quả cao hơn thế giới tư bản. Một trường phái kinh tế học đề cao "Chủ nghĩa Xã hội thị trường" ra đời. Ngày nay vẫn có nhiều người muốn dùng nhãn hiệu này.

Nhưng các mô hình toán học có một nhược điểm, là chúng rất trừu tượng, giản lược hoá con người và những mối tương quan giữa người với người vào các con số. Một người đầu tiên tỏ ý nghi ngờ tổ chức kinh tế cộng sản là Ludwig von Mises (1881- 1973). Ông thuộc nhóm trí thức ở Wien, Áo quốc giữa hai trận thế chiến, sau đã sang Mỹ dạy ở New York. Mises viết cuốn "Chủ nghĩa Xã hội" trong đó ông đã đặt vấn đề "động cơ thúc đẩy" (incentive) trong đời sống kinh tế. Ông nhận thấy rằng trong hệ thống xã hội chủ nghĩa, người ta không có động cơ tự nhiên để tiết lộ và phổ biến những tin tức cho các nhà làm kế hoạch sử dụng. Cho nên việc hoạch định không thể đủ thông tin cần thiết.

Kinh tế gia gốc Áo, sống ở Anh, qua đời ở Đức, Friedrich Hayek (1899 – 1992) đã học Mises và khai triển thêm về tầm quan trọng của thông tin trong đời sống kinh tế. Một bài nghiên cứu mở đường của Hayek là "Vai trò của hiểu biết trong xã hội" đã nêu lên những khó khăn cơ bản trong hệ thống kinh tế chỉ huy. Hayek thay đổi cách đặt câu hỏi khi nghiên cứu các hệ thống kinh tế. Vấn đề kinh tế quan trọng, trong hệ thống tư bản cũng như cộng sản, không phải là việc phân bố các tài nguyên cho sử dụng theo các lối khác nhau. Quan trọng nhất là làm sao huy động được các thông tin, các hiểu biết của mọi người trong xã hội. Những hiểu biết đó phân tán ở khắp mọi nơi, khó ai tập trung lại được đầy đủ. Hayek đã đặt ra hai đề tài cùng một lúc, vấn đề thông tin trong kinh tế, và vấn đề động lực thúc đẩy để người ta tiết lộ, truyền đạt các thông tin. Trong thị trường tự do, thông tin quan trọng nhất là giá cả. Giá lên hay xuống biểu lộ các tin tức về cung và cầu, đồng thời giá cả cũng tạo động cơ cho mọi người quyết định mua hay bán.

Những nhà nghiên cứu kinh tế thiên về Chủ nghĩa Xã hội tránh không bàn đến vấn đề động lực thúc đẩy con người trong đời sống kinh tế. Như Abba Lerner, tác giả cuốn "Kinh tế học về Kiểm soát," ông cho rằng vấn đề "động lực thúc đẩy" con người khi làm việc không thuộc phạm vi của kinh tế học; nên để cho các khoa học khác như Tâm lý học, Xã hội học tìm hiểu.

Nhưng muốn tránh cũng không được, đời sống không tuân theo kết luận của các bài toán! Cuối cùng thì tất cả mọi hành động kinh tế của người ta đều do động lực tâm lý thúc đẩy. Các môn tâm lý học, tâm lý xã hội học có thể tìm hiểu con người rõ hơn nhưng không vẽ ra những cơ chế và phương pháp để xã hội tạo động lực thúc đẩy người ta làm việc hăng hái hơn.

Động cơ thích hợp

Cơ chế như thế nào thì tạo ra những động cơ phù hợp, đó là đề tài mà Giáo sư Leonid Hurwicz nêu lên từ thập niên 1960, khi ông đã ngoài 50 tuổi. Năm nay 90 tuổi ông mới được tặng giải Nobel về kinh tế học, cùng với hai người khác, ông là người đã khai triển những ý kiến căn bản để nhiều người áp dụng trong các trường hợp cụ thể. Tôi đã thử vào Google tìm một đề tài nhỏ, "động lực thích hợp" (incentive compatibility) chỉ riêng trong phạm vi hoạch định thuế khóa (taxation) không thôi, thấy có hàng triệu nguồn tài liệu được giới thiệu trong đó!

Leonid Hurwicz là cha đẻ của lý thuyết Cơ chế Vận hành (Mechanism Design), bên Trung Quốc dịch là Cơ Giới Thiết Kế, theo Baidu. Thuyết này theo phương pháp Game Theory đặt vấn đề tìm hiểu nên thiết lập những quy tắc trong một tổ chức, hay một hoạt động kinh tế như thế nào để các phần tử trong đó có động cơ thúc đẩy tự nhiên khiến việc họ làm vẫn phù hợp với lợi ích chung, trong khi họ vẫn theo đuổi quyền lợi riêng của chính họ. Một trong những động cơ quan trọng là làm sao cho các cá nhân, qua hành động của mình, sẽ cư sử phù hợp với mục tiêu chung, tôn trọng

các giá trị chung; quan trọng nhất là tự nhiên tiết lộ các thông tin riêng, cho những người khác cũng được thấy.

Muốn hiểu lý thuyết này, lấy một thí dụ đơn giản khi hai người chia đôi một cái bánh. Bác sĩ Nguyễn Tấn Hồng ở Montréal, Canada, kể chuyện hồi trẻ ông đã phải phân sử vấn đề đó cho hai người em. Ông đã đề nghị một người lo cắt cái bánh thành hai phần bằng nhau, còn người thứ hai được quyền chọn trước. Như vậy thì người cắt bánh có động cơ thích hợp để cắt thật đều.

Một áp dụng phổ thông nhất là khi các chính phủ cho đấu giá khai thác một khu rừng hay biển, các nhà thầu đua nhau trả giá cao nhất giành lấy quyền khai thác. Những nhà thầu có thể biết về lời lãi của vụ khai thác rõ hơn những nhân viên chính phủ đứng ra cho đấu giá. Do đó họ biết rõ hơn có thể trả tới giá cao là bao nhiêu, còn nhân viên nhà nước thường không biết. Thông tin của "người bán" và "người mua" không giống nhau. Ngày nay các chính phủ có thể nhờ những chuyên gia nghiên cứu Cơ chế Vận hành vẽ ra một phương pháp đấu giá; làm sao để chính những người đấu thầu trong khi ganh đua trả giá sẽ tiết lộ cho mọi người biết họ thấy giá trị của mối thầu này lớn, nhỏ như thế nào.

Trong thực tế, các chính phủ Anh và Mỹ hiện nay khi cho đấu giá quyền sử dụng các làn sóng, các băng tần vô tuyến điện, truyền thanh và truyền hình, đều đã thuê các nhà kinh tế chuyên về Cơ chế Vận hành để thiết định các quy tắc đấu giá.

Một phạm vi khác hay sử dụng lý thuyết Cơ chế Vận hành nữa là chính sách ấn định lương bổng và tiền thưởng cho các quản đốc xí nghiệp lớn. Khi một công ty ký hợp đồng thù lao cho các quản đốc cao cấp, với số tiền thưởng tính bằng một số phần trăm của lợi nhuận vượt cao hơn mục tiêu, thì các vị quản đốc sẽ có khuynh hướng ấn định những mục tiêu thấp, để sau đó được hưởng tiền thưởng cao vì kết quả vượt xa mục tiêu. Một công ty tư vấn kinh doanh ở New York chuyên giúp các xí nghiệp lớn vẽ ra cơ chế lương bổng và tiền thưởng để tránh thói xấu đó, làm sao cho cả người quản đốc và xí nghiệp đều thành thật và có lợi.

Công ty này cũng thường cố vấn cho các xí nghiệp lớn trong việc thiết định cơ chế khi quyết định mua và dùng các kỹ thuật mới. Nếu chủ tịch một công ty hỏi vị quản đốc dưới quyền có nên mua thứ máy mới hay không, phần lớn người ta sẽ trả lời là nên mua, ít nhất để chứng tỏ mình hiểu biết về kỹ thuật mới. Nhưng nhiều khi người quản đốc đó không thật sự biết rõ cái máy mới có ích như thế nào, có đáng bỏ tiền đầu tư hay không. Thiết lập một cơ chế quyết định trong đó người quản đốc có động cơ thích hợp với quyền lợi của công ty, các quyết định sẽ đưa tới lợi ích thật mà không phí phạm. Đó là những thí dụ về việc áp dụng lý thuyết Cơ chế Vận hành hay Cơ Giới Thiết Kế.

Giáo sư Leonid Hurwicz sinh ở Mát Cơ Va năm 1917, ba tháng trước cuộc cách mạng Tháng Mười. Gia đình ông đã trốn khỏi các vùng cộng sản cũng như phát xít, di cư sang Áo, Thụy Sĩ, Anh quốc, và sang Mỹ. Ông dậy tại Đại học Minnoseta từ năm 1951. Hai giáo sư cùng chia giải thưởng một triệu rưỡi mỹ kim này là Roger Myerson ở Đại học Chicago và Eric Maskin ở Đại học Princeton, ông Maskin đang ở trong ngôi nhà ngày xưa đại học này đã dành cho Albert Einstein cư ngụ. Cả hai người đều dựa trên lý thuyết Cơ chế Vận hành của Leonid Hurwicz mà phát triển sang nhiều lãnh vực áp dụng khác nhau, trong đó có các vấn đề như chính sách thuế khóa, thủ tục bầu cử, vân vân.

Nhu cầu dân chủ có thật

Nhiều người cho là người dân bình thường ở Việt Nam hay Trung Quốc chỉ muốn ăn no mặc ấm chứ không có nhu cầu dân chủ tự do. Nói như vậy là khinh bỉ giống dân da vàng. Nhưng ví thử mối quan tâm hàng đầu của mọi người là vấn đề kinh tế thì rất nhiều người dân cũng thấy phải có tự do dân chủ mình mới được chia phần lợi kinh tế xứng đáng, chấm dứt cảnh giầu giàu quá mà nghèo thì nghèo quá. Mà cuối cùng, mọi người cũng phải nhận ra muốn kinh tế phát triển bền vững thì chế độ chính trị phải tự do dân chủ.

Ngay trong đảng Cộng Sản hiện nay nhiều người muốn thay đổi chính trị, muốn dân chủ hóa. Những người cấp tiến trong đảng Cộng Sản chỉ phản ảnh những thay đổi trong xã hội, biết rằng cả nước Trung Hoa đang thay đổi, đảng Cộng Sản không thể bám lấy quyền hành mãi. Theo ước tính của các công ty tiếp thị Mỹ thì đến năm 2025 sẽ có khoảng 520 triệu người Trung Hoa lên đến lớp "trung lưu" khá giả, lợi tức tương đương từ 4,000 đến 12,500 đô la Mỹ một năm. Ở Ấn Độ sẽ có hơn 580 triệu người thuộc lớp trung lưu đó. Khi lợi tức lên cao, người ta sẽ có nhiều nhu cầu tinh thần chứ không phải chỉ muốn no cơm ấm áo. Dân Ấn Độ đã sử dụng quyền bỏ phiếu từ 60 năm nay, đã thay đổi đảng cầm quyền năm bẩy lần.

Khuynh hướng muốn dân chủ hóa đã xuất hiện

ngay trong đảng Cộng Sản. Hai tuần trước khi đại hội lần thứ 17 khai mạc, tạp chí Viêm Hoàng Xuân Thu đăng bài của một cựu thư ký của Mao Trạch Đông ngày xưa. Trong bài này, ông Lý Nhuệ, 90 tuổi, đòi hỏi phải chấm dứt các đặc quyền của đảng Cộng Sản. Lý Nhuệ đã bị Mao hạ tầng công tác ngay khi ông ta không chịu theo chiến dịch Bước Nhẩy Vọt của Mao cuối thập niên 1950, một chính sách làm vài chục triệu người chết đói. Ông trở thành một người cộng sự với Đặng Tiểu Bình trong chương trình đổi mới sau này. Bây giờ, ông bênh vực chế độ dân chủ như đường lối duy nhất giúp cho xã hội ổn định, và cảnh cáo rằng nếu không thay đổi về chính trị thì nước Trung Hoa sẽ loạn vì lòng dân bất mãn.

Gia nhập đảng Cộng Sản từ năm 1937, Lý Nhuệ bây giờ lại đề cao các quyền dân chủ tự do kiểu Tây phương: "Tôi tin rằng thay đổi đảng (Cộng Sản) là điều thiết yếu, sẽ quyết định sự thành công hay thất bại của tất cả công cuộc cải tổ ở Trung Quốc. ... Chúng ta phải dẫn đầu trong việc làm gương thi hành bản hiến pháp và đảm bảo (người Việt Nam nói là bảo đảm) nhân dân được hưởng các quyền công dân như tự do phát biểu, tự do thông tin, tự do xuất bản, và tự do hội họp." Lý Nhuệ không chỉ đóng vai dâng "kiến nghị" với giới lãnh đạo, ông còn kêu gọi dân chúng Trung Hoa hãy đứng lên tự bảo vệ các quyền hiến định của mình, hãy đòi hỏi những luật lệ bảo vệ quyền tự do báo chí, hãy đặt cái vòng kiểm tỏa của hiến pháp trên quyền hành vô giới hạn của đảng Cộng Sản!

Rất nhiều bài báo đề cao tự do dân chủ đã đăng trên tạp chí Viêm Hoàng Xuân Thu (Viêm Hoàng là một cách gọi tên nước Trung Hoa, Xuân Thu có nghĩa là qua nhiều thời gian, lấy tên bộ sử do Khổng Tử soạn). Đầu năm nay, trên tạp chí này đăng một bài chỉ trích chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô trước đây, và đề nghị Trung Quốc nên theo đường lối dân chủ xã hội kiểu các nước Bắc Âu, trong đó quyền bình đẳng xã hội và quyền tự do chính trị đều được tôn trọng. Trong tháng Chín vừa qua, báo này đăng một bài với nhan đề "Tự do phát biểu là điều kiện thiết yếu của Dân Chủ." Trong tháng Bẩy, trên tạp chí đăng một bài tưởng niệm Triệu Tử Dương, tổng bí thư đảng Cộng Sản bị hạ bệ năm 1989 vì muốn đứng về phía các sinh viên và công nhân đòi tự do dân chủ. Tác giả là một cựu phó thủ tướng, ca ngợi những đức tính của Triệu Tử Dương để ngầm chỉ trích các lãnh tụ bây giờ. "Trong thời gian nắm quyền ông không bao giờ mua một món đồ quý giá nào cho văn phòng cũng như cho căn nhà của mình." Tác giả cũng viết, trong thời gian ông làm phó thủ tướng, "Không một ai đến xin tôi một chức vụ nào. Tôi đã thăng cấp cho rất nhiều cán bộ nhưng không ai đãi tôi một bữa ăn hay tặng tôi một món quà hoặc phong bao đỏ. Và cho tới nay tôi chưa hề nghe nói một người nào trong bọn họ bị tố cáo tội tham nhũng!"

Cũng trong tháng Bẩy một loạt bài trên Viêm Hoàng Xuân Thu chỉ trích đảng Cộng Sản Trung Quốc đã không theo đúng chủ trương của Đặng Tiểu Bình trong 18 năm qua. Một tác giả viết rằng Đặng Tiểu Bình đã ấn định thời biểu dân chủ hóa chế độ trong vòng 10 năm sau đại hội đảng thứ 13 (năm 1987). "Sự trì hoãn không thi hành chương trình cải tổ chính trị của Đặng Tiểu Bình gây ra những hậu quả tai hại. Không hề có sự kiểm soát và cân bằng quyền lực (checks and balances trong bản dịch tiếng Anh) ... Chúng ta không thể kéo dài tình trạng này! ... Những cải tổ chính trị cơ bản càng bị trì hoãn thì càng dễ nẩy sinh những bất ổn xã hội và khủng hoảng chính trị không thể nào thoát được!"

Ở Việt Nam chưa thấy một tạp chí nào có tầm vóc như tờ Viêm Hoàng Xuân Thu.

Nhưng tại sao ông Hồ Cẩm Đào không đưa ra một tiến trình dân chủ hóa nào, ngoài những khẩu hiệu trống rỗng? Vì đảng Cộng Sản Trung Quốc, cũng như đảng Cộng Sản Việt Nam bây giờ trong tay những người mà quyền lợi của họ gắn liền với cơ chế đang có sẵn. Mao Trạch Đông cũng như Hồ Chí Minh đã dựng lên một cơ chế độc tài, tập trung quyền hành vào trong tay các cán bộ đang nắm quyền. Lãnh tụ các cấp từ trên xuống dưới chỉ định đảng viên cộng sản nào được phép bỏ phiếu đi bầu phiếu chọn cấp trên. Họ không có "động cơ thích hợp" để thay đổi cơ cấu đó. Các người nắm quyền lúc nào cũng hô khẩu hiệu "đoàn kết," "nhất trí!" Họ cấu kết với nhau để bảo vệ quyền lợi chung. Hậu quả là không ai có thể thay đổi được cơ chế đó, trong khi xã hội bên ngoài đang thay đổi với tốc độ rất nhanh. Muốn có "động cơ thích hợp" để người cầm quyền phải đáp ứng nguyện vọng của dân thì phải tạo một hệ thống có nhiều quyền lực cân bằng và kiểm soát lẫn nhau. Một cách giản dị để giảm bớt tham nhũng là giảm quyền hành của các cán bộ đồng thời tăng lương bổng cho họ và trừng phạt nặng những người hối mại quyền thế. Như vậy là tạo "động cơ thích hợp" trong cơ chế. Các nhà nghiên cứu kinh tế, chính trị ở Việt Nam nên tìm hiểu những áp dụng của lý thuyết mà Hurwicz đã nêu lên.

Chuyện Phiếm

SONG THAO

CẮN

Tôi không thích môn quyền anh. Mấy ông bạn tôi lại rất thích. Đang ngồi uống cà phê nói chuyện văn chương chữ nghĩa bỗng mấy ông nhúc nhích trên ghế như gà mắc đẻ. Chỉ một lát sau là biến. Các ông rủ nhau đi lại một "tiệm rượu thể thao" có màn hình bắt đài *satellite* để xem người ta đánh nhau. Máu me dĩ nhiên là đầm đìa, văng răng cũng có khi, nhiều lúc lại có cả vụ bất tỉnh nhân sự nằm một đống trên võ đài. Ghê như vậy mà lại thích coi. Và còn gọi là thể thao. Tôi chê thứ thể thao ác đức này. Vậy mà tôi cũng biết tên các ông thợ đấm Mike Tyson và Evander Holyfield. Bởi vì ông Mike Tyson chơi màn võ cắn đứt tai ông Evander Holyfield trong một trận tỷ thí trên võ đài *MGM Grand Garden Arena* tại thành phố cờ bịch Las Vegas. Chuyện xảy ra vào ngày 28 tháng 6 năm 1997. Trong hiệp đấu thứ hai, Holyfield húc đầu vào mặt Tyson làm đứt một đường dài trên mắt phải của Tyson, máu me chảy ra. Tyson phản đối. Trọng tài ngưng trận đấu trong giây lát nhưng thấy không có dấu hiệu Holyfield cố tình húc nên trận đấu lại tiếp tục. Gần hết hiệp ba, Tyson dựa vào vai Holyfield, quay đầu lên và cắn dái tai phải của Holyfield đứt rời một miếng để trả thù. Holyfield đau đớn nhảy cẫng lên. Trọng tài ngưng trận đấu. Bác sĩ khám tai và tuyên bố Holyfield có thể tiếp tục trận đấu. Khi còn 30 phút chót của hiệp sau đó, Tyson lại giở võ cắn. Lần này là dái tai trái của đối thủ. Trọng tài tuyên bố truất quyền thi đấu của Tyson. Sau đó, Tyson bị phạt ba triệu đồng và bị cấm tranh tài trong một năm!

Ba triệu đồng cho hai vết cắn. Hơi đắt! Chắc vì Tyson là đàn ông. Đàn ông thường không cắn. Cắn là mất tư cách. Đó là món võ tuyệt vọng của kẻ yếu. Chị Ngân thuộc phái yếu. Chị sống ở Thủ Dầu Một thuộc tỉnh Bình Dương. Sáng tinh mơ ngày 7 tháng giêng năm nay, 2007, chị ra cạo mủ cao su trong vườn, cách nhà chừng 700 thước. Trong khi chị đang mải mê làm việc thì một bàn tay thô cứng đè cổ chị, vật ngã xuống đất. Theo phản ứng, chị vung con dao cạo mủ về phía sau trúng đầu kẻ lạ mặt. Hắn cắn răng chịu đựng, dùng sức mạnh tước con dao vứt ra xa. Thấy chị đeo một sợi dây chuyền vàng, hắn lột ngay. Cướp của xong, hắn đè chị xuống cưỡng hiếp. Chị Ngân phản ứng quyết liệt. Trong lúc vật nhau, chị cắn đứt một miếng dái tai của tên cướp. Hắn vội bật quẹt tìm mảnh dái tai rơi. Thừa lúc đó, chị chạy thoát và tri hô cầu cứu. Công an tới nơi thu được mảnh dái tai phải của hung thủ. Ba tháng sau, ngày 4 tháng 4, công an thấy một thanh niên không có dái tai bên phải đi trên đường, bèn chặn lại, giải về đồn. Hắn khai tên là Nguyễn Văn Điền, 31 tuổi, ngụ tại xã Tân Định, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Thử DNA thì đích thị hắn là chủ nhân của chiếc dái tai tang vật. Hắn chỉ còn một con đường là ra hầu chuyện trước tòa!

Võ cắn như vậy lại hợp với dái tai. Tội cho cái tai chỉ có mỗi cái tội lủng lẳng trước miệng kẻ thù mà gặp nạn. Gần tai là cổ. Cắn vào cổ chỉ có ma cà rồng. Ông Geng không phải là ma cà rồng. Ông là một nông dân ở tỉnh Hồ Bắc bên Tàu. Tối tối ông thường ra ruộng dưa ngủ để canh gác kẻ trộm. Cùng canh dưa với ông có chú chó rất trung thành với ông. Một buổi tối, ông đang ngủ thì nghe chú chó kêu rên rỉ. Biết có biến, ông mò ra. Tưởng là kẻ trộm nhưng hóa ra là một chú chó to lớn đang cắn liên tu bất tận vào chú chó thân yêu của ông. Ông nhặt một trái dưa ném vào con chó lạ để xua nó đi. Bị ném, con chó nổi điên, càng cắn dữ. Ông xót ruột xông vào vật lộn với con chó. Cuộc chiến giữa người và chó kéo dài khoảng 10 phút. Kết quả, ông bị hai vết cắn lớn trên vai, nhưng chú cẩu dữ dằn nằm chết thẳng cẳng. Trên mình cũng mang nhiều vết cắn. Những vết cắn đó không phải của chú chó nhà mà đích thị là của ông Geng! Người cắn chết chó, tài thật! Nhưng coi chừng vết thương trên vai ông Geng. Nếu chú chó dữ dằn đó mà mang bệnh dại thì ông Geng phải đi nhà thương tiêm phòng ngay.

Thuở nhỏ, lúc tản cư vào cuối năm 1945, tôi ở miền quê, chó chạy rông ngoài đường nhiều. Ra đường là phải thủ một cây gậy cho bảo đảm. Vậy mà vẫn bị chó đớp ngay vào đùi. Vết cắn đến bây giờ còn để lại sẹo. Được cái chú chó này cũng còn biết lịch sự nên vết sẹo được quần phủ lấp không phải ai cũng thấy được. Nhưng tôi đã bị khủng hoảng khi người lớn bàn nhau phải mang tôi tới

chỗ có bệnh viện để chích ngừa. Chích bệnh dại người ta dùng một cây kim dài ấn vào bụng. Chắc đau ngất ngư. Lúc đó trong đầu óc tôi, cây kim đã dài bằng chiếc đũa. Nhưng may mắn thay, một ông bác có kinh nghiệm bảo cứ để đó coi xem đã. Cha tôi lấy thuốc rửa ráy vết cắn. Tôi nằm khóc rưng rức. Con chó cắn tôi được mọi người theo dõi. Nếu nó chơi màn thè lưỡi nhớt giãi chảy tùm lum là khốn nạn đời tôi. Theo dõi con chó khoảng hai tuần, thấy nó không có triệu chứng dại, tôi mới được giải thoát khỏi nỗi lo sợ.

Theo y khoa ngày nay thì phải chích ngừa ngay nếu con vật cắn lên cơn hoặc có biểu hiện nghi dại. Cũng tùy theo vết cắn nữa. Nếu vết cắn ở đầu, mặt, cổ, hoặc bộ phận sinh dục, ngay trong trường hợp chỉ bị sây sát nhẹ, cũng phải chích ngừa ngay. Nếu chú cẩu chơi màn cắn xong chạy mất tiêu, không theo dõi được hay không biết nó ở đâu thì cũng nên chích. Nếu theo dõi được con vật thì trong vòng 15 ngày sẽ không chích nếu vết cắn nhẹ, xa não và con vật không có biểu hiện dại. Dù có phải chích hay không thì cũng cần rửa ngay vết cắn bằng xà bông đặc hay nước muối đặc, dội nước sạch nhiều lần, bôi chất sát trùng như cồn hoặc iốt đậm đặc.

Dân Âu Châu và Bắc Mỹ thích nuôi chó để làm bạn. Họ ôm, hôn, ngủ với chó như điên. Thường thì chó nuôi làm cảnh là thứ nhỏ nhít, dễ thương và có muốn cắn cũng chẳng cắn được ai. Nhưng có nhiều người nuôi những loại chó dữ dằn như loại *pitbull* cắn chết người như không. Đã có nhiều người hui nhị tù vì những chú cẩu tai quái này, nhất là những trẻ em nhỏ sống chung trong nhà với loại chó này. Bệnh dại ngày nay vẫn tồn tại trên chừng 80 quốc gia, phần lớn ở Á Châu và Phi Châu. Mỗi năm có khoảng 10 triệu người bị động vật nghi dại cắn và số tử vong khoảng 55 ngàn người. Tính theo lối... ấn tượng thì trên thế giới này cứ 10 phút lại có một người bế mạc cuộc đời vì thú vật dại. Tại Việt Nam mỗi năm có khoảng 550 người phải chích ngừa vì bị thú dại cắn. Và từ năm 2001 đến nay, mỗi năm ghi nhận được từ 35 đến 85 trường hợp tử vong do dại. Nhưng năm nay con số tử vong tăng mạnh. Chỉ trong vòng tám tháng đầu năm đã có 81 người chết.

Nhà cầm quyền tại các thành phố lớn tại Trung Quốc có lẽ nhìn thấy nạn chó đớp người nên ra quy định khắt khe về nuôi chó. Tại thủ đô Bắc Kinh có thông báo chi tiết như sau: "Trong khu vực thành phố, mỗi gia đình chỉ được phép nuôi một con chó, không được nuôi loại chó to hay chó dữ. Trong các khu vực đặc biệt không được nuôi loại chó dữ hoặc loại chó cao quá 35 phân!" Chó chạy rông ngoài đường sẽ bị xe bắt chó chộp. Nếu không có ai nhận nuôi thì chó sẽ được "giải quyết hợp lý." Những người bạn của chó, hãy đoàn kết lại! Họ ới nhau bằng điện thoại di động và *internet*, tập hợp được trên hai ngàn người biểu tình chọc quê nhà nước ngay tại Sở Thú Bắc Kinh. Thành phố phải điều động tới trên 200 cảnh sát để dẹp biểu tình!

Chó cắn nguy hiểm chết người như không nhưng miệng người nhiều khi cũng làm chó oan ức. Một ông chủ bự đi ăn vụng với cô thư ký trẻ đẹp. Sau khi tù ti đã đời, ông vào phòng tắm sửa soạn đi về. Bỗng ông hoảng hồn khi nhìn thấy trên cổ một vết cắn bầm của cô thư ký lưu lại. Biết ăn nói sao với vợ đây? Lòng ông rối rắm trên suốt đường về. Tới nhà, ông vừa mở cửa, chú chó bẹc-giê nhảy chồm lên mừng chủ. Đầu ông bỗng minh mẫn lạ thường. Ông ôm chú chó, giả bộ vật lộn với nó. Bất thình lình, ông la toáng lên, ôm lấy cổ ra vẻ đau đớn, chạy vào phòng nói với vợ: "Em xem này, con chó quý của em cắn bầm cổ anh nè!" Vợ ông ta vội vàng phanh áo, chỉ vào ngực phân bua: "Anh coi này! Nó cũng cắn em tím bầm ngực đây nè!"

Vết răng trên cổ ông và vết răng cắn trên ngực bà, nếu nhìn kỹ ra, không phải là một. Càng không phải vết răng chó. Nhưng cả ông lẫn bà đều đã xóa được một nghi vấn. Thế là vui rồi! Nhưng các nhà điều tra tội phạm không dễ dãi như hai ông bà người ăn chả kẻ ăn nem phớt lờ cho nhau. Cũng như dấu vân tay, trên đời không thể có hai dấu răng cắn giống nhau. Hàm răng mỗi người là một dấu vết sinh học với nhiều yếu tố khác nhau như: vòng cung của hàm, chiều cao thân răng, diện tích răng, kích thước khoảng cách của răng với ổ miệng, kích thước chiều miệng lưỡi. Ngoài ra mỗi người đều có những đặc điểm khác như: răng mọc cái cao cái thấp. mọc chìa ra hay quặp vào, hình thể mặt nhai của răng hàm hoặc các khuyết tật như răng sâu, chỗ sứt mẻ, răng gãy, răng giả. Vậy thì có rất nhiều yếu tố để phân biệt dấu vết hàm răng của người này với người kia. Dựa vào sự khác biệt đó, dấu răng có thể là một yếu tố để điều tra một vụ án, chính xác không kém gì dấu vân tay. Chúng ta thử theo dõi một vụ.

Sáng ngày 23 tháng 8 năm 1994, tại Pháp, một căn phòng trong chung cư Marly-le-Roi bị cháy. Lính cứu hỏa đã kịp thời tới dập tắt được ngọn lửa. Trong phòng có xác một phụ nữ nằm lõa lồ. Không có dấu vết cưỡng hiếp, không có

tinh dịch, nhưng trên cổ nạn nhân có nhiều vết siết và đặc biệt có những vết cắn trên hai bầu ngực. Kết luận đầu tiên: đây là một vụ án mạng, hung thủ muốn phi tang nên đốt nhà.

Giám định viên nha khoa Michel Evenot được mời tới quan sát các vết răng cắn. Ông đo và chụp ảnh những dấu răng trên thi thể nạn nhân dưới nhiều góc độ bằng ánh sáng thường và ánh sáng tử ngoại. Tiếp đó, cảnh sát hình sự khám xét. Họ mau chóng xác định được lai lịch nạn nhân. Cô tên Pierrette Godessart, 36 tuổi. Xét nghiệm máu thấy có rượu. Bởi vậy cuộc điều tra hướng tới các quán rượu trong thành phố. Họ dò hỏi các nhân chứng và phác họa được sơ đồ hành trình của nạn nhân trước khi bị giết. Ngày hôm trước, Godesssart tới nhà mẹ, ra về vào lúc chiều tối và tạt vào quán rượu Marigny. Tại đây cô gặp một người đàn ông tên Yves Plumereau. Điều tra hướng vào người đàn ông này. Y 36 tuổi và là một bợm nhậu thường la cà ở quán rượu. Y lập tức bị nghi là thủ phạm. Nhưng Yves Plumereau không nhận tội. Án mạng không có nhân chứng, hiện trường không có dấu tay, làm sao mà kết tội được? Dấu răng trên ngực Godessart tỏ ra được việc.

Giám định viên yêu cầu lấy dấu răng của nghi can Yves Plumereau. Hắn ký giấy đồng ý. Giám định viên Michel Evenot cho nghi can cắn vào sáp để lấy dấu răng bằng nhiều vết cắn mạnh và yếu khác nhau. So sánh với dấu răng trên thi thể nạn nhân thì trúng phóc là những vết cắn gây ra bởi hàm răng của Yves Plumereau. Giám định viên đã giải thích trước tòa Phúc Thẩm Paris như sau. Thứ nhất, những dấu răng cho thấy kẻ cắn nạn nhân không có các răng hàm thứ nhất. Yếu tố này chưa đủ để buộc tội can phạm vì có nhiều người khác cũng khiếm khuyết răng hàm thứ nhất. Thứ hai, một vết thương nhỏ có dạng hình lưỡi liềm cho biết một trong những răng cửa của hung thủ có một khuyết tật nhỏ. Thứ ba, độ sâu của các bọc máu tại vết cắn cho thấy hai răng nanh của hung thủ dài hơn các răng cửa nhiều. Cuối cùng, vòng cung của vết cắn ăn khớp với vòng cung hàm răng của nghi can. Tóm lại, giám định viên trình bày trước tòa, các dấu răng của Yves Plumereau hoàn toàn phù hợp với dấu răng trên tử thi của nạn nhân. Theo xác suất thống kê thì 99,9% các vết cắn trên ngực Godessart là do Plumereau gây ra!

Trước các bằng chứng không thể chối cãi, hung thủ đã nhận tội. Y khai là tối hôm trước Godessart rủ hắn về nhà ngủ qua đêm. Khi tới phòng ngủ, Godessart tự ý cởi quần áo và đòi hắn làm tình, nhưng vì quá say rượu và mệt mỏi, hắn không thể đáp ứng. Không được thỏa mãn, Godessart đã dùng lời lẽ thô bỉ để chế nhạo hắn. Hắn điên tiết siết cổ nạn nhân bằng dây thắt lưng và cắn vào ngực. Sau đó, y đã nổi lửa đốt để phi tang. Tòa tuyên phạt hung thủ 16 năm tù giam.

Năm 2000, tại tỉnh Bình Thuận đã xảy ra một vụ án mạng. Bà Phan Thị Ngọc Ánh, 66 tuổi. bị giết chết tại nhà. Theo cuộc điều tra thì bà Ánh ở một mình nên cho một người có họ với bà là Dương Thị Thơm ngủ nhờ trong nhà. Ban ngày Thơm đi làm, tối về ngủ. Một đêm kia, bà Ánh bị giết và hung thủ đã lấy đi số tiền 30 triệu dành dụm của bà. Chẳng phải là điều tra viên, nghe như vậy, chúng ta đã nghi ngay thủ phạm là cô cháu Dương Thị Thơm chứ không ai khác. Nhưng chứng cớ đâu? Tại hiện trường, các điều tra viên tìm được một chiếc cặp tóc, tóc và sợi quần áo của Thơm. Nhưng vì hàng ngày Thơm ngủ chung với bà Ánh nên những chứng cớ này chưa đủ để kết tội. May là trên cánh tay bà Ánh có một vết cắn. Từ vết cắn này, điều tra viên mới làm lại mẫu, đúc lại hàm răng và so sánh trên máy vi tính với hàm răng của Thơm. Tất cả đều trùng khít với nhau. Hung thủ phải nhận tội.

Cắn người là lậy ông tôi ở bụi này. Chẳng nên. Nhưng con nít thì cần chi, chúng cắn lia chia. Có dấu răng thì đã sao. Cười toét miệng một cái là xong. Cắn là... phát biểu của bé. Khi mọc răng, nướu bị ngứa, bé cắn để gãi ngứa. Lúc đó núm vú của mẹ là... nạn nhân. Khi người lớn không để ý tới bé, bé cũng cắn. Phát biểu: tui đây nè! Từ 1 tới 3 tuổi, bé tìm kiếm sự độc lập. Muốn đòi cái gì cắn một cái, muốn tranh dành với một đứa bé khác: cũng cắn! Tất cả những biểu lộ qua cái cắn đều có nguyên nhân cả. Nếu cha mẹ chỉ có chiêu phát vào mông hay đuổi bé đi chỗ khác thì yếu quá. Bạn chưa biết cách dạy con nít. Điều nên làm là dùng giọng nói hay nét mặt biểu lộ cho bé thấy cắn như vậy là không chấp nhận được. Cần cương quyết và nhìn thẳng vào mắt bé. Bé sẽ nhận ra... tối hậu thư của bố mẹ và sẽ sửa đổi.

Lớn lên nhất định phải ngưng cắn trừ khi yêu. *Yêu nhau lắm, cắn nhau đau!* Hóa ra ngày xưa các cụ đã biết cắn yêu rồi! Tình nhỉ! Cắn yêu hàm ý cắn nhè nhẹ, diễn tả một cách nhẹ nhàng tình cảm đang dâng lên trong con tim. Nhưng nếu tình yêu quá mãnh liệt, diễn tả nhè nhẹ không phê, liệu vết răng có hằn lên thân thể người yêu không? Thường là không. Nhưng đôi khi cũng phải để cho tình yêu... hiển hiện! Yêu như cô bạn gái của anh chàng Wei ở Trùng Khánh bên Tàu thì

hơi đau. Hai người hẹn hò nhau. Khi tình yêu lên cơn, cô gái siết chặt tình nhân, hôn ra rít đến cắn đứt môi dưới của anh Wei. Anh được đưa vào bệnh viện. Các bác sĩ tận tình vá chứng tích của tình yêu nhưng vì phần thịt gắn trên môi của anh đã chết nên phải lấy thịt ở một chỗ khác trên cơ thể anh để vá lại môi! Bản tin sơ ý không nói rõ là lấy thịt ở chỗ nào. Anh Wei chẳng trách cứ gì cô người yêu đầy nhiệt tình của mình. Anh cho biết đây không phải là lần đầu môi anh bị cắn. Cô này có lẽ thích thịt môi nên mỗi lần hôn là một lần anh mang thương tích. Lần này thì quá đáng. Các bác sĩ cho là cô này có vấn đề tâm lý. Nhưng anh Wei lại tỉnh bơ... phiếm: "Chắc cô bạn gái của tôi cầm tinh con chó!"

Anh Wei bị cắn nhưng ông nhà thơ Nguyễn Nam An lại mang sẹo!

Anh và em như hai hàng cây
Thức dậy mỗi ngày nơi đây nơi đó
Có nắng mới của thời vui mắt ngó
Hay buồn thiu buổi lất phất mưa về
Anh và em như mùa xa mùa kề
Phơ phất gió của vài năm nguội lạnh
Vết sẹo cắn đùa hôm nao canh cánh
Da liền rồi sao chợt chạnh như đau
Anh và em vẫn lòng vòng đi đâu
Không biết nữa bài thơ này xin nhận.

10/2007

NGUY

Chắc chắn phải có báo động đỏ. Chuyện đã tới nước này mà không tri hô lên sao được. Ngót nghét nửa thế kỷ trước, khi cô Quờn ra tay hành động thì mất không biết bao nhiêu giấy báo, tốn không biết bao nhiêu nước miếng và không biết bao nhiêu mồ hôi đã chảy ra. Hồi đó người ta chưa biết tới *stress*, chứ không thì *stress* đã hoành hành ăn mòn ruỗng các ông từ 18 đến... 98 tuổi là cái cẳng. Ông Trần Văn Trạch lại đổ thêm dầu vào lửa... khủng hoảng khi ông la khắp từ Bến Hải đến Cà Mau *"đốt hay không đốt"!*

Chuyện hi hữu ngày xưa nay đã là chuyện thường ngày. Ngoài môn phái đốt còn nảy sinh ra môn phái cắt. Mà cắt ngày nay coi bộ rộ lên hơn đốt. Nạn nhân là chú bé con chỉ có mỗi cái tội là hay vâng lời. Anh lớn bảo nằm xuống thì nằm xuống, đứng dậy thì đứng dậy, bò thì bò, chui thì chui, hắt hơi sổ mũi thì hắt hơi sổ mũi. Ngây thơ như vậy mà thành thân tội!

Anh lớn là Bùi Thanh Hải, 44 tuổi, ngụ tại Cà Mau. Lúc 8 giờ tối ngày 29 tháng 7 năm 2007, anh đang nằm ngủ ở nhà thì vợ là Võ Thị Vân dùng dao Thái Lan xén ngay thằng nhỏ, nắm đầu chú bé mang ra mương thoát nước phía sau nhà ném xuống phi tang. Khi người nhà mang tới bệnh viện Đa Khoa Cà Mau thì chú bé đã phiêu du đâu mất, tìm chẳng thấy. Các bác sĩ không làm gì khác hơn được là may lấp vết thương lại. Từ đây anh đi đằng anh, em đằng em. Tội của anh là tội léng phéng bồ bịch. Muốn bồ bịch thì phải có thằng em đi theo, không thì chẳng nên cơm nên cháo gì. *Anh em như thể tay chân.* Chân đâu nữa mà đi!

Chỉ hơn một tháng trước, vào tối ngày 9 tháng 6, tại thành phố Long Xuyên, cũng đã có một vụ chia lìa tức tưởi. Chàng mới 27 tuổi, cũng thuộc loại đào hoa, dắt thằng nhỏ đi chơi đêm hoài. Cô vợ muốn anh chồng ngừng gót phiêu lưu nên đã mượn đỡ thằng em bằng một nhát kéo. Người nhà thuê xe chở tới bệnh viện. May là cô vợ chỉ cốt giữ thằng em nên không vứt bậy vứt bạ ra mương ra cống. Hai anh em cùng lên xe vào phòng giải phẫu. Các bác sĩ đã cho anh em đoàn tụ! Đây là cuộc tái đoàn tụ bởi vì chính anh chàng này, hồi năm 2005, cũng đã bị vợ sớt ngọt mất một nửa thằng em rồi!

Ở quận Tân Biên, tỉnh Tây Ninh, cuộc... hành hình không phải tại nhà, nơi được coi là thuận tiện, mà diễn ra ở nhà hàng xóm. Một ông 50 tuổi đang ngủ nhờ bên hàng xóm thì bị vợ qua xử thằng nhỏ. Hàng xóm vốn có tình nên đã nhanh tay thu hồi tang vật, bỏ vào túi nước đá ngâm đàng hoàng trước khi đưa hai anh em lên bệnh viện Chợ Rẫy để... chim về hiệp phố!

Ác liệt hơn cả là ngón nghề của một bà cán bộ có ông chồng cũng là cán bộ. Hai người đều đã lớn tuổi nhưng ông vẫn... hoạt động và bà vẫn... đấu tranh giai cấp! Sự việc lên đến cực điểm khi bà sớt mất thằng bé của ông. Không phải bà nhắm mắt nhắm mũi làm cho đã tức mà có... phương án đàng hoàng. Bà đun một nồi nước sôi, cắt xong bà liền vứt cái của nợ vào cho tím tái máu ghen. Thằng em lìa đời tức tưởi như vậy thì còn mong gì nối lại tình anh em!

Anh kỹ sư của một cơ quan nhà nước tên Xuân thì oan ức vô cùng. Cả đời anh hiền như cục bột, chưa hề yêu ai cả. Khi yêu thì anh lại yêu ngay vào một cô gái đã có chồng. Cuộc tình trái ngang cũng có ngày... ngang trái. Anh chồng của cô gái biết chuyện. Anh gọi vợ vào nói dứt khoát: "Một là cả hai cùng chết. Hai là cô mang 'cái đó' của thằng ấy về đây!" Cô gái có gan ngoại tình nhưng không có gan chết với tình. Cô trọng mạng sống hơn là cái cục làm cô phản bội chồng. Thế là cô

hẹn hò với tình nhân. Đúng lúc anh kỹ sư đang cất cánh lên mây thì nghe đánh xoẹt một tiếng. Thấy cánh chim giang hồ tơi tả trên giường, cô gái cuống lên, chạy mất, không kịp đem chiến lợi phẩm về báo cáo với chồng. Tội cho các bác sĩ phải mất tới ba tiếng đồng hồ mới nối lại được tình xưa!

Không biết quê quán của cô Quờn ở đâu? Hình như cũng thuộc đồng bằng sông Cửu. Sao tôi nghi những sát thủ này là hậu duệ của cô Quờn quá. Chẳng thế mà chỉ trong vòng năm tháng, từ tháng 8/2005 đến tháng 1/2006, nguyên tại vùng này đã có tới sáu vụ cạn tàu ráo máng dùng dao kéo cho thằng em lìa thằng anh. Riêng tỉnh cà Mau đã có tới hai vụ! Rồi nhìn qua bên kia biên giới tình hình không có gì sáng sủa hơn. Tại Kampong Cham bên Căm Bốt, anh chàng Khay Kaing, 40 tuổi, về nhà sau một đêm uống rượu và hát karaoke với bạn bè. Bị vợ cằn nhằn, anh xáng cho vợ một bạt tai rồi đi ngủ. Chờ cho anh say giấc nồng, cô vợ dùng kéo cắt phăng cục nam nhi. Cho hết hát hò! May cho anh là bàn tay của cô vợ không được mạnh mẽ nên thằng nhỏ em vẫn còn dính toòng teng. Các bác sĩ phải khâu tới 25 mũi chỉ mới... chim liền cánh!

Chuyện tình là chuyện bao giờ cũng rắc rối. Nếu không rắc rối thì không phải là chuyện tình. Giải quyết cái rắc rối là chuyện của... người lớn. Bắt thằng nhỏ chịu là điều vô lý. Vậy mà sự đời thường là chuyện vô lý. Thế mới chết thằng nhỏ!

Hai anh chị bồ bịch với nhau khi cùng học chung Đại Học tại Sài Gòn. Học xong, anh về quê làm việc và yêu ngay một cô gái tại địa phương. Họ cưới nhau. Mãi về sau, khi chàng đã làm tới Giám Đốc, nhân một dịp về công tác tại Sài Gòn, gặp lại người xưa, nằm ôn lại chuyện cũ. Bồ cũ không rủ cũng tới tưởng là chuyện mặn mà, ai ngờ đúng lúc cuộc cờ đang được nước, nàng bèn phăng ngay thằng nhỏ của chàng. Đó là để trả thù sự phản bội.

Anh chàng Quân là một lực điền trai tráng tại Long An đang sửa soạn cưới vợ. Vợ sắp cưới của anh là một cô gái mặn mà, đã từng có người yêu, từng thề non hẹn biển, nhưng vì gia đình hai bên không đồng ý nên chia tay. Đêm trước ngày cử hành đám cưới, anh người yêu của cô dâu hận đời vì mất cái bao đựng thằng nhỏ nên quyết ra tay. Anh mò tới nhà chú rể Quân, đè anh này ra sơi tái thằng nhỏ. Cho khỏi cưới xin! Đó là trâu buộc ghét trâu ăn.

Còn ông Khoa, một Việt kiều Úc, 45 tuổi, trong dịp về làng quê ở Vĩnh Long đã mê một thôn nữ duyên dáng. Tin dữ bay tới tai bà vợ. Bà liền tức tốc lấy vé máy bay về Việt Nam. Bà xé xác đứa đã cả gan lấy chồng bà chăng? Không! Bà trừng phạt thằng nhỏ của anh chồng xớn xác bằng một nhát dao ngọt sớt. Xong bà lên máy bay dông thẳng về Úc. Muốn tù ti cứ việc ở lại mà tù ti. Đó là võ sư tử Hà Đông. Chẳng còn gì phải lo lắng nữa!

Tất cả những chiêu cắt tôi vừa kể đều là có thật. Cắt như vậy là cắt có... chính nghĩa. Cắt như bà già này là cắt vì lợi nhuận! Cảnh sát thấy bà đi trên đường, hai tay xách hai cái túi to. Một cái túi bị rách làm tiền rơi rải rác trên đường, toàn giấy 20 đô không. Anh cảnh sát thấy vậy, kêu bà cụ và nhặt dùm. "Này bà cụ, tiền của cụ rơi ra đầy đường đây này." Bà cụ lịch sự: "Cám ơn cậu!" Hai người cúi xuống lượm tiếp. Tò mò nghề nghiệp bỗng nổi lên, viên cảnh sát thắc mắc: "Tiền ở đâu ra mà lắm vậy cụ? Mà toàn giấy 20 đô không vậy?" Bà cụ thành thật tâm sự: "Chẳng nói dấu gì cậu. Nhà tôi ở sát sân vận động. Mỗi khi có trận đấu thì khán giả đến coi đông lắm. Họ đua nhau tè bậy trên vườn nhà tôi, bảo thế nào họ cũng không nghe. Tôi nghĩ mãi mới ra cách để ngăn họ. Tôi cầm một cái kéo to, mỗi khi có vị nào vén quần, tôi giơ kéo lên dọa: "Một là nộp 20 đô, hai là ta cắt. Thế là họ răm rắp nộp tiền!" Viên cảnh sát phá ra cười: "Cụ hay thiệt! Tiện thể cụ cho cháu hỏi, thế cụ đựng gì trong cái túi thứ hai kia vậy?" Bà cụ cười lạnh: "Hừm! Không phải ai trong bọn họ cũng đều chịu trả tiền đâu cậu ạ!"

Tiết mục cắt lăng ba vi bộ đủ kiểu như thế là tới tận cùng của sự chia lìa. Không còn một kiểu nào khác nữa chăng? Còn! Kiểu... thanh minh thanh nga! Chuyện xảy ra ở bên Mã Lai. Chung quy chỉ vì cái điện thoại di động. Chị vợ bắt được tin nhắn của một cô gái trên điện thoại của chồng. Chị ghen làm ầm ĩ lên. Một cuộc khẩu chiến nóng hôi hổi làm rung chuyển nhà cửa. Để chứng minh mình không có phở phiếc gì cả, anh chồng 41 tuổi vớ ngay con dao tự xén phăng thằng nhỏ. Hết giây mơ rễ má! Cậu con 14 tuổi ở phòng bên nghe tiếng bố hét như heo bị chọc tiết bèn chạy sang. Hai mẹ con vội kêu xe cứu thương chở... con tim chân chính đi bệnh viện vá víu.

Trường hợp ông tu sĩ ở miền Tây thì bi thương hơn. Ông muốn tu nhưng thân xác ông luôn rình rập phản bội ông. Đã ngoài năm chục tuổi, đường trần ông đã nhất quyết dứt nhưng cái lủng lẳng nó cứ quấy nhiễu ông. Giận thằng nhỏ... mất dạy, ông lấy dao xẻo phắt cho được yên thân tu tập.

Bà Uta Schneider ở Stuttgart, Đức, đã 65 tuổi, cũng cắt. Nhưng bà cắt thằng nhỏ trên cái xác của ông chồng quá cố. Bà ra tay hành động trong nhà xác rồi bọc chú nhỏ đã bạc nhược trong khăn

vải, dấu trong giỏ thức ăn để mang về nhà. Chẳng may một cô y tá đã thấy và bắt giữ bà. Khai với cảnh sát, bà thành khẩn: "Nó là tài sản quý giá nhất của chồng tôi và đã mang lại cho tôi niềm vui sướng trong suốt 35 năm chung sống. Vì thế tôi không muốn nó phải theo chân ông ấy xuống mồ. Có lẽ ông nhà tôi cũng muốn vậy!" Tội nghiệp cho một cuộc tình chung!

Dao kéo là thứ không tim không mắt. Chúng có chừa một ai. Bởi vậy tương lai lũ đực rựa chúng ta thật vô vàn bất trắc. Thôi thì cứ học tập kinh nghiệm trước phòng khi hữu sự biết đường mà đi đứng. Nếu thằng nhỏ phải chia lìa với thằng lớn thì phải đi bệnh viện ngay càng sớm càng tốt. Càng để lâu càng... rách việc! Quá sáu tiếng đồng hồ thì ít hy vọng... gương vỡ lại lành! Điều cần thiết là phải kiếm cho ra cục thịt đi lạc, rửa ráy sạch sẽ, ngâm ngay vào đá lạnh, và... dẫn độ hắn cùng tới nhà thương. Nối thế nào là nhờ phúc các bác sĩ. Nếu nối được tất cả các mạch máu thì vẫn có thể dùng lại được trong phòng vệ sinh lẫn phòng ngủ. Nếu không thì cái thứ tái sinh này chỉ có thể làm công việc thông thường và chán ngắt là giải thủy.

Nhưng tình hình vừa được cải thiện! Các bác sĩ tại bệnh viện Quảng Châu, Trung Quốc, vừa phẫu thuật thành công một ca ghép thằng nhỏ. Ghép chứ không phải nối! Nghĩa là thằng nhỏ bị cắt có bị mất hay hết xài lại được đi chăng nữa, thằng lớn vẫn còn có hy vọng nếu có người từ tâm hiến cho thằng nhỏ. Gan, thận, phổi phiếc còn có nhiều hy vọng có người cho chứ "của quý" dễ gì mà có người dứt ra cho! Trường hợp ở Quảng Châu là hi hữu. Một ông 44 tuổi bị tai nạn đứt của quý. Chỉ còn một phân! Chuyện giường chiếu thì... thua, nhưng chuyện tưới nước hàng ngày cũng khó khăn. May mắn thay, một ông có cậu con trai 22 tuổi bị liệt não, bằng lòng cho thằng nhỏ của con. Ca cấy ghép thằng nhỏ dài 10 phân được tiến hành. Đây là một trường hợp cấy ghép rất phức tạp, đòi hỏi những kỹ thuật tinh vi để nối các mạch máu nhỏ và dây thần kinh. Bác sĩ thực hiện là Weilie Hu. Các ông nên nhớ kỹ tên vị... cứu tinh này phòng khi cần đến! Ca cấy ghép thành công. Mười ngày sau bệnh nhân đã có thể tiểu tiện bình thường và không có dấu hiệu cơ thể từ chối cơ phận mới ghép. Đây là ca cấy ghép thằng nhỏ đầu tiên trên thế giới thành công! Ngon rồi! Nhưng, khổ quá, sau đó cả hai vợ chồng bệnh nhân đều có những vấn đề tâm lý nghiêm trọng. Ừ, tự nhiên có cái của quý xa lạ xen vào, khó chịu quá đi chứ! Họ yêu cầu các bác sĩ cắt bỏ đi cái của nợ lạ hoắc. Lại phẫu thuật. Lần này ngược lại lần trước! Uổng!

Trường hợp đối phương không dùng dao kéo mà dùng chiến thuật hỏa công thì chết một cửa tứ. Một chú chim rô-ti hay *barbecue* thì Hoa Đà Biển Thước cũng đành bó tay. Nối niếc chi nữa. Thế mới biết miếng võ nguyên thủy của cô Quờn là miếng võ của... tà phái. Nó chưa hề thất truyền. Một phụ nữ Nga ở thủ đô Moscow vừa thi triển võ công này với ông chồng cũ. Hai vợ chồng Nikolai và Anna đã ly dị vào năm 2003 sau 19 năm chồng vợ bởi vì anh Nikolai mèo chuột lung tung. Ly dị đã được bốn năm nhưng hai người vẫn phải ở chung vì nhà cửa rất khó kiếm. Đây là tình trạng phổ biến ở bên Nga, nơi mà giá nhà cửa cao ngất ngưởng. Một buổi tối, anh Nikolai thoải mái tô hô nằm xem ti vi và uống vodka. Rượu ngấm làm anh ngủ quên. Bà vợ cũ trông thấy cái cục phản bội nằm tênh hênh bèn nổi máu thù hận. Bà đổ dầu lên người anh để hỏa thiêu. Nhưng khi bà quẹt diêm thì dầu không bắt lửa. Bà bèn vớ tờ báo gần đó, châm lửa cháy như cây đuốc, dí vào cái của nợ đáng ghét. Chim chóc nào mà chịu nổi!

Có ăn có chịu, chuyện đó đã đi một lẽ. Nhưng mùa chim nạn còn nhiều chuyện khóc cười do... định mệnh. Anh chàng Morio Visnjic, người Croatia, đi bơi tại bãi biển Valalta. Trời đã chuyển mùa, se se lạnh, nhưng anh vẫn cứ xuống nước bơi. Đang ngâm mình dưới nước, người anh bỗng bủn rủn rùng mình. Chú nhỏ của anh thu nhỏ hình hài. Hai hòn ngọc biến đi đâu mất. Anh vội chạy lên bờ, ngồi vào chiếc ghế gỗ để sưởi nắng. Khi anh đứng lên thì kẹt. Ghế được đóng bằng những nan gỗ, người anh ngồi phía trên nhưng hai hòn ngọc lại nằm phơi phới ở bên dưới. Gỡ không ra. Anh chàng này chắc dốt... vật lý. Khí lạnh làm teo lại thì nắng ấm làm nở ra. Phải chi anh là học sinh giỏi khoa học thì đâu có ra nông nỗi. Người ta đã phải phá chiếc ghế mới giải thoát được... lồng ngọc!

Cũng... kẹt! Nhưng lần này là kẹt ống nước. Một cậu bé chín tuổi đang tắm thì nghe thấy tiếng thằng em trai khóc ré lên ở phòng bên. Cậu leo lên cửa sổ phòng tắm để coi chuyện gì. Khi tụt xuống, hai hòn bi của chú nhỏ của cậu bị kẹt vào trong ống nước. Ống nước này hình chữ L, có một đầu hở và đầu kia dẫn thẳng vào bể nước bằng bê tông. Ông bố vội gọi xe cứu thương nhưng nhân viên y tế không thế nào kéo chú nhỏ ra được. Họ phải gọi lính cứu hỏa tới dùng máy cưa hơi để cưa rời ống nước rồi chở cậu bé tới bệnh viện Seberang Jaya tại thành phố Bukit Mertajam, Mã Lai trong tình trạng hai hòn bi còn dính trong ống. Các bác sĩ đã phải mổ mới giải thoát được.

Anh nghệ sĩ hát xiệc lùn có nghệ danh *Captain Dan* của Anh cũng kẹt. Màn biểu diễn của anh là nối ống máy hút bụi vào cục nợ đời (cũng... lùn như thân hình anh!), mở máy cho máy hút cục nợ rồi cứ thế mà lôi đi khắp sân khấu trong khi một nữ diễn viên trang phục y tá kéo lại. Anh đã trình diễn nhiều lần xuôi chèo mát mái. Trong một buổi diễn vào tháng Tám vừa qua anh bị tổ trác. Nguyên do là vì trước đó anh đã sửa đầu ống hút bụi bằng một loại keo rất chắc. Người ta đã dặn là phải chờ 20 phút thì keo mới khô và hết dính nhưng anh lại ba chớp ba nhoáng đọc thành 20 giây. Thế là anh ra sân khấu liền tức khắc. Khi anh "lắp" thằng nhỏ vào máy thì không sao, nhưng khi rút ra thì thằng nhỏ và ống cứ quấn quít nhất định không rời nhau. Keo đã dán chú nhỏ vào ống. Xe cứu thương phải chở cả người lẫn máy vào bệnh viện. Các bác sĩ phải mất một tiếng đồng hồ mới giải thoát được cái... của nợ!

Đã hai chục tuổi đầu còn nghịch ngợm với của quý của mình là anh chàng Anderson ở Wisconsin, Mỹ. Thường thì ở tuổi này người ta nghịch ngợm vào chuyện khác thú vị hơn nhiều. Chàng Anderson bắt chước một cảnh trên màn bạc theo đó thì nhân vật trong phim đã tự đốt của quý của mình. Không biết là trong phim ảnh khác mà ngoài đời khác, cậu rủ bạn là anh Randell Peterson, năm nay đã 43 tuổi, diễn lại cảnh trong phim. Peterson xịt chất dễ cháy lên thằng nhỏ của Anderson và nổi lửa đốt. Đốt vậy thì thằng lớn cũng chết nói chi thằng nhỏ. Trước khi chết, Anderson đã nói với cảnh sát đây chỉ là một màn tinh nghịch nên anh ta không muốn anh bạn Peterson lâm cảnh tù đầy!

Kể cho bằng hữu nghe về những tổn thất chim chóc lảng xẹc như vậy, tôi không muốn đánh lạc hướng về nguy cơ cắt đốt đang tràn lan khắp nơi. Chim chóc vẫn lâm nguy! Có những sự kiện cần phải tìm hiểu. Như tại công viên ngoài trời của thư viện công cộng Whangerei ở Tân Tây Lan có trưng bày một bức tượng nam nhi khỏa thân rất nghệ thuật. Bỗng một buổi tối bức tượng bị xẻo mất chú nhỏ. Tượng bằng gỗ. Một chú nhỏ bằng gỗ thì nên cơm cháo chi! Tại sao thủ phạm lại xẻo như vậy? Người ta đua nhau đặt giả thuyết. Tôi cũng thắc mắc. Nghĩ mãi chẳng ra cớ sự. Hỏi anh bạn vốn là người mẫn tiệp và thông thái, anh ghé tai tôi nói nhỏ. Không biết mặt tôi có tái đi không vì quanh tôi không có chiếc gương nào để soi cả. Nhưng lời anh bạn tôi nói chắc không sai. Anh báo động: đây là màn thực tập của một nữ nhân nào đó!

Phát hiện thứ hai là công của tác giả Nguyễn Vĩnh Long Hồ. Ông ghi lại như sau về một buổi "học tập" của phía bên kia. *"Thím Tư sẵn lòng chỉ miễn phí để bảo vệ hạnh phúc gia đình: 'Trước hết là mua một sợi dây thừng. Nè, không phải dùng sợi dây nầy thắt cổ chồng đâu nghe mấy má! Tù mọt gông đó! Kế đến là mua một bao bố, bà nào có thằng chồng to con, lớn xác thì phải may hai hoặc ba cái bao bố làm một cho chắc ăn. Dụng cụ thì đơn giản chỉ có vậy thôi, rồi tùy theo đối tượng mà tùy cơ ứng biến, linh hoạt ra chiêu. Kế an toàn nhất là phục rượu ông chồng có máu 35 nhậu cho xỉn, say hết biết trời đất, rồi lật ngửa ổng ra, dùng dây trói tay chân lại. Nhớ đừng có đánh đập gì ráo trọi, mất sức lao động lắm. Cứ nghe lời tui đi! Lấy cái bao bố trùm kín mấy ổng từ chân tới đầu, rồi buộc thắt miệng bao lại. Xong đâu đó, mấy bà lấy một con dao thật bén. Đừng có làm ẩu nghen mấy bà! Dao này không phải dùng để thiến đâu nghen!' Một bà cười nói:*

'Ngu sao mà thiến chớ! Để dành xài chớ bộ! Vậy chớ dùng con dao nầy để mần chi vậy hả chị Tư?'

Thím Tư nói:

'Từ từ thôi mà, đừng có nóng vội! Mấy bà thong thả lấy con dao đó, khoét một cái lỗ nhỏ trên bao bố, vừa đủ lôi đầu "ông con" ra ngoài.'

Một bà khác hỏi:

'Bộ sợ nó ngộp thở hả?'

Thím Tư cười tiếp:

'Đâu phải vậy nà, để hành tội đó chớ! Xong rồi, mấy bà lấy một gáo nước lạnh tạt vào mặt cho mấy ổng tỉnh dậy để nếm cái mùi đau khổ, nhức nhối khi "ông con" bị muỗi bu lại đốt. Mấy bà đừng có thấy mấy ổng quằn quại, rên la rồi động lòng từ bi hỉ xả. Thả mấy ổng ra lúc này là mang họa vào thân. Mấy ổng mà nổi cơn khùng lên, đục cho mấy má phù mỏ thì ráng mà chịu nghe! Tui dám nói với mấy bà một câu: tam độc chiêu của tui là 'nhất tiễn hạ song điểu,' ông lớn ông nhỏ gì đều phải bị trừng trị hết. Tui chỉ dùng chiêu này một lần mà ông chồng tui cạch tới già. Đố cha ông Tư Cóc dám léng phéng với bà nào nữa. Dầu có chun vô mùng bà nào mà nghe tiếng muỗi kêu vo vo bên tai cũng phải tông mùng chạy riết về nhà... tự động làm bản tự kiểm điểm! Mấy bà không tin hả? Cứ thử một lần đi thì biết chứ gì!" (Bên Dòng Sông Ông Đốc, Tân Văn, số 1, tháng 8/2007).

Kể cho ông bạn tôi nghe về chiêu... hành thằng nhỏ ác ôn này, mặt ông buồn hẳn, ghé tai dặn tôi: "Toa đừng phổ biến nhé! Nguy lắm!"

Tôi ngu gì mà phổ biến!

09/2007

Website:www.songthao.com

Vệ Sinh An Toàn Thực Phẩm ở Việt Nam

MAI THANH TRUYẾT

Vấn đề vệ sinh an toàn thực phẩm ở Việt Nam từ hơn 20 năm qua vẫn là một vấn nạn lớn cho cả nước. Hàng ngày tin tức người dân bị nhiễm độc thực phẩm càng tăng và tình trạng trên vẫn còn tồn tại và có nguy cơ phức tạp vì các nguyên tố tạo ra nhiễm độc càng "tinh vi" hơn do hoá chất xử dụng trong thực phẩm tiêu dùng. Trong sáu tháng đầu năm nay, căn cứ theo bản tin của Bộ Y tế có 25 người chết vì nhiễm độc thực phẩm, và Viện Ung thư nói 1/3 trong tổng số 150.000 trường hợp ung thư ở Việt Nm mỗi năm là vì thực phẩm nhiễm độc.

Trước những diễn biến trên, thiết nghĩ cần phải rà soát lại các chương trình kiểm soát an toàn thực phẩm của Việt Nam để từ đó chúng ta có cái nhìn chính xác hơn về công cuộc quản lý thực phẩm tiêu dùng của những người có trách nhiệm hiện tại ở VN, cũng như để bảo vệ thị trường bàn lẻ nơi đây, một khi phải chấp nhận sự tham gia của doanh thương ngoại quốc vào năm 2009 ghi trong cam kết WTO.

Chương trình kiểm soát an toàn thực phẩm ở Việt Nam

Đứng về mặt lý thuyết, đây là một đề án đầy đủ về mục tiêu, phương châm, và những biện pháp cụ thể trong việc bảo vệ nguồn thực phẩm cho người dân theo tiêu chuẩn của các quốc gia tiên tiến trên thế giới. Mục tiêu của Chương trình nhằm bảo đảm phẩm chất vệ sinh an toàn cho người tiêu dùng. Về phương châm là cần phải xã hội hoá các hoạt động vì phẩm chất vệ sinh an toàn thực phẩm (VSATTP) từ trung ương đến địa phương. Về việc thi hành cụ thể, VSATTP được quản lý chặt chẽ qua Luật thực phẩm, hệ thống thanh tra thực phẩm và hệ thống kiểm nghiệm thực phẩm được thành lập khắp nơi.

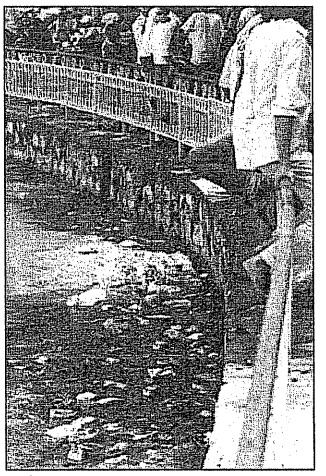

Hồ Tây tràn ngập rác. (Hình: VNExpress.net)

Trong Chương trình, công cuộc nghiên cứu khoa học cũng được chú ý qua việc nghiên cứu về mức độ lây lan do thực phẩm, mối quan hệ thực phẩm và sức khỏe v.v...

Ở Việt Nam có hơn 400 ngàn cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm có đăng ký và ước tính trên dưới 100 ngàn sơ sở "lậu" trong đó khoảng 90% có quy mô vừa và nhỏ (dịch vụ trong gia đình). Có hơn 220 làng nghề sản xuất thực phẩm truyền thống với những tên quen thuộc như tương Bần, giò chả Ước Lễ, bánh cuốn Thanh Trì... Vì tính đa dạng của sản phẩm thực phẩm, cho nên công cuộc quản lý VSATTP rất phức tạp và có nhiều nguy cơ không bảo đảm VSATTP trên toàn quốc. Qua một cuộc điều tra của Cục An toàn Thực Phẩm tiến hành vào năm 2005 trên ba xã có làm nghề sản xuất truyền thống ở miền Bắc, có những con số báo động như sau: gần 30% cơ sở sản xuất chế biến thực phẩm có vị trí sát với chuồng nuôi gia súc; 64% cơ sở dùng giấy báo để gói thực phẩm; 82% số người trực tiếp tham gia vào việc sản xuất, chế biến thực phẩm không được đào tạo có bài bản; và hơn 50% chưa hề khám sức khoẻ lần nào. Do đó có thể nói việc ô nhiễm thực phẩm từ các môi trường trên rất cao. Cũng theo cuộc điều tra của Trung tâm Y tế Dược phẩm Tp Sài Gòn năm 2004, có 64% mẫu chả lụa, chả giò, mì sợi có chứa hàn the, 28% bánh phở có chứa formol. Qua năm 2005, tỷ lệ tương ứng của hai nhóm trên là 72% và 45%. Do đó có thể kết luận là Chương trình VSATTP đề ra không được áp dụng hữu hiệu và tình trạng vi phạm VSATTP ngày càng phổ

Nước ô nhiễm đen thui, cá chết phơi bụng ở cuối kênh B, nơi cách khu công nghiệp Lê Minh Xuân khoảng 6km. (Hình: Tuổi Trẻ)

Bụi từ nhà máy thép Nhà Bè và Tân Thuận trùm ra khu dân cư ở quận Bảy, Sài Gòn. (Hình: VnExpress.net)

biến hơn.

Chương trình Mục tiêu quốc gia VSATTP

Thủ tướng CSVN đã phê duyệt Chương trình Mụctiêu Quốc gia Vệ sinh An Toàn Thực phẩm (VSATTP) giai đoạn 2006-2010 nhằm xây dựng và nâng cao năng lực hệ thống quản lý VSATTP, bảo đảm phù hợp với tiêu chuẩn thế giới góp phần bảo vệ sức khỏe và quyền lợi người tiêu dùng thực phẩm. Những chỉ tiêu trong Chương trình rất lạc quan như đến năm 2010, 90% người sản xuất, 80% người tiêu dùng hiểu biết đúng, thực hành đúng về VSATTP, cũng như 80% tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về VSATTP sẽ phải phù hợp với tiêu chuẩn thế giới. Đặc biệt, điểm tới hạn (treshold limit) của từng hoá chất dùng trong thực phẩm sẽ được xác định, cùng các biện pháp phòng ngừa nhiễm độc cũng được nêu ra trong Chương trình.

Để khai triển Chương trình có sáu dự án gồm: - Dự án nâng cao năng lực quản lý phẩm chất VSATTP, - Dự án thông tin giáo dục truyền thông bảo đảm phẩm chất VSATTP; - Dự án tăng cường kiểm nghiệm phẩm chất, xây dựng hệ thống giám sát ngộ độc thực phẩm, - Dự án bảo đảm VSATTP trong sản xuất, sơ chế, bảo quản, chế biến nông sản thực phẩm, - Dự án bảo đảm an toàn dịch bịnh, an toàn môi trường và an toàn thực phẩm, - và Dự án bảo đảm VSATTP thức ăn đường phố.

Chương trình được hiện trên phạm vi cả nước với nguồn vốn tương đương 78 triệu Mỹ kim huy động từ ngân sách trung ương, địa phương, và vay vốn nước ngoài cùng xin viện trợ.

Qua sáu đề án trên, nếu được khai triển đúng mức chắc chắn tình trạng VSATTP sẽ được cải thiện rất nhiều. Tuy nhiên, trên thực tế tình trạng trên ngày càng tồi tệ, và tin tức hàng ngày về ngộ độc thực phẩm càng tăng. Trong lúc đó sản phẩm xuất cảng sang ngoại quốc đã bị trả về nguyên quán ngày càng phổ cập hơn. Thị trường ngày càng bị mất dần nhất là trong ngành thuỷ sản và nông sản. Nga đã huỷ hợp đồng nhập cảng 400.000 tấn gạo vì gạo Việt Nam có chứa hoá chất. Úc và Tân Tây Lan quyết định kiểm soát VSATTP tất cả lô hàng thuỷ sản đến từ VN, Canada hoàn toàn huỷ bỏ vĩnh viễn tất cả hợp đồng về cá basa. Đây là một thương vụ rất lớn với 800.000 tấn xuất cảng trong năm 2006. Cá ba sa không đúng tiêu chuẩn ngoài sự hiện diện của các hoá chất kháng sinh, còn được tìm thấy thuốc tăng trọng (giữ thêm nước trong các sớ cá) trong phi lê cá nữa và nước có thể chiếm 30 đến 40% trọng lượng của phi lê cá). Do đó, ngành thuỷ sản Việt Nam hiện đang lâm vào tình thế rất khó khăn và nguy cơ thất nghiệp của công nhân ngành nầy rất cao và có thể lên đến 30 — 50%.

Qua những thông tin nêu trên, thêm một lần nữa Việt Nam lại tiếp tục đi con đường "chủ nghĩa hình thức" nghĩa là vẫn tiếp tục dàn dựng lên những chương trình có quy mô quốc gia để tăng cường VSATTP với kinh phí và nhân sự đồ sộ và đưa ra những chỉ tiêu, mục đích rất lạc quan không căn cứ vào một dữ kiện nào cả. Đó là những con số chết, chắc chắn sẽ không bao giờ đạt được chỉ tiêu đề ra. Trên thực tế, thống kê cho thấy tình trạng vệ sinh thực phẩm chẳng những không tiến bộ mà còn tệ hại hơn nữa. Số nạn nhân ngày càng tăng đồng biến cùng với số tử vong.

Ngay cả những cơ quan kiểm nghiệm hàng xuất cảng cũng không giữ được tính trung thực trong báo cáo. Chính điều nầy sẽ làm thiệt hại uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế rất nhiều. Một thí dụ cụ thể là khi truy cập vào mạng của Bộ Thuỷ sản và xem những thông tin về việc kiểm nghiệm các lô hàng xuất cảng hàng tháng, hầu hết tất cả các lô hàng đều chứa dư lượng đủ loại thuốc kháng sinh, cùng vi khuẩn Coliform, Samonella... nhưng trong phần kết luận của bảng

phân tích đều được ghi đại loại như sau: "Sự hiện diện của vi khuẩn và những hoá chất kháng sinh tìm thấy trong các mẫu trên vẫn còn nằm trong mức an toàn cho phép." Xin thưa, danh sách 17 lô hàng bị FDA trả về hồi tháng 4 vừa qua đều được tìm thấy trong các bảng phân tích kiểm nghiệm của Bộ Thuỷ sản vào tháng 1, 2, và 3 năm 2007.

Vài gợi ý cho việc quản lý VSATTP ở Việt Nam

Đứng trước tình trạng không kiểm soát VSATTP ở Việt Nam, một số đề nghị sau đây hy vọng được lắng nghe ngõ hầu hạn chế được một phần nào nguy cơ nhiễm độc thực phẩm.

- Trước hết, cần phải truy diệt tận gốc nguồn cung cấp hoá chất, các loại kháng sinh bị cấm xử dụng trong thực phẩm, cùng các phẩm màu độc hại v.v... Ở Việt Nam ai cũng biết chợ Kim Biên là đầu mối phân phối của đủ các loại kể trên.

- Việt Nam chưa có khả năng sản xuất những hoá chất trên và nguồn cung cấp có thể nói là trên 90% nhập lậu từ Trung Quốc. Nếu chận đứng được nguồn cung cấp nầy, chúng ta có thể hạn chế tối đa những vụ trúng độc nhất là trong những bữa ăn tập thể. Hàng ngày trên các cửa biên giới Trung Việt có hàng ngàn tấn hàng hoá nhập lậu.

- Các cơ sở sản xuất hay biến chế thực phẩm của VN đa phần có quy mô nhỏ và còn trong tình trạng lỗi thời, do đó, chính quyền cần phải có những biện pháp giúp đỡ như cho vay vốn, ưu đãi về thuế để họ có khả năng cải thiện quy trình sản xuất và cơ giới hoá việc sản xuất hầu nâng cao phẩm chất của thành phẩm cùng việc làm cho giá thành hạ thấp xuống.

- Những chương trình về an toàn thực phẩm cần phải được phổ biến rộng rãi để người quản lý và công nhân có thêm thông tin về VSATTP hầu áp dụng cho cơ sở theo đúng tiêu chuẩn yêu cầu.

- Đứng về phương diện kiểm soát và quản lý VSATTP, công nhân viên chức có trách nhiệm cần phải được huấn luyện nghiêm chỉnh nghiệp vụ hướng dẫn, kiểm soát và hành sự với một tinh thần trong sáng, chí công vô tư, tránh tệ trạng móc ngoặc, bao che, hối lộ...

Làm được những điều trên, hy vọng tình trạng an toàn thực phẩm ở Việt Nam sẽ có cơ may cải thiện thêm lên và người dân sẽ không còn bận tâm nhiều đến vấn đề VSATTP nữa.

Cũng cần nên biết thêm là một trong các cam kết khi gia nhập vào WTO, Việt Nam sẽ phải mở cửa thị trường bán lẻ từ 1/1/2009, do đó những doanh nghiệp nhỏ của Việt Nam, ngoài việc bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm, cần phải cố gắng hơn nữa trong việc phát triển nguồn vốn để khả dĩ có khả năng đối đầu và cạnh tranh với các doanh nghiệp ngoại quốc vào thời điểm trên.

Tại diễn đàn "Thị trường bàn lẻ Việt Nam hậu WTO" do Bộ Công thương tổ chức tại Hà Nội ngày 21/9 vừa qua, đa số các nhà doanh nghiệp Việt Nam lo ngại về nguy cơ phá sản một khi thị trường bán lẻ ngoại quốc bắt đầu xâm nhập. Nguy cơ phá sản có thể lên đến 80% theo ước tính của nhiều doanh gia nổi tiếng như Phạm Đình Toàn, Giám đốc Tập đoàn Phú Thái, Nguyễn Thị Hồng Hương, Giám đốc Vinatex. Đây cũng là một yếu tố đáng quan ngại cần lưu ý ngoài lãnh vực VSATTP cho thị trường Việt Nam sau khi gia nhập vào WTO.

West Covina, 9/2007

TK THIỆN HỮU

NHƯ CÁC LOÀI HOA

Cõi trần thế như vườn hoa tuyệt mỹ
Đủ hương thơm, đủ mùi vị cuộc đời
Viên đá nhỏ cũng thành nơi tri kỷ
Cùng chung tay vun vén cuộc trùng khơi.

Này hoa Cúc đến mùa Thu chớm nở
Nọ hoa Mai, Tết đến mãi hạnh thông
Đóa Phong Lan, Đào trắng vẫn đượm nồng
Cùng nô nức rộn hương lòng thơm ngát.

Nhánh huệ trắng trinh anh thơm ngào ngạt
Dạ Lý Hương chờ sương xuống trao hương
Dẫu hoa chi cũng uống nước vô thường
Rồi khoe sắc mừng mười phương hạnh phúc.

Xin chớ đặt hoa Mai là hoa Cúc
Đừng đổi tên Vạn Thọ biến Phong Lan
Đời đảo điên cũng bởi quá bạo-tàn
Sống vọng tưởng để lầm than muôn thuở!

CON RỒNG ĐEN VÂN NAM

Để tưởng niệm các công nhân đã hy sinh trong công trình xây dựng Cầu Cần Thơ 26-09-2007

NGÔ THẾ VINH

Nếu tấn thảm kịch môi sinh ấy diễn ra, con sông Mekong sẽ mất tất cả, điều mà các nhà kinh tế gọi đó là "cái giá trị hiện hữu / existence value": đó chính là sự sống với nguồn tài nguyên và cả sự thanh khiết từ ngàn năm của con sông Mekong.

TỪ SÔNG TÙNG HOA TỚI BIỂN ĐÔNG VÀ CON SÔNG MEKONG

Sau biến cố 9/11, trên khắp nước Mỹ, từ bệnh viện đến các cơ quan, đều có những buổi "Thực Tập Cứu Nạn_ Disaster Drill" với các tình huống và mức độ nghiêm trọng khác nhau. Sau đó là rút ưu khuyết điểm. Tuy ở một nước Mỹ giàu có, với rất nhiều phương tiện nhưng rõ ràng là "các cơ quan chức năng và dân chúng Mỹ chưa sẵn sàng để đương đầu với thảm họa ở mức độ rộng lớn."

Với các quốc gia thuộc Lưu Vực Sông Mekong - trong đó có Việt Nam thì sao? Qua kinh nghiệm "Cứu Nạn Cầu Cần Thơ" mới đây - tuy chỉ là một tai nạn về xây cất chưa phải trên quy mô liên quốc gia nhưng đã biểu hiện sự bị động thiếu chuẩn bị thiếu phương tiện để đương đầu với một tai ương như thế.

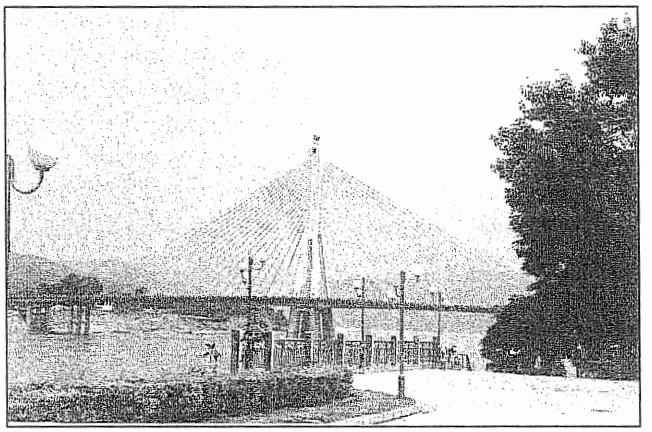

Cây cầu Cánh Hồng Vân Nam

Từ tháng 12/ 2006 khi Trung Quốc sử dụng sông Mekong để chở dầu khí, đã gây rất nhiều lo ngại cho các nhà hoạt động môi sinh. Thế giới chưa thể nào quên Tấn Thảm Kịch Môi Sinh trên Sông Tùng Hoa/ Songhua dài ngót 2,000 km phía bắc Trung Quốc 11/2005 đã ảnh hưởng tức thời và lâu dài tới hai quốc gia Trung Quốc và Nga, khi tấm thảm độc hóa chất đã tràn qua con sông Amur của Nga.

Rồi tới vụ "Tràn Dầu Trên Biển Đông" vào đầu năm nay 2007, khởi đầu được phát hiện tại bãi biển Vũng Rô, sau đó tiếp tục lan rộng gây ô nhiễm cho 20 điểm bờ biển của Việt Nam ở cả ba miền từ Hà Tĩnh vào tới Vũng Tàu. Qua loạt ảnh vệ tinh Alos của Nhật Bản được Viện Địa Lý công bố (27/04/2007) thì có hai vệt dầu rất lớn nằm phía tây nam đảo Hải Nam có diện tích đến 4,450 hectare (1ha/ 10,000m2) và lượng dầu ước tính khoảng 22,250 m3 đến 44,500 m3. Theo tiến sĩ Trần Tiễn Khanh, một chuyên gia tham vấn về môi sinh tại Hoa Kỳ, thì "điểm xuất phát dầu là từ phía Bắc, hầu hết gần đảo Hải Nam thuộc Trung Quốc" nhưng cho đến nay thì vẫn không ai lên tiếng trách nhiệm và các mảng "dầu loang" ấy được coi như mảng "dầu hoang" vô chủ.

...

Sau đây chỉ là một "Kịch Bản/ Scenario", mong sẽ không xảy ra, mô phỏng tấn thảm kịch môi sinh "tràn dầu" nhưng với địa dư là con Sông Mekong:

"Ngày 29 tháng 12 năm 2008, một trong hai chiếc tàu chở dầu khởi hành từ Chiang Rai bắc Thái lên Vân Nam đụng phải ghềnh đá lâm nạn khiến 150 tấn dầu thô đổ tràn xuống khúc sông Lan Thương. Một thảm họa môi sinh cho sáu quốc gia ven sông và cách ứng xử của Trung Quốc trong hai tuần lễ: cũng là khoảng thời gian những mảng dầu Vân Nam xuống tới Đồng Bằng Sông Cửu Long Việt Nam."

GIẤC MƠ TRÊN DÒNG LAN THƯƠNG

Wu người Vân Nam, sinh ra và lớn lên với dòng

sông Lan Thương, quen thuộc từng khúc sông như với đường chỉ tay của chính mình. Không biết lần thứ bao nhiêu lái tàu xuôi ngược trên sông, chưa một lần Wu phải dò tìm trên tấm bản đồ; cứ tới khúc sông nào, cảnh trí nào, như một phản xạ Wu biết phải cho mũi tàu hướng về phía tả hay hữu ngạn hoặc vẫn giữ con tàu theo giữa dòng để tránh đá ngầm.

Từ nhỏ, Wu đã theo cha đi ghe hàng và cứ thế mà lớn lên với sông nước. Mới đây ngày 29/12 / 2006, Wu được tuyển chọn là tài công "tiên tiến" để lái một trong hai con tàu đầu tiên thử nghiệm chở 300 tấn dầu từ Bắc Thái lên Vân Nam. Cả hai con tàu dầu đã tới bến an toàn và là những cột tin trang nhất của báo chí Trung Quốc.

Phải qua bao nhiêu chuẩn bị để có được ngày vinh quang ấy. Trước đó, Wu và các bạn đã được gửi đi học lớp tập huấn của Phân Cục Giang Vận Lan Thương / Maritime Affairs Bureau of the Langcang River, về nhiệm vụ chính trị chiến lược của các đoàn tàu chở dầu từ Thái Lan lên Vân Nam.

Tới tuổi 28, Wu mới lập gia đình và tách khỏi ông bố. Vợ chồng cùng đi làm; người vợ trẻ có nhan sắc nên được nhận vào một chân bán hàng cho Trung Tâm Bách Hóa lớn nhất Cảnh Hồng. Còn Wu là tài công chính cũng là toán trưởng của những chuyến tàu dầu 150 tấn đi từ Chiang Rai lên giang cảng Cảnh Hồng, để từ đây từng đoàn xe tải của PetroChina tới ăn dầu rồi chuyển tới nhà máy lọc không xa bờ con sông Mekong.

Hai vợ chồng có một con gái, và sau mấy năm dành dụm, Wu đã mua được căn nhà hai phòng có TV và tủ lạnh trong một chung cư mới, điện thì không bao giờ thiếu từ ngày có con đập Mạn Loan, là con đập thủy điện đầu tiên trên sông Lan Thương. Tuy nhà mua trả góp, nhưng cũng chỉ bằng tiền thuê - sau 20 năm, vợ chồng hoàn toàn sở hữu căn nhà ấy và đứa con gái cũng là đứa con độc nhất lên đại học. Nuôi giấc mộng ấy, vợ Wu chấp nhận cho chồng xa gia đình một tháng nhiều ngày sống trên sông nước.

...

Giờ 1+ Một ngày như mọi ngày, đêm nay là đêm thứ hai, từ Chiang Rai con tàu ngược dòng lên Vân Nam, vì chở khẩm nặng trĩu nên lòng tàu rất thấp đã bất ngờ va vào một ghềnh đá ngầm vào lúc nửa đêm khi mực nước sông đột ngột tụt thấp xuống.

Điều mà Wu ít biết là gần đây, mực nước sông Lan Thương lên xuống bất thường từ một tới ba mét do hoạt động của các turbines khổng lồ trong các con đập Vân Nam.

Vì mắc cạn con tàu chỉ hơi nghiêng nhưng chắc không sao. Tuy không thấy rõ trong ban đêm, nhưng Wu thoáng ngửi thấy mùi dầu bốc lên từ mặt sông. Như vậy bồn chứa dầu có thể bị rò rỉ. Chỉ mong lỗ rò thật nhỏ và mực nước sông lại dâng lên để con tàu thoát được khúc mắc cạn và tới bến. Mối lo của Wu càng tăng vì biết bồn chứa chỉ là loại "citerne" của những chiếc xe chở dầu không có phân khoang nên chỉ cần một lỗ hổng là có thể trắng tay và mất hết.

Wu tự trấn an rằng con tàu sẽ không hề hấn gì. Cùng lúc, Wu hiểu rất rõ rằng nếu con tàu gặp nạn có nghĩa là cả gia đình Wu gặp nạn với tương lai sẽ cuốn trôi theo dòng sông Lan Thương. Wu không chỉ bị sa thải mất việc, mà cả kỷ luật khai trừ khỏi Đảng, đưa tới tù đày.

Chỉ trong thoáng chốc, mà Wu cho là xui xẻo - không lẽ lại để mất tất cả: căn nhà mơ ước với vợ đẹp con khôn. Tương lai ấy không thể đánh mất và bản năng sinh tồn bảo Wu là bằng mọi giá phải tự khắc phục và phản ứng theo hoàn cảnh.

Giờ 2+ Hai giờ đồng hồ trôi qua. Wu và cả giang đoàn bốn người cùng có chung một tâm trạng, muốn dấu nhẹm sự việc và tin tưởng là khi con nước lên, đủ sức đưa con tàu ra khỏi chỗ mắc cạn, họ vẫn có thể về tới bến tuy với lượng dầu không còn nguyên vẹn.

Nhưng con nước không lên mà còn tụt xuống thấp hơn nữa, khiến con tàu nghiêng thêm về phía trái. Lại có thêm gió lớn, tiếng rệu rạo của những tảng đá sắc nghiến sâu vào lòng tàu sắt nghe rõ hơn. Mùi dầu loang bốc lên từ mặt sông nghe nồng nặc hơn. Qua ánh đèn dọi chiếu xuống từ phòng lái, các mảng dầu đen sánh nay đã loang rộng ra cả mặt sông và tràn lên một bãi cát gần đó mà ban ngày thì vốn trắng như thủy tinh bên hữu ngạn.

Giờ 4+ Hy vọng của Wu và cả giang đoàn thì cứ mong manh và cạn thêm dần. Sự kiện con tàu dầu lâm nạn là có thật. Bây giờ tất cả cố gắng làm sao cứu cho con tàu không bị nghiêng thêm nữa để khỏi bị lật.

Để lại người tài công phụ giữ lái, Wu và mấy đồng bạn, nhảy xuống nước đẩm mình cả trong những váng dầu, kéo theo dây cáp cố gắng neo con tàu vào các ghềnh đá. Nhưng đó chỉ là những sợi chỉ mành.

Giờ 5+ Mực nước sông xuống thấp hơn nữa, gió cũng lớn hơn. Điều không tránh được đã xảy ra. Một tiếng đổ ầm, lớn như tiếng sấm. Con tàu dầu thật sự đã bị lật, theo chiều nghiêng về phía

trái, cũng là phía Wu đang bám vào thân tàu. Đau thương là có thật. Trong bóng đêm, họ kêu gào nhau và tìm mọi cách để cứu Wu nhưng vô vọng.

Mất con chim đầu đàn, cả giang đoàn nháo nhác và thân xác thì như rũ liệt trong nhá nhem ló dạng của bình minh trên sông Lan Thương.

Cũng phải đến 40 phút sau, Trung Tâm Cứu Hộ mới được thông báo là có một tàu dầu bị lâm nạn, ở một khoảng cách phỏng chừng 60 km phía dưới cây cầu Cảnh Hồng.

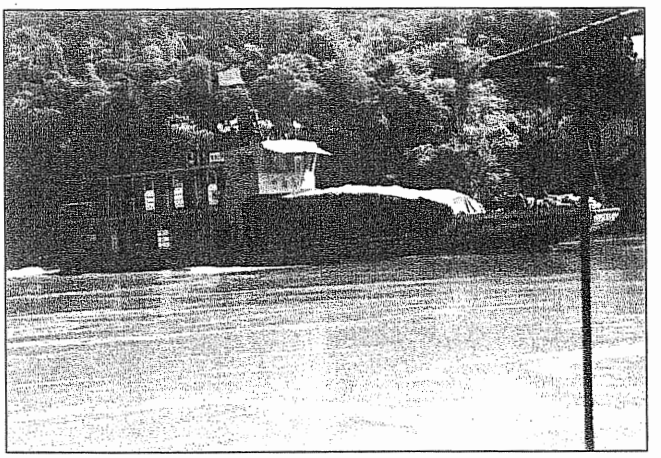

Những con tàu Vân Nam

QUYẾT TÂM CỦA PHÂN BỘ VẬN TẢI LAN THƯƠNG

Sáu giờ 30 sáng, giám đốc Chen, Phân Bộ Vận Tải Lan Thương còn vùi trong giấc ngủ nồng. Cũng do bữa tiệc rượu khoản đãi linh đình của PetroChina đêm qua. Điện thoại nhà, điện thoại tay reo liên hồi nhưng vẫn không đủ sức lay ông dậy. Phải có bà vợ vào đánh thức và đưa điện thoại cho ông.

Không biết tin gì đến từ đầu dây bên kia, chỉ thấy nét mặt ông biến sắc và miệng thì luôn hỏi "Sao? Sao?" Nhưng ngay sau đó, như được dội một gáo nước lạnh, ông tỉnh táo và mặt đanh ngay trở lại.

Thủ trưởng có bản lãnh hay không là lúc này. Mệnh lệnh đầu tiên của ông ban cho các thuộc cấp là "không được loan đi bất cứ một tin tức gì cho tới khi ông có mặt tại hiện trường." Ông có tiếp ngay một ý nghĩ "nếu tai nạn vỡ tàu dầu chỉ xảy ra trên một con sông hoàn toàn nằm trong lãnh thổ Trung Quốc, thì tính khẩn trương và cách ứng xử cứu hộ sẽ rất khác - nhưng đây lại là một con sông quốc tế chảy qua sáu nước với hàng chục triệu cư dân ven sông phần lớn phụ thuộc vào nguồn nước uống từ con sông Lan Thương và kẻ thù đế quốc sẽ không bỏ lỡ bất cứ một cơ hội nào - như họ đã từng làm trong năm 2005 khi xảy ra tấn thảm kịch môi sinh trên sông Tùng Hoa, tỉnh Cát Lâm, để bêu xấu Trung Quốc." Cũng may mà Thế Vận Hội Mùa Hè tháng 08 - 2008 đã diễn ra và qua đi một cách quá tốt đẹp, nếu không...

Từ ý nghĩ ấy, mọi ứng xử của ông cốt sao "bảo vệ cái thể diện" của nước lớn Trung Quốc và đĩ nhiên cả cái chức vụ của ông mà bao nhiêu đồng sự không ngừng ao ước. Và nhiệm vụ khó khăn trước mắt không phải sự vụ hành chánh mà là yêu cầu chánh trị của cả Đảng Ủy Vân Nam, ông Chen không thể phụ lòng tin cậy của họ.

MEKONG IN THE NEWS

Một lớp dầu đen láng trải dài 60 km như một con khủng long trồi lên trên mặt sông từ phía dưới con tàu đắm. Khối chất độc ấy sẽ tiếp tục trôi xuống hạ nguồn qua các thị trấn lớn nhỏ, các vùng thôn quê, qua hai thủ đô nước Lào và Cam Bốt trước khi đi vào hai con sông Tiền và Sông Hậu nơi Đồng Bằng Sông Cửu Long - nơi nào thì cư dân cũng phải sống nhờ vào nguồn nước của con sông này.

Sau tai nạn, Phân Bộ Vận Tải Lan Thương và chánh quyền Vân Nam muốn giấu nhẹm mọi tin tức hoặc nếu bị tiết lộ thì cũng chỉ có tối thiểu thông tin "trong mức kiểm duyệt cho phép." Phải cho dư luận tin rằng số dầu thô bị đổ xuống sông là không đáng kể và giới hữu trách Trung Quốc vẫn hy vọng rằng số 150 tấn dầu thô đổ xuống dòng sông chảy và nước ấm, sẽ rất nhanh tự khuếch tán, tan loãng và phần lớn sẽ táp vào bờ bãi của những khu rừng hoang vắng trước khi chảy qua các khu dân cư. Nhưng sự thể không đơn giản như vậy.

Cảnh Hồng bị cắt nguồn cung cấp nước với lý do nhà máy lọc cần được bảo trì trong hai ngày. Dân chúng hốt hoảng xếp hàng chen chúc với thùng chậu trên tay để tranh hứng phần nước ngọt nhỏ nhoi từ những xe citernes chở nước. Thiếu thông tin chính thức của nhà nước khiến dân chúng hoang mang với những tin đồn đãi và phỏng đoán cả về một trận động đất. Họ không chỉ dự trữ nước ngọt mà còn đổ xô đi mua thực phẩm đang bị đầu cơ và khan hiếm.

Điều mà Phân Bộ Vận Tải Lan Thương và chánh quyền Vân Nam không thể không biết là chỉ một ngày sau khi xảy ra tai nạn, tức là ngày 30 tháng 12, 2008 đã có những tin "không chính thức" của

các nhà hoạt động môi sinh loan tải trên internet về một thảm họa hóa chất trên con sông Mekong phát xuất từ Vân Nam. Tin truyền ra nhanh chóng, với bao nhiêu câu hỏi được nêu ra như: Tại sao không có phòng ngừa trước? Con Khủng Long Hóa Chất ấy rất sớm sẽ trườn ra khỏi Vân Nam, nhưng còn bao nhiêu thị trấn ven sông và bao nhiêu triệu cư dân dưới nguồn sẽ ra sao? Dòng độc chất dầu khí ấy khi tới Đồng Bằng Sông Cửu Long, ngót 20 triệu cư dân Miền Tây với vựa lúa nuôi sống cả nước và rồi cả Tràm Chim Tam Nông như một khu mẫu mực bảo tồn sinh thái Đông Nam Á sẽ trực tiếp chịu thiệt hại như thế nào? Ảnh hưởng tức thời và lâu dài trên người, trên nguồn nước, nguồn cá, trên các đồng ruộng và cây trái sẽ ra sao? Chưa có ai chuẩn bị câu trả lời cho những vấn nạn ấy.

TRỢ GIÚP CỦA LIÊN HIỆP QUỐC VÀ THẾ GIỚI

Sau tấn thảm kịch môi sinh trên sông Tùng Hoa, đây là lần thứ hai Liên Hiệp Quốc đã ngỏ lời sẵn sàng giúp Trung Quốc đương đầu với vụ "đổ tràn dầu khí" rộng lớn ảnh hưởng liên quốc gia này. Nhưng Bắc Kinh, như từ bao giờ vì cái "thể diện," tỏ ra không muốn đáp ứng và cũng không muốn phải chia xẻ thêm thông tin về thảm họa môi sinh vừa xảy ra. Sakharov, giám đốc Phân Bộ Cấp Cứu Môi Sinh / Environment Emergencies Sections có văn phòng đặt tại Genève, đã phát biểu: "Chúng tôi cần những thông tin cơ bản và chính thức từ Trung Quốc nhưng chúng tôi đã không có được." Ngay cả Ủy Hội Sông Mekong có văn phòng ở Vạn Tượng cũng không có được tin tức gì nhiều hơn qua báo chí đã đăng tải.

Không chỉ với Trung Quốc, Sakharov cũng thông báo cho cả năm quốc gia hạ lưu ven sông Mekong về thiện chí của Liên Hiệp Quốc muốn có một lượng giá chuyên nghiệp độc lập và vô tư về thảm họa này để có thể trợ giúp hữu hiệu và cả giảm thiểu ảnh hưởng tác hại môi sinh chắc chắn sẽ lâu dài trên đời sống và sức khỏe của hơn 60 triệu cư dân sống ven sông. "Chúng tôi đã chính thức có lời yêu cầu tới Bắc Kinh và vẫn chờ đợi."

SẼ KIỆN TRUNG QUỐC TRƯỚC TÒA ÁN QUỐC TẾ

Không phải Việt Nam mà là Thái Lan và Cam Bốt đã khá sớm có những tiếng nói bảo vệ môi sinh can đảm. Một viên chức cao cấp Thái cũng là thành viên của TERRA / Towards Ecological Recovery and Regional Alliance có trụ sở tại Bangkok đã nói với phóng viên thông tấn AP là Thái phải cấp thời cần tới hàng 100 tấn than hoạt tính (activated carbon) để đương đầu với dòng độc chất đang đổ xuống từ Vân Nam. "Ngoài ra chúng tôi cũng phải tự chế ra / improvised bất cứ vật liệu nào như bè gỗ, vỏ lốp xe hơi, thùng plastic, vòi rồng cứu hỏa... miễn sao có thể phần nào ngăn chặn hoặc ít ra cũng làm chậm vết dầu loang thêm nữa."

- Chúng tôi, cũng như các nước hạ nguồn khác không hề được chuẩn bị để đương đầu với một thảm họa môi sinh liên quốc gia như hiện nay.

Thật là khó mà lượng định hậu quả của vụ đắm tàu dầu ở Cảnh Hồng nhưng có điều chắc chắn là toàn sinh cảnh và mọi chủng loại cá trên sông Mekong sẽ bị thiệt hại và ô nhiễm nặng.

Văn phòng Thường Trực Bộ Trưởng bốn nước của Ủy Hội Sông Mekong đã ra tuyên cáo với "ngôn từ rất kiềm chế" rằng chánh phủ cả bốn nước Vùng Hạ Lưu "hết sức quan tâm và lo ngại về những hậu quả tức thời và lâu dài của thảm họa môi sinh này" và đồng thời cũng chính thức kêu gọi sự trợ giúp khẩn cấp của cộng đồng quốc tế.

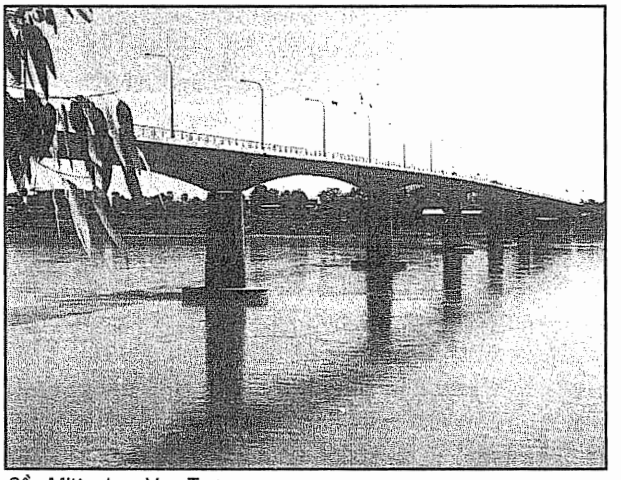
Cầu Mittaphap Vạn Tượng

Có một điều không được tiết lộ là trong buổi họp sơ bộ, họ đã không đạt được sự đồng thuận của cả bốn nước lên án Bắc Kinh và có thể kiện Trung Quốc trước Tòa án Quốc tế yêu cầu phải bồi thường những thiệt hại và cả trách nhiệm "làm sạch môi trường." Và hầu như ai cũng biết là Trung Quốc không bao giờ tự nguyện làm điều ấy.

Trong bài Quan Điểm, đăng tải trên tờ báo tiếng Việt lớn nhất hải ngoại, một ký giả kỳ cựu, vẫn được mệnh danh là "nhà báo của các nhà báo," đã mạnh mẽ chỉ trích chánh phủ Việt Nam

là thiếu sót trong các "tin tức tình báo" về thảm họa môi sinh trên Vân Nam; do sự kiện Hà Nội chỉ được thông báo bốn ngày sau đó. Phản ứng muộn màng trong biến cố này là điển hình tình trạng thiếu hiệu năng của một đất nước toàn trị bưng bít mọi thông tin. Ông cũng cho rằng Hà Nội muốn giới hạn phản ứng để làm vừa lòng quốc gia láng giềng khổng lồ Trung Quốc, đang có những bất bình với Việt Nam về vấn đề lãnh hải trên Biển Đông và hai quần đảo Hoàng Sa Trường Sa.

Như từ bao giờ "Trung Quốc là một vấn đề cấm kỵ và rất nhậy cảm" đối với Bộ Chính Trị Ba Đình. Ở một mức độ nào đó, phê bình chỉ trích nhà nước Việt Nam còn có thể chấp nhận được chứ với Bắc Kinh là tuyệt đối không. Không một cuốn sách hay bài báo nào được phổ biến nếu đụng tới Trung Quốc, đó là "tiêu chí" rất rõ ràng của Tuyên Huấn Đảng.

Trong khi đó, để trả lời sự trách móc của giới truyền thông quốc tế, Trung Quốc thì vẫn khẳng định là mình không làm điều gì sai trái khi chờ tới bốn ngày sau mới ra thông báo chính thức về vụ đắm tàu dầu trên sông Lan Thương. Phát ngôn viên bộ Ngoại giao Trung Quốc bào chữa "Do vì có nhiều mức độ tường trình khác nhau và các giới chức địa phương thì tập trung mọi nỗ lực vào việc cấp cứu." Ông ta tiếp: "Chúng tôi nghĩ rằng đã không chậm trễ cung cấp tin tức và như vậy thì sự than phiền của báo chí là quá sớm."

Giới truyền thông Tây Phương thì cũng không quên nhắc và so sánh với vụ nổ nhà máy hóa chất ở Cát Lâm / Jilin, 3 năm trước [11 / 2005] và cùng với cung cách ứng xử thiếu trách nhiệm của Trung Quốc sau đó.

NGÔ NGUYÊN DŨNG

vô hướng

thác Đại nguyện bờ gió thổi
cồn cào xoáy động Âm tần
sao băng - băng triền núi sỗ
sàng bóng nguyệt tiết xuân phân
ta đi - đi miền cấm phận
thảo mạc Bách đằng hoang vu
ngựa vêu vao gió khánh tận
lũng Thiểm nam rừng thâm u
lộ Thục tam phân vân hướng
sắc chàm ứa Bạch viên sơn
lối chia - chia sầu manh mún
suối Tường khang bêu rếu trơn
mộng réo - réo tầm tay vói
đăng trình tắt nghẽn vực sâu
Thác đổ - đổ vành trắng xoá
đất Việt an xa ngút xa

(tháng 10. 2006)

HAI TUẦN LỄ TỪ CẢNH HỒNG XUỐNG ĐẾN ĐBSCL

Ngót nửa chiều dài sông Mekong 2,000 km nằm trong lãnh thổ Trung Quốc. Ra khỏi Vân Nam, con sông chảy qua năm quốc gia: Miến Điện, Thái Lan, Lào, Cam Bốt và Việt Nam với 2,500 km còn lại.

Vận tốc dòng chảy thì rất biến thiên theo mỗi khúc sông tùy thuộc vào độ dốc, lưu lượng và cả bề rộng của khúc sông ấy. Như gần thủ đô Vạn Tượng, sông Mekong có bề rộng 1 km, độ dốc 1/ 10,000, với lưu lượng 16,000 m3/giây trong mùa mưa và tốc độ dòng chảy tối đa là 3 m/giây [trung bình 2 m/giây]; so với mùa khô lưu lượng chỉ còn 1,000 m3/giây tức là 16 lần thấp hơn và dòng chảy cũng chậm hơn.

Bây giờ là tháng 12, chỉ mới bước vào mùa khô; con sông Mekong chưa hoàn toàn hết vẻ dũng mãnh. Nếu tính vận tốc trung bình là dưới 2 m/ giây, tức khoảng 7 km/giờ thì những mảng dầu ra khỏi Vân Nam sẽ tới ĐBSCL trong vòng hai tuần lễ. Liệu có trở tay kịp không để đối đầu với con khủng long cực độc ấy ?

MỘT CHERNOBYL DẦU KHÍ TRÊN SÔNG MEKONG

Không có chiến lược dự phòng cho an toàn môi trường, cũng không có kế hoạch đối phó cấp thời với thảm họa khi xảy ra, cho dù ai cũng biết những con tàu chở đầy dầu ngược dòng lên Vân Nam là những trái "bom nổ chậm / time bombs" có thể bung kíp bất cứ lúc nào.

Tất cả chỉ nhằm phục vụ cho tăng trưởng kinh tế, bất chấp mọi hậu quả môi sinh, nạn nhân tức thời và trong lâu dài của ô nhiễm môi sinh chính là người dân của Trung Quốc và cả cư dân của

các quốc gia lân bang .

Khi mà Trung Quốc coi mỗi đô la đầu tư vào nghiên cứu bảo vệ môi sinh là một "phí phạm xa xỉ," khi mà các độc chất đã bị cấm ở Mỹ cũng như ở các quốc gia kỹ nghệ phát triển nhưng vẫn cứ được sử dụng rộng rãi ở Trung Quốc thì : đất, khí quyển và nhất là sông ngòi của Trung Quốc ngày càng bị ô nhiễm là điều không thể tránh.

Tấn thảm kịch môi sinh trên con sông Tùng Hoa ở Cát Lâm / Jilin đã từng được báo Le Monde [25-11-2005] đặt tên là "Chernobyl chimique / Chernobyl hóa chất" không chỉ bởi tầm vóc tác hại lớn lao liên quốc gia, nhưng đối với thế giới, tên "Chernobyl" do từ vụ nổ nhà máy nguyên tử ở Nga 1986, là biểu tượng xấu của một chế độ toàn trị luôn luôn che đậy bưng bít thông tin, coi thường an toàn công cộng và cả bất lực cung cấp dịch vụ cấp cứu cơ bản cho người dân khi có lâm nguy.

Thảm kịch môi sinh trên sông Mekong 2008_ nếu xảy ra, sẽ còn là một "Chernobyl chánh trị" đối với Bắc Kinh. Bởi vì khi mà chánh sách bưng bít không còn hiệu quả, để "giới hạn tổn thất" và cả vãn hồi uy tín, rồi ra Trung Quốc sẽ có những màn trình diễn ngoạn mục khác. Theo tin hãng thông tấn Tân Hoa Xã, thì viên giám đốc Phân Bộ Vận Tải Lan Thương đã bị giải nhiệm và chờ ngày ra tòa; cả đến chức vụ Bộ trưởng Bảo vệ Môi sinh cũng bị chính thức thay thế bằng nguyên bộ trưởng Lâm Nghiệp...

VẪN CHƯA HỒI PHỤC 30 NĂM SAU

Thế giới nhất là Mỹ đã không thiếu kinh nghiệm đương đầu với các thảm kịch môi sinh như tai nạn "tràn dầu" xuống sông xuống biển. Vấn đề là phương tiện kỹ thuật và tính khả thi tùy theo hoàn cảnh địa phương.

Một chuyên viên người Mỹ gốc Việt, là tham vấn lâu năm của Cơ Quan Bảo Vệ Môi Trường Mỹ / US Environmental Protection Agency; nhưng cũng rất quan tâm tới vấn đề môi sinh ở Việt Nam. Ngay sau khi Trung Quốc thử nghiệm dùng sông Mekong cho các đoàn tàu chở dầu khí, ông đã có những bài viết cảnh báo về tai nạn tràn dầu trên sông ngòi. Hơn thế nữa, ông còn đưa ra những đề nghị cụ thể là làm sao các nước hạ nguồn Thái, Lào, Cam Bốt và Việt Nam phải có "Kế Hoạch Đáp Ứng Khẩn Cấp Nạn Tràn Dầu / Oil Spill Emergency Response Plan" với hệ thống báo động sớm bằng vệ tinh, với các trạm quan sát, cũng như thiết lập các trạm đề phòng dọc theo sông Mekong với những trang thiết bị cơ giới để ngăn chặn, với các hoạt chất để hấp thu / sorbent materials, và cả những biện pháp tức thời để bảo vệ các bến bãi với tụ điểm dân cư cao. Bài viết của ông ban đầu đã được báo Tuổi Trẻ hào hứng xin đăng nhưng giờ phút chót bị cấm vì có đụng chạm tới Trung Quốc.

Cái tên gọi "Đội Cấp Cứu Trung Quốc Thái Lan" chỉ có trên giấy tờ chứ chưa bao giờ là một hiện thực. Ngay cả có đủ phương tiện để làm công việc "tẩy rửa môi trường" thì cũng đòi hỏi thời gian tính bằng "đơn vị năm," và cả tốn phí hàng "tỉ đô la." Rồi tác hại ngắn và dài hạn trên môi trường sống thì không thể nào mà kể xiết. Tức thời tôm cá và các loại hà sản bị chết hàng loạt, kể cả các loài chim muông hoang dã. Cư dân thì mất nguồn nước uống và cả nguồn nước cho tiện dụng gia cư và trồng trọt hoa màu ven sông. Hết cá hoặc chỉ còn những con cá đã nhiễm độc là mất đi nguồn protein chính của bao nhiêu triệu cư dân hạ nguồn. Kỹ nghệ du lịch cũng chết theo vì không ai muốn tới với một dòng sông nhiễm độc như vậy.

...

Khi sử dụng sông Mekong như thủy lộ chở dầu khí thì một thảm họa môi sinh liên quốc gia có thể xảy ra bất cứ lúc nào với xác xuất không phải là thấp. Trong tình huống ấy, sông Mekong sẽ mất tất cả, điều mà các nhà kinh tế gọi đó là "cái giá trị hiện hữu / existence value" - đó chính là sự sống với nguồn tài nguyên và cả sự thanh khiết từ ngàn năm của con sông Mekong.

10 / 2007

Tham khảo:

1/ China Secret Deal of Shipping Oil Up the Mekong River Raising Concerns
By Marwaan Macan-Markar, Japan Focus, January 20, 2007
2/ China Begins Oil Route Experiment in Mekong, Lim Tai Wei
Nautilus Institute, Policy Forum Online: April 13, 2006
3/ Catastrophe Ecologique en Chine du Nord, Brice Pedroletti Le Monde, 24.11.05
4/ Toxic Flow Reaches Chinese City; Oil Company Blamed, David Lague
International Herald Tribune, Nov 24, 2005
5/ China Defends Handling of Toxic Spill, by Joe McDonald AP Writer, Thu Nov 24, 2005
6/ Russian City in Path of Huge Toxic Spill, Burt Herman Associated Press, Dec 1, 2005
7/ Exxon Valdez Oil Spill, Alaska March 23, 1989
http://Wikipedia.org/wiki/Exxon_Valdez_oil_spill <http://wikipedia.org/wiki/Exxon_Valdez_oil_spill>
8/ Response Techniques, Oil Spills_ US Environmental Protection Agency
<http://www.epa.gov/oilspill/oiltech.htm>

Sổ tay du lịch:
Những Vạn Lý Trường Thành mới?

NGUYỄN GIA KIỂNG

Ba tuần lễ tham quan không cho phép tôi nói về Trung Quốc như một chuyên gia, dù trước đó tôi cũng đã nghiên cứu và suy nghĩ khá nhiều về đất nước này. Tôi chỉ ghi ở đây những cảm nghĩ của một người mới thăm Trung Quốc lần đầu.

Tuy vậy, có một câu nói mà tôi tin là đúng: những ấn tượng đầu tiên thường đúng. Kinh nghiệm cho thấy như vậy, và cũng dễ hiểu. Những cảm nghĩ đầu tiên là những cảm nghĩ của một người còn giữ nguyên vẹn khả năng so sánh, còn có thể quan sát trong toàn cảnh và một cách độc lập, không bị chìm đắm trong những chi tiết. Và nhất là chưa bị bối cảnh khống chế đến độ chấp nhận những giá trị và những điều "hiển nhiên phải như thế" trong cách suy nghĩ của những người trong cuộc. Chúng vừa có sự khách quan của một người ngoài cuộc, vừa có cái mãnh liệt của sự ngạc nhiên. Mọi thực tại đều có lý do hiện hữu của nó. Xã hội Trung Quốc đã sinh hoạt một cách có tổ chức từ ít nhất ba ngàn năm và là một xã hội khá ổn vững, ít nhất về nhân sinh quan và chế độ chính trị, vậy tất nhiên thực trạng Trung Quốc phải có lý của nó. Điều quan trọng là không được chấp nhận cái "lý" này nếu ta muốn phán đoán về nó một cách đúng đắn. Trên cách tiếp cận đó, tôi đã từ chối quan sát và suy nghĩ về Trung Quốc như một người Trung Hoa dù tôi có thể hiểu họ, cũng như tôi vẫn thường cố không suy nghĩ về Việt Nam như một người Việt Nam, dù tôi hiểu tại sao đồng bào tôi lại ứng xử như thế.

Cuộc thăm viếng Trung Quốc của tôi dĩ nhiên là để tìm hiểu đất nước bao la này. Nhưng còn một lý do khác không kém quan trọng, đó là tìm hiểu thêm về đất nước mình và chính mình. Trung Quốc hiện diện một cách áp đảo trong lịch sử, tâm lý và văn hóa Việt Nam. Chúng ta tiếp xúc lần đầu tiên với một nền văn minh thực sự nhờ người Trung Quốc. Họ trực tiếp đô hộ chúng ta trong hơn một ngàn năm và gián tiếp đô hộ chúng ta qua văn hóa trong gần hết phần còn lại của lịch sử. Tư tưởng, thi ca, nghệ thuật của chúng ta đầy những điển tích, nhân vật và địa danh Trung Quốc. Trong ngôn ngữ của chúng ta, hầu hết những khái niệm trừu tượng là mượn của tiếng Trung Hoa. Chính sách mà nhà cầm quyền cộng sản Việt Nam đang theo đuổi cũng rập khuôn theo Trung Quốc và trái ngược với trào lưu chung của thế giới. Chính vì vậy mà chúng ta khó có thể hiểu rõ đất nước mình nếu không hiểu khá rõ Trung Quốc. Tôi đã đầu tư khá nhiều thời giờ để học hỏi về Trung Quốc và đến đây trong một cố gắng tìm những sự kiện phản bác những gì mình cho là đã biết hoặc hiểu về đất nước này.

Nhận xét đầu tiên của tôi là Trung Quốc rất biệt lập với thế giới bên ngoài. Không thể tìm thấy một cuốn sách, một tạp chí hay một tờ báo nước ngoài nào trong các nhà sách hay sạp báo. Trong suốt ba tuần lễ tôi chưa gặp được một người Trung Hoa biết nói một ngôn ngữ nào ngoài tiếng Trung Quốc, trừ một vài hướng dẫn viên du lịch và nhân viên phi trường. Đoàn của chúng tôi hơn mười người, nửa Pháp nửa Việt, đi theo một chương trình do chúng tôi tự sắp đặt. Chúng tôi đã biết trước là rất khó tìm được những người Trung Quốc biết ngoại ngữ và đã thuê trước những hướng dẫn viên thạo tiếng Việt, nhưng chúng tôi không thể ngờ người Trung Quốc kém ngoại ngữ đến mức độ đó. Ngay trong những khách sạn dành cho du khách mà chúng tôi đi qua không có bất cứ ai, kể cả các tiếp viên và ban quản lý, biết một chữ tiếng Anh nào (đừng nói những ngôn ngữ phương Tây khác). Tôi cũng không tìm ra những quán café-internet, mặc dù chúng tôi luôn luôn ở những khu trung tâm náo nhiệt nhất. Tôi vẫn biết Trung Quốc là một nước đóng kín nhưng không thể ngờ là họ ít tiếp xúc với thế giới bên ngoài đến mức độ đó. Trừ tôi, tất cả những bạn trong đoàn đều đã thăm viếng Việt Nam gần đây. Họ đều đồng ý là về điểm này Việt Nam và Trung Quốc khác hẳn nhau. Mặt khác, tôi cũng lưu ý là chỉ có rất ít du khách đến từ nước ngoài. Cho tới nay du lịch Trung

Quốc chủ yếu là du lịch nội địa. Vài ngày trước khi lên đường đi Trung Quốc, tôi có đọc trên một tạp chí Mỹ một chương trình dạy tiếng Anh cho 175 triệu người, nghĩa là 12% dân số Trung Quốc. Chương trình này hình như chưa khởi sự.

Mỗi ngôn ngữ đều chuyên chở một lịch sử và một cách suy nghĩ. Người Trung Quốc chỉ biết một ngôn ngữ của họ. Cách suy nghĩ của họ sẽ không thay đổi bao nhiêu trong một tương lai gần. Người Trung Quốc có thể làm việc một cách khác nhưng họ sẽ vẫn tiếp tục suy nghĩ như trước trong một thời gian dài. Nhận xét này khiến tôi tự hỏi logic nào đã khiến cho những người lãnh đạo cộng sản Việt Nam trong cố gắng đổi mới lại chọn bắt chước Trung Quốc, một quốc gia chưa thể đổi mới thực sự?

Điều ngạc nhiên thứ hai của tôi là người Trung Quốc rất trẻ. Trong tất cả những thành phố mà chúng tôi đi qua chỉ thấy những thanh thiếu niên, từ 15 đến 30 tuổi, và trẻ em. Tất cả những người bạn cùng đi với tôi đều khẳng định người Trung Quốc trẻ hơn người Việt Nam nhiều. Rất khó mà gặp ở ngoài đường, trong khách sạn, những nhà hàng hay những cửa hiệu một người mà tôi có thể đoán là ngoài 50 tuổi. Vậy những người đứng tuổi và những người già ở đâu? Họ tập trung ở những công viên, tập thái cực quyền, từng toán từ 20 đến 30 người. Một cảnh ngộ nghĩnh thường gặp là có những người ngồi ghế công viên đánh đàn và hát một mình. Ai thích thì đứng lại nghe, người hát hoàn toàn không có vẻ bị làm phiền hay được khuyến khích. Nhưng nếu kể cả trong những người già trong các công viên, và ước lượng một cách rộng rãi, thì số lượng của họ cũng không đáng kể so với thanh thiếu niên. Sự trẻ trung của người Trung Quốc là một trong những hiện tượng làm tôi bối rối nhất trong cuộc thăm viếng này. Tôi được biết là từ gần nửa thế kỷ nay chính quyền Trung Quốc thi hành triệt để chính sách "mỗi gia đình một đứa con duy nhất." Một người bạn Trung Quốc của tôi gọi là chính sách 421, nghĩa là bốn ông bà, hai cha mẹ, một đứa con. Nếu đúng như thế thì dân số Trung Quốc đã phải giảm đi rất nhanh chóng và tuổi trung bình của người Trung Quốc phải cao chứ không thể trẻ, quá trẻ, như vậy được. Như vậy cả chính sách một con lẫn cái tuổi thọ trung bình 71, theo thống kê chính thức, đều rất xa sự thực.

Về chính sách một con, tôi có dịp trò chuyện với một anh hướng dẫn viên. Anh này cười nói với tôi là đã có hai con gái và còn muốn có thêm một con trai như hầu hết mọi người Trung Quốc. Anh ta là công chức như hầu hết mọi nhân viên các công ty du lịch, nếu bị phát giác là có quá một con sẽ bị đuổi việc và mất hết mọi quyền lợi. Vợ anh ta về nhà quê đẻ đứa con thứ hai, chính quyền địa phương không làm khó dễ, coi như không biết đến việc chị ấy đẻ con, một thời gian sau chị ấy bồng con về thành phố sống bình thường, không ai thắc mắc chuyện họ có hai đứa bé trong nhà. Thế còn đến lúc cháu bé phải đi học? Cũng không sao vì nhà trường chỉ đòi hỏi khai qua loa. Tại cơ quan, ông giám đốc dù biết anh ta có hai con cũng làm như không biết. Nói chung, về điểm này, cả xã hội sống trong sự giả dối.

Tôi có hỏi về cuộc sống của những người già. Anh ta nói tùy trường hợp. Ban ngày họ ra công viên sống với các bạn cùng tuổi và ăn trưa với nhau, nếu thuận với con cháu thì về sớm nấu cơm cho các cháu, nếu không thì tối mịt mới về, ăn uống cho xong rồi đi ngủ. Còn nếu yếu quá không đi ra công viên được nữa? Hay nếu ban ngày mệt mỏi muốn nằm nghỉ? Anh hướng dẫn của tôi trả lời bằng một nụ cười. Hình như chưa ai hỏi anh như vậy.

Tôi từng đọc nhiều bài và sách nhận định rằng "phát triển của Trung Quốc chỉ có bề mặt chứ không có chiều sâu." Ngay ngày đầu tiên tới đây tôi ý thức rằng câu nói này phải được hiểu theo cả nghĩa đen của nó. Các khách sạn dù là cao nhiều chục tầng đều không có các tầng hầm. Tuyệt đối không có bãi đậu xe dưới mặt đất. Không cần cố gắng lắm cũng có thể suy ra rằng hệ thống cống rãnh thoát nước được đơn giản hóa tới mức tối đa, nếu có.

Trên máy bay từ Tây An về Côn Minh, tôi đọc trên tờ China Daily, tờ nhật báo duy nhất bằng ngoại ngữ tại Trung Quốc, dĩ nhiên là báo nhà nước và cũng chỉ tìm thấy trên máy bay: 278 thành phố, 5.000 thị xã và 20.000 thị trấn hoàn toàn không có hệ thống xử lý nước thải. Một trong những hậu quả thấy được của sự kiện "phát triển bề mặt mà không có bề sâu" này là kẹt xe. Dù trong những thành phố giàu có nhất, nếu kể cả ngoại thành, số hộ có xe hơi mới chỉ ở mức 30% (riêng ở thành phố Quảng Châu, thành phố giàu có nhất Trung Quốc, hơn cả Thượng Hải và Thẩm Quyến, tỷ lệ này là 50%), giao thông đã kẹt cứng hầu như suốt ngày. Lý do đầu tiên là vì các xe đều phải đậu trên mặt đất và choán lề đường. Lý do kế tiếp là vì các thành phố Trung Quốc chủ yếu chỉ có những đại lộ rất rộng ở khá xa nhau và rất thiếu những đường

nhỏ cho phép đi tắt. Do đó có thể xe phải chạy một lộ trình dài gấp nhiều lần khoảng cách theo đường chim bay giữa điểm đi và điểm tới. Sự thiếu hệ thống thoát nước thải có lẽ không có trách nhiệm về tình trạng dơ bẩn và hôi thối của các cầu tiêu. Các anh hướng dẫn viên nói đùa rằng đây là hương vị quốc hồn quốc túy của Trung Quốc. Trừ những ngoại lệ rất hiếm hoi, các WC không có giấy vệ sinh.

Nói đến hệ thống thoát nước là đã đề cập đến vấn đề môi trường. Một lần nữa không gì bằng đến tận nơi và nhìn tận mắt. Cả thế giới biết rằng Trung Quốc đang có vấn đề môi trường nghiêm trọng. Một mặt miền Bắc Trung Quốc đang dần dần bị sa mạc hóa và rất thiếu nước, lượng nước để sử dụng cho mỗi người Trung Quốc chỉ bằng từ 10 đến 15% mức trung bình thế giới. Mặt khác, chính sách phát triển kinh tế bất chấp môi sinh, xây ồ ạt các nhà máy, không xử lý nước thải và phế liệu, sử dụng tối đa phân hóa học đã khiến toàn bộ sông ngòi và các mạch nước ngầm bị nhiễm độc.

Những thống kê tôi đã đọc cho biết 2/3 dân chúng Trung Quốc không có nước sạch để uống. Khi đến nơi tôi nhận ra rằng con số này rất sai. Sự thực là toàn dân Trung Quốc, có lẽ trừ một thiểu số không đáng kể ở miền Tây ngay thượng nguồn các dòng sông, đều không có nước uống được. Tất cả mọi người Trung Quốc đều quả quyết điều này. Họ phải uống nước đã được đun sôi. Các hướng dẫn viên khuyên chúng tôi đừng đánh răng bằng nước máy. Nhưng đun sôi chắc chắn không phải là giải pháp, bởi vì các hóa chất độc vẫn còn nguyên vẹn. Thật khó tưởng tượng một khối một tỷ rưỡi người không còn nước sạch.

Một điều khó tưởng tượng khác mà tôi nhận ra khi đến đây và không hiểu tại sao các tài liệu không nhấn mạnh là mặt trời không còn mọc trên Trung Quốc. Ngay cả trong những ngày nóng nực, người ta biết là mặt trời ở đâu đó trên đầu mình nhưng không thể nhìn thấy, bởi vì nó bị cả một khối hơi vàng đục che khuất. Tôi hỏi cả bốn anh hướng dẫn viên của tôi, họ đều trả lời đó là vì khí thải của các nhà máy. Đã bao giờ nhìn thấy mặt trời chưa? Một anh đáp không nhớ. Các anh khác lắc đầu. Chính sách đổi mới kinh tế đã giúp người Trung Hoa đủ ăn và đủ mặc nhưng đã cướp mất của họ hai tài sản quí báu hơn nhiều: nước và không khí. Một tài liệu của Liên Hiệp Quốc cho biết chính quyền Trung Quốc đã bỏ ra một ngân khoản 5 tỷ USD để cứu con sông Dương Tử. Chương trình này được khởi sự năm 2002 và vừa chấm dứt sau khi số tiền đã tiêu hết với kết luận: không thể cứu được sông Dương Tử, nước sẽ ngày càng độc hơn và mọi sự sống sinh vật sẽ chấm dứt trên dòng sông này trong vài năm nữa. Dĩ nhiên nếu nhanh chóng thiết lập hệ thống xử lý nước thải một cách nghiêm chỉnh cho tất cả mọi nhà máy, hay nếu đóng cửa các nhà máy, trên lưu vực thì trong một vài năm nước sông Dương Tử sẽ sạch trở lại, nhưng như thế kinh tế sẽ phá sản và Trung Quốc sẽ rơi vào bạo loạn. Nhiều chuyên viên về Trung Quốc đã khẳng định rằng tất cả những thành tựu kinh tế của 30 năm hiện đại hóa nếu qui ra tiền thì cũng không đủ để sửa chữa những tàn phá gây ra cho môi trường trong cùng thời gian. Phải đến đây mới thấy rằng họ nói đúng.

Sự tàn phá môi trường không phải chỉ do chính sách mà còn do sự ngu xuẩn của những người lãnh đạo. Một thí dụ là hồ Điền Trì ở Côn Minh (Vân Nam) mà tôi đã thấy khi thăm thắng cảnh Tây Sơn Long Môn. Hồ này là cả một kỳ quan của thiên nhiên. Nó rộng 320 km2, trên cao độ 2.000 m. Ba mươi năm trước chính quyền đã cho xây dựng trên bờ hồ một số nhà máy hóa chất. Chỉ vài năm sau khi các nhà máy này bắt đầu hoạt động nước hồ bị nhiễm độc hoàn toàn. Người ta nhận ra và hốt hoảng gỡ bỏ các nhà máy, nhưng đã quá trễ, các chuyên gia ước lượng phải 50 năm nữa nước hồ mới trở lại tình trạng bình thường. Hiện nay vẫn còn một lớp váng xanh dầy bao phủ mặt hồ.

Sự hủy hoại môi trường, và chính đất nước Trung Quốc, có thể ngăn chặn và đảo ngược được không? Tôi nghĩ là không dưới chế độ này. Một tỷ lệ tăng trưởng kinh tế cao là sự chính đáng duy nhất của chế độ vì thế nó phải được duy trì bằng mọi giá. Họ không thể đóng cửa những nhà máy gây ô nhiễm, cũng không thể bắt buộc các nhà máy phải có hệ thống xử lý chất thải vì như thế giá thành của hàng Trung Quốc sẽ tăng vọt và xuất khẩu sẽ sụp đổ. Và họ cũng không thể ngừng xây dựng các nhà máy, kể cả những nhà máy phát điện chạy bằng than đá, vì như thế đà tăng trưởng sẽ khựng lại ngay. Trên thực tế họ đang dự trù xây dựng thêm hàng trăm nhà máy phát điện chạy bằng than đá khác dù chúng là nguyên nhân ô nhiễm chính. Chế độ Trung Quốc đã đi vào logic tự sát, nó sẽ phải tiếp tục tàn phá môi trường. Thay đổi sẽ chỉ đến khi người Trung Quốc thấy rằng họ không thể sống được nữa với tình trạng ô nhiễm này. Trong

lịch sử của họ người Trung Quốc đã chỉ nổi dậy khi họ bị dồn vào chỗ chết. Lần này có thể họ sẽ chỉ phản ứng khi đã quá trễ để Trung Quốc còn có thể có một tương lai đúng nghĩa.

Và làm sao người Trung Quốc có thể sống với nước và không khí ô nhiễm đến mức độ như vậy và còn đang tiếp tục ô nhiễm hơn? Điều này có thể giải thích tại sao người Trung Quốc trẻ như vậy. Họ không thể sống thọ.

Tôi đã từng nghe nói tới một khối từ 100 đến 200 triệu người Trung Hoa từ nông thôn ra các thành phố lớn sống lang thang bằng những công việc chân tay tạm bợ. Tôi mới chỉ có dịp tiếp xúc rất giới hạn với họ. Tại nhà ga Bắc Kinh. Trước nhà ga, trên quảng trường dài khoảng một kilômét và rộng trên 200 mét, chen chúc những con người. Họ đi lại, nằm và ngủ la liệt bên cạnh những gói hành lý. Người đông và chật đến độ phải chen lấn mới vào được nhà ga. Cả đoàn chúng tôi chỉ sợ lạc nhau, không ai nghĩ tới chụp ảnh. Tôi chưa bao giờ thấy một đám đông như thế. Buổi sáng chúng tôi tới nhà ga Tây An và cũng thấy một đám đông ghê gớm, dù không thể so sánh được với Bắc Kinh. Tây An cũng đang phát triển mạnh và người ta cũng đổ xô về đây tìm việc làm.

Chúng tôi đi đường sắt ba lần, Bắc Kinh-Tây An, Côn Minh-Quảng Châu và Quảng Châu-Hàng Châu. Tất cả đều là những tuyến đường rất dài, trên 12 giờ. Chặng đường Côn Minh-Quảng Châu kéo dài 18 giờ. Những chặng đường dài đó cho phép tôi nhận xét nông thôn Trung Quốc còn rất nghèo, đồng thời cũng cho thấy sự chênh lệch giàu nghèo giữa miền Đông và miền Tây, giữa miền Nam và miền Bắc. Ngay tại miền Nam, giàu có hơn hẳn so với miền Bắc, đồng quê Trung Quốc cũng còn tiều tụy hơn hẳn những làng tại Pháp đã bị bỏ rơi từ một nửa thế kỷ qua. Điều này chứng tỏ rằng trong chiều sâu Trung Quốc còn chậm hơn châu Âu ít nhất một thế kỷ.

Sự phồn vinh của Trung Quốc chỉ tập trung trong một số thành phố lớn: Bắc Kinh, Tây An, Trùng Khánh, Côn Minh, Quảng Châu, Thẩm Quyến, Thượng Hải... Và như trên đã nói, nó chỉ có bề mặt chứ không có chiều sâu, xây dựng dưới lòng đất quá tốn kém, không đem lại lợi nhuận trước mắt, lại không phơi bày được sự hào nhoáng. Phải nói thêm là nó cũng chỉ có bề ngoài chứ không có bề trong. Tôi đã cố gắng để ước lượng bề dầy của nó. Ngay tại những khu rất sang, chỉ cần đi vào các đường hẻm - mà tiếng Trung Quốc gọi là *hutong* (hồ đồng) - là đã có thể nhìn thấy sự nghèo khổ. Ấn tượng khá mạnh vì, khác với Việt Nam, sự nghèo khổ đi đôi với dơ bẩn và hôi hám.

Những gì tôi viết trên đây có thể cho cảm giác một bức tranh đen tối về Trung Quốc. Không hẳn như vậy. Có những nơi tuyệt đẹp. Thạch Lâm (Vân Nam) xứng đáng là "thiên hạ đệ nhất kỳ quan." Quế Lâm đẹp hơn mọi thành phố trên thế giới, rất sang và cũng rất sạch, bên cạnh dòng sông Lý Giang thơ mộng (rất tiếc là đang cạn dần nước, cũng như sông Châu Giang mà nó đổ vào). Quế Lâm không đẹp đến độ gây sửng sốt như Thạch Lâm, nhưng rộng hơn và thơ mộng hơn. Quế Lâm giống như một Hoa Lư phóng đại ở tỷ lệ Trung Quốc/Việt Nam. Nguyên soái Trần Nghị, có lúc làm bộ trưởng ngoại giao, từng nói đã tới Quế Lâm rồi thì cũng không cần mơ tới chốn thần tiên nữa. Tôi chia sẻ cảm giác này. Ai đến Quế Lâm mà không đi du thuyền trên dòng Lý Giang từ Quế Lâm tới Dương Sóc thì quả là một sai lầm, cảnh đẹp ở đây chỉ có thể nhìn và ngưỡng mộ chứ không thể tả. Trên bờ sông này có núi Phục Ba thờ Mã Viện, danh tướng Hán có tước hiệu Phục Ba Tướng Quân, người đã đánh bại cuộc nổi dậy của Hai Bà Trưng và áp đặt ách đô hộ trong gần một ngàn năm của Trung Quốc trên nước ta. Quế Lâm như vậy có một ý nghĩa biểu tượng của sự thống trị của Trung Quốc đối với Việt Nam. Đó cũng là nơi mà năm 1948 Đảng Cộng Sản Việt Nam đã chọn để gửi một ngàn thiếu niên ở lứa tuổi từ 10 đến 15 để đào tạo thành những đảng viên cốt lõi; nhiều người sau này trở thành những cấp lãnh đạo cao cấp, trong đó có ông Trần Đình Hoan, ủy viên bộ chính trị, trưởng ban tổ chức trung ương đảng. Một sự tình cờ có ý nghĩa.

Từ Côn Minh tới Quảng Châu, đường sắt nhiều đoạn đi song song với dòng sông Việt Giang, con sông lớn thứ ba của Trung Quốc. Con sông này đã là nguyên nhân khiến nước ta mang tên Việt, bởi vì người Trung Hoa gọi gộp tất cả những dân tộc phía Nam cách khá xa sông Dương Tử, nơi có sông Việt Giang, là Bách Việt. Những dân tộc này nói chung là những dân tộc ở Nam Hoa và hầu như không có liên hệ chủng tộc nào với chúng ta trước khi người Trung Quốc áp đặt sự thống trị của họ. Một cách ngộ nghĩnh, dân tộc Việt duy nhất còn lại không phải là Việt theo nghĩa ban đầu của người Trung Hoa. Chỉ còn rất ít người biết đến tên Việt Giang. Con sông này mang nhiều tên qua các tỉnh khác nhau. Ở Vân Nam nó mang tên Bàn Long Giang, sang tỉnh Quảng Tây trở thành Ung Giang, vào Quảng Đông nó thành Hương Giang, từ Quảng Đông ra biển nó mang

tên Châu Giang. Ngày nay người ta thường biết tới nó như là Châu Giang, do tầm quan trọng kinh tế áp đảo của khu vực Quảng Châu, Thẩm Quyến, Hồng Kông, Chu Hải.

Chuyến đi này cũng đã cho phép tôi đến những địa danh và dấu tích của những nhân vật đã hiện diện một cách mạnh mẽ trong lịch sử và văn học nước ta, và đã phần nào nuôi dưỡng trí tưởng tượng của tôi trong tuổi thiếu thời. Cung cấm Bắc Kinh, Vạn Lý Trường Thành, Tần Thủy Hoàng, Võ Tắc Thiên, Đường Cao Tông, Huyền Trang, Đường Minh Hoàng, Dương Quý Phi, v.v. Tôi cũng đã đi dạo thuyền trên Tây Hồ để nhớ đến Tây Thi, và thăm lăng Triệu Văn Vương (tức Triệu Hồ, cháu nội Vũ Vương Triệu Đà). Lăng này được coi là một trong những khám phá khảo cổ quan trọng nhất của Trung Quốc. Nó còn nguyên vẹn và ngày nay một viện bảo tàng lớn được xây dựng ngay trên ngôi mộ, trưng bày hàng chục ngàn di vật được chôn theo vị vua thứ hai của nước Nam Việt, cùng với di cốt của 15 người, trong đó có hoàng hậu và bốn cung nữ, bị chôn theo để tháp tùng hầu hạ vua trong thế giới bên kia.

Từ trước vẫn có một cuộc tranh luận chung quanh câu hỏi: nhà Triệu có phải là một dòng vua Việt Nam không? Đại Việt Sử Ký Toàn Thư coi nhà Triệu là một dòng vua Việt Nam, Nguyễn Trãi cũng nghĩ như thế khi ông viết trong Bình Ngô Đại Cáo: "Từ Triệu, Đinh, Lý, Trần dựng ra nước ta..." Một số sử gia lại chỉ coi nhà Triệu như một ngoại bang thống trị. Cho tới nay tôi không có ý kiến trong cuộc tranh luận này, nhưng sau khi thăm viếng ngôi mộ này và những di vật của nó, tôi thiên về lập trường thứ hai. Tất cả mọi dấu hiệu cho thấy nhà Triệu thuần túy là một triều đình Trung Quốc. Vả lại, bản đồ nước Nam Việt được các nhà sử học vẽ lại và trưng bày trong viện bảo tàng cũng chỉ gồm có hai tỉnh Quảng Tây, Quảng Đông và một phần rất nhỏ của miền Bắc nước ta ven vịnh Hạ Long. Sử Việt Nam cũng không chép lại được một việc gì nhà Triệu đã làm trên nước ta, dù họ kéo dài một thế kỷ. Nhận định thực tế nhất có lẽ là Nam Việt chỉ là một vương quốc tự trị ở Quảng Tây, Quảng Đông có uy quyền trên một phần nhỏ của Bắc Việt mà thôi.

Có một nét đặc trưng nổi bật trong suốt dòng lịch sử Trung Quốc và vẫn còn rõ rệt ngày nay, đó là người Trung Hoa có khuynh hướng lấy lượng để thay thế cho phẩm, lấy sự to lớn thay thế cho sự sáng tạo, lấy số nhiều tạo ấn tượng cho sự độc đáo. Các nhà trong các cung điện không khác gì nhau, chúng chỉ gây ấn tượng vì số lượng. Ngày nay người Trung Quốc hình như vẫn giữ tâm lý đó. Họ phát triển về lượng hơn là về phẩm. Khác với Ấn Độ, kinh tế Trung Quốc tập trung vào những sản phẩm kỹ thuật thấp. Kinh tế Trung Quốc tăng trưởng mạnh nhờ xuất khẩu nhiều chứ không phải nhờ xuất khẩu những mặt hàng đắt giá. Và họ dùng tiền thu được của xuất khẩu để mua những mặt hàng có giá trị khoa học kỹ thuật cao. Họ phải xuất khẩu một tỷ áo sơ mi để mua vào một máy bay Airbus 380. Cũng vẫn một công thức.

Tôi cũng đến Trung Quốc để nhận định về mô hình phát triển Trung Quốc vì đó là mô hình mà đảng cộng sản Việt Nam đang cố bắt chước.

Cho tới nay Trung Quốc luôn luôn hóa giải những dự đoán bi quan về họ. Đã có rất nhiều chuyên gia quả quyết Trung Quốc sẽ lâm vào bế tắc và phá sản. Họ là những chuyên gia thượng thặng, lý luận của họ rất vững chắc và không thể sai, nhưng Trung Quốc vẫn tiếp tục tăng trưởng hơn 10% mỗi năm và ngày càng tỏ ra giàu đẹp hơn. Có một bí mật nào đó cần được giải thích. Trong chuyến viếng thăm này, tôi có cảm tưởng đã nắm bắt được phần đầu của câu trả lời: Trung Quốc còn một dự trữ khổng lồ của một khối người nghèo khổ siêng năng và cần mẫn, sẵn sàng chấp nhận tất cả. Trung Quốc vẫn còn có thể tiếp tục như hiện nay - nghĩa là khai thác và xuất khẩu sự nghèo khổ- khá lâu, rất lâu. Với cái giá mà đại đa số người Trung Quốc sẽ phải trả. Họ sẽ phải sống rất cực nhọc và sẽ không sống thọ với nước và không khí rất ô nhiễm và ngày càng ô nhiễm hơn.

Một cái giá khác là Trung Quốc sẽ định cư trong sự thua kém trong một thế giới đã đi vào kỷ nguyên văn minh tri thức, trong đó ý kiến và sáng kiến quyết định chỗ đứng của các dân tộc. Nhưng ý kiến và sáng kiến chỉ phát triển trong những xã hội tự do, nơi con người liên tục từ chối hiện tại để đổi mới và vươn lên. Tôi không thảo luận những vấn đề chính trị và xã hội với những người bạn Trung Quốc của tôi. Qua ánh mắt họ tôi biết trước họ không có gì để nói. Tôi có thói quen quan sát một dân tộc qua cái nhìn và thái độ của họ. Cái nhìn của những người Trung Quốc là cái nhìn của những người sống bên lề cuộc đời, thái độ của họ là thái độ nhẫn nhục và chịu đựng. Họ không đòi hỏi và chờ đợi gì ở đất nước họ. Chắc chắn họ cũng không đặt vấn đề về cái trở thành của Trung Quốc. Không cần biết tới hay vì mặc cảm bất lực? Các hướng dẫn viên của tôi đều quả quyết

nếu được ra nước ngoài sinh sống thì người Trung Quốc nào cũng đi. Như vậy họ cũng biết một cái gì đó mà không nói ra, như tập quán của ông cha họ. Trong khu mộ Tần Thủy Hoàng ở Tây An tôi đã xem những bức tranh cổ được tái tạo để ghi lại cảnh xây lăng. Một người vì kiệt lực đánh rơi tảng đá đang vác trên vai và lập tức bị chém. Một thanh niên phục xuống lạy cha bị đem đi chôn sống vì đã đến tuổi 60 và bị coi như không còn sức lao động. Người Trung Quốc chấp nhận tất cả. Khi các vua chúa đày đọa họ, họ coi là số phận. Khi các vua chúa để họ sống, họ mang ơn. Các triều đại Nguyên và Thanh đã kéo dài rất lâu và đã chỉ bị sụp đổ, như mọi triều đại thuần túy Trung Quốc khác, vì quá suy đồi và đẩy dân vào chỗ chết chứ không phải vì là những chế độ thống trị ngoại bang. Cuộc cách mạng cộng sản đã là một ngoại lệ, nhờ Thế Chiến 2. Tinh thần dân tộc hoàn toàn không phải là một đặc tính của người Trung Quốc. Trung Quốc là thiên hạ, là thế giới, hơn là một nước. Việc nước là việc của thiên hạ. Hơn nữa đa số người Trung Quốc hiện còn có vẻ cảm ơn đảng cộng sản đã nới lỏng dây trói cho họ. Điều này tôi nhận thấy rất rõ trong những con người ở mọi nơi tôi đã đi qua. Nguyện vọng dân chủ của họ còn rất yếu, có lẽ vì dân chủ cũng chỉ được nhìn như là một vấn đề của thiên hạ. Như vậy chế độ độc tài đảng trị của Trung Quốc sẽ còn có thể kéo dài rất lâu. Những người đấu tranh cho dân chủ còn cô đơn hơn những người dân chủ Việt Nam. Một tỷ rưỡi người Trung Quốc chỉ là một tỷ rưỡi người cô đơn và cam chịu. Điểm khác biệt căn bản giữa Trung Quốc và Việt Nam là tại Trung Quốc những biện pháp nới lỏng đến từ lãnh đạo, tại Việt Nam chúng đến từ áp lực quần chúng.

Trong cách nhìn của họ, đảng trước nước sau, những người lãnh đạo cộng sản Việt Nam đã có lý khi gắn bó chế độ của họ với Trung Quốc, Trung Quốc quả là một chỗ dựa rất vững chắc. Dân chủ và tự do chỉ có thể từ Việt Nam ảnh hưởng vào Trung Quốc chứ không thể từ Trung Quốc lan tới Việt Nam.

Trong những ngày cuối cùng chúng tôi thăm viếng Hàng Châu, Tô Châu và Thượng Hải. Hàng Châu và Tô Châu tuyệt đẹp. Tô Châu có chùa Hàn San, nổi tiếng qua bài thơ Phong Kiều Dạ Bạc của Trương Kế. Người Trung Quốc có câu "chưa tới Bắc Kinh chưa thấy chức mình nhỏ, chưa tới Hàng Châu chưa thấy vợ mình xấu, chưa tới Thượng Hải chưa thấy nhà mình thấp." Bắc Kinh là nơi tập trung những quan chức cao cấp từ nhiều thế kỷ nay. Phụ nữ Hàng Châu và Tô Châu quả là rất đẹp.

Còn Thượng Hải? Đó đúng là thành phố của những nhà chọc trời. Có hơn 1.600 cao ốc trên 40 tầng. Đi thuyền trên dòng sông Hoàng Phố về đêm là một bắt buộc đối với mọi người thăm Trung Quốc lần đầu. Tráng lệ. Thượng Hải đồ sộ hơn hẳn New York.

Thượng Hải, theo lời những người bạn Trung Quốc của tôi, là điều mà Trung Quốc muốn chứng tỏ với thế giới họ có thể làm. Đúng vậy. Người Trung Quốc đã chứng tỏ họ có thể làm những điều khó tưởng tượng. Họ đã xây Vạn Lý Trường Thành, lăng Tần Thủy Hoàng, lăng Võ Tắc Thiên, Minh Thành Tây An, Cấm Thành Bắc Kinh, Lâu Đài Mùa Hạ v.v. Tất cả đã làm kiệt quệ Trung Quốc, như những kim tự tháp đã làm kiệt quệ Ai Cập. Thượng Hải, Thẩm Quyến và những kiến trúc vĩ đại tại Bắc Kinh, Tây An, Côn Minh, Quảng Châu có thể chỉ là những Vạn Lý Trường Thành mới. Phải lo hơn là mừng cho người Trung Quốc.

Dĩ nhiên tôi cũng muốn đo lường nguy cơ lấn chiếm của Trung Quốc tại vùng biên giới với nước ta. Cảm nghĩ rất rõ rệt của tôi là nguy cơ này hoàn toàn không thể có nếu chúng ta có được một chính quyền khá. Người dân trong cả hai tỉnh giáp ranh với Việt Nam, Vân Nam và Quảng Tây, đều không gắn bó với Bắc Kinh, và với Trung Quốc nói chung. Trong thế kỷ 19 họ đã chiến đấu quyết liệt để ly khai với kết quả là hơn 70% dân chúng bị tàn sát. Ngày nay nguyện vọng chính của họ cũng vẫn chỉ là một mức độ tự trị lớn hơn, độc lập nếu có thể được. Vả lại hiện nay Vân Nam đã có rất nhiều khu tự trị sắc tộc, Quảng Tây đã là một tỉnh tự trị. Người dân trong cả hai tỉnh này đều có thiện cảm đối với Việt Nam, rất nhiều người nói được tiếng Việt. Nếu Việt Nam có được một chính quyền sáng suốt thì không có gì phải lo ngại Trung Quốc cả, nhưng đây là một chữ NẾU khá lớn.

Một cách tình cờ, tôi đã gặp một nhóm viên chức Việt Nam tại Bắc Kinh tham dự một hội nghị. Chúng tôi đã thảo luận về mô hình Trung Quốc và đồng ý là mô hình này chắc chắn dẫn tới thảm kịch. Tất cả vấn đề là lúc nào và như thế nào. Những anh chị em này đều khẳng định là Việt Nam đang làm một điều rất dại dột là cóp nhặt mô hình Trung Quốc. Nhưng họ lại nhận định là không thể có hướng đi khác dưới chế độ này, dù họ là những viên chức của chế độ.

Và khi qua câu chuyện họ biết tôi là tác giả cuốn Tổ Quốc Ăn Năn thì không khí thay đổi hẳn. Chúng tôi thực sự là anh em./.

LẠM DỤNG MÔI TRƯỜNG:
MỘT BƯỚC ĐƯA ĐẾN BẤT ỔN CHÍNH TRỊ

MAI THANH TRUYẾT

Theo tin tức mới nhất trong 6 tháng đầu năm 2007, Trung Quốc đã có mức phát triển vượt bực là 9,0%. Như vậy, trong vòng 10 năm trở lại dây TQ đã tăng vọt mức phát triển đều đặn từ 8% trở lên, nâng lợi tức đầu người hiện nay lên đến khoảng 1.470 Mỹ kim hàng năm. Từ kết quả nầy, một số nhận định trên nhiều góc độ khác nhau phản chiếu lên nhiều lãnh vực kinh tế- chính trị- xã hội; do đó, đã soi rọi cho chúng ta thấy thêm được nhiều khía cạnh tích cực và tiêu cực trong xã hội TQ, một quốc gia đông dân nhất trên thế giới.

Một vài con số thống kê sau đây nói lên tính cách nghiêm trọng của vấn đề phát triển hiện tại của TQ để đạt được mức lợi tức đầu người vừa kể trên. Theo ước tính của Mathew Reese trong khi khảo sát về 20 thành phố ô nhiễm nhất trên thế giới, TQ đã chiếm kỷ lục với con số 16 thành phố. Trên 60% nước sông trên toàn quốc TQ không còn khả năng cung cấp nước uống cho người dân. Về ô nhiễm không khí và khí carbonic phát thải, nguy cơ chính làm tăng sự hâm nóng toàn cầu, vào năm 2009, mức phát thải CO2 của TQ sẽ vượt qua Hoa Kỳ. 84% tổng dân số TQ thở không khí độc hại, nguyên nhân của trên 400 ngàn người chết hàng năm.

Về khía cạnh tích cực, so với sức tăng trưởng trong 10 năm qua, TQ đã một phần nào giải quyết nạn xóa đói giảm nghèo cho khoảng 50 triệu cư dân căn cứ theo thống kê. Nhưng ngược lại tình trạng phát triển vượt bực trong thời gian qua đã làm cho xã hội TQ phải đối mặt với hai vấn nạn nghiêm trọng hơn và có thể đưa đến những xáo trộn chính trị của đất nước nầy trong một tương lai không xa. Đó là:

- Khoảng cách giàu nghèo ở nước nầy ngày càng cách xa giữa tầng lớp được ưu đãi và tuyệt đại đa số những người dân cùng khổ vì chính sách phát triển không cân bằng với việc bảo vệ môi trường, chính điều nầy có thể khơi mào cho những bất ổn xã hội do người dân đứng lên;

- Mức phát triển trên đã gây ra nhiều vấn nạn môi trường, mà hậu quả là hiện tại, trên cùng khắp các nơi đã thiết lập những khu công nghiệp của TQ đều vấp phải sự chống đối trực tiếp của người dân địa phương.

Bài viết nầy có mục đích tập trung vào việc quan sát và phân tích tình trạng ô nhiễm môi trường của quốc gia TQ, hậu quả tất nhiên của sự phát triển bừa bãi và không kế hoạch bảo vệ môi trường. Các tiến độ và cường độ của các cuộc biểu tình, những sự chống đối tự phát của người dân TQ có thể làm cho chúng ta có cái nhìn xuyên suốt và chính xác hơn về chính sách phát triển cũng như tình trạng bất ổn của xã hội nầy.

Sự đề kháng của người dân TQ

Trước tình trạng phát triển ồ ạt và không có sự cân bằng giữa phát triển và bảo vệ môi trường, TQ đã tạo dựng song hành ngoài những thành quả kinh tế đã đạt còn có một tình trạng môi trường xuống cấp ngày càng tệ hại. Theo ước tính của các chuyên gia môi trường thuộc Chương trình Môi trường LHQ (UNEP), chi phí cần thiết để sửa chữa hay hạn chế những vấn nạn môi trường xảy ra trong quá khứ và hiện tại là 7% của ngân sách hàng năm của nước nầy. Từ đó, người dân sống ở đồng quê, nông dân, những người chăn nuôi, trồng trọt... ngược lại không thừa hưởng được những phúc lợi đến từ phát triển mà phải chịu thêm nhiều thiệt hại do ảnh hưởng của môi trường. Cho nên, họ đồng loạt đứng lên đòi hỏi nhà cầm quyền TQ phải cải thiện và giải quyết tình trạng ô nhiễm môi trường không khí, đất đai, và nhất là nguồn nước mặt và nước ngầm.

Họ không còn gì để mất. Sự can đảm nhờ đó tăng lên cao. Điển hình nhất là cuộc nổi dậy của dân làng Huaxi, ngoại ô thành phố Dongyang, thuộc tỉnh Zejiang (Tứ Xuyên) vào tháng tư vừa qua. Cuộc nổi dậy chống lại cảnh sát hiện vẫn còn đang tiếp tục mặc dù nhà cầm quyền địa phương đã quyết định di dời khu sản xuất công nghiệp tại làng nầy. **"Chúng ta hãy chiến đấu cho đời sống, cho sức khỏe của con cháu của chúng ta. Chúng ta hãy bảo vệ ruộng lúa và vườn rau cải trong làng."** Đó là khẩu hiệu và là một chứng liệu cho sự quyết tâm của dân làng Huaxi.

Trên toàn lãnh thổ TQ qua cuộc khơi mào của dân làng Huaxi đã bộc phát và trở thành một hiện tượng toàn quốc mặc dù các vụ nổi dậy đã xảy ra từ

hơn 10 năm qua, nhưng cường độ cũng như tầm ảnh hưởng không lan rộng và có tính cách quốc gia. Theo TS Li Lianjiang, chuyên gia chính trị học nghiên cứu về sự phản kháng của nông dân thuộc viện đại học Baptist Hong Kong, thì từ năm 1993 trở đi, trung bình có 10 ngàn vụ nổi dậy của người dân phản kháng nhà cầm quyền trên nhiều khía cạnh khác nhau. Các cuộc phản kháng nầy được nhà cầm quyền TQ gán tên là "những xáo trộn công cộng." Con số nầy đã tăng bất ngờ trong năm 2004, lên đến 74 ngàn vụ, trong đó nông dân đứng lên để đòi hỏi cải thiện môi trường, được đền bù tương xứng trong các chương trình di dời nhà cửa, đất đai của người dân để xây dựng cơ xưởng kỹ nghệ quốc doanh hay cho ngoại quốc đầu tư. Vào năm 2005, số vụ biểu tình tăng lên 87.000 vụ. Điều nầu cho thấy sự bất ổn xã hội là một thực tế và có nguy cơ tăng trưởng nhanh chóng trong thời gian sắp tới.

Đứng trước tình thế trên, nhà cầm quyền trung ương dường như đang bị phân tâm trước việc giải quyết những yêu cầu môi trường của nông dân. Một là dựa trên nguyên tắc bảo vệ môi trường, và yêu cầu thiết yếu của người dân là chính đáng và cũng là một động cơ giúp nhà cầm quyền nhận thức rõ được nơi nào cần phải lưu tâm trước những sự lạm dụng môi trường của địa phương. Thứ nữa, sự lo ngại của trung ương về những bất ổn chính trị qua các vụ nổi dậy của nông dân. Do đó, tùy theo trường hợp, TQ vừa đàn áp nổi dậy vừa lắng nghe để giải quyết những vấn đề của người dân nêu ra.

Câu chuyện một dòng sông

Sông Shaying, một phụ lưu của sông Huai chảy qua tỉnh Henan (Hồ Nam) miền trung TQ. Qua nhiều năm, Huo Daisan, một nhà môi trường học và cũng là một người cổ động xã hội đã nhận định rằng con sông nầy là nguyên nhân của hàng ngàn trường hợp ung thư của dân làng sống dọc theo hai bên bờ sông. Theo báo cáo, đã có 118 dân làng Huang Meng Ying đã chết vì ung thư trên tổng số 2.600 cư dân từ năm 1990. Tin tức nầy đã được đưa lên hàng đầu của báo New York Times mùa thu năm 2004 cũng như truyền hình TQ đã báo động nhiều kỳ sự việc nầy.

Tuy nhiên, Bộ Y tế TQ chỉ đáp ứng sơ sài qua vài mẫu nước sông để phân tích kiểm nghiệm mà thôi. Rồi im lặng hẳn! Còn dân làng phải tiếp tục chiến đấu với những cơn bịnh nghiệt ngã cùng với những món nợ khổng lồ do chi phí y tế. Huo đã vận động thành công việc thành lập Hội Bảo Vệ Sông Huai (Huai river protectors) hầu hy vọng gây được sự chú ý về vấn nạn trên đến nhà cầm quyền trung ương và địa phương.

Từ năm 1998 trở đi, ông tiếp tục chụp ảnh và báo động cho dân làng tình trạng cập nhật của dòng sông. Vào tháng 7 năm 2002, trước khi ông Xie Zhenhua, Trưởng Cơ quan Bản vệ Môi trường Quốc gia thời bấy giờ viếng thăm sông Huai, Huo rất ngạc nhiên khi thấy nước sông sạch và trong hơn. Nhưng ngay sau khi cuộc viếng thăm chấm dứt, dòng sông trở nên đen xậm ngay và luôn luôn có một lớp bọt màu tím hiện diện ở trên mặt nước. Vào năm 2000, sáu nông dân bị trợt té ở ống cống thông ra dòng sông Huai và bị chết ngay sau đó.

Nguyên nhân chính của việc biến sông Huai thành dòng sông đen là do công ty Lianhua Group, một công ty lớn nhất thế giới sản xuất bột ngọt, hợp doanh cùng với công ty Aginomoto của Nhật Bản. Công ty xử dụng hàng trăm ngàn công nhân, nằm trên thượng nguồn của sông Huai. Năm 2003, công ty đã bị phạt 1,2 triệu Mỹ kim, nhưng tình trạng vẫn không thay đổi cho đến hiện tại vì chính phủ trung ương đã đầu tư không nhỏ vào chính công ty nầy.

Trường hợp Việt Nam

Nhìn lại Việt Nam, chỉ riêng tại các tỉnh miền Bắc trong sáu năm qua có trên 365 đợt gồm hơn 22 ngàn nông dân lên Hà Nội dựng lều, bám trụ gây sức ép về an ninh và trật tự xã hội ở thủ đô. Điều nầy chưa hề xảy ra trong suốt gần 50 năm cầm quyền của nhà nước CS VN trước đây. Điều nầy cũng nói lên được những bất ổn xã hội đã bắt đầu manh nha từ những năm gần đây. Và nông dân VN, những người thấp cổ bé miệng, hiện nay đã biết đứng lên đòi được đối xử công bình hơn. Đây là một hiện tượng lớn chúng ta cần quan tâm. Và đây cũng là bước đầu cho tiến trình dân chủ hóa của VN, một bước tiến tuy chậm nhưng sẽ là những bước vững chắc ngõ hầu mang lại bầu không khí tự do cho toàn thể người dân đang sống trong sự kềm kẹp của chế độ. Các vụ khiếu kiện ở Việt Nam ngày càng tăng từ Hà Nội đến Sài Gòn, và lan dần đến các tỉnh ở đồng bằng sông Cửu Long. Trong giai đoạn nầy, có thể nói đây là bước ngoặt mới cho tiến trình dân chủ ở Việt Nam.

Còn câu chuyện của dòng sông Huai, cũng không khác câu chuyện của dòng sông Biên Hoà tại nơi nhà máy sản xuất bột ngọt và hóa chất cơ bản của công ty Vedan, một công ty do Đài Loan làm chủ. Năm 1997, công ty nầy đã được Sở Môi trường thành phố Sài Gòn đề nghị đóng cửa, nhưng tình trạng vẫn không thay đổi và nhà máy vẫn tiếp tục sản xuất mạnh và liên tục cho đến ngày nay. Phế thải lỏng vẫn tiếp tục đi vào dòng sông và phế thải

rắn vẫn đi "chu du" khắp nơi thậm chí lên tận Tây Ninh và đã bị địa phương làm biên bản. Nhưng đâu cũng vào đấy. Ngay chính tuần báo nổi tiếng của Hoa Kỳ là Chemical Engineering News thời bấy giờ cũng đã loan tin và hình ảnh đầy đủ vấn nạn ô nhiễm dòng sông trên.

Ảnh hưởng của các cuộc nổi dậy

Có hai ảnh hưởng quan trọng cần nêu ra đây: ảnh hưởng lên kinh tế và đầu tư ngoại quốc và ảnh hưởng đến những xáo trộn xã hội và chính trị tại TQ, kết quả của các cuộc đấu tranh của nông dân.

Trước sự gia tăng các cuộc phản kháng của người dân, những nhà đầu tư ngoại quốc nhất là trong kỹ nghệ hóa chất bắt đầu chùng bước trong việc thiết kế và đầu tư vào quốc gia nầy trong vài năm trở lại đây. Đối với những nhà đầu tư ngoại quốc họ rất chú tâm đến việc xử lý chất thải rắn và lỏng cũng như kiểm soát việc ô nhiễm không khí một khi đã xây dựng nhà máy tại quốc gia nầy. Do đó, với tầm nhìn chung, họ cũng mong mỏi các nhà đầu tư nội địa cũng phải đặt ngang tầm bảo vệ môi trường và sản xuất để hy vọng làm dịu bớt phản kháng của người dân.

Tuy nhiên các suy nghĩ tích cực trên không có cơ sở đứng vững trong trường hợp áp dụng cho TQ vì không thể nào có một sự bình đẳng trong việc áp dụng luật lệ môi trường giữa các công ty ngoại quốc và quốc nội. Chính vì luật môi trường TQ còn quá nhiều điểm mơ hồ (mà luật môi trường Việt Nam cũng chẳng khá gì hơn) cho nên cán bộ địa phương tùy tiện suy diễn và thi hành, nhất là khi có "thủ tục đầu tiên" của người bản xứ thì mọi trở ngại về giấy phép như thủ tục lập Biên bản tác động môi trường cho một cơ sở mới thành lập sẽ được thông qua dễ dàng cũng như giấy phép hoạt động. Do đó, các công ty ngoại quốc hiện tại rất e dè trong việc đổ thêm đầu tư vào quốc gia nầy.

Đứng về mặt xã hội, ngày càng có thêm nhiều chỉ dấu về các xáo trộn xã hội ở những nơi có khu công nghiệp hình thành. Các xáo trộn càng trở nên bạo động hơn trong việc tranh chấp đất đai của người dân vì được bồi thường không xứng đáng với giá trị đã có của người dân; cũng như việc đòi hỏi chính đáng của họ là các khu công nghiệp phải nghiêm chỉnh chấp hành quy định của luật bảo vệ môi trường trong sản xuất. Do đó, người nông dân TQ ngày càng nghèo thêm vì diện tích đất còn lại đã bị thu hẹp và không còn cho năng suất cao nữa vì môi trường đã bị ô nhiễm. Tiếc thay, trung ương không có biện pháp mạnh mẽ để giải quyết vấn đề và Cơ quan Bảo vệ Môi trường Quốc gia không đủ quyền lực để sửa chữa những sai trái của địa phương. Do đó, tình trạng bất ổn ngày càng lan rộng, báo hiệu cho một tương lai không mấy sáng sủa cho Trung Quốc trong những ngày sắp tới.

Thay lời kết

TQ đã thấy và thấy rất rõ những thách đố của người dân và các xáo trộn xã hội vừa kể trên. Nhưng nhà cầm quyền đã có phản ứng trong những ngày gần đây như thế nào? Thay vì lựa chọn con đường phát triển bền vững, ứng hợp với chiều hướng toàn cầu hóa như phát triển phải đi song hành với việc bảo vệ môi trường ngõ hầu xoa dịu được các phẳng kháng của người dân. Ngược lai, TQ lại chọn con đường "đàn áp" dưới nhiều hình thức như:

- Từ mùa hè năm 2005, đảng CS TQ ra lệnh tất cả các cơ quan truyền thông ở TQ phải "chia xẻ" và kiểm chứng các thông tin nhạy cảm về an toàn thực phẩm với cơ quan hữu trách trước khi thông tin trên được phổ biến trên báo chí hay truyền thanh, truyền hình.

- Hiện có nhiều tổ chức phi chính phủ (NGO) về môi trường đang hiện diện ở TQ nhưng không có tổ chức nào có tầm cỡ như Greenpeace để có thể có tiếng nói trung thực. Tổ chức Greenpeace không được hoạt động ở TQ. Còn các tổ chức NGO còn lại phải kết hợp chặt chẽ và phù hợp với những quy luật nhạy cảm thích hợp với chiều hướng giải quyết của nhà cầm quyền TQ về môi trường và an toàn sức khỏe.

- Dù phải chịu áp lực của nông dân phản kháng, nhưng đứng trước những vụ kiện tụng, TQ luôn đứng về phía các công ty gây ô nhiễm môi trường và phần thiệt thòi luôn ở về phía người dân thấp cổ bé miệng vì không kham nổi phí tổn cho vụ kiện cũng như trước những lý lẽ của cường quyền.

Từ tất cả những hiện trạng phân tích trên đây, nếu chúng ta đổi tên Trung Quốc thành Việt Nam, sông Huai thành sông Biên Hòa hay sông Sài Gòn, và tên của những khu công nghiệp TQ thành khu chế xuất Tân Thuận hay Sông Bé, chúng ta sẽ thấy những âm bảng tương đương như những vấn nạn môi trường đang xảy ra ở TQ. Cũng như Việt Nam hiện tại cũng đang đối mặt với sức phản kháng của người dân ở khắp nơi trên quê hương.

Việt Nam cho đến hôm nay vẫn tiếp tục khai triển từ mô hình chính trị cho đến những chính sách và kế hoạch kinh tế rập khuôn theo TQ, cũng như cung cách làm ăn và giải quyết vấn đề bằng bạo lực của cường quyền; quy luật ngàn đời của xã hội chắc chắn sẽ xảy ra cho Việt Nam. Đó là sự cáo chung của chế độ.

Ánh sáng từ âm thanh II

THỦY CÁNH LƯU

Tôi sống ở miền Nam khi vừa lớn. Một bữa trưa chợt nghe giọng hò ru em da diết. *Gió mùa thu ơ mẹ ru mà con ngủ ớ... Năm canh dài à... nắm canh dài thức đủ ư dzừa năm ơ hỡi chàng là chàng ơi...* Lúc đó tôi đã quen với cách phát âm nhừa nhựa từ âm 'v' thành âm 'd' của người miền Nam. Âm 'dzừa' (vừa) của bài hò ru em phổ biến này nghe dzừa man mác tâm sự người vợ trẻ nhớ chồng, dzừa ngọt ngào và nũng nịu. Còn chữ 'năm canh' thứ hai, do âm điệu của lời ru, nghe như "nắm": năm canh dài à / nắm canh dài.

Ai cũng biết nghe nhạc, nhưng thưởng thức đến đâu thì tùy tâm cơ và sự rèn luyện. Theo hiểu biết thông thường thì âm nhạc gồm chuỗi âm thanh nối nhau bằng âm luật. Ngắt một âm ra khỏi một làn điệu để phân tích hay bàn thảo thì chúng ta không còn nghe nữa mà là thấy nhạc. Cảm nhận khi nghe không còn nữa vì đã dùng lý trí để phán đoán hay thưởng thức đối tượng của sự nghe. Không những hết sướng mà làm như vậy cũng giống như mình bắt chước một em trâu nằm phè ra giữa đồng, ngơ ngáo nghe mục đồng thổi sáo vu vơ.

Cho nên không nên ngắt một dòng hay một yếu tố ra khỏi tổng thể nếu mình muốn nắm cái thần của đối tượng mà mình đang thưởng thức.

Có một lần tôi nghe một người kia thuyết trình về truyện Kiều trước đám đông. Anh ta chi li tỉ mỉ, và để chứng tỏ khả năng chẻ tóc người kia cố chứng minh rằng Thúy Vân là người mù bằng trích dẫn mấy câu mô tả hai chị em Kiều và Vân. Thật là mất công và tội nghiệp cho cả anh ta lẫn người (bị) nghe. Mình thích truyện Kiều đâu phải vì cô Vân mắt mù hay mắt đẹp, mà vì tổng thể các vần điệu và các hình ảnh dâng lên qua những vần lục bát.

Trong hò ru con, mình nghe 'năm canh' thành 'nắm canh'. Nếu cứ chì chiết 'nắm' là vì nọ vì kia thì thật là hỏng. Mình nghe là 'nắm' bởi vì nó nằm trọn trong cả làn điệu ru, vì vậy 'năm' hay 'nắm' cũng không sao đâu, mình vẫn rung động trong sự da diết giữa một trưa nóng ở miệt vườn. Buổi trưa, không gian vườn, và lời ru ơi ả. Ba thứ ấy gom lại làm người nghe cảm thấy ngùi ngùi.

Trong bài Ánh sáng từ Âm thanh trước có nói đến sự cảm nhận khi nghe mật chú. Thường khi chúng ta nói về điều gì nằm ngoài phạm vi ngũ quan, cảm nhận hay cảm thấy chẳng hạn, thì mức độ thuyết phục cũng ít. Có lẽ vào thời chưa có ngành khoa học tự nhiên, con người dễ cảm nhận với xung quanh hơn, có trực giác mạnh hơn. Khoa học và văn minh vật chất hôm nay khiến người ta muốn thấy (chứ không cảm) hoặc phải chứng minh một vấn đề nào đó, một việc gì đó là phải đo lường được thì mới đáng tin, có khi kể cả tình yêu hai đứa, yêu nhau thì valentine cũng phải có một cái gì, ở với nhau đã dăm bảy năm mà không thấy mua một cái nhà kha khá thì khó chứng minh là hai đứa cảm nhau.

Các thí nghiệm của bác sĩ Jenny về tác dụng của sự rung và âm thanh trả lời được nhu cầu tâm lý của trí thức là cần sự chứng minh, khoa học và thực dụng nói chung. Nhưng ông không muốn dừng lại ở đó. Ông muốn người ta phải biết cảm nghiệm. Cái mà ông hy vọng là người đọc phải trưng dụng trực giác để cảm nghiệm những khám phá đã được chứng minh của ông. Có một thuyết gần với quan điểm này, Thuyết Hệ thống (Systems Theory). Trên con đường đi tìm một cái nhìn tổng thể, Thuyết Hệ thống nối khoa học với nghệ thuật, nó giải thích hiện tượng một cách vừa khách quan vừa bằng trực giác. Nguyên lý căn bản của Thuyết hệ thống là tổng thể luôn quan trọng hơn tổng số. Bốn chân, thân, đuôi, đầu, vòi và cặp ngà có thể tạm coi là tổng số bộ phận thấy được của một con voi, nhưng nó là tổng số cứng ngắt, nó chỉ hết vô tri khi tổng số bộ phận của con voi kết hợp và cử động hài hòa. Rồi dùng trực cảm đồng thời dùng mắt để đặt toàn thể con voi trong môi trường chung quanh sẽ thấy hình dáng voi lóng lánh linh hồn hơn.

Albert Einstein nói không thể tách không gian ra khỏi thời gian. Vậy thì có chiều thứ ba là không

gian thì ắt cũng có chiều thứ tư là thời gian. Tần số âm thanh là biểu hiện của thời gian. Khi tần số tăng, hay nhanh lên, thì khoảng cách của hai điểm sẽ ngắn lại. Thí dụ khoảng cách là một con sông, khi ta đọc nhanh, hay phát một âm thanh từ bên này bờ thì, nếu đọc, nói hay niệm nhanh, thời gian âm thanh qua tới bờ bên kia sẽ nhanh hơn là đọc hay nói chậm. Điều này là hiểu biết thông thường không cần chứng minh. Khoa vật lý đã chứng minh là vật chất hay hạt vật chất đều tích trữ năng lượng. Mỗi một hạt đều tiềm ẩn năng lượng nguyên tử. Tiềm ẩn thôi, vấn đề là làm sao để đột kích làm cho hạt phát ra năng lượng. Vật chất là một chuỗi các năng lượng liên kết theo một qui luật nào đó. Chính sự liên kết này khiến các hạt tạo nên năng lượng. Hạt có năng lượng vì nó liên kết với hạt. Đứng một mình thì hạt chỉ là tiềm năng. Nó trở thành người lữ hành cô đơn.

Âm thanh cũng vậy. Dù phát âm một chuỗi âm thanh nhưng phát ra rời rạc thì chuỗi âm thanh đó chỉ là tổng số từng đơn âm rời. Là vì theo luật nối âm (sandhi), 'biên giới' của hai âm gần nhau nếu đập vào nhau nhanh ở một mức nào đó thì sẽ thành một âm thứ ba. Để dễ mường tượng thì sự biến âm này na ná như khi mình đọc phụ âm cuối của một chữ tiếng Anh nối qua nguyên âm đầu của chữ kế tiếp, mà phải đọc nhanh thì mới ra âm nối, đọc tà tà từng chữ một thì âm phát ra cũng rời từng chữ một, không gây hiệu quả nối, tức không làm âm thứ nhì biến đi. Vì vậy khi ta đọc nhanh một chuỗi âm thanh thì sẽ có hai hiệu ứng.

Thứ nhất là tần số sẽ tăng. Tần số là chu kỳ lập lại. Trong các biểu đồ biểu thị âm thanh, trục ngang có khi biểu thị cho tần số, có khi biểu thị cho thời gian. Vì vậy khi tần số/thời gian tăng nhanh lên, thì thời gian đi từ điểm xuất phát âm thanh đến điểm âm thanh đến sẽ rút ngắn lại.

Thứ hai là đọc nhanh tạo tác dụng nối âm. Tương tự như hạt vật chất chỉ sinh năng lượng khi tác dụng lên nhau thành phản ứng dây chuyền, thì sự tác động của âm này lên âm kia sẽ sinh ra năng lượng. Năng lượng này vừa là nhân vừa là quả của tốc độ âm thanh do người đọc phát ra. Đọc nhanh thì tạo năng lượng, năng lượng phát ra này quay ngược trở lại để nâng các âm thành đâm bổ vào nhau nhanh hơn.

Năng lượng là độ lớn hay biên độ (amplitude) của sự rung. Bất cứ một sự rung nào, hay một âm thành nào, cũng có ít nhất hai yếu tố vật lý là tần số và biên độ. Ai từng đọc truyện chưởng của Kim Dung cũng mê các cao thủ có khinh công tuyệt đỉnh, "thân pháp như vệt khói mờ" của một nhân vật võ lâm đang khai triển khinh công. Thử tưởng tượng một cao thủ đang đứng cạnh mình, anh ta thi triển khinh công chạy quanh phòng rồi về đứng cạnh mình. Cái khoảng khắc từ khi anh ta vận công lực cho đến khi chạy ngược trở lại nơi đứng tùy theo vào nội lực (biên độ) và tốc độ (tần số) của anh ta. Trong tích tắc ấy, mình thấy gì? Vì anh ta là cao thủ nên mình chỉ thấy một 'vệt mờ'. Vệt mờ này gây ra do sự di chuyển năng lượng của anh ta. Anh ta càng chạy nhanh thì năng lượng càng mạnh, ngược lại nhờ năng lượng (nội lực) nên anh ta càng chạy nhanh. Nhưng dù thân hình anh ta có biến thành một vệt mờ trong tích tắc, thì ta vẫn thấy được vệt mờ ấy. Ta không thấy thời gian chạy quanh phòng của gã cao thủ nhưng thấy cái bóng của sự di chuyển ấy, tức thấy biểu thị của thời gian, biểu thị của tần số, của sự rung chuyển.

Nhưng đó là cái thấy của người quan sát đối với một hiện tượng. Còn đối với chính gã cao thủ thì sao? Gã sẽ không thấy các hiện tượng vừa mô phỏng vì gã là người trong cuộc, người tạo ra các hiện tượng đó. Thử đặt mình vào vị trí gã cao thủ. Trước khi 'hù' quần hùng về môn khinh công ảo diệu của mình, gã sẽ ước lượng không gian căn phòng, ước định với khoảng cách như thế mình có thể thi triển khinh công như cái chớp mắt không. Như vậy không chỉ tính toán không gian và thời gian, gã còn phải tính đến năng lượng cần có để biến mình thành một 'vệt mờ'. Gã phải có ý thức rất rõ rệt về điều sắp làm (chạy), và cả trong khi chạy cũng phải ý thức rất rõ điều đó. Trình tự để thực hiện việc chạy quanh căn phòng diễn ra khá phức tạp, nhưng có thể nói tóm lại trong hai bước căn bản: đầu tiên là phát khởi một ý muốn chạy, sau đó là việc thực hiện ý muốn đó. Hai bước này nói chung là ý thức. Ý thức tạo nên sự rung (tần số và năng lượng).

*

Giả sử như mình tập trung vào cái âm đang phát tới cái mức độ mà mình quên luôn mình, đến cái mức độ mà mình và âm thanh là một, không còn phân biệt nữa, thì điều gì sẽ xảy ra?

Câu trả lời sẽ không có ở đây bởi vì câu giải đáp chỉ có ý nghĩa đối với người muốn thực hành điều đó, tức muốn toàn tâm toàn ý hòa cùng âm thanh mà mình phát ra "để xem điều gì xảy ra."

Đọc sách

Lý thuyết Trung Hoa về hư cấu của Ming Dong Gu

TRẦN HỮU THỤC

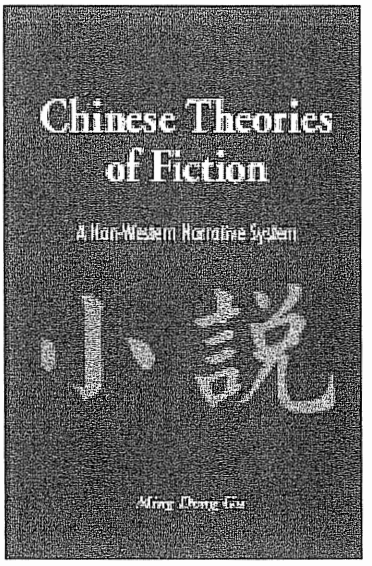

Nguyên văn tác phẩm có cái tên khá dài: *Chinese Theories of Fiction: A Non-Western Narrative System* (1) (Các lý thuyết Trung Hoa về hư cấu: Một hệ thống thuật sự phi-Tây phương). Tác giả họ Cố (Gu), đọc theo âm Hán Việt là Cố Minh Đống, sinh năm 1955, hiện là giáo sư tại trường Rhodes College, Tennessee, giảng dạy về thơ và tư tưởng đối chiếu. Trong phần tóm lược nội dung cuốn sách sau đây, tôi sẽ dùng Ming Dong Gu (MDG), là tên chính thức được tác giả sử dụng trong tất cả các bài viết của mình. MDG khá nổi tiếng trong giới hàn lâm Hoa Kỳ, Trung Quốc cũng như Đài Loan. Ông dạy tại nhiều trường đại học ở Hoa Kỳ và viết nhiều tiểu luận bàn về văn học đối chiếu giữa Đông và Tây. *Chinese Theory of Fiction* là tác phẩm in thành sách thứ hai của ông. Tác phẩm đầu tiên là *Chinese Theories of Reading And Writing: A Route to Hermeneutics And Open Poetics* (2)

Văn học Trung Hoa có một truyền thống lâu dài, nhưng con đường phát triển của nó không theo cùng một cách như Tây phương. Nó chịu ảnh hưởng nặng nề của hoàn cảnh lịch sử và những quan điểm đặc thù Trung Hoa. Từ lâu, khi nghiên cứu văn học Trung Hoa, hầu hết học giả đều xem xét bằng các tiêu chuẩn Tây phương, đưa đến những hiểu lầm và cái nhìn thiên lệch. Qua Chinese Theory of Fiction, MDG đưa ra một cách tiếp cận mới, vừa dựa trên tính đặc thù của văn chương Trung Hoa vừa vận dụng các lý thuyết văn học Tây phương. Mục đích của tác phẩm là hệ thống hóa lý thuyết văn chương Trung Hoa, bắt một nhịp cầu giữa văn chương Trung Hoa cũ và mới, giữa Trung Hoa và Tây phương, giữa truyền thống và hậu hiện đại. Từ đó, "quốc tế hóa" lý thuyết truyện hư cấu Trung Hoa (internationalization of Chinese ficton), đưa nó hòa nhập vào trào lưu hư cấu toàn cầu (Lời tựa). Cũng trong ý hướng đó mà MDG chọn tựa đề *Chinese Theory of Fiction* thay vì *Theory of Chinese Fiction* vì theo ông, *Chinese Theory of Fiction* hàm ý trình bày ý tưởng mang tính Trung Hoa về hư cấu như một loại văn chương bất chấp truyền thống văn hóa trong lúc *Theory of Chinese Fiction* thì lại hàm ý xem hư cấu Trung Hoa là sản phẩm văn hóa của một truyền thống đặc thù (trang 10).

Ngoài phần mở đầu và kết luận, tác phẩm gồm bảy chương, phân tích từ các khái niệm căn bản của truyện hư cấu Tây phương và truyện hư cấu Trung Hoa, bản chất của truyện hư cấu, bước ngoặt thẩm mỹ trong truyện hư cấu Trung Hoa. Sau đó, MDG dành hai chương, bàn kỹ về hai tác phẩm quan trọng nhất của văn học Trung Hoa là Kim Bình Mai và Hồng Lâu Mộng trước khi đưa ra giải pháp nhằm "quốc tế hóa" lý thuyết hư cấu Trung Hoa trong chương bảy và phần kết luận. Nhiều và rất nhiều tên tuổi của các học giả, sử gia, nhà văn, nhà nghiên cứu được trích dẫn, trong đó có một số quen thuộc hay tương đối quen thuộc như Aristotle, Platon, Sigmund Freud (1856-1939), Roland Barthes (1915-1980), Jacques Derrida (1930-2004), Roman Jakobson (1896-1982), Victor Mair, Jean Baudrillard, Terry Eagleton, Umberto Eco, Andrew Plaks, Robert Scholes, Kenneth Dewoskin, William Nienhauser, Khổng Tử, Lão Tử, Trang Tử, Tư Mã Thiên (145BC-90AC), Ban Cố (32-92), Lưu Tri Kỷ (661-721) Kim Thánh Thán (1610-1661), Mao Tôn Cương (thế kỷ 17), Trương Trúc Pha (1670-1698), Bồ Tùng Linh (1640-1715), Phùng Mộng Long (1574-1645), Lỗ Tấn (1881-1936),

Hồ Thích (1891-1962), Trần Dần Khác (1890-1969) cùng nhiều học giả chuyên nghiên cứu về văn chương Trung Quốc trứ danh khác hiện nay như Vương Như Mai, Trương Vũ, Văn Nhất Đa, vân vân. (3)

Trong bài viết sau đây, tôi tổng hợp và tóm tắt một số luận điểm nổi bật của MDG mà tôi chú ý khi đọc nhằm giới thiệu cùng bạn đọc một đề tài vừa xa lạ vừa gần gũi cùng những khám phá mới mẻ, thú vị. Cũng xin lưu ý là, tuy dựa theo trình tự mà tác giả khai triển đề tài, nhưng bài viết không nhất thiết theo thứ tự của các phần và các chương được sắp xếp trong cuốn sách.

Fiction và *xiaoshuo*

MDG mở đầu cuốn sách (chương 1) bằng cách xác định ý nghĩa của từ *xiaoshuo* đối chiếu với từ *fiction*.

Hư cấu (fiction) (4) là một ý niệm Tây phương, có hai nghĩa: 1. đó là một thể loại văn chương; và 2. đó là một cách viết. Là một thể loại văn chương, nó khác với thơ và kịch. Là một cách viết, nó đề cập đến những tác phẩm bằng văn xuôi được dựng nên bằng cách "bịa đặt" (fabrication). Từ tương đối gần với ý niệm về truyện hư cấu trong văn chương Trung Hoa là là *xiaoshuo* (5), nghĩa là tiểu thuyết, theo nghĩa hiện đại của từ này. (Trong tác phẩm của MDG, để khỏi lẫn lộn, chữ *xiaoshuo* được tác giả để nguyên và in nghiêng (*Italic*) theo hệ thống phiên âm *pin yin* trong suốt tác phẩm; ở đây tôi cũng sẽ để nguyên từ này để chỉ tiểu thuyết Trung Hoa nhằm mục đích phân biệt với từ "hư cấu" hay "truyện hư cấu" dịch từ chữ *fiction*)

Theo Victor Mair, thì hạn từ Trung Quốc dùng để chỉ hư cấu, *hsiao-shuo* (6), nguyên nghĩa là "câu chuyện nhỏ" (tiểu= nhỏ, thuyết = câu chuyện). Hiểu như thế thì về căn bản, *xiaoshuo* khác hẳn với tiếng Anh. Chữ *fiction* tiếng Anh xuất phát từ tiếng la-tinh là *fingere*, có nghĩa là *form* (tạo ra), *fashion* (nặn ra) hay *invent* (bịa ra). Như thế trong lúc *xiaoshuo* là để chỉ những chuyện gẫu, chuyện phiếm, chuyện tầm phào (gossips), những lời đồn đãi (rumors) thì từ tiếng Anh chỉ những gì được sáng tạo bởi nhà văn. *Xiaoshuo* ghi lại một số điều vụn vặt được xem như đã xảy ra, còn hư cấu gợi ra một điều gì do nhà văn tưởng tượng từ trong đầu rồi viết ra. Khi gọi là hư cấu, tác giả muốn nói tác phẩm chẳng phản ảnh cái gì có thực ở bên ngoài. Còn khi gọi là *xiaoshuo*, ta hiểu ngay đó là tường thuật một chuyện tầm phào (tr. 19, 20). (7)

Cách hiểu đơn giản đó đưa đến một sự ngộ nhận là có hai loại *xiaoshuo* khác nhau, *xiaoshuo* của thời kỳ đầu của nền văn học Trung Hoa và *xiaoshuo* sau này, tức là sau khi xuất hiện Hồng Lâu Mộng vào thế kỷ 18 và nhất là sau cuộc "tiểu thuyết cách mệnh" vào đầu thế kỷ thứ 20. *Xiaoshuo* đầu chỉ những câu chuyện nhỏ, *xiaoshuo* sau mới chính là hư cấu theo cách hiểu hiện nay. Không chấp nhận cách hiểu sai lệch đó, MDG ngược dòng lịch sử để tìm về ý nghĩa của *xiaoshuo*. Theo ông, tài liệu sớm nhất đề cập đến ý niệm về *xiaoshuo* được tìm thấy trong sách của Trang Tử. Tuân Tử, trong phần nói về "chính danh", cũng có nhắc đến một ý niệm khác, tương tự như khái niệm của Trang Tử. Nhưng trong cách dùng của họ, *xiaoshuo* chỉ quy cho những đề tài hay ý tưởng tầm thường về siêu hình, luân lý. Người đầu tiên sử dụng từ *xiaoshuo* để chỉ cái mà ngày nay ta hiểu là tiểu thuyết là Ban Cố (*Ban Gu*/32-92).

Xiaoshuo là gì? Ban Cố giải thích như sau trong "Hán Thư Nghệ Văn Chí": "*Tiểu thuyết gia giả lưu/cái xuất vu bại quan/nhai đàm hạng ngữ/đạo thính tống thuyết giả chi sở tạo giả*". Do sự lầm lẫn về cú pháp, câu này của Ban Cố đã bị diễn giải sai, do đó đưa đến cách hiểu giới hạn như cái nhìn của Victor Mair ở trên. MDG diễn giải lại như sau: "Trường phái tiểu thuyết xuất phát từ những viên quan nhỏ trong triều. Chúng là những chuyện tạo ra do những kẻ ưa trò chuyện trên đường, trong ngõ hẻm lúc nhàn rỗi và do những kẻ hóng chuyện tầm phào và các lời đồn đãi ngoài đường". Trong câu này có chữ "tạo", ý nghĩa chẳng khác gì từ "invent" (sáng tạo) trong tiếng Anh. Như thế, những người trên đường phố là những kẻ đầu tiên kể chuyện, sau đó những viên quan nhỏ nghe ngóng rồi ghi lại. Họ ghi lại để làm gì? Ban Cố cho biết các vua muốn biết phong tục tập quán của dân gian, nên sai thành lập những bộ phận chuyên đi thu nhặt chuyện dân gian để tường trình lại cho vua. Có điều, họ không phải chỉ nghe sao ghi vậy mà còn chế biến chúng. Để mô tả cách chế biến của họ, trong một đoạn khác, Ban Cố dùng chữ "chuyết" (hay chuế), có nghĩa là khâu (stitch together). Như thế từ những chi tiết sống thâu lượm được, các viên quan "khâu" lại thành những câu chuyện hay ho, tức là *xiaoshuo*. Nhưng không phải viên quan nào cũng viết được *xiaoshuo*. Ban Cố cho biết: "*Xiaoshuo* do những người có một tinh thần "phóng giả vi chi" (phóng khoáng) soạn"(tr. 27). Trong "Hán Thư Nghệ Văn Chí", Ban Cố xếp những người viết *xiaoshuo* ở phần "Chư Tử" (hạng người quý tộc hay có địa vị), đặt họ nằm cuối trong 10 trường phái bao gồm Khổng

Giáo, Đạo Giáo, Mặc Giáo, Pháp Gia, Nông Gia...Ban Cố liệt kê tất cả chừng 1380 tác phẩm cho thấy thời đó, có rất nhiều *xiaoshuo* đã được viết ra, nhưng tiếc thay, qua thời gian, đã bị thất lạc (tr. 26).

MDG cho rằng, nếu nắm bắt được những lý do nội tại của đưa đến sự phát triển của *xiaoshuo* và giá trị nội tại của tác phẩm hư cấu, người ta sẽ thấy rằng ý niệm sau này của *xiaoshuo* không những đã tiến triển từ cái tên đầu tiên mà còn kéo theo hàm ý nội tại riêng của nó, bất chấp những thay đổi của lịch sử, ý thức hệ và quan niệm thẩm mỹ (tr. 25). Bản chất nội tại của *xiaoshuo*, dù đó là chuyện nhỏ hay chuyện lớn, là bịa đặt, tức là hư cấu. Và tính cách này khiến cho nó khác hẳn các loại khác như sử ký, thơ hay văn xuôi. Các chuyện bịa đặt như thế hình thành từ những chi tiết lặt vặt trong đời sống gia đình, xã hội hằng ngày, quan hệ giữa cha con, chồng vợ, bạn bè, ăn uống...Đặc tính của nó là đơn giản, dễ hiểu, dễ truyền đạt. Do đó mà được gọi là "tiểu thuyết". Ngoài ra, MDG còn tìm ra một cách diễn tả khác của *xiaoshuo*, làm nổi rõ hơn điểm cốt lõi này, đó là *shuohua*, "thuyết thoại" (MDG dịch sang tiếng Anh là "speaking words" hay "storytelling"), nghĩa là kể chuyện. "Thuyết thoại", một nghệ thuật kể chuyện bắt đầu từ đời Đường kéo dài cho tới đời nhà Minh, có thể xem như thể loại trung gian nối kết *xiaoshuo* ngày xưa với *xiaoshuo* hiện đại (tr. 35).

Hư cấu tính

Trong khi thảo luận về các hình thức văn chương, hư cấu dùng để chỉ truyện ngắn, truyện vừa và truyện dài. Điểm chung giữa ba loại không phải ở chỗ chúng đều viết dưới hình thức văn xuôi, mà ở chỗ cả ba đều diễn tả những biến cố theo một cách có thể không đúng với các dữ kiện có thực, nhưng đúng với đời sống (not be true to facts but true to life). Hư cấu xét như một thể loại văn chương là loại văn xuôi tự sự, tường thuật những hành động và biến cố không nhất thiết đã xảy ra trong thực tế trước đó, nhưng lại vẫn phù hợp với quy luật trong cuộc sống, vì nó được sáng tạo ra một cách có chủ ý không nhằm truyền đạt thông tin mà chỉ để giải trí và đánh giá về mặt thẩm mỹ (tr. 46). Yếu tố chính của hư cấu, chính là "hư cấu tính" (fictionality). MDG cho hư cấu tính là cốt lõi về mặt ý niệm của *xiaoshuo*. Trong khảo sát văn chương nói chung, hư cấu tính được xem như là biểu hiện của cái không hiện hữu nhưng có thể hiện hữu qua trung gian của ngôn ngữ.

Tiếng Hán không có từ tương đương với hư cấu cho đến khi xuất hiện ý niệm hiện đại về "hư cấu tính" sau này. Tuy thế, theo GMD, có những cụm từ phổ thông Trung Hoa mô tả ý nghĩa tương đương. Chẳng hạn như "vô trung sinh hữu" (cái có phát sinh từ cái không), "bằng không tạo hoang" (dựa vào cái không để đặt chuyện), "bằng không niết tạo" (dựa vào cái không để nặn ra chuyện), hay "kính hoa thủy nguyệt" (hoa phản chiếu trong gương, trăng nằm dưới nước). Trong lúc lịch sử được viết theo truyền thống "thuật nhi bất tác" (tường thuật mà không sáng tác), thì hư cấu là chuyện bịa đặt.

Tuy thế, ngay cả trong lịch sử chính thức, hư cấu vẫn không hề vắng mặt vì các sử gia, trong khi dựa vào sự kiện, vẫn chế tác, thêm thắt trong một giới hạn cho phép. Đọc truyện Tàu, dù có rành về sử hay không, ít ai không nhận ra rằng chúng trộn lẫn giữa chuyện có thực và chuyện thêm thắt. Lỗ Tấn (Lu Xun) quả quyết rằng truyện "Tam quốc chí" chứa đựng 70 phần lịch sử và 30 phần hư cấu. Như thế, theo GMD, những truyện lịch sử - mà MDG còn gọi là "hư cấu lịch sử" (historical fiction) - đóng góp một phần quan trọng trong sự phát triển văn chương Trung Hoa. "Nhờ lịch sử, những bài viết *xiaoshuo* được cấp cho quyền hiện hữu", MDG viết (tr. 47). Đồng thời, *xiaoshuo* phải chiến đấu với lịch sử để phát triển, để đạt được hư cấu tính toàn vẹn (full-fledged fictionality) của nó.

MDG gọi thứ hư cấu tính toàn vẹn này là "hư cấu thuần túy" (pure fiction). Hư cấu thuần túy là "một tác phẩm hư cấu không dựa trên bất cứ một thuật sự hay câu chuyện nào có trước để khởi đầu và sức mạnh thuật sự của nó chỉ dựa trên chính hư cấu tính của chính nó" (tr. 51). Bất chấp ưu thế của lịch sử trong sự phát triển của *xiaoshuo*, có một chuyển động rõ ràng của *xiaoshuo* đi từ hư cấu lịch sử đến hư cấu thuần túy. MDG khẳng định nỗ lực tiến đến hư cấu thuần túy là bước phát triển có tính chất quyết định nhất trong lịch sử *xiaoshuo* Trung Hoa (tr. 84). Kim Bình Mai, Hồng Lâu Mộng và các tác phẩm hư cấu của Lỗ Tấn là ba thành tựu vĩ đại đưa *xiaoshuo* truyền thống đến hư cấu hiện đại (tr. 87).

MDG bác bỏ luận điểm cho rằng Trung Hoa không có truyện hư cấu cho đến khi Phật Giáo được truyền vào Trung Quốc. Luận điểm này do Văn Nhất Đa (*Wen Yiduo*) đưa ra và được Victor Mair dùng lại qua một bài tiểu luận nhan đề là "The Narrative Revolution in Chinese Literature

Ontological Presuppositions" (1983). Mair quả quyết sự truyền bá Phật Giáo và tư tưởng Ấn Độ đóng vai trò quan trọng trong sự chuyển biến nền văn hóa Trung Hoa. Riêng về phương diện văn chương, truyện hư cấu Trung quốc không thể xuất hiện nếu không có sự kích thích từ những vay mượn về triết lý và đề tài từ tư tưởng Ấn Độ. Mair khẳng định "Không có cái gì trước đời Đường xứng đáng gọi là truyện hư cấu" (tr. 44). Quan điểm của Mair, theo MDG, rất gần với cách nhìn của ngay những học giả Trung Hoa ngày xưa, chẳng hạn như Lưu Tri Kỷ (661-721) khi ông này cho rằng những loại "truyện ký tiểu thuyết" trước thời Đường như là kết quả của một lầm lẫn đáng tiếc được thực hiện bởi những kẻ mà ông gọi là "vọng giả" (người vô trách nhiệm), "tế giả" (người ngu dốt), "mậu giả" (người có quan điểm sai) và "ngu giả" (người điên) (8). Thực ra, theo MDG, đó là những truyện hư cấu đúng nghĩa.

Khác với Ấn Độ có một truyền thống sử thi và thiếu sử ký thì ngược lại, Trung Hoa có truyền thống sử ký. Năng lực sáng tạo của Trung Hoa tập trung vào việc viết sử, đưa đến hậu quả là các tác phẩm hư cấu phải bám vào sử ký để tồn tại. Nhiều chuyện kể về lịch sử, thực ra, là những tác phẩm hư cấu được ngụy trang, chẳng hạn như "Mục thiên tử truyện" (Mu Tianzi Zhuan) xuất hiện vào thế kỷ thứ 4 trước công nguyên. Hơn 1000 năm sau khi được phát hiện vào năm 279 (sau công nguyên), nó vẫn còn được xem như một tác phẩm lịch sử. Chỉ đến đời nhà Thanh, nó mới được Kỷ Quân (*Ji Yun*/1724-1805) xếp vào thể loại *xiaoshuo*.

Nói chung, từ lúc khởi đầu cho đến trước đời nhà Đường (618-917), *xiaoshuo* xuất phát từ ba nguồn: những câu chuyện thần thoại; các chuyện tầm phào do các viên tiểu quan sưu tập; và thuật chép sử. Có bốn loại được xem là hư cấu căn cứ trên các đặc tính của chúng:

- một số bài viết lịch sử
- các dụ ngôn triết lý
- huyền thoại, chuyện truyền kỳ
- chuyện kỳ lạ về người và vật

Những chuyện kỳ lạ về người và vật xuất hiện vào thời Lục Triều (9) được gọi là "chí quái" (*Zhiquai*) và "chí nhân" (*Zhiren*), bị các nhà sử học loại ra, xem như là đồ thừa thải, vì cho rằng chúng có tính chất hư cấu, không ăn khớp với sử học chính thức. Theo MDG, một số trong chúng mang đặc tính hư cấu tương đương với các truyện ngắn hiện đại. Chẳng hạn như truyện "Mại phấn nhi" (Cô gái buôn phấn) trong "Sưu thần chí". Đây là một câu chuyện khá thú vị, kể chuyện một chàng trai con nhà giàu yêu cô gái buôn phấn son, ngày nào cũng ra chợ mua phấn để được gặp nàng. Cảm động, cô gái đồng ý bí mật gặp chàng trai. Đêm đó, khi cô gái đến phòng ngủ nhà chàng trai theo lời hẹn ước thì chàng ta cảm động quá đến nỗi nằm lăn ra chết. Sợ quá, nhưng không biết làm sao, cô buôn phấn bỏ trốn về nhà. Hôm sau, khi chuẩn bị làm đám thì gia đình phát hiện hàng trăm gói phấn trong phòng chàng. Người mẹ mang phấn ra chợ, đem so với phấn của nàng thì thấy giống hệt nhau nên kiện nàng ra quan vì tội giết người. Nàng thành thật kể lại chuyện nhưng không ai tin. Trước khi bị đem ra xử, quan đồng ý cho cô gái được đến nhà chàng trai cầu nguyện trước xác chàng. Cầu nguyện xong, bỗng nhiên, chàng trai sống lại. Rồi hai người nên duyên chồng vợ và có con cái đầy đàn. Rõ ràng, khác hẳn với "Mục thiên tử truyện" đề cập ở trên, "Mại phấn nhi" là một truyện hư cấu đúng nghĩa, không pha trộn chi tiết lịch sử nào. Ngoại trừ việc sống lại của chàng thanh niên, các chi tiết khác đều sống động và gần gũi được viết với một kỹ thuật rất sắc sảo, theo MDG (tr. 40).

Một truyện khác khá thú vị là truyện "Dương Tiện thư sinh". Truyện kể về một anh chàng tên là Xu Yan. Trên đường xách lồng ngỗng đi bán, chàng ta gặp một ông đồ nho. Than bị đau chân, ông đồ xin Xu cho ông được nhốt chung lồng với hai con ngỗng để Xu mang đi. Xu tưởng là chuyện đùa, nhưng ông đồ cứ chun vào lồng ở chung với ngỗng. Ngỗng ta không phiền mà Xu cũng chẳng thấy lồng nặng thêm. Khi Xu ngồi nghỉ, ông đồ chun ra khỏi lồng và đề nghị làm trò vui cho Xu. Từ trong miệng, ông nhổ ra một chiếc hộp bằng đồng đựng nhiều đồ ăn và rượu. Ăn uống xong, ông đồ phun ra một phụ nữ để cùng đi cho có bạn. Khi ông đồ say ngủ, mụ này phun ra một chàng trai nói là nhân tình của mụ. Thấy ông đồ sắp thức giấc, mụ phun ra một cái lều. Ông đồ đòi ngủ với mụ trong lều. Khi cả hai đều đã ngủ, chàng trai tiết lộ với Xu rằng chàng ta có một nhân tình bí mật và chàng nhổ ra một cô gái trẻ. Nàng ca hát cho hai người đàn ông nghe trong khi họ ăn uống nhậu nhẹt. Khi nghe tiếng ông đồ trở mình trong lều, chàng ta bèn nuốt cô gái vào trong miệng. Sau đó, người phụ nữ bước ra và nuốt chàng trai. Khi ông đồ thức dậy, ông lên tiếng chào tạm biệt Xu và nuốt hết người phụ nữ này cùng tất cả các thứ khác, chỉ chừa lại chiếc đĩa đồng cho Xu làm kỷ niệm.

Đây là một truyện khá lạ. MDG cho rằng, truyện

không chỉ đề cập đến mơ mộng viễn vông và những ước muốn ẩn giấu, mà còn là ẩn dụ về nghệ thuật kể chuyện. Việc nhổ ra và nuốt vào người và vật ý ám chỉ sự chế tạo các yếu tố hư cấu xuyên qua việc sử dụng ngôn ngữ. Qua truyện này, MDG nhận xét người viết *xiaoshuo* dường như đã hiểu biết về khả năng tự-quy chiếu (self-referentiality) của ngôn ngữ, vốn là một khái niệm hậu hiện đại. (tr. 41)

Những truyện như thế cho thấy, nói chung, *xiaoshuo* đã hiện diện từ trước đời nhà Đường. Nhưng vì bị hạn chế bởi sự chi phối của cách viết sử mà ông gọi là sự "chuyên chế của lịch sử" (tyranny of history) (38), nên phải đợi đến đời nhà Đường thì *xiaoshuo* mới thực sự tạo được một chỗ đứng vững chắc cho sự phát triển về sau, hướng đến hư cấu thuần túy. Đời Đường là giai đoạn thuận lợi cho giới viết lách. Trí thức thời đó được giải phóng ra khỏi những quy định nghiêm ngặt Khổng giáo, ít bị câu thúc về mặt luân lý như cha ông. Họ hưởng thụ đời sống và bằng tưởng tượng, họ dành thì giờ viết ra những chuyện này chuyện nọ, thay thế cho thơ và văn đang lưu hành rồi khi gặp nhau, kể cho nhau nghe. Viết không để chỉ dạy dỗ như lời răn bảo của Khổng Tử mà còn là phương tiện để giải trí. Các điều kiện thuận lợi đó này làm tăng tốc sự chuyển biến *xiaoshuo*, từ những chuyện kỳ quái thời Lục Triều đến truyện "truyền kỳ" (*chuanqi*) là hình thức truyện rất phổ biến vào thời đó.

Về mặt nội dung, từ đời nhà Đường, nhà văn bắt đầu diễn tả thế giới bên trong của nhân vật, đưa ra những đề tài về quan hệ nam nữ trong gia đình và ngoài xã hội. Đó là nguyên nhân chính khiến cho lần đầu tiên, có sự bùng nổ về dục tính, đưa đến nhiều *xiaoshuo* tình dục như "Lý Oa truyện" (Truyện nàng Lý Oa), "Hoắc Tiểu Ngọc truyện" (Truyện Hoắc Tiểu Ngọc) hay "Du tiên quật" (Đi chơi động tiên). "Du tiên quật" là một truyện dài với lối viết văn vẻ và lôi cuốn của Trương Văn Thành, kể chuyện một chàng trai lạc vào động tiên và được diễm phúc ăn nằm với các tiên nữ. Nhiều chuyện tình dục khác viết rất bạo, mô tả chi li những động tác ái ân y như chuyện "con heo" đời nay. Có chuyện bạo đến chỗ chứa đầy tình cách bệnh hoạn, làm chấn động giới nho gia đương thời. Như Liễu Hoàn Nguyên (773-819) với "Hà giản truyện" mô tả một thiếu phụ từ chỗ đức hạnh biến thành cuồng dâm.

Dù công nhận sự phát triển của *xiaoshuo* đời Đường, MDG không đồng ý với quan điểm của Lỗ Tấn và một số các học giả khác chc rằng các truyện thời Lục Triều thiếu ý thức sáng tạo của loại truyện truyền kỳ. MDG cho rằng, chuyện truyền kỳ chỉ hơn các truyện thời Lục Triều ở độ dài và sự sắc sảo. Kỳ dư, tất cả những yếu tố tạo thành tác phẩm hư cấu ở đời Đường đều có thể tìm thấy trong những *xiaoshuo* sáng tác trước đó. Tóm lại, không có cuộc cách mạng thuật sự (narrative revolution) nào ở đời Đường. Truyện truyền kỳ là thành quả tất nhiên của một quá trình tiến hóa bằng cách làm giàu và cải tiến truyền thống thuật sự có từ thời Lục Triều (tr. 73). Trong lịch sử văn học Trung Hoa, cuộc cách mạng thực sự được mệnh danh là "cách mệnh tiểu thuyết" chỉ diễn ra vào đầu thế kỷ 20 do Lương Khải Siêu (Liang Qichao) và một số học giả đề xướng và được thực hành bởi Lỗ Tấn và nhiều nhà văn hiện đại khác (tr. 75).

Nọa tính lịch sử

Quan sát kỹ sự phát triển của *xiaoshuo* từ xưa đến nay, MDG nhận thấy có một sự bám víu sáng tạo vào lịch sử. Lịch sử như một cây gậy cho *xiaoshuo* dựa vào và khi dùng quá lâu, cây gậy đó biến thành một thứ chân giả mà người ta không thể nào bỏ ra được. Đến nỗi nó trở thành một cái nợ. Có thể nói *xiaoshuo* Trung Hoa nợ sự phát triển của mình ở sử tính. Hơn thế nữa, trong khi chấp nhận cho *xiaoshuo* tồn tại, lịch sử lại bắt giữ *xiaoshuo*, cầm nó làm con tin, như là nô lệ. MDG gọi hiện tượng lạ thường đó là "nọa tính lịch sử" (historical inertia) hay "nọa tính tự sự" (narrative inertia). Nọa tính đó khống chế sự sáng tạo và đầu óc tưởng tượng của người viết xiaoshuo mãi cho đến giờ vẫn chưa khắc phục được. Bám víu vào lịch sử làm cho không gian hư cấu bị giới hạn lại, chủ đề và hình thức sáng tác không thoát ra khỏi khuôn khổ. Do đó, nọa tính không còn mang tính lịch sử nữa mà trở thành "nọa tính sáng tạo" (creative inertia) (tr. 65). Tại sao lại có nọa tính này? Đó là sự tôn trọng ý nghĩa lịch sử, tinh thần "thuật nhi bất tác", sự nhấn mạnh quá đáng trên nghệ thuật mô phỏng, tình cảm khoái trá về những gì được lập lại của người Trung Hoa. Kim Thánh Thán có lẽ là người đầu tiên nhìn ra nhược điểm đó của *xiaoshuo*. Theo ông, khi dựa vào lịch sử, tác giả ít vận dụng óc tưởng tượng, ít sáng tạo, kéo lê ngòi bút theo nhân vật và biến cố đã xảy ra, chỉ thay đổi đôi chút. Rốt cuộc, tác giả hành động như một người phụ tá, chỉ biết truyền đi những thông điệp có sẵn.

Tiểu thuyết lịch sử đạt đến đỉnh cao vào cuối đời Nguyên đến đời Minh rồi Thanh với sự ra đời

của "tiểu thuyết chương hồi" (*zhanghui xiaoshuo*/ chaptered novels) mà điển hình là những bộ truyện lừng danh như Tam Quốc Diễn Nghĩa (*Sanguo Yanyi*), Thủy Hử truyện (*Shuihui Zhuan*). Dấu vết lịch sử vẫn không mất đất đứng ngay cả trong những tác phẩm hư cấu đúng nghĩa như Kim Bình Mai, Hồng Lâu Mộng, Nho Lâm ngoại sử (*Rulin Waishi*) và tiếp tục chế ngự cho đến thời hiện đại, trong các tác phẩm của Lỗ Tấn và cả trong nền văn chương thời Cộng Sản. Sau cuộc Cách Mạng Văn Hóa (1966-1976), nhiều tiểu thuyết lịch sử lại xuất hiện trở lại ở Trung Cộng.

Ảnh hưởng của lịch sử còn chi phối cả trên lãnh vực phê bình văn học. Hiện tượng này được gọi là thuật viết sử hư cấu (fictional historiography), theo đó, người ta dùng các sự kiện lịch sử để phân tích văn chương. Có nhà nghiên cứu còn săm soi đi tìm lai lịch của nhân vật. Chẳng hạn Trần Dần Khác (*Chen Yinke*), một sử gia hiện đại nổi tiếng, phát hiện ra rằng nhân vật Oanh Oanh trong "Oanh Oanh truyện" - một *xiaoshuo* thời Lục Triều - không phải là một cô gái xuất thân từ gia đình quý phái nhà lành (như truyện mô tả) mà là một ả đào. Một học giả khác, theo chân họ Trần, quả quyết thêm rằng đó là một gái làng chơi ngoại quốc (tr. 64).

"Nọa tính lịch sử" hàm chứa một nghịch lý: một mặt, xiaoshuo phát triển nhờ bám vào lịch sử, nhưng mặt khác, nó phải chiến đấu chống lại ân nhân của mình để đạt đến cùng đích là hư cấu thuần túy. Đó là cuộc tranh đấu giữa nọa tính lịch sử và năng động sáng tạo. MDG quả quyết: nọa tính lịch sử được phản ảnh trong lý thuyết về hư cấu Trung Hoa (tr. 63).

Tính thơ trong *xiaoshuo*

MDG dành một phần khá dài để bàn về bản chất thi ca trong hư cấu Trung Hoa.

Trong truyền thống văn chương Trung Hoa, thơ chiếm địa vị sang cả trong lúc văn xuôi nói chung chỉ đóng một vai trò khiêm nhường như một cô hầu. Trong phần bàn về *xiaoshuo*, Ban Cố gợi ý cho biết *xiaoshuo* và thơ đều cùng từ Kinh Thi (*Shijin*)/Book of Songs) mà ra. Cả hai đều là sản phẩm do sự bộc phát tình cảm con người rồi được các viên tiểu quan triều đình sưu tập. Nhưng Khổng Tử và môn đệ ca tụng thơ và rẻ rúng *xiaoshuo*, đẩy nó vào hàng thứ yếu, xem nó như là một hình thức văn chương không nghiêm túc. Điều này, theo MDG, không khác gì với phương Tây. Mãi cho đến cuối thứ kỷ thứ 19, văn xuôi vẫn còn bị xem là đứa con ghẻ (tr. 102). Có lẽ vì thế, khi nghiên cứu văn chương Trung Hoa, người ta thường tách bạch thơ ra khỏi văn và bỏ quên một điều quan trọng: tương quan giữa văn và thơ trong sự tiến triển của *xiaoshuo* từ những chuyện đường phố đơn giản đến hình thức của hư cấu hiện đại.

Tiến trình phát triển có ý nghĩa nhất và có tác động mạnh mẽ nhất trong văn chương Trung Hoa được MDG gọi là tiến trình thẩm mỹ hóa (aestheticization). Tiến trình này liên quan đến nhiều nghành khác nhau trong nghệ thuật Trung Hoa. Riêng về *xiaoshuo*, MDG nhấn mạnh đến ảnh hưởng lớn lao của thơ trữ tình trong tiến trình thẩm mỹ của nó. Khi nghiên cứu sự phát triển của hư cấu Trung Hoa, các học giả chỉ lưu tâm đến quan điểm "từ sử đến hư cấu" (history-to-fiction) cho rằng *xiaoshuo* phát triển chỉ từ sử ký. Nhiều học giả cho rằng, sử học có một ảnh hưởng hữu ích trên sự phát triển của *xiaoshuo* trong lúc ưu thế của thơ làm cho *xiaoshuo* trở nên còi cọc. MDG không phủ nhận vai trò của lịch sử, nhưng cho rằng chính sự quá lệ thuộc vào lịch sử tạo thành "nọa tính lịch sử", làm ngăn trở sự phát triển. Trong lúc đó, thơ trữ tình bị trách là làm chậm sự phát triển của *xiaoshuo*, thì thực ra nó lại có một ảnh hưởng tích cực không ngờ. MDG quả quyết: trong khi tương quan thân hữu và hợp tác của *xiaoshuo* với lịch sử là không hoàn toàn tích cực thì tương quan không ổn định và thường căng thẳng với thi ca trữ tình không hoàn toàn tiêu cực. Tại sao? Tại vì thơ buộc *xiaoshuo* phải tranh chấp với áp lực của nó để tự mài sắc cảm quan thẩm mỹ của mình và cuối cùng, giúp *xiaoshuo* phát triển thành một nghệ thuật ngôn từ.

MDG cho rằng một phần có ý nghĩa của quá trình thẩm mỹ hóa *xiaoshuo* là một chuyển động được hướng dẫn bởi những xung động vô thức thúc đẩy xiaoshuo vươn lên và tranh chấp với thơ. MDG mượn ý niệm về phân tâm học của Freud về ý thức và vô thức để hình dung tiến trình thẩm mỹ hóa *xiaoshuo* như sau:

- ý thức hư cấu (fictinal conscious): xu hướng thẩm mỹ hướng về một loại hình văn chương riêng biệt, độc lập với thơ và lịch sử.
- vô thức hay tiềm thức trữ tình (lyric unconscious or preconscious): khát vọng tranh chấp và vươn lên ngang với thơ trữ tình.
- vô thức lịch sử (historical unconscious): sức mạnh quyết định thường xuyên ảnh hưởng lên các điều kiện thẩm mỹ của hư cấu.

Có thể nói hư cấu Trung Hoa được khai sinh do sự tương tác giữa ba sức mạnh sáng tạo đó. Lịch

sử đưa ra những quy định có tính giáo điều để *xiaoshuo* tuân hành trong lúc thi ca trữ tình là mẫu mực lý tưởng để *xiaoshuo* tìm cách đồng hóa. (tr. 99)

Không có xung động thơ, *xiaoshuo* không thể phát triển thành một nghệ thuật ngôn từ. Điều đó tạo nên sự thay đổi mà MDG gọi là tiến trình thi hóa (poeticization), hay nói một cách khác là chuyển động thẩm mỹ hóa *xiaoshuo* dựa theo thơ trữ tình (tr. 98). Thi hóa đưa đến "hư cấu thơ" (poetic fiction). "Hư cấu thơ" là cụm từ MDG sáng tạo ra để chỉ loại văn xuôi hư cấu với đặc tính của thơ trữ tình. Đó là một cơ cấu nằm sâu bên trong *xiaoshuo*. "Hư cấu thơ" có thể tìm thấy trong một số *xiaoshuo* thời Lục Triều và ở đời nhà Đường. Nhưng nỗ lực cụ thể trong việc sáng tạo "hư cấu thơ" chính là bắt đầu ở Kim Bình Mai, đạt đến đỉnh cao ở Hồng Lâu Mộng mà ông gọi là một loại "truyện thơ" (poetic novel), rồi được tiếp nối bởi các tác phẩm của Lỗ Tấn và tiếp tục đến ngày nay. MDG quả quyết, nếu không có tiến trình thi hóa, sự chuyên chế của lịch sử sẽ không thể nào vượt qua và hư cấu thuần túy Trung Hoa sẽ không thể nào chín muồi vào thế kỷ thứ 16 (tr. 103).

Trong điều kiện đó, các tác phẩm hư cấu Trung Hoa phát triển một kỹ thuật độc đáo mà MDG gọi là "poetic sandwiches" (bánh kẹp thơ). MDG dùng thuật ngữ này để diễn tả sự kiện truyện Tàu nào cũng có bài thơ mở đầu, bài thơ kết thúc cùng với một hay nhiều bài thơ ở giữa truyện. Không những thế, thơ còn được dùng ở đầu mỗi chương thay thế cho tựa đề. Trong những tác phẩm với phẩm chất nghệ thuật cao, tác giả không còn trích thơ của người khác mà sử dụng chính thơ mình và biến chúng thành một phần của tác phẩm. Những câu thơ như thế khi thì dùng để tả người và sự kiện khi thì chứa đựng ý kiến của tác giả khi thì tóm tắt chương trước và có khi là một lời bình phẩm luân lý. Chúng trông có vẻ như không quan trọng mấy đối với câu chuyện và thường được xem như là cách tác giả muốn đối sánh với nhà thơ, nhưng nhìn ở một góc cạnh khác, rõ ràng là chúng biểu lộ sự hiện diện của tiềm năng thơ trong việc sáng tác truyện hư cấu (tr. 107).

Cốt lõi của nghệ thuật hư cấu, theo MDG, là "một cấu trúc hình thức sản xuất ra được những ý nghĩa phụ trội nằm ngoài những ý nghĩa đã có sẵn" (tr. 122). Ý nghĩa phụ trội mà MDG đề cập ở đây, chính là cái mà ông gọi là "giá trị ý nghĩa thặng dư" (surplus signifying value), theo đó, một câu chuyện chỉ có thể trở thành nghệ thuật hư cấu nếu nó chứa đựng một cái gì vượt ra ngoài bản thân nó. Điều đó, theo MDG, cho thấy mối liên quan mật thiết giữa *xiaoshuo* và thơ truyền thống Trung Hoa. Trong thơ truyền thống, giá trị thặng dư trong một diễn ngôn gọi là "gợi ý thẩm mỹ" (aesthetic suggestiveness) được diễn tả qua một số khái niệm phổ biến như: ý tại ngôn ngoại, huyền ngoại chi âm, tượng ngoại chi tượng, hàm súc.

Bước ngoặt thẩm mỹ

Khác với hư cấu châu Âu, vốn nảy sinh từ đòi hỏi giải trí của giới thương gia và làm thỏa mãn sở thích công chúng, *xiaoshuo*, trong nghệ thuật ngôn từ hoàn chỉnh của nó, hiện hữu như là kết quả vừa do ảnh hưởng của giới trí thức vừa là một xu hướng tự-ý thức, tranh chấp với thi ca và văn xuôi cổ điển. Có thể nói, *xiaoshuo* đã phải trải qua một quá trình chuyển biến lâu dài mới đạt đến trình độ hiện nay. Quá trình đó diễn ra từ từ qua những bước ngoặt được MDG lý giải sau đây:

- Bước ngoặt đầu tiên là hư cấu tính, bắt đầu từ thời xa xưa cho đến giai đoạn Lục Triều với "chí quái", "chí nhân". Ta có thể tìm thấy trong chúng hầu hết những yếu tố của hư cấu hiện đại nhưng không có một hình thức đơn lẻ nào chứa đựng đủ các yếu tố đó.

- Bước ngoặt chuyển sang xu hướng hiện thực và nội giới (inwardness): Bước ngoặt này đã tiềm ẩn từ thời Lục Triều và đạt được những bước căn bản vào thời nhà Đường qua các truyện "truyền kỳ" mà thường tác giả xác định là họ kể chuyện có thực (thực ra là tạo hiệu quả như thực/reality effect) cùng thăm dò nội tâm nhân vật.

- Bước ngoặt chuyển sang tính đa diện và độ dài: diễn ra từ đời nhà Tống đến đời nhà Nguyên và kéo dài đến đời nhà Minh với loại truyện ngắn gọi là "thoại bản" (*huaben*) chuyển sang loại "nghĩ thoại bản" (*nihuaben*) hay "chương hồi tiểu thuyết" vào cuối đời nhà Minh và đời nhà Thanh. Với bước ngoặt này, *xiaoshuo* có tính cách mở (open fiction). Nó không còn chỉ tập trung vào một nhãn quan sáng tạo duy nhất mà nhắm đến tính đa diện, đưa đến nhiều cách lý giải khác nhau xuyên qua ý định tác giả, sắp xếp cốt truyện, tính mô phỏng.

- Chuyển đổi cách viết: Sự chuyển đổi cách viết từ truyện hư cấu lịch sử sang hư cấu thuần túy có thể giảng nghĩa về mặt ý niệm do sự thay đổi từ ý niệm về biểu tượng (concept of symbol) đến ý niệm về ký hiệu (concept of sign). Cách viết biểu tượng như "Tam quốc chí" chẳng hạn, kể lại

những biến cố đã xảy ra nhằm làm nổi bật một số ý tưởng phổ quát như trung thành, can đảm, đạo đức, anh hùng. Trong lúc đó, cách viết ký hiệu không quy cho một hiện thực riêng biệt nào, mà gợi nên một tập hợp những hình ảnh và ý tưởng liên kết nhau, qua đó, ý nghĩa là kết quả của sự tương tác giữa ký hiệu này với ký hiệu khác và đặc biệt là trong môi trường của nó, những cơ cấu mới luôn được phát sinh và chuyển đổi (tr. 93).

- Sự thay đổi trong ý niệm như thế dẫn đến bước ngoặt ngữ học (linguistic turn) hướng đến nghệ thuật ngôn từ, tức là hư cấu thuần túy. Như tên gọi, bước ngoặt ngữ học đề cập đến vai trò của ngôn ngữ trong việc sáng tác. Trước đó, ngôn ngữ chỉ được xem như một phương tiện chuyên chở khung cảnh, cốt chuyện, nhân vật, biến cố. Với bước ngoặt ngữ học, ngôn ngữ không còn là phương tiện của hư cấu mà là một hình thức nghệ thuật dựa trên chính nó. Nói như thế không có nghĩa là nó bỏ rơi những chức năng đã có từ trước, trái lại, làm giàu và mở rộng những chức năng đó. Kết quả là truyện trở thành một tồn tại độc lập, tách khỏi những hình thức viết khác như triết hay lịch sử để từ đó mở ra một không gian miêu tả mới và hình thức chú giải mới (tr. 92).

MDG so sánh truyện hư cấu này với môn thư pháp (calligraphy). Trong thư pháp, ngôn ngữ được dùng không như một yếu tố tạo nghĩa mà như một chất liệu vật chất, đối tượng của cái nhìn mỹ học. Thường thì nội dung của cái viết là chuyển nghĩa, nhưng ở đây thư pháp gia (calligrapher) không xem chuyển nghĩa là mục đích chính, mà là truyền cái thần của chữ qua hình dáng, cơ cấu, nét bút.

Bước ngoặt ngữ học dựa trên ngôn từ như một hệ thống ký hiệu học cấp hai (second order semiotic system), tức là trên bình diện hàm ngụ (connotation), bình diện của những ý nghĩa ẩn dụ, không thể tìm thấy trên bình diện biểu hiện (denotation). Trên bình diện biểu hiện, bản văn là một câu chuyện hay, nhưng hệ thống cấp hai ở dưới có thể che giấu nhiều ý nghĩa khác. Theo hủy-cấu-trúc luận, ngôn ngữ là cái gì luôn luôn trượt, vô định và chứa đựng trong nó tiềm năng có ý nghĩa (đôi khi) ngược lại với cái lẽ ra nó muốn nói. Với bước ngoặt ngữ học, truyện hư cấu Trung Hoa chia sẻ quan điểm này đồng thời còn nhấn mạnh ở chỗ chính ngôn ngữ tạo nên câu chuyện.

MDG cho rằng trong lịch sử *xiaoshuo* Trung Hoa, một trong những truyện tạo được bước ngoặt ngữ học, là "Thư si" (Người mê sách) của Bồ Tùng Linh (*Pu Songling*/1640-1715) trong "Liêu Trai chí dị" (*Liaozhai Zhiyi*). Dựa theo nghĩa đen của một bài thơ của vua Chân Tông nhà Tống (998-1022) và được viết theo lối "hiện thực huyền ảo", tác giả tạo nên một câu chuyện tình với đủ mọi khía cạnh: hiến dâng, chia cách, trừng phạt, đền tội. Đó là một câu chuyện nằm ngoài ý nghĩa thông thường của nó vừa cả về hình thức vừa về nội dung. MDG cho rằng Bồ Tùng Linh bắt chước lối viết thư pháp trong khi sáng tác. Tác giả không quan tâm đến chuyện chuyển nội dung bài thơ thành một *xiaoshuo*, nhưng chuyển nó thành một nghệ thuật kể chuyện. Ông sử dụng từ ngữ y như đất sét là chất liệu trong tay nhà điêu khắc (tr. 95). Qua cách vận dụng ngôn ngữ, Bồ Tùng Linh tạo ra nhiều cách miêu tả khác nhau: hiện thực, huyền ảo, tính trớ trêu (irony), siêu hình. Chẳng hạn như người đọc tưởng như câu chuyện khuyến khích người ta học hành chăm chỉ, nhưng không phải thế. Người con gái hiện ra từ trong sách hóa ra là cố khuyên anh ta đừng trở thành con mọt sách.

Trong lời tựa của "Liêu Trai chí dị", Bồ Tùng Linh thú nhận ông nối tiếp cách viết của loại truyện "chí quái" thời Lục Triều. Thực ra, về mặt kỹ thuật, Bồ Tùng Linh tiến rất xa về mặt này. Với kỹ thuật viết như thế, MDG cho rằng "Liêu Trai chí dị" được xem như không những mang tính hiện đại mà còn có phong cách hậu hiện đại với những tính chất như: tính trớ trêu, sự nhại văn, tính chất liên văn bản, ý nghĩa cấp hai, hiện thực huyền ảo. Chẳng trách nhà văn Kafka rất ngưỡng mộ Bồ Tùng Linh khi đọc qua bản dịch một số truyện trong "Liêu Trai chí dị" mà ông đánh giá là "sắc sảo" (tr. 96).

Kim Bình Mai và Hồng Lâu Mộng

Sau khi đã thảo luận rốt ráo về lý thuyết, MDG dành hai chương 5 và 6 khá dài bàn tỉ mỉ về hai tác phẩm mà ông cho là tiêu biểu cho văn chương cổ điển Trung Hoa, có thể sánh với văn chương hiện đại:

- Nghệ thuật Kim Bình Mai: Phương pháp viết truyện hư cấu (The art of the Jin Ping Mei: Poetics of Pure Fiction)

- Nghệ thuật của Hồng Lâu Mộng: Hư cấu thơ và hư cấu mở (The Art of Hongloumeng: Poetic Fiction and Open Fiction)

Với Kim Bình Mai (đầu thế kỷ 17), đây là tác phẩm đầu tiên trong lịch sử văn chương Trung Hoa, được sáng tác bởi một tác giả duy nhất vừa về chủ đề, kỹ thuật lẫn bố cục. Các truyện trước đó, dù có thể mang tên một người viết, nhưng

thực sự là do sự thu nhặt lại các câu chuyện của nhiều người. Mặt khác, các truyện trước thường mô tả cái bên ngoài (external focus), thì Kim Bình Mai thăm dò nội tâm của nhân vật. Đến Hồng Lâu Mộng (giữa thế kỷ 18) thì *xiaoshuo* đạt đến đỉnh cao, đưa nó trở thành một siêu hư cấu (metafiction). Bằng cách biến toàn thể tiến trình thuật sự thành ra một nghệ thuật ngôn từ, Hồng Lâu Mộng mở ra một bước phát triển hoàn toàn mới của văn chương Trung Hoa.

* Kim Bình Mai (*Jin Ping Mei*) của một người có bút hiệu là Lan Lăng Tiếu Tiếu Sinh *(Lanling Xiao Xiao Sheng)*, theo các học giả nghiên cứu về tiểu thuyết Trung Hoa truyền thống, là cột mốc quan trọng nhất trong sự chuyển đổi *xiaoshuo* Trung Hoa từ sử tính sang hư cấu tính. MDG cho rằng, dù có cùng mối quan tâm và cùng lối viết chương hồi với ba kiệt tác đời nhà Minh "Tam quốc diễn nghĩa", "Thủy hử truyện" và "Tây du ký", Kim Bình Mai là bước ngoặt căn bản tách khỏi truyền thống *xiaoshuo* vừa về lãnh vực chủ đề, xung động sáng tạo, cảm quan nghệ thuật và kỹ thuật viết (tr. 125). *Xiaoshuo* có một hình thức mới về diễn đạt có thể so sánh với ý niệm hiện đại về truyện hư cấu.

Một sự kiện căn bản mà ít người chú ý: Kim Bình Mai là một sáng tác với ý thức đầy đủ hướng về hư cấu thuần túy. Những vay mượn ở các truyện trước, nếu có, chỉ là chất liệu. Vì không để ý đến điểm này, nên nhiều nhà nghiên cứu văn học loay hoay không tìm ra một lý giải hợp lý, đưa đến những hiểu lầm gây nên nhiều tranh cãi về cách viết, chủ đề, ngôn ngữ và nhất là ý định của tác giả. Mặt khác, trong lúc chủ đề ở các truyện khác rất dễ tóm tắt vì chỉ có một, chủ đề của Kim Bình Mai chống lại việc thu tóm tất cả vào một chủ đề duy nhất. Nó tạo ra nhiều cách lý giải khác nhau: ý nghĩa chính trị, luân lý dạy đời, xúc động bị dồn ép, trả thù gia đình, hiện thực xã hội, chống truyền thống, sự xuất hiện của giai cấp tư sản, sự thức tỉnh ý thức cá nhân, vân vân.

Đặc biệt, nhiều người cho rằng Kim Bình Mai đạt đến đỉnh cao trong nền văn chương dục tính Trung Hoa. Sự nổ bùng về dục tính trong văn chương vào thời nhà Minh và sự xuất hiện của KBM chứng minh cho lập luận cho rằng việc tò mò về dục tính là động lực cho việc đọc và sáng tạo *xiaoshuo*. Đời sống gia đình và tình dục, đặc biệt là sự gian dâm (adultery) là một trong những đề tài ưa thích thời đó. Theo MDG, "không phải tình cờ mà tác giả Kim Bình Mai đã chọn một đoạn từ Thủy Hử nói về đời sống gia đình và sự gian dâm như là nền tảng cho sự phát triển câu chuyện và biểu hiện đầy đủ của một truyện dài" (tr. 134).

MDG dẫn lại ý kiến của David Roy cho rằng ngoại trừ *Tale of Genji* (Genji Monogatari = Nguyên Thị Vật Ngữ/1010) (10) và *Don Quixote* (1615), không có tác phẩm hư cấu nào trước đây có sự điêu luyện trong văn chương thế giới tương đương với Kim Bình Mai. Kim Bình Mai hình thành từ một ý niệm dựng truyện mới, khiến nó trở thành một thứ *xiaoshuo* hoàn toàn khác trước. Kim Thánh Thán (*Jin Shengtan*/1610-1661) nhận xét: trong lúc các sách sử ký dựa vào nguyên tắc "dụng văn vận sử" thì Kim Bình Mai dựa vào ý niệm "nhân văn sinh sự", nghĩa là câu chuyện được tạo thành từ ngôn ngữ. Mặt khác, cốt truyện chính phát triển từ một hệ thống những tên người, theo đó, tên của các nhân vật là những ẩn dụ, ám chỉ cuộc đời và thân phận của họ: "nhân danh sinh sự", nghĩa là chuyện được dựng từ tên người).

GMD đặc biệt ca ngợi tài năng của Trương Trúc Pha (*Zhang Zhupo*/1670-1698) trong việc bình giải Kim Bình Mai. Lập luận của Trương Trúc Pha sắc nét đến nỗi GMD cho rằng, so sánh với sự chặt chẽ có tính hệ thống và lý thuyết trong cách luận bàn của ông ta, các nghiên cứu hiện đại về lý thuyết thuật sự liên quan đến truyện hư cấu trông khá mờ nhạt (tr. 131). Andrew Plaks, trong lời tựa của "The Four Master Works of the Ming Novels", cho rằng mặc dù còn thiếu sót, những lời phê bình của Trương Trúc Pha có thể so sánh với các công trình nghiên cứu của các học giả hiện đại. Plaks cho đó là một công trình nghiên cứu toàn diện và hệ thống về truyện hư cấu trước thời hiện đại. Theo Trương Trúc Pha, Kim Bình Mai là một tác phẩm "nhất bộ thiên châm vạn tuyến", nghĩa là một tiến trình thêu dệt công phu bằng hàng ngàn mũi kim và chục ngàn sợi chỉ. Y như cách "nhện giăng tơ" (spider's weaving). Lời bình phẩm này, theo MDG, không khác xa lắm với nhận xét của Roland Barthes, theo đó, văn bản trong khi đang được sáng tác, tựa như một tấm đăng ten được tạo ra dưới mắt chúng ta bằng những ngón tay của người thợ. Và tiến trình này có giá trị cho toàn văn bản. Có nghĩa là tác phẩm văn chương được nhìn không như một công việc nhào trộn (wrought work) mà là một văn bản được thêu dệt (woven text) (tr. 147).

Chính vì tác phẩm được nhìn như một tấm vải dệt, nên Kim Bình Mai trở nên đa dạng, đa nghĩa, tạo điều kiện cho nhiều cách đọc khác nhau. Nếu muốn xem đó là một tác phẩm theo khuôn thước

Nho giáo thì nó sẽ hiện ra trong tinh thần Nho gia; nếu muốn nhìn nó như một tác phẩm Đạo giáo, nó sẽ hiện ra trong tinh thần Đạo giáo; nếu muốn xem nó như một dâm thư thì nó sẽ hiện ra như dâm thư. Và về mặt nghệ thuật, nếu xem nó là một tác phẩm lớn thì nó sẽ là tác phẩm lớn; nếu xem nó tầm thường thì nó sẽ là tác phẩm tầm thường. Tóm lại, truyện được cấu tạo khéo đến nỗi người ta có thể lý giải bằng nhiều cách khác nhau. Bởi thế, "Kim Bình Mai đã góp phần đổi mới vào lý thuyết Trung Hoa về hư cấu, mà nếu không có nó, những nhà văn về sau có thể đã phải mò mẫm trong bóng tối" (tr. 152).

* Hồng Lâu Mộng (*Hongloumeng*) của Tào Tuyết Cần (*Cao Xueqin*/1715 - 1763) là điển hình cho một truyện hư cấu thuần túy, hư cấu toàn diện, siêu hư cấu (metafiction) và trên hết là một hư cấu mở (open fiction). Hồng Lâu Mộng đã phá vỡ tất cả những ý tưởng truyền thống về cách viết trước đó, khiến tác phẩm đi đến gần với hai kiệt tác thế kỷ 20 của James Joyce: *Ulysses* và *Finnegans*. Dù tác giả không viết một tiểu luận nào bàn về cách viết, truyện chứa đựng một cái nhìn thấu suốt về bản chất của văn chương, có thể được sử dụng như là một lý thuyết về hư cấu (tr. 153). Tác giả có một ý thức đầy đủ về sự liên quan giữa việc sáng tác và lý thuyết về sáng tác. Ông đã làm việc gian khổ trong cả mười năm, viết đi viết lại năm lần. MDG nhận định: Hồng Lâu Mộng được sáng tác dựa trên ba phong cách thể hiện: mô phỏng (mimesis), ký hiệu học (semiosis) và tái hiện (simulation)

Theo GMD, việc nhân vật chính Giả Bảo Ngọc viếng thăm khu vườn ảo trong giấc mơ và sau đó, sự xuất hiện của khu vườn kỳ lạ "Đại quan viên" là chủ đề chính của tác phẩm. Chủ đề đó là hiện tượng nghịch lý chân/giả: thế giới ảo hiện ra trong giấc mơ của Giả Bảo Ngọc (chương 5) và thế giới thật là "Đại Quan viên" (chương 17& 18), khu vườn có thật trong truyện là hai thế giới đối lập, tương phản nhau. Tính nhị nguyên như thế không phải là điều mới lạ trong truyền thống văn chương và triết lý Trung Hoa. Nhưng nó biểu hiện trong Hồng Lâu Mộng một cách khác, theo MDG. Cái khác đó là: cái thực lại mô phỏng cái giả. "Đại quan viên" "thực" là một mô phỏng của giấc mơ "giả". Theo lý thuyết về mô phỏng thì sự mô phỏng diễn ra khi có một vật mẫu (model) và bản sao của nó (copy). Bản sao là sao từ vật mẫu. Hồng Lâu Mộng làm điều ngược lại: Đại quan viên là cái có thực lại là bản sao của cái không thực là giấc mơ. Cái giả trở thành vật mẫu và cái thực lại trở thành bản sao.

Một cái nhìn như thế đưa quan điểm của Tào Tuyết Cần về thế giới gần với một ý niệm hiện đại về "simulation" (tái hiện) của John Baudrillard, theo đó, tái hiện là mô phỏng cái đã được mô phỏng, do đó, bị cắt dứt hoàn toàn với vật mẫu đầu tiên được xem như là "hiện thực" và tạo ra một cái mà Baudrillard gọi là "ngoại thực" (tạm dịch từ chữ "hyperreal"). Như thế, tác giả không chỉ tạo ra một truyện hư cấu thuần túy mà mục đích sáng tạo của ông tương tự như chức năng "tái hiện". Tái hiện khác hư cấu bình thường ở chỗ nó "không chỉ trình bày một vắng mặt như đang hiện diện, một tưởng tượng như đang có thực, mà còn là làm xói mòn bất cứ mâu thuẫn nào với cái có thực, hấp thu cái thực vào bên trong chính nó"(tr. 157). Vì tái hiện, theo Baudrillard, đe dọa xóa đi sự khác biệt giữa đúng và sai, thực và tưởng tượng.

Cái nhìn của tác giả xuất phát từ nhận thức luận siêu hình về thế giới: thực/giả, tưởng tượng/ hiện thực. Theo ông, cái nhìn đó thấm nhuần ý tưởng của Đạo giáo, một cái nhìn được xem như "hủy cấu trúc" theo thuật ngữ hiện đại (tr. 159). Tương tự như ý niệm "Hồ điệp hóa Trang sinh" của Trang Tử, tính cách mập mờ của nhân vật chính Giả Bảo Ngọc thực và giả, thế này và thế khác chịu ảnh hưởng của Trang Tử về tính tương đối của ngôn ngữ: những gì nói ra không nhất thiết chỉ có một nghĩa duy nhất nào đó. MDG ngưỡng mộ sâu xa cái nhìn của tác giả vào bản chất vô định của ngôn ngữ. Ông đồng ý với nhận định của Vương Hy Liêm (đầu thế kỷ 19): "Những từ ngữ then chốt trong Hồng Lâu Mộng là 'chân' và 'giả'. Độc giả có thể biết rằng "chân là giả, giả là chân, có giả trong chân, có chân trong giả, chân là không chân, giả là không giả" (tr. 161).

Thông điệp của tác giả, theo MDG, là ông muốn sáng tác một truyện có tính cách "mở" (open fiction), hiểu theo nghĩa của Roland Barthes: "Viết là sự phá hủy mọi tiếng nói, mọi nguồn gốc, là nơi mà chủ thể luôn luôn bị trượt đi, nơi mà mọi căn cước bị đánh mất để chỉ còn có cái viết." MDG tin rằng Tào Tuyết Cần có lẽ là nhà văn Trung Hoa đầu tiên ý thức đầy đủ về tiềm năng phá hủy của ngôn ngữ và khả thể vô tận của diễn ngôn"(tr. 161).

MDG còn tìm thấy một điểm quan trọng khác trong Hồng Lâu Mộng là vai trò của giấc mơ. Tác giả đã khảo sát kỹ cơ cấu giấc mơ khi đưa

vào truyện. "Nếu Freud có may mắn được đọc Hồng Lâu Mộng thì có lẽ ông ta đã xếp TàoTuyết Cần vào trong hàng ngũ những nhà văn đã khám phá ra vô thức" (tr. 171). Cái nhìn sáng tạo và kỹ thuật miêu tả mở có thể xuất phát từ sự hiểu biết sâu xa của tác giả về giấc mơ. MDG gọi Hồng Lâu Mộng là một "siêu giấc mơ" (superdream) (tr. 175). Ông ý thức rõ ràng rằng "giấc mơ là một hình thức của viết và viết là một hình thức của giấc mơ; cả mơ và viết là những ấn tượng và xúc động được sản xuất bởi ngôn ngữ và ký hiệu" (tr. 177).

Cuối cùng, MDG cho rằng Hồng Lâu Mộng mang một số đặc điểm nhắc chúng ta về "tính hoang đường" (fabulation), tính "siêu hư cấu" của truyện Hoa Kỳ, xu hướng "tân tiểu thuyết" Pháp và bút pháp "hiện thực huyền ảo" của Châu Mỹ La Tinh (tr. 179).

Chương cuối cùng, chương 7, MDG thảo luận về lý thuyết hư cấu theo truyền thống Trung Hoa (Theory Fiction: A Chinese System). Một lý thuyết như thế dựa vào bảy ý niệm chính:

- Khởi nguyên: *phát phẫn trứ thư*: yếu tố tâm lý và trữ tình là nguồn gốc phát sinh hư cấu
- Bản thể luận: *vô trung sinh hữu*: nói lên bản chất nghịch lý của hư cấu là mô phỏng hiện thực nhưng không sao chép hiện thực; tương tự đời sống, nhưng không là đời sống.
- Nhận thức luận: *dĩ giả vi chân*: làm người ta tin như thật một chuyện bịa; trong truyện, những chi tiết tưởng tượng được sử dụng như những chi tiết thực.
- Ý niệm sáng tạo: *đa nguyên cộng tồn*: hư cấu có tính đa đề tài, đa hình thức, đa dạng.
- Cách viết: *huấn cổ hỗ văn*: hư cấu là một nghệ thuật ngôn từ. ("Huấn cổ" là một phương pháp chú giải các bản cổ văn. Có hai cách: tìm nghĩa qua hình dạng của chữ (*dĩ hình sách nghĩa*) và tìm nghĩa qua âm thanh của chữ (*dĩ thanh sách nghĩa*). Phương pháp này về sau biến thành một cách viết.)
- Cách biểu hiện: *kiêm thu tịnh súc*: trộn lẫn nhiều cách biểu hiện khác nhau như hiện thực, duy nhiên, siêu thực, mô phỏng, tái hiện, nhại văn, tính trớ trêu, vân vân...
- Lý thuyết đọc: *thuyên thích khai phóng*: hư cấu là mở, bất toàn, tạo điều kiện cho nhiều cách đọc, nhiều cách lý giải khác nhau.

Trong phần kết luận, MDG đưa ra một số nhận định như sau:

- Trong lúc hư cấu Âu châu chỉ xuất hiện vào thế kỷ thứ 12 và truyện ngắn đầu tiên phải đợi đến thế kỷ 14, thì truyện hư cấu bằng văn xuôi đã xuất hiện từ đầu thời kỳ Lục Triều (thế kỷ 3 đến 6) và đạt đến trình độ hoàn chỉnh vào đời nhà Đường (từ thế kỷ 7 đến 10). Không kể truyện "Tale of Genji" (1010) của Nhật, thì truyện dài đầu tiên trên thế giới xuất hiện ở Trung Hoa.
- Về mặt thực hành, truyện Trung Hoa có những cách viết không khác gì chủ nghĩa hiện đại và hậu hiện đại. Hơn nữa, một số truyện còn được xem như góp thêm phần vào lý thuyết "xuyên văn hóa" (transcultural).
- Trong khi hư cấu Châu Âu phát triển theo trình tự từ sử thi đến lãng mạn, hiện thực, duy nhiên, hiện đại và hậu hiện đại thì truyện Trung Hoa lại có sự chồng chéo các thể loại với nhau.
- Sự khác nhau giữa hư cấu Âu châu và Trung Hoa xuất phát từ sự khác nhau về văn hóa, nhất là trong lãnh vực siêu hình. Trong lúc thế giới quan Âu châu dựa trên "Siêu hình về sự hiện diện" (Metaphysics of Presence) phân cách chủ thể/đối tượng thì thế giới quan Trung Hoa dựa trên "Siêu hình về sự vắng mặt" (Metaphysics of Absence) kết hợp chủ thể và đối tượng vào Nhất Thể (truyện tạo ra thế giới riêng của nó nhưng nó cũng được tạo ra bởi tác giả). Tác giả và tác phẩm là riêng biệt nhau, nhưng không giống như khái niệm về Thượng Đế của Tây phương vốn tách biệt và siêu vượt với cái được tạo dựng, nhà văn trong truyền thống Trung Hoa được xem như không tách biệt hẳn cái mà nó tạo ra. Trong Hồng Lâu Mộng chẳng hạn, tác giả, nhân vật kể chuyện, người biên soạn, độc giả và các nhân vật đan bện vào nhau trong một đại tự sự.
- Ý niệm về hư cấu Trung Hoa về mặt bản thể luận cũng như nhận thức luận, có gốc rễ sâu xa trong ý niệm triết lý đầu tiên của truyền thống Trung Hoa là Đạo. Truyện hư cấu Trung Hoa được xem như một thứ Đạo nhỏ xuất phát từ một Đạo lớn đó theo nguyên tắc "nhất sinh nhị, nhị sinh tam..." Một ý niệm như thế đưa đến sự xóa mờ biên giới giữa hư cấu và siêu hình. Là một hình thức của Đạo, hư cấu Trung Hoa có thể góp phần có ý nghĩa vào lý thuyết hư cấu xuyên văn hóa.
- MDG kết luận: "Vì hư cấu là một nghệ thuật ngôn từ quan tâm đến ngôn ngữ và tương quan của nó với những hiện thực cảm nhận được, chúng ta không thể tìm ra một ý niệm nào trừu tượng và toàn diện hơn nguyên tắc thống nhất của cái Nhất Thể phổ quát trong sự tái ý niệm của chúng ta về hư cấu. Như thế, trong một tinh thần siêu hình, tôi chấm dứt cuốn sách này bằng

cách đề xuất một ý niệm bao quát về hư cấu: truyện hư cấu là một biểu hiện ngữ học của Nhất Thể, là cái Hữu Thể thống nhất thi ca, lịch sử và triết lý vào một mối" (tr. 222).

Cuốn sách không dày lắm (trên 220 trang) nhưng chứa đựng một lượng kiến thức và lý giải dồi dào, đa dạng, không dễ gì tóm tắt lại trong một bài ngắn. Là người chuyên nghiên cứu về văn chương đối chiếu, tác giả đã vận dụng nhiều nguồn tài liệu và nhiều quan điểm đông, tây, kim, cổ khác nhau để soi sáng quá trình phát triển của truyện hư cấu Trung Hoa từ mọi góc nhìn, mọi khía cạnh. Tùy trường hợp, khi thì tác giả dẫn chứng Platon, Aristotle, khi thì dẫn chứng Khổng Tử và những học giả Trung Hoa thời trước, khi thì dẫn chứng những tác giả hiện đại như Victor Mair, Baudrillard, Plaks... đồng thời với các quan điểm hay lý thuyết của họ, từ mô phỏng, phân tâm học, cấu trúc học cho đến phản cấu trúc, hiện thực huyền ảo, vân vân. Tóm lại, tác giả mổ xẻ vấn đề từ trong ra ngoài, từ trên xuống dưới, đưa ra một cái nhìn mới vào một hiện tượng rất cũ, tưởng như đã được giải quyết từ đời nảo đời nao.

Trong phần mở đầu, MDG viết : "Ý định của tôi muốn làm một gạch nối giữa những nhà văn Trung Hoa truyền thống và những kinh nghiệm hiện đại không nên bị diễn giải sai, kiểu như 'Ồ, cái đó, Trung Hoa đã có, có từ lâu lắm rồi' mà nên hiểu như là một nỗ lực chỉ ra sự liên tục giữa quá khứ và hiện tại và ý nghĩa xuyên văn hóa của hư cấu Trung Hoa trong ngữ cảnh toàn cầu của các công trình nghiên cứu văn chương hư cấu" (tr. 16). Nghe thì rất khiêm tốn và giản dị nhưng không kém tham vọng! Chính vì thế, nhiều luận điểm tác giả đưa ra rất thách đố và gợi nên nhiều suy nghĩ. Martin Huang nhận xét: "Nhiều trong những luận cứ của ông có tính khiêu khích hoặc làm động não, buộc chúng ta phải suy nghĩ lại nhiều vấn đề quan trọng trong sự nghiên cứu văn chương Trung Hoa và đặc biệt truyện hư cấu Trung Hoa và đụng đến những câu hỏi hóc búa" (11).

Chấm dứt *Chinese Theories of Fiction: A Non-Western Narrative System*, việc đầu tiên của tôi là đi tìm vài cuốn truyện Tàu: Kim Bình Mai, Hồng Lâu Mộng, Liêu Trai chí dị. Quả thật, sau rất nhiều năm quên bẵng, bây giờ đọc lại cộng thêm một mớ luận điểm của Minh Dong Gu vừa dồn vào trong đầu, các tác phẩm hiện ra với một vẻ hoàn toàn khác.

Khác thế nào? Không dễ gì tìm ra ngay câu trả lời.

Nhưng có một điều chắc chắn: lại một lần nữa, một số điều tưởng như không thể nào thay đổi, đóng chặt vào đầu óc mình y như chân lý không thể di dịch, bỗng nhiên đối diện với nhiều câu hỏi mới tinh.

Ít ra đó cũng là kinh nghiệm của riêng tôi sau mỗi lần đọc xong một bài viết hay một cuốn sách (hay).

(10/2007)

LTS: Bài viết này đồng thời cũng được đưa lên Internet tại "**Tạp chí văn chương Da Màu**", có kèm theo phần chữ Hán cùng với 3 Phụ Lục dành cho quý độc giả nào muốn tham khảo thêm. Xin vào xem ở trang mạng: http://damau.org/.

Chú thích:

(1) Ming Dong Gu, *Chinese Theories of Fiction : A Non-Western Narrative System*, State University of New York Press, 2006.

(2) Ming Dong Gu, *Chinese Theories of Reading And Writing: A Route to Hermeneutics And Open Poetics*, State University of New York Press, 2005.

(3) Trong bài viết này, tên các tác giả Trung Hoa được MDG trích dẫn, tôi chuyển qua âm Hán-Việt từ phiên âm *pin yin*, dựa theo ghi chú bằng Hán văn của chính MDG, để cho độc giả dễ hình dung. Chẳng hạn: Ban Cố là *Ban Gu*, Tư Mã Thiên là *Sima Qian*, Mao Tôn Cương là *Mao Zonggan*, Trương Trúc Pha là *Zhang Zhupo*, Lỗ Tấn là *Lu Xun*, Văn Nhất Đa là *Wen Yiduo*...

(4) Từ *fiction* được tác giả nhắc đi nhắc lại vô số lần trong cuốn sách, khi thì để chỉ truyện hư cấu khi thì để chỉ cách viết. Trong bài, để đơn giản hóa và để chỉ chung cả hai ý niệm, tôi dùng "hư cấu" thay vì "truyện hư cấu" để chỉ từ *fiction* trong sách.

(5) Pin Yin: là một hệ thống la tinh hóa tiếng Quan Thoại tiêu chuẩn, gọi chung là "Hán Ngữ Phanh Âm Phương Án" do nhà nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa (Trung Cộng) soạn, được chính thức sử dụng vào năm 1959.

(6) Tức là *xiaoshuo* (âm *pin yin*) nhưng phát âm theo hệ thống Wade-Giles, hay Wade, là một hệ thống la tinh hóa tiếng Hán vào giữa thế kỷ 19.

(7) Từ đoạn này trở về sau, những con số nằm trong ngoặc đơn là để chỉ số trang trong *Chinese Theories of Fiction : A Non-Western Narrative System*.

(8) Nghĩa tiếng Việt ở các cụm từ này tôi dịch lại từ tiếng Anh của Ming Dong Gu.

(9) Sáu triều đại (*Six Dynasties*/220-581): Ngụy, Thục, Ngô (thời tam quốc), Tây Tấn, Đông Tấn và Nam Bắc triều.

(10) Một tác phẩm cổ điển Nhật, do bà Murasaki Shikibu sáng tác vào thế kỷ 11, dưới triều đại Bình An (Heian), được xem là tác phẩm tiểu thuyết đầu tiên của thế giới.

(11) Trích trang bìa sau.

Hoa Cải

NGUYỄN VĂN THÀ

Người Việt mình không dễ nhờ nhỏi gì, và khi hứa giúp, họ quên đôi lần, rồi quên luôn. Đó là kinh nghiệm nhiều năm chung đụng với trên dưới 35 người Việt ở hãng của Văn, từ những người trí thức, nghiêm trang, cho đến kẻ ba trợn, xuề xòa, từ những người đã vào ngạch, hoặc chỉ làm tạm. Họ có khuôn mặt giông giống nhau, với nhiều bất trắc, gài bẫy trong từng lời nói. Văn sợ quen biết với họ, tránh tiếp xúc khi có thể, và họ cũng chẳng cần gì Văn. Anh ít biết tên họ, nếu biết cũng quên dần, và họ trở thành một khối gồm những khuôn mặt giống như những chuỗi mặt nạ mẹt treo trên vách của một quán bán đồ lưu niệm nào đó ở Việt Nam.

Châu đến với Văn, một ngày, không như thế.

Na Uy, lúc ấy trời đã sang xuân, Văn cần hạt cải giống để ươm đợi nắng hạ đến. Văn thường để dành hạt cải mùa trước để gieo mùa sau, nhưng năm nay dọn nhà, gói hạt giống lạc đâu mất. Trồng cải cay hoa vàng vào mùa hạ đã trở thành một nghi lễ hằng năm đối với Văn. Không có không được. Buồn lắm. Mùa hạ buồn lắm. Lá xanh lá xanh, ngồng cải hoa vàng rưng rưng nắng và mẹ trong nắng cải hoa vàng. Tất cả đã ra đi, ra đi những vang vọng, cả những vang vọng buồn bã vốn quanh quẩn rất lâu trong trí tưởng hơn những vang vọng vui tươi; tuyệt tích những sợi đường, cả những sợi đường thoi thóp bấy nay với những chấm chân vốn đã vô tích sự từ lâu.

Mấy người Việt đi qua bàn ăn Văn đang ngồi trong căng tin. Đôi người nhếch mép cười với Văn, đôi người đi thẳng không nói năng gì, đôi người lại cười, nói to, đ. má đ. mẹ với người (Việt) đi bên cạnh. Có cô gái Việt đi ngược chiều, ngực đeo miếng IPod xanh lá mạ, tay kia cầm tờ báo, có lẽ là báo xuân tiếng Việt, bìa màu vui mắt. Cô, dáng người cao ráo, tóc dài, suôn, kẹp đằng sau, mặt là khuôn trăng muôn thủa của một cô gái miệt vườn, nhìn vào, lòng bỗng bình yên như nhìn vào mặt nước sông quê nhà cô, nhìn rồi còn muốn nhìn nữa, nhìn cả đời không chán, vì nơi đó bình yên cho dù giặc giã quá nhiều, quá lâu, vì nơi đó là bao la cạnh những chật hẹp, eo dèo ở tận đâu đưa đến; và rạng rỡ trên bình yên ấy Trời gieo những lục bình, sen hồng, súng trắng phơi phới quanh năm:

"Chào anh."

"Chào cô. Hân hạnh được cô chào... lại được cô cười. Mà cô tên gì?"

"Trời ơi, gì mà dữ vậy! Em tên Châu."

"Mà cô đang cầm trên tay tờ báo gì đó?"

"Tờ Phù Sa!"

"Mời cô ngồi xuống đây ăn chung với tôi, cho tôi xem ké với."

"Vâng... " Châu đưa tờ báo cho Văn và khẽ khàng kéo ghế ngồi xuống.

Văn lượt qua tờ báo:

"Thế nào mà chẳng có tu hú kêu nước lên, cải lên ngồng hoa vàng, gió bấc tháng chạp bâng khuâng..."

"Vâng, cũng nhiêu đó, mấy ông bà nhà thơ nhà văn nói tới nói lui hoài mà vẫn cứ thích, làm nhớ sông nước, ruộng đồng muốn chết."

"Sao vậy?" Văn ngước đầu lên nhìn vào mặt Châu.

Châu cười:

"Em không biết." Rồi giọng Châu trùng xuống: "Có lẽ vì đó là những cái của ông bà mình."

Văn nhập giòng:

"Nên thương hoài ngàn năm?"

Châu cười thật tươi:

"Đúng rồi. Sao anh tán ra hay vậy? "

Văn cười, đùa:

"Nghề của chàng mà! Mà cô ngồi đây luôn nói chuyện cho vui!"

"Vâng. Mà anh cũng phải ăn đi chớ!"

Văn có vẻ ngạc nhiên vì cái giọng ân cần mà anh chẳng mấy khi được nghe từ nhiều năm nay.

"Mà cô đang nghe gì đó?"

"Leonard Cohen anh à!"

Văn tròn xoe mắt:

"Vậy hả!"

"Vậy hả cái gì? Anh cứ tưởng em đang nghe tuồng cải lương chắc?"

"Vâng, tôi ít nghe cải lương, vọng cổ, nhưng không phải vì thế mà tôi cho cải lương, vọng cổ kém giá trị. Tuy nhiên, Leonard Cohen không phải ai cũng thích nghe. Cô đặc biệt lắm à nghe!"

Châu cười:

"Đặc biệt cái gì! Không dám! Không dám!"

"Leonard Cohen, cô thích bài gì nhất?"

"Em thích nhiều bài, nhưng bài So Long, Marianne cứ quanh quẩn mãi trong đầu. Để coi, gì mà... " Châu hát nho nhỏ "... *Now, so long Marianne. It's time we begin to laugh and cry and cry and laugh about it all again. (Thôi, ta chia tay nhé Marianne. Đến lúc chúng ta lại bắt đầu cười và khóc và khóc, rồi cười về tất cả chuyện ấy.)* Dám ông này kiếp trước là thầy chùa lắm mới viết được như vậy!" Và Châu lại ân cần: "Anh ăn đi kẻo hết giờ ăn, lại đói bụng."

"Nghe cô nói cũng đủ no!"

"Có thì nói, không thì thôi đó nha! Có gì nói tiếp luôn, kẻo sau hối không kịp."

"À ha!... Nhìn cô cũng đủ no."

"Thiệc hông?"

"Thiệc mà!"

"Nữa!"

Hai người yên lặng không nói. Nước sông đã đầy, tu hú không còn kêu nữa. Mênh mông và bình yên vô chừng. Lách chách tiếng nước liếm bờ. Và từ sông nước Cửu Long bước vào vườn cải hoa vàng chỉ trong gang tấc, bước chân giờ này hình như đã là bước chân của hai người, khi thì thấp thoáng sánh đôi, khi thì chập choạng kẻ trước, người sau.

Châu cho biết má cô mới gởi cho cô một bị hột cải cay, từ cải trồng nơi liếp vườn má cô, được phơi nắng kỹ càng, mười hột như một. Và Châu hứa biếu Văn một ít và hẹn ngày mai giờ ăn mang đến căng tin cho Văn.

Nhưng, ngày hôm sau không thấy Châu đâu, Văn có vẻ hơi buồn. Hôm sau cũng chẳng đến, anh buồn hơn, và anh sắp sửa xếp Châu vào số 35 người Việt trên kia, nhưng hôm thứ ba Châu đến, đến bàn Văn đang ngồi, loay hoay đưa cho anh gói hạt cải, ngượng ngùng:

"Xin lỗi em đã sai hẹn. Ba ngày qua em quên, tới hãng mới nhớ. Em cứ tránh mặt anh, vì kỳ quá! Em quên thiệt đó nha!"

"Không sao đâu. Tôi cũng hay quên vậy. Có điều ngồi căng tin, không có cô, thấy văng vắng."

Châu lại vui được ngay:

"Rồi, lại muốn gì đây!" Và Châu chỉ diễu đến chừng đó, rồi im bặt, mặt đỏ mận hồng đào.

Văn mánh thấy rõ:

"Muốn thì muốn nhiều. Nhưng trước mắt cảm ơn cô đã cho hạt cải."

"Có gì đâu anh! Má em dặn: Chia cho bà con bên đó một người một ít trồng cho vui mà. Mà em phải xuống."

"Sao chưa ăn mà đã xuống."

"Em có chút công chuyện." Giọng Châu chăm sóc: "Anh ăn, còn đi làm."

Văn mỉm cười:

"Cảm ơn!"

Mấy anh chàng người Việt ngồi đằng xa mà xem chừng nghe cả: "Chà, tình quá ha!"

Văn không nói gì, và anh cúi xuống mở gói hạt cải, đúng là mười hột như một, đen đen màu đất phù sa, loang loáng ánh sáng đồng xanh, và có cả tiếng sông nước muôn nhánh reo vui và thấp thoáng bóng người nữ ca dao trên từng hạt cải. Những sợi đường tàn phai dần dần thành con đường rộng với những bước chân nhẹ thênh và những vang vọng dễ chịu.

*

Văn đọc ở đâu đó rằng trong tù, có tù nhân chỉ biết nhìn bốn bức tường tăm tối, nhưng cũng có người biết nhìn những vì sao. Cuộc sống ở trại tù cải tạo Bàu Tó cay cực, khổ sở như bao nhiêu nhà tù khác trên đất nước Việt Nam, một Việt Nam bị cộng sản thống trị, nhưng vẫn có những "vì sao" đối với khá nhiều tù nhân: buổi chiều được nghe bài Bèo giạt mây trôi với giọng hát của nữ tù nhân Ngọc từ những loa phát thanh; những bụi hoa phù dung trước thềm buồng giam mà ông trực sinh Thao chăm sóc kỹ lưỡng; nhìn thằng cu, con của nữ tù nhân Ngọc, chạy lăng xăng khu này qua khu khắc; và nghe tiếng sáo của sư huynh Hoành thổi bài Lời mẹ ru của Trịnh Công Sơn. Hành vi của mỗi người thoạt đầu xem ra chỉ làm riêng cho họ, nhưng lại làm vui lòng người chung quanh mình không ít; và biết đâu ảnh hưởng giòng đời của nhiều người, như anh Ngộ đau dạ dày kinh niên có bữa nói với Văn.

Cô Ngọc đó bị án nghe đâu chín mười năm gì đó. Cô có liên can với tổ chức phục quốc vùng Duyên Hải, mà chồng cô, một đại úy bộ binh sư đoàn 18 không chịu đi cải tạo, là người cầm đầu, và đã bị xử bắn.

Hồi nằm biệt giam, hình như Văn có nằm chung phòng biệt giam với ông đại úy đó một thời gian ở trại tạm giam huyện. Ông là một con người có tư cách, mà không tỏ ra là mình như

thế, và ông không phải là một sĩ quan võ biền. Ông biết nhiều văn chương, nhạc của Việt Nam, và của thế giới. Ông nói nhiều về Trịnh Công Sơn, về nhạc tính giản dị thích hợp để chuyên chở những lời ca như thơ của ông, một loại thơ, mà mỗi câu mỗi có những chữ hay đến sững sờ; chúng như trổi lên lên từ một cõi nào, và chúng vào cõi thế này qua ngọn bút của ông. Ông đại úy còn nói về Joan Baez, và nhất là Bob Dylan mà nhiều cuốn tổng tập văn học Tây phương đã đưa lời ca của ông vào như một đại diện tiêu biểu cho nền thi ca Tây phương, tuy nhiên khi so sánh với lời ca của Trịnh Công Sơn, ông cho là Dylan thua xa.

Rồi ông còn lan man qua Lenard Cohen:

"Ông này cũng vậy, lời ca thật đẹp, dùng chữ thật đắt, để coi: You held on me like I was a crucifix , as we went kneeling through the dark." Rồi ông ta nói như reo: "Anh xem: Em siết chặt anh như thể anh là tượng thánh giá. Phải là người có đạo, mà phải người mộ đạo lắm mới thấm thía được hình ảnh cứu rỗi này: You held on me like I was a crucifix... Rồi tôi nhớ chàng ta gọi những cô gái giang hồ là sisters of mercy, những em phước, chị phước, dì phước, bà phước, trong bài hát cùng tên; lại còn And you won't make me jealous, if I hear that they sweeten your night. *Và bạn sẽ không làm cho tôi ghen đâu, nếu tôi nghe rằng các nàng làm ngọt đêm của bạn.* Anh xem: cái động từ sweeten tuyệt vời quá xá! Không có đàn bà cuộc đời này sẽ đắng đót biết bao, dù là những người đàn bà đó có khi chỉ là các cô gái giang hồ!"

"Vâng."

"Tôi, người đã từng nhiều lần nghe lính của tôi trối trăn dặn dò: 'Nhờ đại úy nói lại vợ em lấy chồng, nuôi con,' sau khi nghe lời ca như thế, tôi càng hiểu vì sao họ dặn dò như vậy."

"Vâng, tại các anh ấy thương vợ quá, hối hận vì mình không mang lại cho các nàng hạnh phúc, cái hạnh phúc mà đáng lẽ các nàng được hưởng, mà trái lại, họ lại sắp sửa chịu nỗi đau lớn nhất đời, phải không anh?"

Ông thở dài :

"Ừ, mà như tôi giờ đây, ai đó sau này lấy vợ tôi, đùm bọc lấy nàng, tôi trong thế giới bên kia, tôi rất cảm ơn nghĩa cử ấy. Nàng lại có thai khi chúng tôi bị bắt... Nàng vì tôi, mà chịu khó trong suốt cuộc chiến nay đây mai đó, giờ cũng vì tôi mà sa vào vòng tù tội. Nàng thực sự không đóng vai trò gì trong vụ tôi, nhưng cái tính khinh mạn của nàng làm cho tụi nó ghét. Bọn họ chủ trương chuyện giết người là một việc thiện, nên tôi thấy không hi vọng gì. Nàng tù tội chắc là lâu. Còn tôi, tôi biết tôi thế nào cũng bị án tử. Họ chỉ đợi để bắt hết những người trong tổ chức của chúng tôi."

Văn trở thành bạn tri âm với ông đại úy cho đến khi Văn được chuyển vào buồng chung, và sau đó nghe tin đồn là ông bị đưa ra tòa và bị kết án tử hình, và ngay hôm đó, bị giải ra trại giam tỉnh, chờ ngày hành quyết. Vợ ông ta nghe nói cũng chuyển trại sau đó không lâu.

*

Văn không biết có phải vợ ông đại úy là cô Ngọc này không, vì trong vụ khởi nghĩa đó, có nhiều sĩ quan, công chức của chế độ cũ VNCH bị bắt, bắt tràn lan cả những người thân. Nghe nói cô Ngọc này có giọng hát hay và từ chối vào đoàn văn nghệ trại, nhưng sau đó không biết sao đó lại vào, nhưng cô chỉ hát bài Bèo giạt mây trôi mà thôi. Có lẽ nhờ thế cô không phải lao động cực nhọc, được ở lại phòng đan lát và chăm cho đứa nhỏ mà cô sinh hồi trong tù cách đây năm năm. Không biết tại sao ban giám thị dễ dãi như thế với cô. Hay là bài hát ấy thật xót xa mà cũng thật ủi an cho bao nhiêu thế hệ vợ chồng trong một Đất Nước chiến chinh triền miên, mà họ cũng có những người yêu, những người vợ, những bà mẹ như thế? Hay những người mặt sắt ấy cũng phải nể nang, dù chỉ ngấm ngầm, khí phách của người nữ tên Ngọc ấy, vì ai mà chẳng nể trọng những phẩm tính cao cả, dẫu là từ kẻ thù? Hay họ, những con người, cũng có lòng thương xót, từ bi, lân tuất chẳng nỡ xuống tay tồi tàn? Người ta chỉ xì xào bàn tán như thế.

Thường thì cùng khi mẹ hát, thằng nhỏ con chị Ngọc chạy lăng xăng từ khu này đến khu khác. Ai cũng thương, cũng cười với nó, kể cả mấy ông cán bộ quản giáo nổi tiếng gian ác nhất. Dường như nó hạnh phúc. Nó cũng được no bụng nữa. Ai cũng thương mà! Nó bụ bẫm như một hình ảnh siêu thực. Nó cười nhiều, những tiếng cười nguyên tuyền tưởng biến mất khỏi cõi thế này từ lâu. Đây là tiếng cười của nó, trong thế giới duy nhất của nó, một thế giới toàn người lớn tù tội nhưng lại là một thế giới rất tự nhiên và dễ chịu đối với nó.

Có những buổi trưa chủ nhật hanh nắng, toàn trại nghỉ lao động, hay những tối yên lặng nặng trĩu, sau một ngày làm thân trâu ngựa (theo nghĩa đen), thật là an ủi, vỗ về được nghe sư huynh Hoành thổi sáo bản Lời Mẹ Ru. Những giây phút

linh thiêng cho những tưởng nhớ linh thiêng nhất . Nhiều buổi trưa chủ nhật thằng cu lon ton con chị Ngọc chạy lại ngồi bên sư huynh Hoành nghe ông thổi bài đó, rồi có bữa nó nói: "Mẹ cháu thích nghe ông thổi bài này, và mẹ cháu cũng ru cháu ngủ bài này đó ông!" Rồi nó còn hát ư ư theo tiếng sáo. Sư huynh Hoành cười, sung sướng xoa đầu nó, và sau đó dường như tiếng sáo của sư huynh vi vút hơn, tha thiết hơn. Ngay cả mẹ của Văn, một bà mẹ quê mù chữ, mà cũng đã cảm được bài hát đó.

Hồi mẹ Văn còn sống, vào một đêm khuya lâu lắm, đêm yên ắng, nhiều sao, sao sáng vì đêm đen nhiều, Văn ngồi đàn hát trước thềm bài Lời Mẹ Ru ấy, bà nằm trên võng trong góc nhà trong tôi tối đèn dầu, bỗng tiếng bà vọng ra:

"Bài ca thiệt hay!"

Văn ngạc nhiên hết sức:

"Hay sao hở mẹ?"

"Thì hay, mẹ chỉ thấy hay, thấy rưng rưng trong lòng... Mẹ ru con, mẹ ước mơ cho con bao nhiêu sự cho con, mà cái được, cái không. Mà cái không thì nhiều hơn cái được trong một Đất Nước dữ dằn như Đất Nước mình."

"Dạ."

"Mà đời người thì ngắn quá, nhất là đời người mẹ xứ mình. Mà mẹ thì cứ muốn sống mãi với con."

"Dạ, ngắn mà cũng thật dài đó mẹ. Vì mẹ đâu có bao giờ chết trong lòng con mình."

Văn nghe mẹ nghèn nghẹn:

"Ừ, ... Bây giờ mẹ nằm, lá đổ ngoài sân."

"Dạ, lá đổ ngoài sân, lá mãi đổ lên nơi mẹ nằm như lòng con vỗ về thương mẹ không nguôi."

"Ừ, mẹ thiệt cảm ơn Trời cho mẹ được làm mẹ, làm mẹ của một đàn con của mẹ, đàn con tội nghiệp."

"Dạ."

"Hát nữa đi con, cho mẹ nghe. Mà ông đó phải thương mẹ lắm mới đặt ra bài ca hay như vậy."

"Dạ...

Ru con trưa nắng
Trong mộng cười ngon
Ru mộng con thơm...
... Rồi một mai con đã lớn khôn rồi
con thôi thơ ấu (í i...a)
Mẹ rời thật mau
Mẹ rời chiêm bao
Lời mẹ ru con bao lâu mỏi mòn
Nên lâu cũng mỏi mòn
Bây giờ mẹ nằm
Lá đổ ngoài sân
Bây giờ mẹ nằm

CHUKYTHU

HUYỀN CUNG

Nghìn xưa có kẻ cuồng thi ấy
Khóc cố nhân bằng lệ của mây

Đêm trăng, con gái đẹp như tiên
Lả lướt tay xoè mười cánh sen
Con gái nghe tình sương gió gửi
Đàn ai dìu dặt mấy cung huyền

Đêm thu, con gái bay như lá
Chạm xuống thềm khuya vạt áo xiêm
Con gái như tranh kề vách mộng
Môi cười ngạo gió nẻo tây hiên

Đêm qua, con gái lạc trong sương
Tóc mượt mà thơm vai dạ hương
Con gái đi tìm trăng bán nguyệt
Ngủ mơ bên cổng ngõ thiên đường

Nghìn đêm trên lối ngược hồng hoang
Trăng vọng huyền cung, khóc phế tàn
Trời mưa, con gái tan trong gió
Non nỉ miên thu những giọt đàn

Lá đổ ngoài sân

*

Hôm trở lại thăm quê, khi Văn vừa xuống xe ở bến, nhiều anh xe ôm xúm nhau dành khách. Cuối cùng Văn chọn anh xe ôm đang đậu xe cạnh xe nước mía. Anh ta trạc tuổi Văn, có vẻ tử tế, và xem ra xe ôm không phải là nghề của anh. Anh mỉm cười vẫy tay ra hiệu, như người thân đang chờ.

"Anh làm ơn chở tôi về An Bình, cách đây khoảng 30 cây số. Anh lấy bao nhiêu?"

"Anh cho bao nhiêu cũng được."

Văn cười thật tươi:

"Chà, câu nói tử tế tôi được nghe lần đầu tiên từ khi xuống phi trường đến giờ. Anh làm cho tôi an tâm."

Anh xe ôm cười, đưa tay ra cho Văn bắt:

"Cảm ơn." Và anh ta không nói gì thêm.

Một lúc sau, xe chạy qua con đường nằm trước trại giam. Trại giam nhìn chung không có gì thay đổi, chỉ có những cây điều mà các bạn tù và Văn trồng hồi trước trong những đám đất quanh nhà tù, giờ chúng đã cao vượt cả bức tường nhà tù vốn cao, xum xuê lá xanh, và những trái điều đỏ treo lộn ngược, đỏ rực như muốn chiếm hết tán lá xanh. Anh xe ôm kêu lên:

"Anh xem, những trái điều treo treo như những giọt máu!"

"Hả, anh nói gì!"

"Những trái điều trong trại tù treo ngược như những giọt máu. Anh xem! Mà máu nhiều quá!"

Văn im lặng. Rùng mình.

Anh xe ôm kêu tiếp:

"Máu của những người đàn ông, của những người đàn bà, của những đứa bé!"

Văn vẫn im lặng, căng thẳng im lặng, và đợi cho xe chạy qua khỏi nhà tù, anh mới ngần ngại đề nghị:

"Thế này nhé: Đường về nhà tôi còn dài mà trời gần tối rồi. Anh chở tôi quay trở lại thị trấn, kiếm cho tôi cái khách sạn ngủ tạm. Được không?"

Anh xe ôm có vẻ như không nghe lời đề nghị của Văn, chạy tiếp. Văn lắc đầu, nói thầm chỉ đủ cho mình nghe: "Tránh vỏ dưa, gặp vỏ dừa."

Còn anh xe ôm, giọng nửa đọc nửa hát, đưa tay chỉ phía trời tây trước mặt:

"Anh xem, cả cái mặt trời kia, mặt trời như trái cây tuyệt vọng (1)."

Văn ngước mắt nhìn về phía tây, một mặt trời đỏ màu máu mới thọc huyết.

Anh xe ôm lại nói, nhấn mạnh từng tiếng:

"Những mặt trời máu me như thế này tôi nghĩ nơi xứ sở mình mới có. Nơi anh định cư có mặt trời như thế này không?"

"Không, mặt trời nơi tôi đang ở, không bao giờ đỏ."

Rồi Văn vỗ nhè nhẹ vai anh xe ôm, như dỗ trẻ:

"Anh chở tôi lại thị xã đi. Tôi không cần phải về nhà sớm. Tôi sẽ thù lao anh đầy đủ."

"Người ta không bao giờ thù lao đầy đủ cho một chuyến đi bị cắt đứt nữa chừng. Tôi sẽ chở anh trở lại thị trấn mà không đòi hỏi gì."

"Anh nói chuyện như một danh sĩ bất phùng thời."

Anh xe ôm cười cay đắng:

"Không dám, không dám. Đời này không ai được phép khác người. Chém treo ngành đó nghe chưa ông!"

Rồi anh ta không nói năng gì, quay đầu xe lại, hướng về phía thị trấn. Trên con đường đìu hiu qua những đám ruộng thiu thối nước phèn, cả hai người không nói năng gì.

Anh ta chở Văn đi kiếm một khách sạn tương đối sạch sẽ, xinh xắn với những những bụi hoa giấy đủ màu vui, những chùm hoa vui mà anh đã nhìn một cách thèm khát không biết bao lần trong những cuốn giới thiệu du lịch vùng nhiệt đới. Văn đưa cho anh xe ôm một số tiền kha khá:

"Anh cứ cầm cho tôi vui. Cảm ơn anh nhiều"

"Cảm ơn anh đã chịu khó nghe tôi nói quàng xiên."

"Anh đừng nói vậy, đâu dễ gì ra đường gặp được một hào sĩ như anh!"

"Ha ha! Thôi cũng được, danh sĩ, hào sĩ... Thôi, chào anh. Anh đã may mắn rồi, chúc anh may mắn thêm nữa."

"OK. Chào!"

"Chào!"

Anh xe ôm vẫy tay thân thiện, rồi lái xe đi. Văn thở phào, vội vã đi vào làm thủ tục lấy phòng rồi bước nhanh lên.

Sau khi tắm rửa, Văn đứng trên ban công hóng mát. Cái mặt trời trái cây tuyệt vọng đã lặn rồi, nơi chân trời tây chỉ còn vang váng một vài vệt sáng màu cam tươi tắn trên những mảng mây nhàn nhạt khăn voan. Ở quê anh, giờ này mặt trời chắc cũng thế, và có lẽ rất êm ả với bức tranh muôn thủa chiều quê. Nhưng xem ra Văn không hối tiếc gì lắm khi quay lại thị xã này. Anh vui trông thấy. Có người đàn ông cũng đang đứng ban công bên cạnh, chào, và nói với qua:

"Anh mới về?"

"Vâng."

"Anh quê ở đây?"

"Không đúng hẳn, quê tôi ở An Bình, cách đây 30 cây số. Về đây thì trời tối. Tôi nán lại đây một đêm."

"Ừ, hưởng một chút riêng cho mình, rồi về; về đến nhà, mình là của mọi người."

Văn cười:

"Ờ ờ, phải đó. Mà xin lỗi anh tên gì, quê anh ở đâu?"

"Tôi người Cần Thơ, tên Tam. Tôi ở Mỹ về. Tôi ra đây kiếm mấy đứa hồi ở chung buồng trong tù. Tàu của tui hồi đó chết máy, dạt ra tới đây, cả lũ bị tóm vào Bàu Tó. Mới gặp tụi nó hôm qua ở ngoài quán Bến Đá. Cũng mừng tụi nó làm ăn khá. Chu cha hôm qua nhậu một bữa đã đời. Kể lại những chuyện mánh mung, chôm chỉa tài sản xã hội chủ nghĩa trong tù mà cười muốn chết. Tối nay nhậu một cử nữa... Hay là... anh đi chung với tôi cho vui. Mà hồi trước anh có sa lưới vì theo bơ thừa sữa cặn của đế quốc không vậy?"

"Có, ở tới ba năm tập trung cải tạo đó anh. Cũng Bàu Tó. Chắc tôi ở tù không cùng lúc với anh. Mà có thể cùng mà không thể biết hết được. Tù gì mà cả mấy ngàn người."

"Ừ."

"Anh nói tôi mới nhớ. Tôi cũng có mấy đứa chung buồng với tôi, tụi nó cũng ở ngoài xóm Bến Đá đó. Ừ phải đó, biết đâu gặp lại họ cũng vui. Để xem: Chín Đen, Ba Mạnh, Long Mập..."

"Đúng rồi. Ra đó bảo mấy người tôi quen đi kiếm giùm mấy tay đó lại chơi cho vui."

Quả đúng như anh Tam nói. Ra đó, cười nói hỉ hả, nhậu với đồ biển, và chuyện kiếm mấy người bạn của Văn không khó. Chín Đen ra ngay, cả hai người kia nữa, bỏ luôn chuyến đi biển dự tính đêm đó.

Chín Đen một "ông thày", hai "ông thày" với Văn:

"Lâu quá, lâu quá ông thày ơi, khoẻ không ông thày ơi, mà dzợ con gì chưa, ông thày?"

"Chưa, mà Chín hỏi chi vậy?"

"Tui biết ông thày mà, đa sầu đa cảm mà. Bộ còn yêu đơn phương tiếng hát Bèo giạt mây trôi hả?"

"Hè hè, nói bậy."

"Trời ơi, hồi tui với ông thày ăn cơm chung, ông thày tâm sự với tui hết mà, còn chối gì nữa. Tui, tui cũng yêu bả nữa lợ! Tui mà chưa vợ chưa con tui cũng cua rồi. Đã đẹp người, lại nghĩa khí, giọng ca hay. Đúng là Nguyệt Nga tái thế!"

"Ừ."

Chín Đen xì xào:

"Mà lại bàn đằng góc này tôi kể cho nghe. Tui nắm hết."

Chín Đen và Văn lẳng lặng lại ngồi bàn đằng góc trông ra biển:

"Ông thày có muốn gặp lại bả không nè? Tui đi kiếm cho."

"Ủa, mà chị ấy được thả về hồi nào vậy?"

"Tui cũng không rõ lắm. Nhưng mới hồi Tháng Tư đây chơ đâu, cái ngày kỷ niệm giải phóng giải phiếc của mấy chả đó, tui buồn tình đi xem đoàn văn công tỉnh hát, tui thấy con mẻ ong ỏng hát bài Như có bác Hồ trong ngày vui đại thắng... Rồi còn chưa hết, con của bả, cái thằng dễ thương chạy lon ton trong trại hồi đó đo, tui nghe nói là mấy năm sau, khi mẹ nó chuyển trại khác đâu ngoài Yên Bái, người ta đưa nó ra ngoài lò đường của trại phụ việc mấy năm, rồi không biết sao, sau đó, nó lại loong toong đi theo mấy tay quản giáo coi tù, cũng gian ác không thua gì công an thứ thiệt, không biết sao bữa đó lại giữ cái chân kéo màn. Tui nghe nói mẹ con con mẻ theo mấy ổng luôn rồi."

"Trời Đất!"

"Chưa hết đâu nghen. Mà ông thày bình tĩnh nghen."

"Không sao, anh Chín cứ kể cho tôi nghe!"

"Cái lão giám thị Cung hồi đó đo. Lão có kế hoạch trăm năm chim gái đó nghe ông thày. Khi bả chuyển trại, hắn ta ra làm sở lương thực. Khi bả được phóng thích, thằng chả bỏ bà vợ già Bắc kỳ, dê bà Ngọc rồi lấy bả luôn."

"... ..."

"Ông già tui, hay tuồng hay tích, nghe tui kể, chỉ biết lắc đầu nói: 'Chỉ có đời nay mới sinh ra những hạng người như vậy.' Ổng còn nói là đã tới thời mạt thế rồi."

"Ông già anh muốn nói về ai?"

"Thì cái lão Cung đó, lão có kế hoạch chim bà Ngọc từ hồi còn trong trại. Bộ dễ mà làm sai ý chả được à, rồi còn được ưu tiên khơi khơi vậy? Bà Ngọc cũng vậy, cũng đâu có vừa gì. Mạt cưa mướp đắng cả."

"Biết đâu lão Cung tuy là người cọng sản nhưng biết trọng cái nghĩa khí?"

"Trời ơi, vậy sao giờ lại để cho bà Ngọc, bà vợ ổng đi hát văn công. Trong khi ông ta giờ đã giàu có... Mà ông thày sách tàu sách tây làu thông, ông thày nghĩ sao?"

Văn toát mồ hôi lạnh, nhưng cũng gắng đánh trống lãng:

"Thôi, được rồi. Mà Chín, vợ con, làm ăn ra sao?"

"Vất vả nhưng cũng sống được ông thày à. Được cái con dzợ nó không thuộc loại tham đó bỏ đăng. Thằng đầu tui sắp học hết lớp mười hai rồi đó nghe ông thày. Nó cũng nói năng hay ho như ông thày dzậy đó. Mà ông thày biết quới danh nó là gì hông?"

"Sao mà tôi biết được!"

"Giờ nó mang cái tên giống tên ông thày đó."

"Nữa!"

"Hồi trước nó tên là Đực. Hồi ở tù về, nhớ ơn ông thầy đã giúp đỡ tui, tui đặt nó là Chương. Chương... Văn với Chương thì mấy thứ! Ha ha ha! *Xưa còn thương kẻ mắc nàn. Huống nay ai nỡ quên đàng ngãi nhơn* (2), phải không ông thày?"

*

Văn sáng sau trở lại nhà. Khi thắp hương cho mẹ, anh giật mình thấy hình mẹ anh trên tủ thờ từa tựa hình Châu; ảnh tuy nâu cũ, nhưng vẫn còn thấy được khuôn mặt đẹp đẽ, hiền lành, tươi tắn.

Văn nói với thằng em út đứng cạnh:

"Mẹ ngày xưa đẹp đó chơ! Ảnh xưa mà đẹp. Nhưng sao hồi mẹ mất, em gởi cho anh bức ảnh thờ của mẹ mà em chụp mấy tháng trước khi mất, rồi giờ sao lại thờ ảnh này?"

"Thì hồi trước em cũng đưa bức ảnh mẹ mới chụp đó lên bàn thờ để thờ. Thờ được mấy năm, nhưng rồi, khuya Thứ Sáu, cuối Tháng Sáu mới đây chơ đâu, bố đang đọc kinh cho mẹ, nhìn lên bàn thờ, bố thấy mẹ trong ảnh khác hẳn bức ảnh lúc trước. Bố ngừng đọc kinh, đập vai kêu em và chỉ cho em thấy, chơ em đọc kinh mà ngủ gà ngủ gật có thấy gì đâu. Bố tuy ngạc nhiên, nhưng lại có vẻ mừng. Và bố nói ảnh mới này giống mẹ y đúc hồi bố mới cưới mẹ. Bố hỏi em kiếm đâu ra hay vậy, và thay hồi nào không cho bố biết. Phần em, em sinh nghi cái thằng Triều con chị lớn, cái thằng nó phụ việc ở tiệm hình Hồng Anh đo, là thủ phạm. Nhưng khi em hỏi nó thì nó chỉ cười, cái kiểu cười nghịch ngầm muôn thuở của nó. Nhưng nó cứ chối bai bải 'Cháu đâu có dám làm chuyện bậy bạ như vậy, cậu!', rồi nó lại cười mỉm chi. Hắn chơ ai vô đây! Nhưng bố lại thích tấm hình mới đó, nên em cứ để nguyên và em cũng không tra hỏi thêm mà chi. Bố vui hơn và bố siêng đọc kinh cho mẹ hơn. Mà lạ anh ơi, lúc đó cái khung ảnh vẫn khung ảnh cũ, và bụi trên mặt kiếng vẫn nguyên, không có dấu tay, dấu chân gì hết."

"Nhà mình gần đường lộ, bụi nhiều đâu có gì lạ đâu! Còn tấm hình chắc là cái thằng Triều nó nghịch, mà nghịch kiểu như hắn, dễ thương đó chơ."

"Vâng, và bố còn nói hồi con gái mẹ tên Trai, người ta cứ tưởng nghĩa là con trai nhưng là ngọc trai, ngọc trai của bố đó anh. Sau vô Nam, mẹ mới đổi tên vì sợ mấy cha nội Việt Minh có ngày vào theo, tìm bắt thì khốn."

Văn lại giật mình, rồi lẳng lặng đi ra nhà sau, cúi đầu lẩm bẩm:

"Chiều thứ Sáu, ngày St. Hans, 23/6, mình nhớ như in 6 giờ chiều trời Na Uy nhiều nắng như trưa ở Việt nam, và lúc đó mình đang ngồi trên ghế đu đu đưa ôm Châu, nhìn nắng cải hoa vàng từ hạt giống Châu cho, thầm thì với nhau ước mơ giản dị của hai người, của bao lứa đôi xứ Việt những muốn được sống ấm êm ả chồng vợ bên nhau, với đàn con nhỏ, khu vườn xinh xinh có hoa cải vàng, con bướm cũng vàng trưa nắng hanh hanh... như hôm đó..."

Văn lại trở lại phòng khách, lại ngước nhìn, rồi nhìn đăm đăm tấm ảnh thờ vì anh sững sờ thấy những giọt nước mắt đỏ như máu, giông giống những trái điều-lộn hột đỏ nhỏ li ti, chảy xuống từ đôi mắt buồn muôn thủa của mẹ anh. Đôi mắt ấy cũng buồn như đôi mắt của Châu, những lần thầm thì với Văn về những mộng con thơm, những mơ ước bình an cho chồng mình.

*

Khi trở lại Na Uy, Văn gọi điện thoại cho Châu, thì được tổng đài tự động báo là số điện thoại đó vô danh. Văn trở lại đi làm, có ý tìm Châu, nhưng không thấy nàng đâu. Anh hỏi mấy người Việt, thì họ chỉ trả lời bâng quơ rằng có lẽ cô ấy chỉ làm tạm mấy bữa rồi hết việc, không đến nữa. Văn lại hỏi con nhỏ người Na Uy phụ trách phòng phối trí nhân viên, con nhỏ lâu nay có vẻ thân thiện với Văn, thậm chí đã cách đây không lâu đã rủ Văn đi uống cà phê, giờ lại tỏ vẻ lạnh lùng với Văn, còn dũa Văn: "Việc tư ra việc tư, việc công ra việc công; tôi không thể cho anh biết ai làm việc ở đây."

"Ôi, lòng dạ đàn bà!" Văn kêu vậy bằng tiếng Việt khi vừa khép cửa đi ra khỏi phòng phối trí nhân viên.

Oslo, 2 IX 2007

Chú thích:

(1) Lời ca của Trịnh Công Sơn.

(2) Thơ Lục Văn Tiên, của Nguyễn Đình Chiểu.

THẢM SƯƠNG TRÊN SÔNG SKOOGUAMISH

NGUYỄN TƯỜNG THIẾT

Salkum, năm 1989.

Luân đậu xe trước Andy's Tackles Shop. Tiệm là một căn nhà gỗ nhỏ xây nhô cao hơn hẳn mặt đất. Luân nhìn quanh bãi đậu không thấy chiếc xe truck màu đỏ. Như vậy là Mark chưa tới. Anh bước lên mấy bực gỗ vén tấm mành mành nơi cửa chính vào tiệm. Tấm mành có gắn cái chuông. Khi bị động nó phát một tiếng kêu lớn "binh boong". Luân nhìn khắp một lượt không thấy ai bên trong. Tiệm chia làm hai khu. Một bên bán đồ săn bắn với những khẩu súng săn đặt trong tủ kính. Trên tường phía sau tủ có gắn đầu một con hươu lớn với cặp sừng cong lên. Phía bên kia bán đồ câu. Những chiếc cần câu dài đặt thẳng đứng trên giá. Luân bước về phía bán đồ câu, đến gần một cái tủ kính dài và thấp có bầy lưỡi câu, giây câu, mồi giả, phao, chì... Đồ câu ở đây ít ỏi và thô sơ không thể nào sánh với các tiệm câu lớn ở Seattle. Luân đã mang theo đầy đủ đồ nghề, nhưng anh nghĩ chẳng lẽ đã vào đây mà lại không mua thứ gì?

Anh đang phân vân lựa chọn thì ở phía sau tủ kính một người đàn ông từ phòng trong mở cửa bước ra. Ông ta cao gần bằng khung cửa, mặc áo ca-rô đỏ, quần jeans, khuôn mặt vuông, hàm bạnh, râu mép rậm. Luân thấy ông ta giống William Faulkner, nhà văn Mỹ anh đã một lần nhìn thấy hình in trên bìa của một tập san số kỷ niệm nhà văn này. Ông ta đi ra, đầu cúi xuống, một tay cầm cái dũa, vừa đi vừa dũa vào một vật gì bằng kim loại cầm ở tay kia. Một lát ông ngửng lên. Luân đọc trong con mắt ông ta một nét ngạc nhiên.

Mấy năm nay từ ngày đến Mỹ chưa bao giờ Luân đi xa khỏi những thành phố lớn của miền tây bắc gần bờ Thái Bình Dương. Đây là lần đầu tiên anh lái xe sâu về phía lục địa. Càng về miền đồng quê xa các nơi thị tứ Luân càng có cảm tưởng là dân chúng nhìn anh với cặp mắt tò mò hơn, như thể họ có rất ít dịp tiếp xúc với người Á Châu.

Chủ tiệm nhìn thoáng anh rồi lại cúi xuống tiếp tục dũa thỏi sắt. Luân tìm mãi mới chọn được một cái mồi giả không có trong hộp câu của mình, anh tính ra quầy trả tiền nhưng lại chần chừ. Giá tiền cái mồi giả là 1 đồng 25 xu. Anh có cảm tưởng nếu mua ít thế ông chủ Andy sẽ không vui. Tự nhiên Luân thấy thương hại ông ta. Tại một cái làng xa xôi hẻo lánh thế này chắc quán phải thường xuyên vắng khách. Một ngày chưa chắc gì ông ta nghe được hơn một chục cái tiếng "binh boong". Nhưng tại sao mình lại cứ muốn làm vui lòng ông ta bằng cách mua thêm những thứ không thật sự cần thiết? Vì thương hại hay vì mặc cảm? Câu hỏi ấy thoáng trong trí anh.

Luân chợt nhớ ra là mình phải tìm một thứ gì cho bữa ăn chiều. Sáng nay trước khi rời Seattle Luân đã thủ hai ổ bánh mì Bưu Điện và đã ngốn hết cả hai ổ trên quãng đường dài. Anh nhìn chung quanh. Tiệm này chỉ bán rặt đồ ăn khô. Luân đành chọn hai miếng cá hồi nướng khói (smoked salmon), một bịch lớn thịt bò khô (beef jerk), một vỉ sáu lon bia Budweisser, hai gói thuốc lá Marlboro, rồi anh lại quầy tính tiền. Trả tiền xong Luân nói với chủ tiệm:

–Tôi chờ một người bạn. Chúng tôi hẹn nhau ở đây. Chính người bạn ấy đã vẽ đường cho tôi đến quán Andy này. Bạn tôi ở Porland, nói có quen biết ông. Tên bạn tôi là Mark. Mark Skilton.

Chủ tiệm nhìn Luân. Bấy giờ anh mới thấy ông ta nở một nụ cười.

–À, ông Mark. Tôi biết ông ấy chứ. Từ hơn mười năm nay cứ đến tháng mười vào mùa săn là ông ấy có mặt ở đây, không bỏ một năm nào. Ông ta đã bắn hạ được khá nhiều hươu nai ở vùng này đấy. Còn ông, ông đến đây để câu hay để săn?.

–Tôi đi câu. Đây là lần đầu tiên tôi tới đây. Nghe nói vùng này nhiều cá steelhead.

–Nhiều thì không nhiều. Nhưng có cơ may bắt được cá lớn. Những con *trophies* (chỉ những con cá to kỷ lục) thường bắt được ở vùng này.

Nói xong ông ta chỉ tay lên tường phía sau quầy có dán một tờ báo cũ, màu báo đã úa vàng, hãnh diện nói tiếp:

–Đây là tờ báo có hình một con steelhead to nhất tiểu bang Washington, do chính tôi câu được vào mùa hè năm 1973 ngay tại vùng này, trên con sông Snake. Con *trophy* này nặng 35-pound 1-ounce. Kỷ lục này đến nay vẫn chưa bị ai phá...

Ông ta dừng lại, chăm chú nhìn thẳng vào mắt Luân như muốn tìm trong ánh mắt anh dấu hiệu một sự thán phục.

Bỗng có tiếng kêu "bing boong". Hai người nhìn ra cửa.

Mark với bộ đồ săn rằn ri vén mành mành bước vào tiệm. Hắn nói to với Luân:

–Sorry tao đến trễ. Tại con bé Tracy nó cứ đòi đi theo. Rồi lại phải ghé mua cần câu cho nó, mất bao nhiêu là thì giờ.

Nói xong hắn tiến về phía quầy bắt tay ông chủ tiệm.

–Thế nào George! Mạnh khỏe không?

Mark nói vài câu với George rồi hai người rời chỗ đi ra đứng hai bên cái tủ kính thấp đựng súng nói chuyện rất lâu về súng ống. Luân xách vỉ bia và bọc đồ ăn khô bước ra ngoài.

Đứng trước thềm Luân móc túi lấy thuốc lá châm hút. Anh nhìn cây phong lớn bên bãi đậu xe. Dưới ánh nắng lá cây phong rực lên một màu đỏ tươi.

Bấy giờ là giữa mùa Thu. Mỗi năm cứ vào tháng mười tiểu bang anh lá phong chuyển sắc. Màu lá xanh chuyển sang xanh vàng. Rồi vàng óng. Vàng đỏ. Đỏ nâu. Đỏ bầm. Đỏ tía. Gió thổi cuốn những chiếc lá khô chạy lăn trên bãi đậu xe. Phía xa trên mặt đất lấm chấm màu lá đỏ như xác pháo. Mùa này tiểu bang Washington khá lạnh. Suốt tháng mười hầu như bàu trời lúc nào cũng u ám. Mưa giăng giăng. Không gian mịt mờ ẩm ướt. Những hôm đột nhiên trời nắng khô như mấy hôm nay thì nhiệt độ tụt thấp. Bàu trời càng xanh trong cái lạnh càng se sắt.

Có tiếng đóng cửa xe. Từ trên một chiếc truck đỏ đậu khuất bên hông tiệm một người con gái bước xuống. Luân đoán ngay đó là Tracy, mặc dù nàng trông khác hẳn người mà anh mường tượng. Lại gần thềm gỗ, Tracy hất ngược lọn tóc vàng, ngửa mặt nói với Luân bằng một giọng trong trẻo:

–Hi! Lou! (Lou là tên Mỹ của Luân). Mark vẫn nói về anh luôn. Anh đến lâu chưa?

–Hi! Tracy!

Luân bước xuống mấy bậc thềm bắt tay Tracy. Từ hai năm nay trong những lần hai đứa đứng cạnh nhau câu cá Mark vẫn thường kể cho anh nghe về cô nàng. Anh biết Tracy sống với Mark lúc thì như bồ bịch, lúc thì như vợ chồng. Luân nghĩ một người đàn bà chấp nhận lối sống dễ dãi ấy với một người đàn ông đã đứng tuổi lại không có một điểm gì đặc sắc như Mark phải là một người khá lớn tuổi và có nhan sắc trung bình. Chính vì tưởng thế nên anh hơi ngạc nhiên trước vẻ đẹp trẻ trung của Tracy. Nàng người thon, gọn. Chắc nàng chỉ bằng nửa tuổi Mark.

Tracy nói:

–Có Lou nên hôm nay Mark mới cho tôi đi theo đấy. Anh chàng nói tôi đi chỉ quẩn chân. Tôi chỉ thích đi câu. Tôi ghét săn bắn lắm. Tối hôm qua anh chàng nói sẽ giao khoán tôi cho Lou để anh ta rảnh tay đi săn. Anh chỉ cho tôi cách câu cá nhé, anh Lou! Mark bảo anh là một tay câu cá steelhead cừ khôi!

Luân nghĩ trong bụng: "Anh chàng Mark này chơi khăm thật! Hắn đẩy cái của nợ này cho mình. Thế này là tiêu tùng chuyến đi câu mình đã sửa soạn từ cả tháng nay." Nghĩ thế nhưng Luân trả lời Tracy:

–Tôi vui lòng chỉ cô cách câu cá steelhead. Nhưng không có gì bảo đảm sẽ câu được cá nếu không gặp may.

Vừa lúc ấy Mark ở trong tiệm đi ra, tay xách hai vỉ bia Miller. Hắn ngoắc Luân ra hiệu lái xe theo hắn. Xe chạy vòng vo trong đường rừng một lát đến một khoảng đất trống bên bờ sông Skooguamish thì ngừng. Không có ai ngoài ba người trên bãi đất trống, bãi đất có những hòn đá xếp hình vòng tròn, giữa là tro và tàn của một vài khúc cây cháy dở. Phía bờ sông ở chỗ đất lài xuống có lát xi măng hình như là bãi xuống tàu (boat ramp) nhưng có lẽ đã từ lâu không có người sử dụng. Ở chỗ ấy Luân không thấy có vết bánh xe hằn trên mặt đất.

Mark xuống xe. Anh nhìn chung quanh quan sát một hồi rồi nói:

– Chúng mình cắm trại tối nay ở đây. Đêm nay không mưa nhưng sẽ rất lạnh. Lou lo kiếm thật nhiều củi đi. Mình sẽ chất đống đốt lửa ở đây. Tracy em giúp Lou một tay. Còn tao đi mắc lều. Nên làm ngay trước khi trời tối. Tháng này trời tối mau lắm. À, nhưng cậu có mang theo lều không đấy, Lou? Lều tao nhỏ chỉ đủ cho hai

người nằm.

Luân trả lời:

– Đừng lo cho tao. Tao mua chiếc xe station wagon này cũng chỉ có mỗi mục đích đó thôi. Băng phía sau gấp lại là đủ một chỗ nằm thoải mái.

– Tối nay ăn xong mình nên ngủ sớm. Nửa đêm tao dậy đi săn. Sáng mai con Tracy sẽ đi theo mày câu ở Skooguamish. Nhưng không phải câu ở đây đâu…

Mark lấy tay chỉ vào một con đường mòn dẫn vào rừng.

– Mày theo con đường này sẽ dẫn đến một chỗ câu tốt. Không xa lắm đâu. Khi nào nghe được tiếng thác nước là đến nơi, chỗ ấy có nhiều tảng đá lớn.

Một giờ sau. Trời tối. Ba người ngồi quanh đống lửa. Tracy hâm nóng một nồi thịt bò hầm đậu *chilli* cho ba người ăn. Luân chia đều đồ ăn khô. Ba người ăn cá ươm khói, uống bia, hút thuốc lá. Tracy tiêu thụ bia cũng mạnh không thua hai người đàn ông. Chỉ một chốc vỉ bia sáu lon của Luân đã hết. Mark vào lều lấy thêm bia Miller. Lát sau hắn lại trở vào lều. Lều thắp sáng bằng đèn măng-xông. Từ ngoài đêm nhìn vào bóng Mark di chuyển bên trong lều. Cái bóng giơ cao khẩu súng ngang tầm vai nhắm bắn. Mark thử súng sửa soạn cho cuộc đi săn đêm nay.

Gần hai mươi năm trước Mark Skilton về nước theo đợt quân Mỹ triệt thoái khỏi Việt Nam. Những cơn ác mộng thường xuyên ám ảnh hắn. Tinh thần khủng hoảng, nhiều lúc hắn có những thái độ và hành động quái gở đến nỗi ngay cả những người thân cũng không chịu nổi. Hai năm sau ngày hồi hương và sau cái chết vì tai nạn xe cộ của người con trai duy nhất, vợ hắn nộp đơn ly dị. Mark bỏ Eugene, nơi hắn đã có quá nhiều kỷ niệm đau buồn, lên Porland sinh sống. Sau này gặp Luân trong một chuyến đi câu, được biết Luân có chung những kỷ niệm ở Khe Sanh – hồi đó Luân là sĩ quan tùy viên cho một vị tướng vùng giới tuyến và đã có lần tháp tùng vị tướng này bay vào Khe Sanh – Mark có một mối thân tình rất đặc biệt với Luân, xem anh như người anh em ruột thịt. "This is my brother, Lou." Hắn luôn luôn giới thiệu Luân với mọi người như thế. Có lần, trong một bữa nhậu, bàn về cuộc sống cô độc của Luân, hắn bảo Luân, giọng say nhưng nghiêm chỉnh: "Một ngày nào mày cảm thấy cô đơn hãy đến với Tracy. Qua những gì tao kể về mày, xem ra nó cũng có nhiều cảm tình với mày." Luân, ngược lại, rất hà tiện trong việc chia sẻ với Mark những chuyện riêng của gia đình anh. Mark chỉ biết là vợ của Luân đã chết trong một chuyến vượt biên. Không bao giờ Luân tiết lộ chi tiết về cái chết này.

Đèn măng-xông trong lều tắt. Mark đi ngủ sớm. Hắn chỉ có ba tiếng để ngủ. Đám củi cháy soi rạng khuôn mặt hai người. Luân ngà ngà say. Anh nhìn những lon bia rỗng vứt lăn lóc trên đất, nghĩ đến Mark, nghĩ đến đêm nay hắn thức giấc nửa khuya, tay cầm súng, lưng khoác ba lô, đèn pha gắn trên trán quét những vạch sáng trong đêm tối, lầm lũi đi trong rừng tìm một gốc cây có trạc ba gần một con suối, trèo lên cây, lấy lá ngụy trang, ngồi thu lu trên trạc. Rồi hắn đợi. Đợi trong lặng lẽ một bóng hươu cúi xuống bờ nước dưới ánh trăng… như hắn đã âm thầm đợi như thế những đêm nào hai mươi năm trước trong hầm cát trước lỗ châu mai chờ những bóng đen xuất hiện trên nền sáng ánh hỏa châu.

Tracy đun ấm nước pha cà phê. Nàng đẩy một nhánh cây vào lửa. Tàn lửa bùng lên. Đám cháy phớt hồng đôi má mịn màng, ánh lên những sợi lông măng vàng hoe. Nàng quay nhìn Luân. Một nụ cười vu vơ thoáng trong ánh mắt. Luân đến gần lửa ngồi cạnh Tracy trên một khúc thân cây. Hai người, cốc cà phê trên tay, yên lặng nghe tiếng kêu tí tách của đám củi cháy hòa với âm vang của núi rừng trong sương đêm. Lát sau Tracy kêu lạnh, nàng co vai, kéo căng vạt áo chéo nhau trước ngực, ngồi xích hẳn vào Luân, một tay quàng lên vai anh, tay kia thân mật gỡ điếu thuốc lá trên môi Luân đưa lên miệng mình hút. "Một ngày nào nếu mày cảm thấy cô đơn …" Câu nói của Mark một đêm nào trở lại trong trí Luân.

Tracy thả khói. Nàng quay người gắn lại điếu thuốc lên môi Luân, nói:

–Mark kể với tôi nhiều về Lou. Mark bảo tôi là khi chiến tranh Việt Nam chấm dứt, trong khi những người lính Mỹ cơn ác mộng đã trở thành dĩ vãng thì những người lính như Lou cơn ác mộng mới chỉ thực sự bắt đầu. Mark cũng nói anh rất can đảm. Anh ấy hổ thẹn vì những hành động kỳ quặc của mình khi mới từ Việt Nam trở về nước.

Luân ném mẩu thuốc lá vào lửa. Anh nói:

–Không có ai can đảm hơn ai. Chẳng qua là chúng tôi phải sống trong một đất nước có nhiều có quá nhiều tai biến và chiến tranh triền miên. Mấy năm sống ở Mỹ tôi thấy xứ sở này sao mà thanh bình quá, tôi nghĩ nếu tôi sống ở đây từ

nhỏ và phải tham chiến ở Việt Nam thì chắc là tôi cũng sẽ có tâm trạng và thái độ y hệt như Mark khi hồi hương… Nhưng thôi, Tracy… Nói làm gì những chuyện không vui đó... Cô vào lều lấy cần câu Mark mua sáng nay. Tôi phải sửa soạn cần câu cho cô tối nay vì ngày mai ra sông mình không có thì giờ đâu.

Vừa sửa soạn cần câu, Luân vừa giải thích cho Tracy về những đặc tính của giống cá steelhead, sự khác biệt giữa loại cá steelhead và cá salmon, các kỹ thuật câu cá steelhead, cách sử dụng cần câu, cách dùng mồi giả, cách thu hồi cá khi cá mắc lưỡi câu… Luân say sưa nói. Câu cá, nhất là câu cá steelhead, là nỗi đam mê duy nhất của anh từ mấy năm nay ở Mỹ. Tuy anh mải mê nói và tuy nàng rất lắng nghe nhưng anh vẫn có cảm tưởng là tâm trí Tracy để ở chỗ khác. Dưới ánh lửa đôi mắt người con gái đang say có nhuốm một vẻ xa xôi đằm thắm. Mark đã kể những gì cho Tracy nghe về dĩ vãng của mình? Hẳn là Tracy đang nghĩ về những lời kể ấy. Chúng phản ánh trong đôi mắt nàng cái nhìn trìu mến lẫn thương cảm. Luân nhìn vào đôi môi dầy mọng của nàng và nghĩ giá mình cúi xuống trên đôi môi ấy…

Đêm khuya. Tracy đứng dậy đi về phía lều. Nàng chui vào lều ngủ. Luân lại xe lấy cái túi ngủ đặt dưới đất gần đám củi cháy. Anh đã uống khá nhiều bia và thấy trong người khó chịu nôn nao. Luân thiếp đi trong cơn say với một cảm giác chao đảo bềnh bồng. Anh du mình vào một giấc ngủ ngắn mộng mị. Anh mơ thấy có tiếng ai mơ hồ gọi tên anh. Anh mơ thấy mình choàng dậy hốt hoảng.

Tỉnh dậy, anh lạnh toát người khám phá một sự thực kinh khủng: thì ra cái mẩu đời mấy năm nay của anh ở Mỹ chỉ là giấc mơ! Thực tế anh vẫn còn đang ở Việt Nam, ở Rạch Giá, đang vùng vẫy trong cơn vượt thoát!

Có tiếng gọi tên anh lớn hơn. Luân nhỏm dậy nhìn quanh. Dưới ngọn đèn dầu tù mù trong căn nhà lá căn buồng trống trơn. Trong lúc anh ngủ thiếp trên chiếc phản gỗ thì Hòa, vợ anh, và mấy người đàn bà khác chắc đã được đưa trước ra bến. Anh lầm lũi đi theo người dẫn đường. Gã tuy không cao bằng Luân nhưng to ngang và lực lưỡng. Tay cầm đèn pin, tay kia cầm gậy, gã rảo bước thoăn thoắt. Trong đêm tối, dưới ánh trăng, hai người yên lặng đi nhanh. Có tiếng chó sủa ở rất xa. Trong xóm. Đến một khúc quành, chỗ có lạch nước chạy dọc theo đường mòn, gã dừng lại ra hiệu cho Luân đi trước. Đi được mươi bước Luân nghe ở phía trước sau lùm cây có tiếng động sột soạt và một bóng người hiện ra. Cùng lúc anh nghe sau lưng tiếng gió. Luân đã có một thời từng là võ sư Thái Cực Đạo. Phản xạ, anh lạng người né qua một bên. Từ phía sau cây gậy của gã đàn ông đập trúng bả vai anh mạnh như trời giáng. Luân có cảm giác như xương vai vỡ vụn ra từng mảnh. Luân bổ nhào xuống lạch nước, lặn ra xa. Lúc anh trồi lên để thở anh thấy trên bờ lóe sáng hai ánh đèn pin. Có tiếng nói: "Nó đấy! Nó đấy!". Rồi tiếng chân lội xuống lạch. Luân lặn sâu xuống đáy. Tay anh quờ quạng trong xình, nắm những gốc cây bần trơn trượt, trườn người thật xa. Hồi lâu anh trồi lên giữa một đám lau sậy. Dưới ánh trăng anh thấy một người đàn ông tay cầm một cái giáo dài đang hươi giáo đâm vào đám lau. Luân thụp ngay xuống, nằm yên dưới bùn. Có tiếng bước chân lại gần. Rồi tiếng ngọn giáo đâm phập phập xung quanh anh. Bỗng anh thấy đau quặn. Một mũi giáo đâm vào đùi anh. Luân ngạt thở, trồi lên. Anh kinh hoảng thấy mình đối diện ngay trước mặt gã cầm giáo, chỉ cách một thước! May lúc đó hắn đang ngoái cổ nhìn phía sau, nơi có ánh đèn pha sáng quắc và tiếng động cơ xuồng máy. Có tiếng gọi to: "Tư! Ghe tuần! Biến ngay!" Luân lặn xuống cố sức trườn xa khỏi tầm gã cầm giáo. Tay anh quờ trong xình. Anh vấp phải một vật gì mềm mềm ở dưới đáy. Bỗng anh kinh hoảng. Bàn tay anh vừa nắm phải một bàn tay người, một bàn tay mềm nhũn! Từ dưới đáy anh nghe tiếng xuồng máy nổ thật gần, ánh đèn pha sáng lên, rồi nhỏ đi, mờ dần… Anh lịm đi…

Hồi lâu anh tỉnh dậy thấy mình trôi đi trong tiếng nước chảy âm thầm của một giòng sông đen, trong tiếng thâm u của núi rừng, trong khí ẩm lạnh của đêm sương, trong nỗi vui sướng choáng ngợp khi anh chợt nhận thức cái ánh sáng đèn pha của chiếc ghe tuần kia chẳng qua là ánh sáng ngọn đèn măng xông thắp trong căn lều nhỏ, căn lều xinh sắn nằm đơn độc giữa núi rừng, căn lều hiện hữu, có thật, không phải trong mơ.

Bấy giờ đám củi cháy đã tàn lụi. Luân co quắp người lại vì lạnh. Anh định xách cái túi ngủ vào nằm trong xe thì bỗng nhiên, theo một thôi thúc muốn san sẻ nỗi vui anh hiện có, nỗi hoan lạc gần như thể anh vừa mới chết đi sống lại được, Luân đứng dậy, tiến về phía ánh đèn, về căn lều lúc đó như hiện thân của một thứ hạnh phúc ngời sáng.

Ánh đèn lóa mắt anh khi anh vừa vén lều bước vào. Quen mắt anh thấy Tracy lồm cồm

nhỏm dậy trong túi ngủ. Mark không có đó. Hắn đã trở dậy từ hồi nào trong đêm, thắp sáng đèn rồi sách súng đi săn. Tracy kéo "zip" mở rộng cái túi ngủ hai người nằm. Luân cúi xuống cởi đôi giầy rồi anh chui vào túi ngủ tự nhiên như không, như Tracy lúc đó đã là vợ anh. Anh có cảm tưởng Tracy nhìn thấu hết nỗi vui sướng của mình và hành động mở rộng cái túi ngủ như thể mời đón niềm hạnh phúc đó nơi anh. Túi ngủ ấm còn giữ nguyên hơi nóng của Mark. Hai người nằm sát nhau. Qua lớp quần áo dầy cộm của cả hai người, Luân không có cảm giác va tiếp với thân thể một người đàn bà, sự va tiếp mà đã từ lâu lắm anh hầu như quên hẳn cảm xúc. Luân nằm ngửa nhìn lên nóc lều, nghĩ đến giấc mơ anh vừa trải qua. Giấc mơ xuất hiện không biết bao nhiêu lần trong quá khứ. Lần nào cũng vậy chúng luôn mang những xúc động mới tinh như lần xuất hiện đầu tiên. Lần nào cũng vậy anh mơ thấy mình nắm phải cùng một bàn tay mềm nhũn. Bàn tay mềm như tay một người đàn bà. Biết đâu đó là bàn tay Hòa? Anh nghĩ đến lần cuối cùng anh ăn nằm với vợ ở Rạch Giá trong chuyến vượt biên thất bại, tới nhóm người bị bọn cướp tước đoạt cả tài sản lẫn sinh mạng chỉ mình anh sống sót và anh ứa nước mắt.

Luân nghiêng người xoay đầu về phía Tracy. Khuôn mặt nàng gần sát. Anh nhìn sâu trong đôi mắt xanh đang mở rộng. Vẫn hai con mắt đằm thắm. Luân dướn người nhỏm dậy. Anh khép đôi mắt ấy bằng làn môi của mình. Nhẹ nhàng anh cúi xuống trán Tracy, đưa môi rà xuống trên gương mặt nàng, trên bờ mi, trên sống mũi, trên làn môi, trên đôi má, cảm nhận những sợi lông măng lăn tăn trên đầu môi. Từ cánh mũi, cặp môi hé mở hơi thở nàng dồn dập và nồng nàn phà trên má anh. Luân lùa tay nắm mái tóc, lật ngửa nàng ra sau, rồi anh chồm lên bật tung nút cánh áo trên, cúi xuống ...

Sáng hôm sau, trời còn tối, Luân thức dậy, nhìn đồng hồ tay rồi đánh thức Tracy. Nàng thò đầu khỏi túi ngủ nhìn ra ngoài, nói:

– Trời còn tối mà, Lou.

– Đợi trời sáng thì còn cá đâu mà câu. Loại cá steelhead này dậy sớm lắm, thường đi kiếm ăn trước khi mặt trời mọc, chúng nó không lười như Tracy đâu.

Nói xong Luân ngồi nhỏm dậy, mở rộng cái túi ngủ. Lạnh, Tracy co người. Nàng giơ tay kéo Luân xuống định ngủ tiếp. Luân cúi xuống hôn nhẹ lên trán Tracy. Anh kéo nàng dậy:

– Dậy đi nào!

Nửa giờ sau, hai người hai đèn pin, lưng đeo ba lô, tay cầm cần câu, đi theo con đường Mark đã chỉ. Ánh đèn pin vẽ trong đêm tối hai vệt sáng chạy loáng trên con đường mòn ẩm ướt phủ đầy lá ải mục. Luân vẹt nhánh cây thấp chắn ngang lối đi, những chiếc lá ướt quệt nước mưa vào mặt hai người. Anh nghe ở xa từ phía trước có tiếng thác nước. Trời sáng dần khi hai người đến bờ sông. Luân cảm giác trên da mặt

LÝ THỪA NGHIỆP

Bến Thiên Lương

Những hàng cây bỗng dưng xanh mướt
Con sông nào về biển đêm qua
Mưa vẫn rót vào tầng không triền phược
Lòng ta ơi, mây khói trắng hiên nhà.

Này gió cát có nghe đời phiêu bạt
Buổi lâm hành bóng tối lạnh co ro
Khi ngó lại chập chùng gềnh thác
Núi xanh rì ai gõ nhịp buồn xo.

Thắp ngọn nến hỏi đêm dài mộng mị
Nghe biển lùa dào dạt cả mười phương
Ta vẫn đợi từng cơn hồng thủy
Sẽ đưa người về lại bến thiên lương.

Đêm rung rẩy giữa mạch nguồn Tịnh-độ
Hai tay nâng mười niệm lên trời
Đất mở cửa và bình minh hiển lộ
Ngọc Ma-ni chiếu diệu ở tâm người.

mình lấm chấm li ti những bụi nước nhỏ. Bụi nước của sương sớm, của dòng sông, của thác nước hay của cơn mưa nhẹ? Anh không thể biết.

Hai người dừng lại trên một phiến đá rộng bằng phẳng. Trước mặt là dòng Skooguamish còn phủ dầy một làn sương loãng. Luân không nhìn thấy thác nước ở đâu mặc dầu anh nghe rõ tiếng thác đổ. Có thể thác nằm khuất sau khúc sông quành, chỗ hai người không thể đi tới vì ở đó bờ sông có vách núi đá dựng đứng ngập nước. Vách đá sừng sững ẩm ướt. Từ những kẽ vách khói lam bay tỏa.

Luân và Tracy đặt ba lô và cần câu trên phiến đá. Hai người rót cà phê từ trong phích và châm thuốc hút. Trời mờ mờ sáng. Bên kia sông là rừng cedar, một loại cây tùng cao và xanh. Một đàn chim từ trong đó bay ra vượt ngang sông mất hút sau vách đá.

Bấy giờ trên sông thảm sương tan dần trả lại màu xanh lục êm đềm. Luân đứng sau lưng Tracy, một tay ôm ngang bụng nàng, tay kia cầm cốc cà phê chỉ cho nàng thấy một con chim lớn đậu trên ngọn cây ở tít xa bên bờ kia. Tracy hỏi:

–Chim gì thế?

Luân trả lời:

– Chim đại bàng Bald Eagle! Chim eagle biểu tượng cho nước Mỹ cũng như cá steelhead biểu tượng cho tiểu bang Washington.

Tracy lục trong ba lô lấy ra ống nhòm. Nàng đưa ống nhòm lên mắt hướng về ngọn cây, điều chỉnh hồi lâu, nói:

– Tracy thấy nó rồi. Đầu nó có lông trắng rất dễ nhận. Đây là lần đầu tiên Tracy nhìn thấy eagle tận mắt.

– Chim eagle đang có nguy cơ tuyệt chủng nên chúng được liệt vào danh sách những loài thú cần bảo vệ. Rất hiếm cơ hội nhìn thấy nó. Loại chim này thích sống vùng thượng nguồn những con sông miền Tây Bắc nơi chúng có thể tìm mồi là xác rữa những con cá salmon tìm về nguồn đẻ trứng rồi chết. Chúng là bạn thân thiết nhất của những tay câu cá nhà nghề thích mạo hiểm câu ở những vùng rừng núi xa xôi. Nhưng thôi, chúng mình bắt đầu câu đi là vừa.

Từ trên đỉnh một ngọn cây tùng con đại bàng quét đôi mắt nhìn xuống dòng sông. Không một thứ gì có thể lọt qua con mắt cú vọ của nó. Phía dưới tít xa bên kia bờ sông nó thấy hai người đang đứng ôm nhau trên một tảng đá. Một người chỉ tay về phía nó. Người kia cũng chĩa một vật gì đen ngòm về phía nó. Con eagle nhẩy lên dang rộng đôi cánh bay là là chơi vơi xuống dòng sông phía dưới, dòng Skooguamish chỗ uốn khúc có cái thác hùng vĩ đổ tung bụi nước trắng xóa mờ mịt cả một khúc sông.

Luân vừa nói vừa chỉ tay về phía sông:

–Nhìn chỗ kia kìa, Tracy! Chỗ kia là luồng di chuyển của cá steehead. Nhìn kỹ mặt sông. Ở sát gần bờ có một giải nước lặng. Chỗ tiếp giáp giữa vùng nước lặng và nước chẩy thường là đường đi của cá. Cô ném mồi chỗ đó.

Luân đưa cần câu cho Tracy. Từ phía sau lưng ôm người nàng, anh nắm tay Tracy, hướng dẫn tay nàng vung cần ném hòn chì về phía thượng nguồn, chờ cho chì đụng đáy, giơ ngược cần lên cho căng sợi cước, nhìn dây câu trôi đi theo một hình cánh cung rồi quay máy thu hồi hết giây về lõi. Hòn chì sau đó lại được ném ra, tiếp tục một chu kỳ khác. Khi tay Tracy đã thuần thục, Luân để Tracy tự xoay sở lấy, anh xách cần và ba lô nhẩy qua một tảng đá khác cách khá xa, về phía vách đá. Nơi đây, dù vẫn không nhìn thấy thác nước, anh nghe rõ tiếng thác đổ và cảm nhận nhiều hơn những bụi nước li ti trên làn da mặt mình.

Đứng trên tảng đá cao Luân vung cần ném mạnh hòn chì sang tận gần bờ phía bên kia Skooguamish. Bờ bên kia là bãi sỏi lài xuống từ mép rừng cedar đến bờ sông. Hai bên bờ vắng ngắt. Mênh mông trời đất chỉ có hai người. Thốt nhiên anh cảm thấy rờn rợn vì sự cô độc và bé nhỏ của con người trước cảnh trí bao la hùng vĩ. Cũng may mà anh còn có Tracy. Nếu không anh sẽ một mình ở đây và cảm thấy trơ trọi biết là nhường nào. Mấy năm nay Luân câu trên sông Cowlitz, một con sông nổi tiếng của tiểu bang có nhiều cá steelhead. Hai bên bờ sông lúc nào cũng đầy người câu; nhất là tại Blue Creek nơi có xưởng ươm cá, nhiều lúc anh không thể nào tìm được một chỗ để chen chân. Có bữa anh than phiền với Mark về cảnh câu chen chúc ở Cowlitz, hắn nói: "Nếu mày muốn một mình một dòng sông thì đi theo tao đến vùng tam biên Washington- Idaho-Oregon, cách chỗ mày ở chừng năm giờ lái xe. Tháng mười nào tao cũng đến đó săn nai. Tao chưa câu ở đó nhưng tao biết có chỗ câu steelhead rất tốt. Không nhiều cá như ở đây nhưng nếu đã bắt được cá thì thường là cá rất lớn. Mày nên đi thử thời vận một lần cho biết."

Sau gần hai tiếng đồng hồ câu không một động tĩnh gì, Luân nản chí. Anh nghĩ chuyến đi câu xa xôi mà mình đã chuẩn bị từ cả tháng nay thật không đáng công chút nào. Anh nghĩ đến

câu nói của Mark: " Mày cứ đi theo tao, biết đâu mày chả bắt được con *trophy*."

Bỗng anh mỉm cười: "Hắn nói thế mà đúng. Mình đã bắt được con *trophy* còn to hơn con cá George chủ tiệm Andy bắt được." Nghĩ thế và một niềm hạnh phúc nhẹ nhàng chợt òa đến, như thể đêm qua khi anh khám phá ra ánh đèn của chiếc ghe tuần trong giấc mơ chỉ là ánh đèn măng-xông trong căn lều nhỏ giữa đêm rừng, căn lều của Tracy, ở đó anh đã bắt được "con cá" lớn nhất trong đời anh. Đêm qua là đêm của một thứ hoan lạc chiếm đoạt và dục vọng. Bây giờ nó "hình như là tình yêu." Anh xếp cần xách ba-lô nhẩy qua những tảng đá thấp tìm về chỗ câu của Tracy.

Luân đứng sát sau lưng Tracy. Anh đưa tay vén lọn tóc vàng rẽ sang bên rồi cúi xuống hôn lên gáy, lên vành tai nàng. Tracy so vai lại vì nhột. Luân thì thầm:

–Có cá cắn không?

–Có! Tracy mất hai con. Chắc là lưỡi câu chưa mắc hẳn vào miệng cá.

–Thật hả? Có chắc cá không? Nhiều khi cành cây trôi vướng vào giây cũng có cảm tưởng y như cá cắn.

–Không mà! Rõ ràng là nó kéo giây mà!

Luân nghi ngờ. "Không dễ đâu em!" Anh nhớ nguyên năm đầu tiên đi câu cá steelhead anh không bắt được con nào mặc dù lúc đó anh đã có nhiều kinh nghiệm câu cá salmon. Luân ôm ghì lấy Tracy.

–Thôi nghỉ chút đi. Có sandwich lấy ra ăn. Lou đói bụng rồi.

Bỗng bên kia có tiếng súng nổ. Rồi một tiếng nổ khác, gần hơn. Tiếng súng vang vọng từ phía rừng cedar, dội qua sông, đập vào vách đá. Luân vội buông tay khỏi người Tracy. Thoáng một cái trong trí Luân hiện lên hình ảnh Mark, trong bộ đồ săn rằn ri, từ khu rừng cây bên kia sông, đang nhắm bắn hai người! Anh choáng người nhưng trấn tĩnh ngay. Đây là tiếng súng của bọn thợ săn. Vùng tam biên này nổi tiếng là nhiều hươu nai. Mỗi năm cứ vào tháng mười, mùa săn, nơi đây là điểm tập họp những tay súng của cả ba tiểu bang Washington, Idaho và Oregon.

–Fish ON!

Tracy la một tiếng lớn. Nàng nhấc bổng cần lên cao. Chiếc cần cong vòng. Phía sông sợi cước căng chạy ngoằn ngoèo trên mặt nước. Dưới đáy sông con cá chạy phăng phăng, tuôn giây cước ra khỏi lõi máy. Thoáng trong óc Luân ý nghĩ: "Tracy bắt được cá thật! Đúng là thánh nhân đãi kẻ khù khờ." Tim anh đập rộn lên như thể chính anh đang câu được con cá. Luân biết ngay là nếu cứ để con cá kéo giây chạy về phía thác nước thì chẳng mấy lúc hết giây. Hết giây là giây đứt. Luân chụp lấy máy câu, xiết chặt bộ phận "hãm" giây tuôn. Con cá bị cưỡng, nó phóng vọt lên khỏi mặt nước. Vụt một cái hai người trông thấy ở giữa sông một con cá lớn vẫy trên không trung, thân lấp loáng ánh bạc, đầu lắc lư. Rơi tõm xuống, con cá đổi chiều bơi ngược về phía hai người. Luân biết được điều đó vì anh thấy giây cước bỗng chùng hẳn xuống. Anh la to:

–Quay thật nhanh! Thu hết giây cây câu về! Đừng để giây chùng. Luôn luôn phải để giây căng cho lưỡi câu khỏi tuột!

Con cá đâm vào gần bờ thì nó lại đổi chiều chạy ra xa, lại kéo tuôn giây trên lõi. Tracy cố kéo ngược lại nhưng con cá khỏe quá cứ kéo bừa đi. Chưa chi nàng đã có vẻ mệt. Quýnh quáng, nàng hạ cần xuống, nói mếu máo:

–Tracy phải làm gì đây? Tracy không muốn mất cá!

Luân hét lên:

–Giơ cao cần câu lên! Đừng bao giờ hạ cần xuống. Sức nặng của cá phải chịu trên cần câu chứ không phải trên giây câu. Cô mà hạ cần xuống là giây đứt ngay! Cứ để cho cần câu cong vòng. Càng cong càng tốt. Ừ! Giữ cần như thế này được đấy! Thấy không! Con cá lại quay đầu về...

Sợi cước đang chạy trên mặt nước đến gần bờ bỗng đứng dừng. Như thể con cá đang lội bỗng ngưng, nằm yên một chỗ. Tracy giật cần câu mấy lần nhưng vô hiệu. Nàng đưa cần cho Luân. Anh giật một cái, buột miệng chửi thề:

–Damn it!

Hòn chì bị mắc kẹt vào đá ở đáy sông. Nếu giựt thật mạnh thì một là hòn chì chui sâu hơn vào lỗ kẹt, hai là giây đứt. Cả hai đều tệ hại. Luân tiếc hùi hụi. Con cá lớn thế mà bị mất. Anh nhớ đến mấy năm trước anh cũng rơi vào đúng trường hợp này ở Blue Creek, lần đó chính Mark đã cầm cần câu của anh rồi cho nổ chiếc xuồng máy chạy ra giữa dòng, giải thoát hòn chì và lấy được cá. Thất vọng anh nói với Tracy:

–Kể như mất cá rồi. Chì bị mắc kẹt vào đá. Giựt mạnh là đứt giây.

Tracy nói như khóc:

–Con cá to quá! Thà là mình không trông thấy nó thì đỡ tức. Tracy không muốn mất cá...

Một ý nghĩ thoáng trong trí Luân. Anh quay

nhìn tảng đá lớn lúc nẫy anh đứng câu và thấy vị trí của nó nhô ra phía sông hơn hẳn vị trí chỗ hai người đang đứng. Cầm cần câu của Tracy, Luân nói nhỏ:

–Lou có cách...

Luân vừa đi vừa giơ cao cần câu giữ cho giây cước thật căng. Lát sau anh leo lên tảng đá hồi sáng, lựa một vị trí xa bờ nhất rồi giật cần câu thật mạnh. Thoạt tiên anh thấy đầu giây như va phải một khối đá nặng chịch, tiếp sau là cảm giác khối đá *chuyển động,* rồi con cá tung mình phóng lên không trung. Luân giơ ngón tay cái lên cao, báo tin vui cho Tracy. Ở tảng đá phía dưới Tracy nhẩy cẫng lên mừng rỡ hô lớn: "Hurrah!".

Cuộc chiến lại bắt đầu!

Cầm cần câu trực tiếp đấu với cá, anh biết mình đang đối phó với một con cá to, to nhất từ trước đến nay anh chưa từng câu được. Liếc nhìn sợi cước có đường kính nhỏ anh đoán là giây chỉ có sức chịu tối đa 15 pound. Yếu quá. Anh nghĩ. Còn con cá anh nhìn thấy nó rõ hơn khi nhô khỏi mặt nước lần thứ hai. Bằng vào chiều to ngang của nó anh phỏng đoán nó nặng tối thiểu 20 pound. Như vậy muốn lôi được cá vào bờ anh phải dùng mẹo chứ không thể dùng sức, dùng sức thì giây 15 pound sẽ đứt. Cách duy nhất là anh phải "vần" con cá cho đến lúc nó kiệt sức, hoàn toàn kiệt sức, trước khi lôi nó vào bờ, vì cả anh và Tracy đều quên không ai mang vợt vớt cá theo.

Điều Luân không ngờ là sau mười lăm phút đánh vật với cá chính anh lại là người kiệt sức trước. Con cá, được tăng cường bởi sức nước chẩy xiết ở khúc sông quành, cứ phăng phăng kéo giây chạy về phía thác nước, mặc dù anh đã vặn chặt tối đa bộ phận "hãm" giây tuôn. Để giây khỏi đứt Luân không còn lựa chọn nào khác là phải đi lần theo cá tiến dần về phía vách đá, một công việc rất cực nhọc và nguy hiểm. Luân chỉ có thể di chuyển tối đa chừng hai ba chục thước. Anh không thể nào tiến xa hơn vì đến chỗ vách đá là ngập nước. Di chuyển trên mấy chục thước ấy Luân phải vừa giơ tay nâng cao cần chiến đấu với cá, phải vừa thận trọng bước qua những tảng đá cao ướt át trơn trượt mà nếu xẩy chân ngã xuống khe giữa hai tảng đá có nước chẩy xiết ở dưới anh có thể bị trôi phăng về phía thác nước. Nhiều lúc thấy quá nguy hiểm anh đã tính cắt đứt giây câu. Anh đã làm việc ấy nếu là cá của anh. Nhưng con cá này Tracy câu được. Anh không thể để nàng thất vọng. Sau nửa giờ Luân mệt nhoài, mồ hôi vã như tắm, mặc dù trời rét và những bụi nước lạnh bám phủ vào da anh. Đến một mẩu đất lài nằm khuất sau hốc đá là cùng đường, Luân bắt buộc phải để cá tuôn ra cho hết giây.

Phựt một cái! Giây đang căng bỗng chùng hẳn xuống. Thế là hết!

Bỗng anh quay cần thu hồi thật nhanh giây câu. Quay tới tấp. Anh vừa sực nhớ ra là nếu cá quay đầu đâm về phía mình thì cũng tạo cảm giác y hệt như giây đứt. Quả nhiên sau mười vòng quay thì có cái gì khựng lại. Rồi con cá phóng vụt lên khỏi mặt nước. Lần này ngay trước mặt anh, chỉ cách vài thước!

Con steelhead lớn anh chưa từng thấy! Nó lắc lư chiếc đầu như cố gắng khạc lưỡi câu ra khỏi miệng. Luân trông rõ con mắt nó. Con mắt tuyệt vọng! Thoáng trong trí Luân hiện đôi mắt trợn ngược của Hòa!

Rơi tõm xuống nước con cá lại căng giây lội ra xa. Luân nâng cao cần cố gắng kéo cá ngược vào bờ. Lúc ấy anh đã hầu như kiệt sức. Anh hạ cần thật nhanh, quay vài vòng thu giây, rồi lại kéo cần lên. Cá lội trở ra, anh lại kéo vào. Cứ thế. Chừng mươi lần giằng co anh cảm thấy sức kháng của con cá yếu dần, yếu dần...

Bỗng mặt đất rung chuyển. Luân kinh hoảng nhìn lên.

Đất lở!

Từ trên cao bức vách đá đất truồi đổ những khối đá lớn xuống dòng sông, chỗ vách đá ngập nước. Tiếng ầm ầm vang động như sấm của những tảng đá đụng nước. Một khối đá rơi xuống sông ngay phía trước Luân, bắn tóe nước vào người anh. Đất cát đổ xuống rào rào chung quanh.

Hồi lâu sau không gian lại im vắng, trả lại tiếng thác đổ.

Từ ở đằng xa có tiếng gọi:

–Lou! Lou! Where are you?...

Tiếng gọi thảng thốt của Tracy từ phía sau những tảng đá lớn.

Kinh hãi. Kiệt cùng. Luân kéo con cá. Nó cũng kiệt sức như anh. Nó xuội lơ lê trên bùn theo đà kéo. Thân nó nhợt nhạt như một xác chết.

Xác chết được dân trong xóm kéo lên bờ. Xác một người đàn bà. Thân hình suội lơ lê trên xình. Khuôn mặt tái nhợt. Mái tóc bê bết. Đôi mắt trợn ngược.

Lou! Where are...

Tiếng gọi bay hút đi trong tiếng thác nước đổ ào ào.

NHỮNG BỨC TƯỜNG

TRẦN MỘNG TÚ

Chúng ta ở trước mặt, ở sau lưng những bức tường, ở trong những bức tường mỗi ngày. Có bao giờ chúng ta nhìn vào những bức tường nghĩ đến sự liên hệ giữa ta và tấm vách vô tri đó? Bức tường, bức vách, bức mành, hàng rào, bờ giậu, chấn song v.v... Là những rào cản, ngăn cách, hay che chở giữa người với người, người với vật. Những tiếng đó, tưởng như khi đọc lên chẳng để lại một âm thanh nào, nhưng thật sự những "bức tường" đã giữ biết bao nhiêu dấu tích của kỷ niệm vui, buồn, thăng trầm của lịch sử, lãng mạn của văn thơ .

Trong một bài thơ viết về chiến tranh, một nhà thơ Ý, có nhắc đến những bức tường:

"Không còn gì cả
trong những ngôi nhà
những bức tường bị bào nát ra, ở lại."(1)

Tưởng tượng hình ảnh một ngôi làng sau chiến tranh, đồng hoang, nhà trống, tất cả tan tác xụp đổ, không có tiếng gà gáy, tiếng chó sủa, tiếng chân trẻ em và tiếng ho của người già. Một ngôi làng bỏ trống chỉ còn lại những bức tường đã sụp đổ tơi tả, rơi ra từng mảnh.

Khi vĩ tuyến 17 chia đôi hai miền Nam Bắc nước Việt, một "*Bức Màn Tre*" được dựng lên, đã thấm bao nhiêu máu và nước mắt của người Việt cả hai miền. Bức màn tre đã hạ xuống nhưng trong lòng người Việt cho đến bây giờ một bức tường vô hình vẫn rơi ra từng mảnh.

Bức tường ngăn đôi ở Đông, Tây Đức sụp đổ, cả thế giới hân hoan và nhỏ lệ. Những người dân hiền lành chẳng hề nghĩ xa xôi gì về "chính trị" chôn dưới chân tường. Được gặp lại những người thân yêu, được đi lại tự do một phần nào trên chính đất nước mình, đó là hạnh phúc thật sự mà họ chạm được tay vào, như khi nhặt mảnh tường đập vỡ cất đi. Nhưng du khách đến đây, ai cũng muốn mua một miếng gạch vỡ để làm chứng tích mình đã đến bức tường lịch sử:

"Lịch sử bán hạ giá
Một mảnh chỉ có 20 mỹ kim" (2)

Một bức tường đá đen được dựng lên cận kề tòa Bạch Ốc ở Hoa Thịnh Đốn ghi ơn hơn năm mươi ngàn quân nhân đã chết cho chiến tranh Việt Nam. Biết bao du khách đã đến đây đặt những vòng hoa dưới chân bức tường. Người ta còn đem những bài diễn văn về hòa bình, về chiến tranh đọc trước bức tường cho vong hồn tử sĩ khỏi quên, và có những bà mẹ, từ những tiểu bang thật là xa, đã chân thấp, chân cao, lòng đau như cắt đến đặt bàn tay run rẩy trên một hàng chữ mang tên con như đặt tay lên vừng trán thân yêu của con mình. Chao ôi, sao lạnh quá!

... và với đôi mắt nhắm chặt
vết thương của nỗi chết dâng lên trong lòng
bà đặt những ngón tay run rẩy
trên vừng trán lạnh như nước đá của con trai.(3)

Đàng sau những chấn song sắt của một bức tường trong nhà tù, một buổi tối người ta nghe thấy tiếng thỏ thẻ:

"Mẹ đến nằm cạnh con và đọc sách cho con."

Đó là giọng nói của một cậu bé sáu tuổi, cậu ở trong tù cùng với mẹ và em gái của cậu, mới ba tháng tuổi. Mẹ cậu bị bắt vào đây (đang lúc có mang đứa con thứ tư) vì tội dùng ma túy nhiều lần. Ở chung sau bức tường với những chấn song này có những bà mẹ và những đứa trẻ khác, trong một hoàn cảnh tương tự như mẹ con cậu bé. Ai đó đã nhân đạo tạo một không khí cho những bà mẹ quên đi việc xử dụng ma túy và chú tâm vào săn sóc con cái sau những bức tường.(4)

Ngồi nhìn đăm đăm vào bức tường trước mặt, năm này sang tháng khác, thậm chí không ăn, không ngủ, như vậy được gọi là "diện bích" là tham thiền nhập định. Vị thiền sư nọ, một ngày

bỗng "ngộ" ra:

Sự thức tỉnh thật là giản dị. "Khi tôi bước, tôi bước. Khi tôi ăn, tôi ăn. Khi tôi ngủ, tôi ngủ."(5) Suy nghĩ nữa làm gì, để rơi lại vào chỗ tối tăm.

Các phi hành gia chụp hình từ trên cao xuống mặt đất, không nhìn thấy gì, ngoài một vệt dài cong queo, xám ngắt như những âm hồn lặng lẽ dắt nhau đi trong sương khói. Không đoán được là cái gì, khi về lại mặt đất mới biết đó là: Vạn Lý Trường Thành của Trung Quốc, là những bức tường nối tiếp nhau, một kỳ quan của thế giới, một bức tường dài đã chôn vùi biết bao nhiêu sinh mạng mới hoàn thành.

"Có người lên mặt trăng nhìn xuống
Xa lắc nhân gian chẳng thấy gì
Chỉ thấy Trường Thành ngơ ngác dắt
Một dải linh hồn lặng lẽ đi" (6)

Không phải bức tường nào cũng đem đến những buồn bã như thế .Có rất nhiều bức tường cũng đem đến mơ mộng nữa chứ. Nếu mở lại những trang sách cũ, ta thấy biết bao nhiêu câu thơ óng ả, trữ tình nói về "bức tường":

"Nhà nàng ở cạnh nhà tôi
Cách nhau cái dậu mồng tơi xanh rờn." (7)

Bức tường này thơ biết bao, loang xanh vào cả hồn thi sĩ, chắc thi sĩ muốn cái hàng dậu xanh rờn này ở mãi đây để chàng còn tưởng tượng, viết thêm cả trăm câu thơ khác. Nếu cắt đi bức tường toàn bằng lá xanh này là cắt đi mất cái bí mật ở bên kia bức tường, làm sao thi sĩ còn "đoán" được là "Nàng như cũng có mối buồn giống tôi"

"Em ngồi trong khung cửa
Anh đứng dựa tường hoa
Nhìn nhau mà lệ ứa
Một ngày một cách xa"(8)

Là những câu thơ đẹp dành cho những bức tường, dành cho những người yêu nhau. Người ta mong mỏi cho thi sĩ và giai nhân cứ cách nhau một bức tường để bài thơ kéo dài vô tận.

Thử đọc câu thơ:

"Trải vách quế gió lùa hiu hắt
Mảnh xiêm y lạnh ngắt như đồng"

Vách quế là bức tường trong phòng của các cung nữ ngày xưa có giát quế cho ấm mùa đông. Những bức tường quế thơm tho này đã giam giữ bao nhiêu trái tim bi lụy, bao nhiêu giấc mộng, và thấm bao nhiêu giọt lệ của các nàng cung nữ. Ngay cả những âm mưu thầm kín để được lọt vào sổ của quân vương cũng được toan tính sau những bức tường này.

Trong Kiều của Nguyễn Du, bức tường cũng được đem vào rất nhiều lần. Hai lần được chú ý nhất, là tả tâm trạng của Kim Trọng bắt đầu tương tư đi tìm Kiều, thuê được một căn nhà ngay cạnh nhà Kiều, để:

"Song hồ nửa khép cánh mây
Tường đông ghé mắt ngày ngày trông sang"

Và Nguyễn Du cũng dùng "bức tường" để tả tình yêu sôi nổi của Thúy Kiều dành cho Kim Trọng, khi Kiều lợi dụng cha mẹ vắng nhà, sửa soạn thức ăn mang sang nhà Kim Trọng để cùng thù tạc, bức tường bỗng nhiên thành nhân chứng:

"Thời trân thức thức sẵn bầy
Gót sen thoăn thoắt dạo ngay mé tường."

Có những tình yêu đằm thắm như thế này rơi ngay ở chân tường:

"Hoa vàng hoa rụng quanh tường
Trải xem hoa rụng đêm sương mấy lần."

Những bông hoa vàng rụng trong đêm sương, gợi lòng nhớ mong của người vợ có chồng đi vào nơi gió cát của trận mạc. Làm sao mà đếm được hoa rụng mấy lần!

Nếu đem so sánh những bức tường nổi tiếng làm nên dấu tích lịch sử và làm đẹp cho những áng văn đó với những bức tường ta sống đằng sau nó mỗi ngày ta có thấy khác biệt gì không?

Những tiếng rì rầm của các con trong phòng ngủ bên cạnh, lọt qua bức tường đến tai cha mẹ, cha mẹ nhắm mắt lại yên tâm các con còn ở chung dưới một mái nhà; những tiếng ho yếu ớt của cha mẹ giữa đêm khuya bên kia bức tường cho con hiểu cha mẹ đã thực sự già yếu. Bốn tường bỗng trở thành vòng tay thân yêu của căn nhà để ta gọi là "*gia đình*."

Bức tường ngăn cách ta với nhà hàng xóm, ta vẫn thân yêu gọi là "sát vách" đó, đôi khi nó phải nghe hết những bất bình của cả hai phía. Bức tường vô hình được dựng lên giữa vợ chồng, giữa cha mẹ với con cái, các cháu với ông bà làm cho chúng ta ngộp thở ngay trong một căn buồng cửa mở. Phần nhiều những bức tường có đôi tai rất thính, nó có thể mang sự bí mật của ta sang tận một nước khác, ta nên cẩn thận khi nói thầm.

Bức tường đáng yêu nhất là tấm lòng của ta mà người bạn nào cũng có thể dựa vào trong lúc cần một chỗ an ủi.

9/07

*** Ghi Chú:** 1.Giuseppe Ungarette ; 2-3.William Marr; 4.California's Family Foundation; 5.Thiền Sư khuyết danh; 6. *Trần Mộng Tú; 7. Nguyễn Bính; 8.Lưu Trọng Lư; và Cung Oán Ngâm Khúc, Kiều, Chinh Phụ ngâm.*

Một chút Việtnam

TRẦN DOÃN NHO

Đêm rồi, Hưng ngủ muộn, vì cố gắng làm xong mấy bài *homework* cho tuần sau. Anh muốn có một chủ nhật hoàn toàn không bận bịu. Nửa đêm, có cơn mưa nhỏ bên ngoài. Gió tạt vào những hạt mưa qua khoảng hở của cánh cửa sổ quên kéo xuống. Anh lười biếng nằm im, để vậy, lắng nghe tiếng mưa tạt, tiếng cửa gương lay động lách tách. Trong giấc ngủ chờn vờn, trí tưởng anh bay về những vùng trời xa xôi, nửa thực nửa hư. Mưa sa, bão táp, lụt lội, ghe đò bập bềnh sóng nước bên hiên nhà. Chợ búa bồi hồi mùa nước lũ. Đám con trai, con gái xắn quần cao lội nước. Thời gian không đầu không đuôi, như kéo dài ra vô tận. Cứ thế, anh nằm, anh đứng, anh ngồi, anh chơi. Chậm chạp và lười biếng. Và những mộng tưởng xa vời. Mộng cứ là mộng, chẳng cần phải thành sự thực. Cứ thế...

Và thức dậy sớm. Làm vệ sinh xong, Hưng đứng tựa cửa sổ nhìn ra. Chúa nhật đã ở bên ngoài với bãi đậu xe ngân hàng trần trụi, phơi ra những ô, những lằn vạch, những mũi tên vô hồn. Đường phố nằm yên, y như đang ngủ giấc ngủ ngày. Chúa nhật, thời gian dịu đi, hiền lành, đáng yêu. Như con mèo nhỏ gối đầu trên chiếc dép ở góc phòng, lim dim ngủ. Anh mặc tình sờ mó, vuốt ve, sở hữu. Suốt tuần, nó giục anh chạy, nó ném anh vào dòng sống phiêu linh không bến không bờ. Nó chiếm lấy anh, sử dụng anh như một tên nô lệ. Bây giờ, ở đây, lúc này, anh có cảm giác cầm được nó và thả ra từng chút, từng chút. Rất tùy nghi.

Định pha một cốc cà phê, rồi chuẩn bị một tô mì ăn liền với đầy đủ gia vị, thịt thà (mà ngày thường không kịp làm), nhưng thấy bình cà phê sạch nhẵn, anh tự nhủ thôi tới tiệm Mỹ nhâm nhi một cốc cho khỏe. Anh thay áo quần, rồi "lốc" cửa, ra đi. Khác với khu ngân hàng ở bên kia đường, khu chung cư anh ở, ngày chúa nhật ồn ào hơn thường. Đám trẻ con đen, trắng, nâu, vàng chạy nhảy, la hét. Các cánh cửa phòng vốn đóng im ỉm giờ mở toang. Đi ngang qua các căn phòng dân Nam Mỹ, chàng nghe phảng phất cái mùi đặc biệt mà dân Việt Nam ở đây vẫn gọi là mùi "xì" với vẻ mỉa mai. Chữ "xì" bắt nguồn từ chữ "Spanish", dân nói tiếng Tây Ban Nha. Người Việt xem những ai không phải Mỹ chính gốc đều là "xì" và xem thường, thậm chí khinh bỉ họ. Kể ra thì khinh bỉ sắc dân khác cũng là một cách thế tự vệ trong một xứ đa chủng như thế này. Anh nghiệm như thế.

Đúng lúc anh bấm nút "close" để đóng cửa thang máy, thì một cô gái chạy bổ vào, giọng Mỹ sõi:

- Xin lỗi, cho tôi vào với, tôi có chuyện gấp.

Anh đưa tay chận cánh cửa tự động. Cô gái lách vào qua một khoảng nhỏ còn lại vừa đủ cho thân hình nhỏ nhắn của cô. Nàng thở gấp, nhìn anh:

- Cám ơn, cám ơn.

Vừa nói theo quán tính "không có gì", anh vừa nhìn kỹ nàng và ngạc nhiên thấy cô ta là một người châu Á. Nàng nói tiếng Anh hay thật. Nếu không nhìn nàng mà chỉ nghe, chắc anh vẫn cho nàng là dân Mỹ thứ thiệt. Nàng mặc cái *jupe* xòe dài màu hồng nhạt, điểm những bông hoa tím nhỏ, áo T-shirt màu đỏ tươi, trước ngực có hàng chữ "Take back the night" nằm trong một ô tròn màu đen. Thắt lưng to bản. Tóc bới cao kiểu đuôi ngựa. Phần tóc phía trán được đánh thành hai tua nhỏ kiểu con nít, thả xuống hai bên má, trông thật ngộ nghĩnh, y như kiểu tóc của loại dân Nam Mỹ nào đó. Nàng còn trẻ lắm. Việt Nam, Tàu, Singapore, Nhật hay Lào?

Cô gái đứng yên, nhưng lộ vẻ bồn chồn. Khi thang máy dừng hẳn, nàng phóng ra trước, chạy đi. Anh nhìn theo, tự hỏi cô ta từ đâu đến, đến thăm ai hay mới đến thuê ở. Anh nhìn theo đến khi bóng nàng khuất sau góc phố.

Anh đi uống cà phê, đi giặt, đi chợ. Khi trở về, vừa đậu xe xong, anh chợt thấy bóng chiếc áo đỏ thấp thoáng trong lối đi chính vào khu chung cư. Như có một sức hút, anh rảo bước theo với hy vọng sẽ gặp cô ta. Quả không bỏ công,

anh đến đúng lúc thang máy vừa xuống. Cửa mở. Cô gái nhìn anh cười và ra dấu cho anh vào trước. Anh lịch sự nhường lại.

Khi thang máy từ từ chạy lên, anh định hỏi nàng, thì nàng lại bắt chuyện trước:

- Ông ở đây?

- Vâng.

- Tầng mấy?

- Tầng năm. Còn cô, cô đến thăm ai?

- Không, tôi cũng ở đây, tầng bảy.

- Tôi không hề gặp cô lần nào ở đây. Chắc cô mới đến?

- Vâng. Chừng hai tháng.

Hai tháng. Cũng khá lâu, sao anh không hề gặp?

Cuộc đối thoại chấm dứt khi thang máy dừng ở tầng năm. Khi anh chào từ giã đi ra cửa thì cô gái cũng bước ra. Anh dừng lại nhìn nàng:

- Cô không đi tiếp?

- Không, tôi muốn hỏi ông một việc. Ông người Tàu hay người Nhật?

- Cô đoán thử.

- Chắc là người Hồng Kông?

- Sai, Việt Nam.

Cô gái ồ lên một tiếng, tia mắt rực sáng. Nàng đột ngột dang hai tay ra như muốn ôm lấy anh, nhưng kịp buông xuống. Nàng thấp giọng, nói bằng tiếng Việt:

- Tôi cũng là người Việt.

Anh cười:

- Thế thì tôi đoán không sai. Tôi cũng ngờ ngợ cô là người Việt từ khi gặp cô hồi sáng.

- Ngờ ngợ? Tôi không hiểu.

- Ngờ ngợ là phỏng chừng, đoán chừng, là *guess*.

Nàng cười:

- Tôi kém tiếng Việt lắm.

- Cô nói sành đấy chứ, à... nói giỏi đấy chứ.

Nàng đứng ngẫm nghĩ một lát, rồi nói, giọng ngập ngừng:

- Gặp được anh là người Việt, tôi... vui lắm. Tôi muốn nhờ... Xin lỗi, nói thế này có hơi, hơi... bất ngờ, anh thông cảm. Có thể nào, tôi ghé thăm anh được không? Không phải bây giờ mà... mà một lúc nào đó... khi anh không bận...

Anh ngạc nhiên:

- Đến thăm tôi, ờ, ờ... tất nhiên là được. Nhưng... có việc gì không cô?

- Cũng chẳng có việc gì, tôi chỉ muốn có bạn... cho vui.

- Nhưng... nhưng khi nào cô đến?

- Tôi không biết. Khi nào đến, tôi sẽ gọi điện thoại báo cho anh. Mà... mà anh không có gì phiền chứ? Lúc nào thì anh có nhà?

- Chúa nhật, còn ngày thường, tôi chỉ rảnh một chút buổi trưa và sau tám giờ tối.

Cô gái vội vã quay đi. Chợt nhớ ra điều gì, cô dừng lại:

- Vội quá, tôi quên hỏi. Anh có thể cho tôi số điện thoại và số phòng anh không?

Anh ghi số điện thoại và số phòng trên một mảnh giấy nhỏ đưa cho nàng. Nàng vừa quay gót, anh gọi giật:

- Này, cô, tôi chưa có số điện thoại cô.

Nàng quay lại, đến gần anh, nói nhỏ:

- Tôi xin lỗi. Điện thoại tôi gọi ra thì được, nhưng không gọi vào được. Anh thông cảm. Cảm ơn anh.

Nàng đi bộ lên lầu.

Hưng trở về phòng, lòng ngờ ngợ vực vực, không yên. Gặp bất ngờ. Quen bất ngờ. Thêm một cái hẹn bất ngờ. Đã thế, lại hẹn gặp ngay tại phòng mình. Cô ta là ai? Điếm? Dân bụi đời, băng đảng? Gái bất mãn gia đình, trốn nhà ra đi? Nhưng nhớ lại dáng dấp, cử chỉ của cô gái, không có vẻ gì bất thường. Thậm chí, rất là gái nhà lành. Nghĩ thế, anh cảm thấy yên tâm. Và vui. Một niềm vui thật mới. Từ ngày qua Mỹ, sống tách khỏi gia đình, tự lập, anh sống như kẻ chạy đua với thời gian. Cái gì cũng mới lạ, đòi hỏi sự phấn đấu. Không buồn. Chẳng vui. Luôn luôn bận rộn. Bây giờ, tự dưng quen một cô gái. Tự dưng lại được hẹn hò. Anh phấn chấn. Nỗi hưng phấn rất thanh niên bấy lâu bị dồn nén bỗng tràn ra, dạt dào. Bừng bừng. Sôi sục. Suốt cả tuần, hễ xong việc là anh về nhà. Hễ nghe điện thoại reo là có bận việc gì, anh cũng chạy vội đến bốc máy ngay. Nhưng không có điện thoại của cô gái. Sốt ruột, anh lên tầng bảy, đi dọc theo hành lang, mong được tình cờ gặp nàng đâu đó. Chẳng có ai. Hành lang lúc nào cũng vắng tanh. Các cửa phòng đóng im ỉm. Anh có cảm giác như thế giới không có mặt ở đây trong suốt những ngày làm việc. Cô ta ở phòng nào?

Nỗi đợi chờ vu vơ khiến nhịp sống bình thường anh bị chao đảo. Anh cố ý kéo dài những giây phút thư giản, cố ý giảm bớt những bận bịu, cố ý về sớm và tìm cách đi muộn. Thời gian giãn ra, chậm chạp, bứt rứt và buồn nản. Anh bần thần.

Mãi đến tối thứ bảy, cô gái mới điện thoại cho anh. Nàng nói một hơi:

- May quá, anh có ở nhà. Hôm trước, muốn ghé anh, nhưng tìm không ra mảnh giấy anh cho hôm trước. Tôi mới tìm lại được hồi trưa nay

trong đống sách vở. Tôi tên Miên Tâm. Gặp được người Việt Nam ở đây tôi rất vui. Tôi rất ít khi có dịp đi ra ngoài. Chắc anh bận lắm phải không? Chiều mai, anh có rảnh không, tôi sẽ ghé xuống anh, khoảng hai giờ đến ba giờ. Anh cứ để cửa vậy, tôi vào, khỏi ra đón. À, số phòng anh là 508 phải không... Tôi sẽ xuống. Nhớ để cửa, đừng đóng. Từ hai đến ba giờ chiều mai.

Nói xong, không đợi anh trả lời, nàng đã cúp máy. Anh gác điện thoại, thở phào nhẹ nhõm. Thế là anh đã có một hẹn hò. Ngày chúa nhật sẽ được lấp đầy. Anh sẽ được bận bịu. Anh sẽ có thêm những điều mới mẻ. Thế giới chán ngắt của anh với những màu sắc vụn rời, chắp vá sẽ được điểm xuyết thêm màu tím hay màu hồng của một bông hoa nhỏ. Anh cảm thấy hân hoan, phơi phới. Đầu óc anh đột nhiên đầy những ấn tượng về nàng. Đôi môi đỏ chót, nốt ruồi chênh chếch bên cánh mũi, đôi bông tai to tròn đu đưa, ngực thấp nhỏ, nụ cười thân thiện, dáng đi hấp tấp, giọng nói tiếng Việt chen lẫn tiếng Anh với những âm nhấn rất Mỹ. À, mà lạ thật, cô gái này đâu có gì đặc biệt, sao lại làm anh xao xuyến như thế! Anh đã từng có bạn gái. Anh đã từng yêu, từng hò hẹn. Thế thì tại sao anh lại bâng khuâng như thế này!

Đã khuya. Anh nằm xuống sàn nhà, chập chờn trôi vào giấc ngủ. Chiếc áo đỏ tràn vào giấc mơ.

Từ một giờ, Hưng đã bồn chồn nghe ngóng, lòng thấp thỏm không yên.

Cô gái đến thật. Quá hai giờ một chút, Hưng nghe tiếng bước chân ngoài hành lang. Tiếng gõ cửa thật nhẹ. Cánh cửa nhè nhẹ di động. Cô gái đưa đầu vào, nhìn quanh. Thấy anh, nàng cười, nhanh nhẹn lách vào, khép cửa lại. Anh đứng dậy chào nàng, mời nàng ngồi. Cô gái nhìn anh nói:

- Phòng hơi hẹp, anh há.

Anh cười:

- Sinh viên nghèo mà cô.

Nàng bước lui, bước tới ngắm nghía mấy bức tranh, xem mấy cuốn sách anh học. Anh đứng vòng tay nhìn nàng và cố hình dung nàng thuộc loại người nào. Hôm nay, nàng mặc một bộ đồ lụa, may theo kiểu Việt Nam, màu vàng nhạt, có thêu những nhánh hoa hồng ở hai tà trước. Cổ đeo dây chuyền vàng, tóc xõa xuống hai vai. Trông nàng không khác gì những cô gái buôn bán đồ xa xỉ ở chợ Bến Thành. Nàng ngồi xuống, nhìn anh, giọng trở nên thân mật:

- Em tên Miên Tâm. Còn anh?

- Hưng.

- Gia đình anh cũng ở đây?

- Vùng này, nhưng "town" khác.

- Vượt biên hay bảo lãnh?

- H.O.

Nàng cười:

- H.O. qua nhiều thật. Đi đâu em cũng gặp H.O.

- Cô đi đâu mà nhiều thế?

- Em ở nhiều bang lắm. Ở miền Nam có, ở vùng giữa có, giờ lại lên miền Bắc. Em "move" lung tung.

- Để làm gì?

- Đi chơi, đi làm ăn. Mỹ mà, tự do. Còn anh, có đi đâu chưa?

Hưng cười:

- Tôi mới qua, lu bu đủ thứ, đâu có điều kiện để đi. Phải vừa đi học, vừa đi làm.

- Anh học gì?

- Computer.

Cô gái nhìn ra ngoài, qua khung cửa sổ:

- Nghe nói vùng này, mùa đông lạnh lắm. Sao anh không về các bang miền Nam nắng ấm, ở gì đây mà chịu tuyết suốt mùa đông.

Anh cười:

- Lúc mới qua cũng ngán. Nhưng hai mùa tuyết rồi, đâu có sao. Cô uống cà phê nhé?

Nàng nhìn lên:

- Em không thích cà phê. Anh có bia không?

Anh hỏi, giọng ngạc nhiên:

- Cô uống bia được à?

- Sao lại không! Một hai chai thôi. Anh ngồi đi, em tự lấy cũng được.

Cô gái đứng dậy, đến tủ lạnh, mở cửa. Nàng nói:

- Budweiser. Không có Heineken. Em khoái Heineken. Nhưng Budweiser cũng OK.

Nàng lấy một lon đến ngồi ở bàn, khui uống. Nàng uống bia tự nhiên, thành thật, ngon lành. Nhìn cung cách nàng, anh hãi. Nàng hỏi:

- Anh không uống?

- Tôi ít khi uống bia ban ngày. Uống vào mặt đỏ gay, kỳ lắm. Chỉ thỉnh thoảng uống một lon trước khi đi ngủ. Cô vẫn uống thường như thế à?

- Không thường lắm. Nhưng giờ này, ngồi ở đây, tự nhiên em thích một chút gì đăng đắng. Uống nước ngọt hoài, chán lắm.

Nàng gác chân lên chiếc ghế thấp đặt kế bàn học. Anh thoải mái ngắm nàng. Những móng chân sơn đỏ chót, cắt tỉa cẩn thận. Đôi bàn tay nhỏ nhắn, móng để dài, cũng sơn đỏ. Bộ đồ lụa trơn láng, mỏng mảnh, thêu hoa cầu kỳ khiến anh nghĩ đến những bà chủ tiệm vàng hay tiệm

mỹ phẩm anh thường thấy ở các đường phố bên Việt Nam. Chỉ thiếu cái nét phương phi, bệ vệ. Dáng nàng mảnh khảnh, khuôn mặt nhỏ, đôi lông mày hơi xếch, trông ngổ ngáo khi ngước nhìn lên. Im lặng trầm ngâm, khuôn mặt nàng như tối hẳn đi. Nhưng lúc cười, nàng trở nên đôn hậu, chơn chất. Anh có cảm giác như khi cười và khi im lặng, nàng có hai khuôn mặt hoàn toàn khác nhau. Hẳn nàng có một cuộc sống thoải mái, anh nghĩ. Ít ra thì nàng cũng không phải lao động vất vả trong các hãng xưởng như anh.

Anh hỏi:

- Cô không đi làm?

- Có, nhưng thỉnh thoảng.

- Part-time à?

- Không hẳn thế.

Nàng trả lời ngắn gọn, bằng một thứ tiếng Việt khá chuẩn xác. Tiếng Anh hay, tiếng Việt nàng cũng khá. Anh hỏi:

- Cô sang Mỹ lâu chưa?

- Từ khi em tám tuổi.

- Hèn gì!

Cô gái ngước mắt lên:

- "Hèn gì"?

Anh giải thích:

- Hèn gì cô nói tiếng Anh như... Mỹ. Lớn tuổi như tôi học chậm lắm.

- Anh mà lớn gì! Trẻ măng à, trẻ hơn cả... Garcia... à quên, anh trẻ, ... trẻ lắm.

Không để ý đến lời khen, anh hỏi:

- Cô vượt biên à?

- Vâng.

- Với gia đình?

- Không, một mình em.

Anh sửng sốt:

- Tám tuổi sao cô đi một mình?

Cô gái trầm ngâm một chút rồi trả lời:

- Cha mẹ em gửi em cho một người quen.

À, ra thế! Trước đây, anh không hình dung nỗi tại sao người ta có thể gửi đứa con mới mấy tuổi đầu của mình trên những chuyến vượt biên vô cùng nguy hiểm như thế. Có khác gì bỏ con. Dần dà về sau, anh hiểu. Người ta không bỏ con, mà không còn chọn lựa nào khác. Cuộc sống lúc đó đen tối quá, chỉ còn một cách: đánh cuộc với định mệnh. Một đánh cuộc đau đớn. Hơn thế nữa, một đầu tư.

Miên Tâm cúi xuống bàn xoay xoay lon bia, khuôn mặt chùng xuống. Vẻ già dặn toát ra không dấu kín được hết đường nét ngây thơ loáng thoáng đâu đó. Cái vui lẫn quất trong cái buồn. Nàng còn trẻ. Trẻ và nhỏ. Tự nhiên, anh cảm thấy ngậm ngùi với hình ảnh một cô bé còn măng sữa, trải qua hết tuổi thơ của mình trong một hoàn cảnh lạc loài, cô đơn, xa lạ. Nàng phải trả giá cho một ước mơ lớn của hai đấng sinh thành. Họ có toại nguyện không? Anh nhìn nàng, hỏi:

- Ba mẹ cô vẫn còn sống?

- Vâng.

- Vẫn ở Việt Nam?

- Vâng.

- Cô không bảo lãnh qua à?

Nàng thở dài:

- Qua làm gì cho thêm khổ.

Lại kêu khổ, lạ thật! Chẳng khác gì cách nói của cha mẹ anh. Cày ngày cày đêm. Con hư. Mỹ đểu. Tình người không có. Vân vân và vân vân.

Cô gái đứng dậy, đi quanh phòng. Nàng ngắm nghía, sờ mó mọi thứ. Đến ngăn có sách báo Việt Nam, nàng lôi ra một tờ tạp chí, mang đến bàn, lật từng trang xem. Hưng chăm chú nhìn. Anh hỏi:

- Cô thích đọc báo Việt Nam không?

Nàng ngẩng nhìn lên:

- Thích. Nhưng... nhưng mà, em không biết đọc tiếng Việt.

Cô gái nhìn đồng hồ trong lúc vẫn lật tới lật lui tờ báo tiếng Việt. Anh hỏi:

- Ai dạy cô nói tiếng Việt?

Nàng nhìn anh:

- Không ai dạy cả. Chỉ bắt chước. Bắc chước người này người nọ. Nhưng nhiều nhất là bắt chước phim bộ.

- Hèn gì!

Anh trầm ngâm nghĩ ngợi, chợt nhớ đến những lần anh than phiền với ba mẹ anh về việc mấy đứa em nhỏ của anh xem riết phim Hồng Kông, chẳng mấy khi chịu xem phim Mỹ. Anh bảo cứ xem phim nói tiếng Việt mãi thì bao giờ chúng biết tiếng Anh để theo kịp người ta. Anh chợt bật cười. Cô gái hỏi:

- Anh cười em?

- Không, tôi cười tôi. Nghe cô nói, tôi chợt thấy mình sai. Tôi vẫn cho xem phim bộ Hồng Kông là hư, không ngờ chính nó lại giúp người ta trau dồi tiếng Việt một cách hữu hiệu.

- Hữu hiệu?

- Là tốt, hay, là *good*.

Cô gái lại xem đồng hồ. Nàng có vẻ bồn chồn. Nàng uống cạn bia, tay cầm cái lon không bóp lên bóp xuống. Nàng nhìn anh, ngập ngừng:

- Em phải về. Em muốn nhờ anh một chuyện.

Chắc bắt đầu ra chiêu đây, anh nhủ thầm. Để

thử xem.

Giọng nàng thành khẩn:

- Em muốn học tiếng Việt. Anh có thể giúp em được không?

Anh chưng hửng. Anh không thể nghĩ ra một loại đề nghị như vậy. Anh cười:

- Tôi vẫn tưởng cô cần tôi việc gì ghê gớm lắm.

Không đoán được lời nói đùa của anh, cô gái tiếp:

- Thú thật với anh, điều làm em đau khổ nhất là em không đọc được thư nhà và cũng không viết được thư về nhà.

Lời thú nhận bất ngờ giúp anh chợt hiểu một cách sâu sắc nỗi buồn của cô gái. Những giới hạn về ngôn ngữ khiến cô bị cắt lìa khỏi nguồn cội. Nàng có thể nói tiếng Việt, cũng như anh có thể nói tiếng Anh, nhưng thiếu hẳn sự gắn bó giữa những âm, những chữ với cuộc đời. Nàng đầy những kỷ niệm Mỹ, nhưng không cảm thấy mình là người Mỹ. Nàng muốn mình là người Việt Nam, nhưng thiếu hẳn một quá khứ Việt Nam. Tự dưng, anh nhìn Miên Tâm khác đi. Anh hỏi:

- Cô còn nhớ gì về Việt Nam không?

- Không. Lúc đi, em còn nhỏ.

- Quê cô ở đâu?

- Kien Hoa hay Kien Phong, em không nhớ rõ.

- Cô về thăm ba mẹ chưa?

- Chưa. Em định sẽ về, nhưng chỉ khi nào em đọc và viết được tiếng Việt.

Cô gái lại xem đồng hồ. Nàng nhấp nhổm trên ghế ngồi.

- Đến lúc em phải về. Em có việc bận. Anh liệu có thể giúp em được không? *Yes* hay *No.*

Anh phân vân:

- Giúp thì dễ dàng. Có điều, thì giờ tôi eo hẹp lắm. Như cô biết, tôi vừa đi học, vừa đi làm...

- Em biết. Anh suy nghĩ, em sẽ gọi lại anh tối nay. Dù thế nào, anh cũng rán giúp em. Hy vọng là anh sẽ nói *Yes*.

Nàng đứng dậy:

- Em về.

Nói xong, nàng rời phòng ngay, dáng hấp tấp. Anh đóng cửa lại, im lặng cảm nhận chút hơi hướm của cô gái như còn thoang thoảng đâu đây.

Hưng đồng ý dạy tiếng Việt cho Miên Tâm. Dù đôi lúc anh hoài nghi ý định thực sự của cô gái, nhưng trong thâm tâm, anh tin rằng nàng thực tình đối với anh. Anh rút bớt những giờ nghỉ ngơi và đi chơi với bạn bè để chỉ dẫn cho cô gái. Chỉ phiền một nỗi: giờ giấc nàng rất tùy tiện. Khi anh rảnh thì nàng không xuống. Khi đang bận thì nàng đòi xuống. Đôi lúc, đang học nửa chừng, nàng đột ngột bỏ về. Anh bực. Biết thế, nàng năn nỉ anh thông cảm cho hoàn cảnh đặc biệt của nàng. Nàng nhắc đi nhắc lại nhiều lần: *my special circumstance!*

Hoàn cảnh đặc biệt! Bây giờ thì dù không hoàn cảnh đặc biệt đi nữa, anh cũng chiều theo ý nàng. Làm sao mà từ chối cho được. Anh bị nàng hớp hồn rồi! Thời khóa biểu không cần nữa. Lúc nàng muốn đến, nàng gọi. Anh rảnh, anh dạy. Không thì thôi. Lúc nào nàng muốn đến anh cũng cố thu vén bài vở, công việc để dạy nàng. Điều duy nhất làm anh khó hiểu là điện thoại nàng không gọi vào được. Hỏi tại sao nàng làm vậy, nàng chỉ nói gọn lỏn: "Em thích thế." Đã thế, nàng còn yêu cầu anh đừng bao giờ tìm nàng, dù chỗ nàng ở hay bất cứ ở đâu. Có lần, nghe nàng nhắc mãi lời yêu cầu đó, anh bực mình nói: "Em cần anh, em tìm. Còn anh, anh có việc gì mà phải tìm em nào?" Nàng bịt miệng anh lại: "Đừng nói nữa."

Nàng cư xử tự nhiên như một người tình lâu ngày. Thỉnh thoảng, anh cầm tay nàng. Thỉnh thoảng, anh thở vào tai nàng. Thỉnh thoảng, nàng vịn vai anh. Có lúc nàng mệt mỏi nằm vật xuống chiếc giường đơn nhỏ bé của anh. Có điều, mọi cử chỉ của nàng đối với anh dường như luôn luôn vừa đủ, để không quá xa cách, mà cũng không quá thân mật. Riêng anh, anh vừa dạy nàng học, tỉ mỉ, kiên nhẫn, đầy thiện chí, lại vừa vật vã tranh đấu với bản thân anh. Đôi trai gái trẻ trong một căn phòng nhỏ ấm cúng, thân tình, mời gọi, thế mà cái biên giới mỏng mảnh nằm giữa vẫn còn. Chỉ cần anh cúi sát thêm vào đôi vai nàng. Chỉ cần vòng tay anh khép lại thêm. Chỉ cần nàng ngả đầu thêm vào vai anh. Chỉ cần nàng nằm yên trên giường thêm. Thêm một tí nữa, một tí nữa thôi, tất cả sẽ bị phá vỡ. Ban đêm nằm ngủ, trằn trọc với mùi hương hoa phảng phất, với những ý nghĩ vẩn vơ, với sự thúc dục của một cơ thể đang hồi sung mãn, anh định vượt qua mọi giới hạn ngày hôm sau. Nhưng lạ thật, anh yếu bóng vía, vẫn không làm được, vẫn đứng yên bên này lằn ranh.

Có lần, tập đánh vần xong một đoạn báo, nàng nằm xuống giường nhắm mắt, áo quần hở hênh, để lộ khoảng bụng trắng ngần. Tự nhủ đó là một tín hiệu mời gọi tích cực, anh lân la đến ngồi xuống gần bên, tay anh bóp cánh tay nàng lần lên phía vai, đầu cúi xuống chiếc ngực phập

phồng. Anh cúi xuống, cúi xuống, trái tim anh đập thình thịch trong lồng ngực như muốn vỡ tung. Đúng lúc đó, nàng mở mắt, tay đỡ nhẹ đầu anh, rồi ngồi dậy mỉm cười, bước đến bàn tiếp tục đánh vần.

Nàng ít đề cập đến đời sống của nàng hiện tại. Anh có hỏi han chuyện này, chuyện nọ, nàng chỉ cười buồn, khuôn mặt như chùng xuống, tối đi. Gần nàng, thay vì hiểu rõ nàng, thì anh lại thấy nàng bí ẩn và khó hiểu thêm. Càng ngày nàng càng thu mình vào trong cái vỏ bọc. Càng ngày càng tự nhiên nhưng nghiêm trang, đứng đắn hơn. Anh sốt ruột muốn chấm dứt kiểu thầy trò bất đắc dĩ này. Các buổi học dần dần đâm ra đơn điệu, lạnh lùng. Hưng thấy chán nản. Những ý tưởng háo hức ban đầu cơ hồ như tan biến.

Một hôm, nàng điện thoại báo nàng sẽ xuống, anh lạnh lùng:

- Anh mệt.

- Anh đau à?

- Không, mệt.

Anh gác máy đột ngột. Một lát, anh nghe tiếng gõ cửa. Anh uể oải đứng dậy mở cửa. Miên Tâm xuất hiện trong cái "rốp" ngủ, bên ngoài thêm chiếc áo khoác. Nàng nhìn anh chăm chú:

- Anh đau hay giận em?

Anh trả lời hờ hững:

- Anh nói rồi. Mệt!

- Anh không muốn em vào à?

- Anh muốn nằm nghỉ một lát.

Khuôn mặt nàng đột nhiên tối lại, đôi mắt nhìn xuống, tay vân vê tà áo khoác. Nàng bước đến gần anh, đưa tay đặt lên vai anh, cười buồn:

- Thì thôi, em về.

Nàng quay ra, khép nhẹ cửa phòng. Anh nhìn theo, muốn gọi nàng một tiếng, nhưng lại thôi.

Lần học kế, Miên Tâm không đến. Anh tự nhủ thôi thế cho xong. Chấm dứt là vừa. Anh cũng đã có lòng với nàng lắm rồi. Vả lại, anh bận bịu quá. Thì giờ anh dành cho nàng, thực ra là cắt xén từ cuộc sống tất bật của anh. Để đổi lấy được gì? Chẳng có gì.

Nhưng hai ba ngày sau, đột nhiên anh thấy trống rỗng. Anh ngờ rằng mình mệt thật. Không phải. Ngẫm nghĩ một hồi, anh mới chợt nhận ra một cách sâu sắc rằng, tất cả chỉ vì thiếu tiếng gọi của Miên Tâm, thiếu bóng của nàng. Những giờ rảnh rỗi chợt vô duyên lạ lùng. Có nàng: hơi thở, nụ cười, bước chân, tiếng mở cửa, tiếng đánh vần, dáng nằm dài trên nệm, mùi hương phấn... Có nàng, anh quá bận bịu. Vắng nàng, anh thấy giờ giấc thừa ra, dằng dặc. Anh đã khước từ, đã đuổi nàng, đã mệt mỏi, chán nản. Anh tham lam, ích kỷ. Thiện chí lúc đầu của anh đã biến thành một thứ ham muốn khác. Anh muốn ôm nàng, hôn nàng, anh muốn, anh muốn...

Nhiều lần, anh ngồi bật dậy, mở cửa, leo lên tầng bảy, bước dọc theo hành lang. Các cửa phòng đóng kín. Anh chẳng biết nàng ở đâu. Anh quả tệ thật. Nàng lầu bảy, anh lầu năm. Chỉ có mấy phút đi bộ. Thế mà chẳng biết tìm nàng ở đâu, khi cần. Chán nản, anh vào thang máy, xuống tầng một, vẩn vơ đứng nhìn con đường, bãi đậu xe, khu ngân hàng tấp nập. Mùa thu, lá rụng đầy. Gió thổi rào rào, dồn những đám lá vàng lại từng chòm rồi đẩy chúng tung ra khắp nơi. Anh buồn bã trở về phòng nằm xuống, bâng khuâng nhớ tiếc bồi hồi. Anh mong tiếng reo điện thoại. Anh mong nàng đến.

Chừng một tuần sau, Miên Tâm gọi:

- Thế nào, hết giận chưa anh?

Anh hấp tấp:

- Có giận gì đâu. Em xuống liền chứ?

Giọng nàng ngập ngừng:

- Chưa được...

- Giờ anh đang rảnh. Em xuống nhé?

- Không... Mà này, anh nghỉ làm một bữa được không?

- Để làm gì?

- Anh đưa em đi chơi, được không?.

Anh ngạc nhiên:

- Đi chơi?

- Thì đi chơi. Đi ra ngoài chơi cho vui. OK?

- Ờ... ờ, tất nhiên là OK. Em xuống đây rồi đi hay sao?

- Hiện em không ở nhà. Anh đến đón em ở góc đường Queen và King, Family Health Hospital. Lúc hai giờ. OK? Em mặc áo màu đỏ. Như lần đầu gặp nhau.

- OK.

Anh mừng quýnh.

Anh đến chỗ hẹn đúng hai giờ. Một lát sau, anh thấy chiếc áo đỏ xuất hiện trong sân Family Health Hospital. Đúng là Miên Tâm. Anh ngạc nhiên khi nhìn thấy nàng đẩy chiếc xe chở trẻ con. Đến bên xe, nàng cười chào rồi lẳng lặng mở cửa sau, xếp gọn chiếc xe lại, mang xe và một đứa bé nằm trong đó lên xe anh. Anh tắt máy, quay lui nhìn. Đứa bé khoảng một, hai tuổi, tóc hoe, lăn quăn, da nâu phơn phớt. Không đợi hỏi, Miên Tâm nói ngay:

- Con em.

Anh giật thót mình, sửng sốt nhìn chăm nàng,

không chớp mắt. Nàng cúi xuống đắp chiếc chăn nhỏ lên ngực, lấy bình sữa đút nuốm vào miệng đứa bé. Âu yếm và thành thạo. Đứa bé vừa bú vừa cựa quậy, mắt nhìn láo liêng. Anh có cảm giác ngộp thở, muốn hỏi một câu, nhưng không thốt lên được. Phải vài ba phút sau, anh mới lên tiếng, giọng run run:

- Con em! Em không đùa chứ. Trai hay gái vậy?

- Gái.

- Mấy tuổi rồi?

- Mười bốn tháng.

Anh im lặng. Nàng cũng im lặng. Một lát, nàng gài seat-belt cho đứa bé, giục:

- Thôi đi, anh.

Anh nhìn nàng, bối rối không biết phải xử sự thế nào.

- Đi đâu? Anh hỏi, giọng khô khốc.

Nàng nhìn ra ngoài cửa xe:

- Một nơi nào ngoài thành phố. Em muốn tâm sự đôi điều với anh.

Anh muốn từ chối, đi về. Nhưng nghĩ lui nghĩ tới thấy không ổn, anh gài số, lái xe đi. Anh chạy vòng vèo bất định, đầu óc lang bang với những ý nghĩ không đâu. Cảm giác muộn phiền, tấm tức cấu xé trong lòng. Miên Tâm ngồi bất động, mặt nhìn thẳng phía trước. Ra khỏi thành phố, anh hỏi:

- Đi đâu?

- Tùy anh, em chẳng biết chỗ nào ở vùng này cả.

Anh lái về hướng Green Hill. Đó là một công viên lớn ở ngoại ô, nằm kế bìa rừng. Chung quanh là những ngọn đồi nhỏ và khu rừng thưa. Mùa thu, các thứ lá đổi màu khiến tất cả trở thành một rừng màu sắc trông như hoa nở mùa xuân. Lá tím, lá vàng, lá đỏ, lá nâu, lá hồng... Mỗi lá là một bông hoa. Gió từ phương Bắc ào về từng đợt, len lỏi qua các khu rừng, khua động không gian bằng một thứ âm thanh rào rào bất tận, dấy lên trong lòng người cảm giác u hoài, mênh mang khó tả. Lá rụng từng đợt. Lá phủ kín bãi cỏ, mặt đất. Thỉnh thoảng, gió thổi tới, rồi như chạm phải một bức tường cản đâu đó, xoay ngược trở lại cuốn thốc từng khối lá trên mặt đất bay tung tóe lên các cành cây rồi la đà rơi xuống.

Anh đậu xe, mở cửa đứng nhìn sững các khu rừng. Gió phơn phớt lạnh. Bầu trời thấp hẳn, tưởng chừng như chạm phải các ngọn cây qua một lớp mây màu tro nhạt phủ kín. Anh chợt nhớ câu thơ của Nguyễn Du: "Rừng phong thu đã nhuốm màu quan san." "Màu quan san" là màu gì anh không hiểu, nhưng âm thanh của nó gợi lên một cái gì bâng khuâng, man mác. Anh chợt thâm cảm hết ý nghĩa của chữ "rừng". Rừng là nhiều, nhiều quá, bất tận. Mùa thu đậm nét bởi rừng cây đổi màu. Không, rừng lá. Đúng ra, phải nói là rừng hoa muôn màu muôn vẻ. Tháng sau, có thể là vài tuần sau, lá sẽ rụng. Rụng sạch. Biến mất. Y như thể chưa bao giờ có lá, để lại những cành cây trơ trụi, chơ vơ hứng chịu mùa đông tuyết giá.

Miên Tâm đụng khẽ vào vai anh. Anh quay lại, thấy nàng run rẩy sau chiếc áo khoác. Anh nói bâng quơ:

- Gió nhiều quá.

Anh nhìn vào xe. Đứa bé đã ngủ say, hồn nhiên. Con nàng đó sao! Nhìn nó, anh thấy khó chịu.

- Ngủ rồi à? Nhanh thế.

- Vâng. Nó dễ tính lắm.

- Không ẫm theo sao?

- Sao mà ẫm được. Gió lạnh thế này mà. Nó vẫn quen ngủ thế, hai ba tiếng đồng hồ mới thức dậy. Để nó đó, ta đi chơi một lát đi anh. À, sao anh không mặc áo khoác. Một lát lạnh, cảm chết! Anh có mang theo không?

- Không.

- Thôi được, khoác chung với em.

Nàng mở rộng áo, khoác một nửa lên vai anh, cầm tay, giục:

- Thôi đi.

Anh im lặng, thọc hai tay vào túi quần, bước đi. Hai người đi qua một bãi cỏ rộng có những cụm hoa hồng trồng cách quãng đều đặn. Lá từ trong rừng bay ra, vần vũ quanh hai người, đuổi nhau trên những ngọn cỏ. Đi ngang bức tượng đặt chính giữa khu công viên, nàng hỏi:

- Em thấy có hai chữ Việt Nam, phải không anh?

- Ừ, đài kỷ niệm các chiến binh Mỹ trong tiểu bang đã chết ở Việt Nam.

Miên Tâm bùi ngùi:

- Ở đây yên lành thế, lại sang Việt Nam mà chết!

Anh bật cười:

- Còn mình đang ở Việt Nam thì lại tới đây mà sống.

Đến một cái hồ nằm gần chính giữa khu công viên, anh dẫn nàng lên chiếc cầu nhỏ nối với cụm kiến trúc ở giữa hồ. Chính giữa là ngôi nhà có mái ngói cong cong, chung quanh là các tảng đá lớn, vài khóm hoa, một tượng phụ nữ khỏa

thân. Loáng thoáng có đôi ba nét đồng phương ẩn khuất đâu đó. Hồ rộng, bờ nước tiếp giáp với các ngọn đồi và rừng ở xa xa. Nước trong vắt, lặng lờ. Anh và Miên Tâm ngồi ở chiếc ghế khuất sau một tảng đá lớn, tránh gió. Anh gỡ áo khoác ra, nhìn nàng, đổi cách xưng hô:

- Cô kể chuyện đi.

Nàng choàng áo trùm kín hai vai, hay tay thu vào lớp áo trước ngực, ngước nhìn anh:

- Em xin lỗi đã không nói trước với anh là em đã có chồng.

Đã biết từ nãy giờ, nhưng khi nghe nàng nói hai chữ "có chồng", anh cảm thấy khó chịu. Anh hỏi, không giấu vẻ mỉa mai:.

- Lại là chồng ngoại quốc. Mỹ hay "xì" vậy?

- Anh ấy người Jamaica.

- Vẫn còn ở với cô chứ?

- Vâng, tụi em vẫn ở với nhau.

- Nghĩa là thời gian vừa qua, khi cô xuống gọi là học với tôi, anh ta ở đó với cô, tầng bảy.

- Vâng.

- Trời!

Chữ "vâng" của nàng làm anh ngột thở. Nghĩ lại những lần hai người ở chung trong phòng, anh rùng mình. Anh nhìn nàng, gằn giọng:

- Cô liều lĩnh thật. Cô muốn hại tôi. Lỡ ra anh ta biết thì có phải là họa cho tôi không?

Miên Tâm cúi đầu:

- Em biết. Nhưng em với anh đâu có làm gì không tốt.

- Ừ, thì đúng là không có gì! Nhưng ai mà tin được. Nếu thằng chồng cô mà biết thì... thì... tốt hay không tốt, anh ta cũng...

Anh ngừng lại, không dám nói tiếp. Miên Tâm im lặng, nét mặt bần thần. Một lát, nàng phân bua:

- Không phải em liều. Em chỉ xuống anh khi nào anh ấy đi làm. Nhưng... nhưng mà, nghĩ lại, đúng là liều thật. Nhưng biết làm sao được. Em thích học tiếng Việt. Em thích chơi người Việt. Em thích...

Anh nhìn thẳng vào mắt nàng:

- Thiếu gì người Việt ở Mỹ. Vậy trước đây hai người ở đâu?

- Thú thật với anh, anh ấy không muốn cho em tiếp xúc với người Việt. Anh ấy sợ... sợ... mất em.

Anh hỏi:

- Ghen à?

- Vâng, anh ấy ghen với người Việt, vì cho rằng nếu em quan hệ nhiều với người Việt Nam, em sẽ bỏ anh ấy.

Anh gục gặc đầu tỏ ý hiểu. Nàng tiếp:

- Mấy năm rồi, từ khi lấy nhau, anh ấy cứ đem em đi loanh quanh, hết bang này đến bang khác, vừa để tìm việc làm, vừa để em không có cơ hội quen biết thân mật với người Việt.

Nhớ đến những lúc Miên Tâm nói vòng vo khi trả lời những câu hỏi của anh, anh ngớ ra, chép miệng:

- À, ra thế. Đúng là *special circumstance!* Hoàn cảnh đặc biệt.

Nàng cúi đầu, rút tay ra khỏi ngực, vân vê tà áo. Một cử chỉ rất là Việt Nam, anh nghĩ. Nàng vẫn thường ăn nói, cử động tự nhiên như con gái Mỹ, nhưng giờ này, nàng có hơi khác. Ngượng nghịu, e ấp như một buổi hẹn hò đầu đời. Anh hỏi:

- Cô yêu anh ta?

- Không, em không yêu.

- Không yêu sao lại lấy nhau, lại có con. Bị cưỡng ép?

- Không.

Nàng chợt thổn thức:

- Em nói rồi, em cô đơn. Hồi đó, chẳng có ai ngoài anh ấy đến với em...

Nàng lấy giấy chậm đôi mắt, đứng dậy, bước quanh, rồi trở lại. Nàng nhìn anh, khuôn mặt bình tĩnh lại:

- Em sang đây lúc mới tám tuổi, như anh biết. Lúc đầu, em ở chung với gia đình mà cha mẹ em gửi em theo, rồi sau ở chung với một người bà con xa. Không ai tử tế với em cả. Họ chỉ muốn lợi dụng em. Họ ăn bớt tiền trợ cấp. Họ dọa nạt em. Họ bắt em làm việc. Nhiều lần, em trốn đi nhưng không biết ở đâu, đành phải về lại với những người mà em hết sức căm ghét.

Nàng ngừng nói, đôi mắt nhìn xa như cố hình dung lại những gì trong quá khứ. Một lát, nàng tiếp:

- Ở trong trường, em không có bạn. Em là người Á châu duy nhất. Bọn học sinh trong trường chẳng cần biết em là ai, chúng chỉ gọi em là Asian và khinh ghét em ra mặt. Chỉ có Garcia là đến với em, giúp đỡ em.

- Garcia?

- Vâng, Garcia là chồng em.

Nàng gỡ mấy ngọn lá rơi vướng trên tóc, ném ra xa. Anh hỏi:

- Anh ta yêu cô lắm?

Miên Tâm cười gượng:

- Hình như thế.

Anh có cảm giác bực tức:

- Hình như? Đến giờ mà cô vẫn ỡm ờ với tôi.

Hai người yêu nhau, lấy nhau, có con với nhau. Anh ta đi đâu, cô theo đó. Vậy cô tìm đến tôi để làm gì? Chỉ có một câu trả lời: cô muốn hại tôi.

Miên Tâm bối rối nhìn anh, nét mặt tràn đầy ân hận. Nàng cầm tay anh, bấm nhẹ vào lòng bàn tay, nói:

- Em biết anh giận. Nhưng em nói thật, anh có quyền tin hay không tin. Em muốn yêu một người Việt Nam, nhưng em lại chẳng quen một người Việt Nam nào cả.

Khuôn mặt nàng trở nên u ám:

- Em đã trải qua tuổi thơ, mà người ta cho là đẹp nhất đời, không cha, không mẹ, không bà con, không bạn trai, không bạn gái. Em không biết yêu. Có ai đâu để em yêu!

Anh hỏi:

- Garcia yêu cô thế, sao cô bảo không có ai?

Nàng nhìn vào mắt anh:

- Vâng, Garcia yêu. Nhưng nói anh đừng cười, Garcia rất kém tiếng Anh. Tụi em trò chuyện với nhau rất ít, vì Garcia không hiểu hết những gì em nói. Tụi em chỉ trao đổi vài ba câu thông thường trong đời sống hàng ngày, chứ chẳng có tâm sự gì được với nhau. Em nghĩ gì, thích gì Garcia chẳng hề biết. Tụi em ở với nhau như hai con thú...

Anh ngạc nhiên với cách dùng chữ khác thường của Miên Tâm:

- Hai con thú. Tôi không hiểu.

- Vâng, hai con thú. Chỉ có ăn, ngủ, nói chuyện trời mưa trời nắng vu vơ. Còn cái kiểu yêu của Garcia, em muốn nói, cái kiểu *make love* của Garcia... ghê quá!

- Ghê quá?

Nàng quay mặt đi. Hưng nhắc lại câu hỏi. Nàng ấp úng:

- Ghê quá là dữ dội... là... Garcia đêm nào, ngày nào cũng bắt em xem phim sex, rồi thì là... dày vò em, bắt em chìu ...đủ kiểu. Em sợ...

Nàng ôm mặt. Đột nhiên, anh thấy Miên Tâm nhỏ bé, tội nghiệp quá. Anh hỏi, giọng nhẹ nhàng:

- Sao cô không bỏ đi?

- Đâu có dễ. Anh ấy ghen dữ dội. Nhiều lần, anh ấy dọa giết em nếu em bỏ anh ấy. Anh ấy khóa số điện thoại, không muốn cho ai gọi vào với em. Em như người tù.

Anh rùng mình. Anh nhớ lại cảnh Miên Tâm và anh ở với nhau trong căn phòng chỉ cách chỗ anh ta có hai tầng lầu. Nếu anh ta biết được, chắc cả hai không khỏi bị anh ta cho ăn đạn. Nghĩ đến đó, anh nổi da gà. Anh đứng dậy, lồng ngực ngột ngạt. Anh vươn vai, cố hít một hơi dài, nhìn quanh. Nếu anh ta đột nhiên xuất hiện đâu đây, anh chạy đâu cho thoát. Miên Tâm đứng dậy theo, bước đến bên anh. Anh tránh xa, nghiêm nét mặt:

- Đủ rồi. Tôi đưa mẹ con cô về.

Nàng ngước mắt nhìn anh:

- Còn sớm mà.

Anh gằn giọng:

- Cô còn muốn đẩy tôi vào tình cảnh kỳ quặc, nguy hiểm như thế này à?

- Cái gì nguy hiểm?

- Chồng cô chứ ai vào đây nữa.

Nàng chợt hiểu nỗi sợ hãi của Hưng. Nàng nói:

- Anh ấy đi New Hampshire rồi.

- Ai mà biết anh ta ở đâu. Vấn đề là tôi đã chở vợ anh ta đi chơi.

- Em biết chắc. Anh ấy đang ở New Hampshire.

Anh quay đi, không nói gì. Miên Tâm im lặng bước theo, cố nắm tay anh:

- Gió lạnh, Hưng à.

Nàng gọi tên anh, đầm thắm lạ lùng. Anh muốn rút tay ra, nhưng cuối cùng để yên. Anh rùng mình. Cơn gió tốc mạnh về phía anh. Miên Tâm xoay chiếc áo về một hướng, che kín hai người. Lá đổ rào rào chung quanh. Dưới tấm áo, nàng ôm vai anh, nép vào ngực anh. Hưng nghe hơi thở nàng ấm áp một bên. Hai người im lặng bước đi. Công viên chiều vắng ngắt. Mọi người có lẽ ở đâu trong các nhà máy, công sở. Chỉ đôi ba kẻ vô công rỗi nghề, bỏ học như anh, hoặc bỏ chồng như nàng lang thang ở đây.

Đến xe, mở cửa, anh thấy đứa bé vẫn còn nằm yên, ngủ ngon lành. Giờ nhìn nó, anh thấy tội nghiệp. Chẳng biết lớn lên, nó sẽ phải qua những nỗi bất hạnh nào.

Trên đường về, cả hai đều im lặng, mỗi người theo đuổi những ý nghĩ riêng. Trả hai mẹ con trước cổng Family Health Center, anh phóng xe rời xa như chạy trốn.

Như để bù lại số thì giờ đã phung phí một cách vô ích với Miên Tâm, Hưng lao đầu vào việc học và việc làm. Anh không ân hận, không phiền trách, nhưng cảm thấy như có cái gì hụt hẫng, có cái gì như chợt mất đi, mất hẳn. Nàng có lẽ vẫn còn ở tầng bảy, có lẽ hàng ngày vẫn đi vào thang máy, vẫn thỉnh thoảng mặc chiếc áo đỏ, nhưng anh có cảm tưởng như nàng đã đi xa, đã rời bỏ nơi này. Anh mở cửa phòng, bước vào thang máy, chẳng hề ngoái nhìn lui. Nàng chỉ còn là một kỷ niệm nhỏ trong đời anh, một vết

mực chợt vương trên tờ giấy trắng. Thỉnh thoảng anh tự hỏi có thể nào nàng còn gọi điện thoại cho anh? Mấy chữ Việt Nam anh dạy nàng có còn nhớ? Một tuần, hai tuần, ba tuần trôi qua kể từ ngày anh chở mẹ con nàng đi Green Hill.

Một hôm, nàng chợt gọi. Lúc ấy, đã khuya. Đang thiu thiu gần ngủ, anh ngồi bật dậy bắt điện thoại. Tiếng nàng hấp tấp:

- Anh vẫn còn đó. Em xuống bây giờ được không?

Anh cương quyết:

- Không. Xin để cho tôi yên. Đừng quấy phá tôi nữa.

Giọng nàng gấp rút qua tiếng thở hổn hển:

- Anh ấy đi rồi. Em muốn gặp anh một lần, trước khi... trước khi...

Anh hỏi vội:

- Trước khi gì?

- Trước khi em đi.

Anh giật mình:

- Đi? Đi luôn?

- Vâng, anh Hưng à. Không còn thì giờ nữa, em xuống nhé?

Nàng gác máy. Anh bâng khuâng giữ chiếc điện thoại trên tay, chẳng biết có nên mở cửa cho nàng vào hay không. Một lát, anh bỏ điện thoại xuống, đứng dậy, bật đèn. Tiếng chân nàng đã nghe loáng thoáng. Anh bước đến cầm nắm cửa, lòng trù trừ không dứt khoát. Nàng gõ cửa. Anh vặn chốt cửa, lòng hồi hộp. Nàng lách vào, nhìn anh cười buồn:

- Tưởng anh không mở.

Nàng bước đến ngồi trên giường anh. Anh gài cửa cẩn thận, ngồi cạnh bàn, nhìn nàng. Nàng mặc "rốp" ngủ màu xanh, hớ hênh, tóc dài xõa đầy hai vai và một phần khuôn mặt nhỏ nhắn. Hai tay nàng vòng trước ngực, bất động, buồn bã. Anh muốn nói một câu trách móc, than phiền nào đó, nhưng không được. Một lát, nàng ngẩng lên nhìn anh:

- Em đi, trong vài giờ nữa. Chẳng biết có còn gặp lại anh nữa không...

Anh hỏi:

- Chồng em đâu?

Nàng bật cười, nụ cười khô, gượng gạo:

- Anh đừng lo, anh ấy không có mặt ở đây. Anh đến hãng lo thu xếp một số công việc gì đó. Em chẳng muốn đem thêm rắc rối đến cho anh đâu. Nhưng...

Giọng nàng nghe khác đi:

- Nhưng... em buồn quá. Em sắp xa anh.

Nàng nhìn anh chới với:

- Anh đến với em đi...

Hai tay nàng dang ra, nước mắt long lanh. Anh bần thần đứng dậy, im lặng bước đến bên nàng. Nàng víu cổ anh xuống, ôm chặt lấy anh, đầu gục vào ngực anh, nức nở. Nước mắt thấm vào da anh, lành lạnh. Nàng ngẩng đầu lên, tay níu hai vai anh:

- Hôn em đi.

Anh chưa kịp phản ứng gì thì nàng đã vật anh xuống giường, hôn tới tấp. Nàng cắn. Nàng liếm. Nàng rờ rẫm. Hơi thở nàng nóng hổi. Anh nghe mùi tóc, mùi nước hoa, mùi da thịt nàng tràn trề trên người. Những nụ hôn và những ngón tay. Nàng thành thạo. Dữ dội. Cuồng nhiệt. Đắm đuối. Anh đờ đẫn, run rẩy, bàng hoàng, không biết phải làm gì. Tóc nàng rối tung. Cái áo ngủ gần như tuột hẳn xuống. Nàng thực quá quắc, anh nghĩ.

Một lát, chừng như thấy anh thụ động quá, nàng ngừng lại, hỏi anh qua hơi thở gấp:

- Anh không thích em?

Anh không trả lời, xoay người ôm chặt lấy nàng. Nàng đưa hai tay giữ lấy đầu anh, thì thào:

- Hưng, em muốn một kỷ niệm Việt Nam. Đừng trách em, tội nghiệp. Em muốn... em muốn... một chút mùi... mùi Việt Nam. Em muốn... *enjoy a little taste of Vietnamese*... Một chút hương... Việt Nam, một chút... một chút...

Hưng không để cho nàng nói nữa. Anh chồm lên người nàng. Như một con thú hoang. Không còn là một Hưng e dè, thận trọng nữa. Không còn Miên Tâm. Không còn Garcia. Không còn trời. Không còn đất. Hai sức trẻ quấn vào nhau như chưa từng. Một lần. Chỉ một lần thôi.

Căn phòng rung rinh. Chao đảo. Từng hồi.

Và rồi tất cả lắng xuống. Hai người nằm lặng lẽ nghe hơi thở của nhau.

Chợt nhìn đồng hồ, Miên Tâm ngồi dậy. Nàng mặc vội áo quần, kéo anh dậy, hôn nhẹ lên má anh, nói:

- Cảm ơn anh. Em phải về. *Bye bye*.

Nàng bước đi, dứt khoát. Khi đến cửa, nàng dừng lại, nhìn lui:

- Em không có gì đáng trách chứ?

Nàng mở cửa bước ra. Tiếng chân nàng xa dần.

Hưng nhìn xuống thân thể mình, ngẩn ngơ. Và chợt nhớ ra, anh chưa kịp nói gì với Miên Tâm cả.

(1995)

VĂN NGHỆ MỚI

trân trọng giới thiệu:

Mekong Dòng Sông Nghẽn Mạch ra mắt tháng 3/2007, nay sách có nhu cầu tái bản. Cùng với bản in lần này là một audiobook với giọng đọc thuần Nam bộ của Ánh Nguyệt, nhạc đệm của Đoàn Văn nghệ Dân tộc Lạc Hồng, phần hòa âm do Tuấn Thảo phụ trách. Năm 2007 đánh dấu nửa thế kỷ Liên Hiệp Quốc thành lập Ủy Ban Sông Mekong và cũng là Ngày Nước Thế Giới với chủ đề "Nạn Khan Hiếm Nước" diễn ra trên toàn cầu với những con sông đang cạn dòng trong đó có sông Cửu Long không là một ngoại lệ.

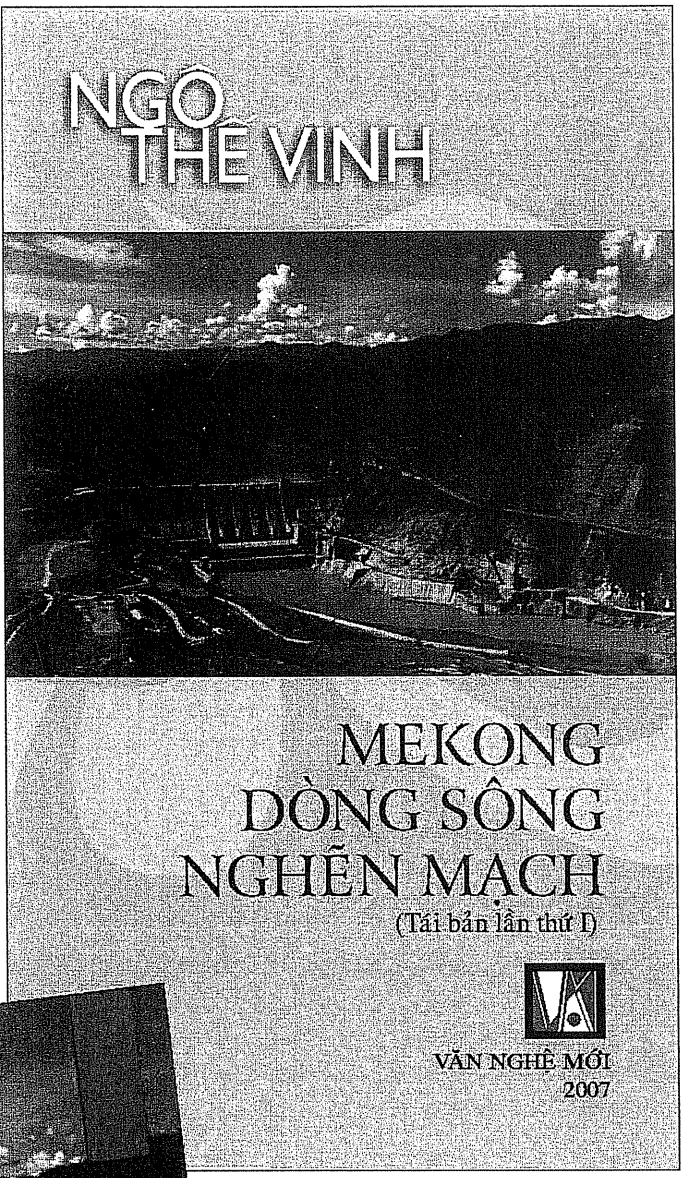

L/L Nhà xuất bản Văn Nghệ Mới
PO.BOX 3123
Seal Beach CA 90740. USA
Email: vanghemoi@gmail.com

Sách : 16MK
Audiobook: 16MK
Trọn bộ Sách / Audiobook: 30MK

Việt Satellite
www.vietsatellite.com
CHƯƠNG TRÌNH TV VIỆT NGỮ TRONG HỆ THỐNG DIRECTV CÓ 4 ĐÀI:
SBTN
VHN-TV
NFL SUNDAY TICKET
$69.99
($69.99/tháng cho 4 tháng)
FREE
4 THÁNG PREMIER
HURRY UP!!!
call
VIETSATELLITE
for detail
NFL
SUNDAY TICKET
VietnameseDirect™
$24.98
VietnameseDirect III™
$34.98
VietnameseDirect™
VietnameseDirect III™
DIRECTV PREFERRED CHOICE™ PACKAGE
$34.98
$44.98
$120 TIẾT KIỆM
$10 TRẢ LẠI TRÊN HÓA ĐƠN
HÀNG THÁNG TRONG 12 THÁNG
MIỄN PHÍ
CHƯƠNG TRÌNH TV VIỆT NGỮ TRONG HỆ THỐNG DIRECTV GỒM CÁC TIẾT MỤC NHƯ SAU:
TIN TỨC QUỐC NỘI, THẾ GIỚI, TIN TỨC CỘNG ĐỒNG, NHỮNG BÀI BÌNH LUẬN THỜI SỰ
CHÍNH TRỊ NÓNG BỎNG, CẢI LƯƠNG, PHIM BỘ HỒNG KÔNG & ĐẠI HÀN CHUYỂN ÂM TIẾNG VIỆT,
CHƯƠNG TRÌNH THIẾU NHI, EM HỌC TIẾNG VIỆT, Y HỌC, KHOA HỌC TRONG ĐỜI SỐNG ...
FREE CÔNG LẮP RÁP CHO 4 PHÒNG
VIET SATELLITE
An Authorized DIRECTV Dealer
1-800-581-3929
Mở cửa 7 ngày trong tuần
Chúng tôi có nhân viên lắp ráp trên toàn quốc Hoa Kỳ cho Các Cơ Sở Thương Mại và Tư Gia
DIRECTV